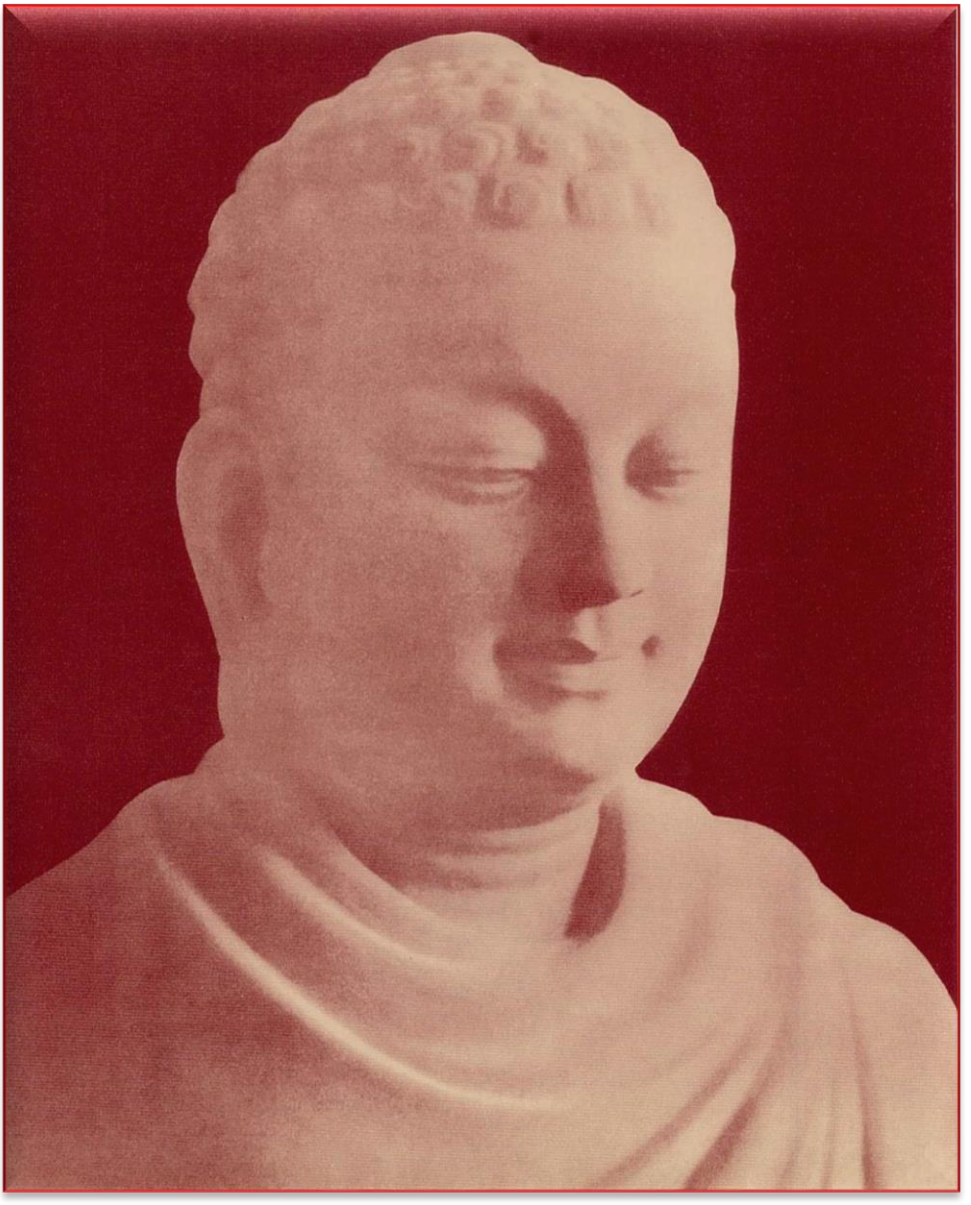

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 1

BỘ A-HÀM

I

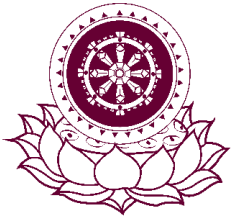

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

Lời Giới Thiệu

Ngày nay, có thể nói, đại đa số Tăng Ni và Phật tử Việt Nam đều nhận thấy, một bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Việt là nhu cầu hết sức bức thiết, vì hai lý do:

Thứ nhất, hầu hết các nước Phật giáo châu Á, kể cả Lào và Campuchia, đều đã có Đại Tạng Kinh riêng của họ, lẽ ra Phật giáo Việt Nam cũng đã phải có từ lâu rồi, nhưng cho đến nay vẫn chưa: điều này chứng tỏ Phật giáo Việt Nam đã thua kém Phật giáo các nước bạn rất xa. Đó là điều mà giới Phật giáo Việt Nam, đặc biệt giới xuất gia, cần quan tâm suy nghĩ.

Thứ hai, khả năng học tập, nghiên cứu Phật giáo trực tiếp qua Đại Tạng Kinh chữ Hán, có thể sẽ mỗi ngày một sút giảm dần; như vậy, nếu không có được bộ Đại Tạng Kinh chữ Việt hoàn chỉnh và gấp rút, thì e các thế hệ học Phật tương lai sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc nghiên cứu, học hỏi; và về lâu về dài, sự phát huy tinh thần Phật pháp ở Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng, nếu không nói bị hạn chế.

Chúng tôi nhấn mạnh, "Đại Tạng Kinh chữ Việt hoàn chỉnh", có nghĩa là trước nay ở Việt Nam tuy cũng đã có một số lớn kinh điển Hán văn được dịch sang chữ Việt rồi, nhưng số đó còn rời rạc, lẻ tẻ, chứ chưa được tổ chức thành hệ thống hẳn hoi cho đúng với danh nghĩa Đại Tạng Kinh như tạng chữ Hán, để truyền trì cho đời sau. Hơn nữa, "hoàn chỉnh" còn có nghĩa là Đại Tạng Kinh chữ Việt phải gồm đủ Kinh, Luật, Luận và những tác phẩm chú thích, sớ giải v.v... của các bậc Tổ sư tiền bối cũng như của các học giả cận đại.

Nay, chúng tôi được biết, Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh –Tiến sĩ Triết học– hiện đang ở bên Đài Loan, phát nguyện đứng ra tổ chức phiên dịch và ấn hành Đại Tạng Kinh chữ Việt. Hòa thượng đã hoạch định một chương trình phiên dịch và ấn loát quy mô, công việc đang được tiến hành một cách thuận lợi và đều đặn. Chúng tôi vô cùng hân hoan và xin nhất tâm tùy hỷ.

Nhưng đây là sự nghiệp lớn lao, công đức cũng vô lượng, không phải sức của một người có thể chu toàn được, mà phải cần sự hỗ trợ của nhiều người. Cái khó trước kia là ở chỗ đã chưa có ai đề xướng và đứng ra gánh vác trách nhiệm, cho nên dù có người muốn hỗ trợ cũng không biết hướng về đâu. Thì nay đã có Hòa thượng Tịnh Hạnh, tương đối đủ năng lực và điều kiện, đứng ra cán đáng công việc to lớn này, nên chúng tôi chí thành tha thiết thỉnh cầu chư tôn Hòa thượng, chư Đại đức Tăng

Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, hãy phát đại tâm hộ trì Phật pháp, giúp đỡ Hòa thượng Tịnh Hạnh bằng hai cách:

– Tích cực tham gia công trình phiên dịch, hiệu đính, chứng nghĩa, góp ý v.v...

–Hỗ trợ tài chính, tùy theo khả năng, cho công trình ấn loát, xuất bản v.v...

Đây là việc chung, có ảnh hưởng rất lớn đối với tiền đồ Phật giáo Việt Nam, chúng tôi ước mong quí vị sốt sắng tham gia, để phúc quả to tát này mau được viên mãn.

Sự nghiệp phiên dịch và xuất bản Đại Tạng Kinh chữ Việt, khi được hoàn thành, sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển nền văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời, giúp nâng cao địa vị của Phật giáo Việt Nam lên ngang tầm địa vị của các nước Phật giáo trên thế giới.

Nguyện cầu chư Phật, Bồ-tát, Thánh tăng, Hộ pháp thiện thần gia bị cho Hòa thượng Tịnh Hạnh và toàn thể quí vị Mạnh thường quân hộ trì Chánh pháp mau thành tựu đại nguyện.

Nam mô Hộ Pháp Chư Thiên Bồ-tát tác đại chứng minh.

Sài Gòn ngày 16 - 12 - 1998

Hội đồng Chứng minh

Lời Nói Đầu

Ba tạng giáo điển là kho tàng của trí tuệ Bát-nhã, là chìa khóa của sự thành tựu đạo nghiệp. Hơn mười ba thế kỷ trước, thấu triệt lẽ này, Đại sư Huyền Tráng đã phát đại hùng tâm phiên dịch kiện toàn ba tạng giáo điển, giúp Trung Quốc hồng phước sở hữu Trung văn Đại Tạng Kinh.

Trải năm mươi năm ấp ủ một hoài bão tương tự, mãi đến ngày nay, chúng tôi, mới tạm hội đủ nhân duyên để thực hiện bộ Việt tạng; thành tựu ấy chẳng thể, chẳng phải do một cá nhân: nó là thành quả của một công đức cộng đồng, do nhiều trái tim, bộ óc hợp lại.

Xưa kia, sự hiện diện của Hán tạng đã góp phần to lớn vào sự nghiệp nâng cao đời sống văn hóa, tâm linh của Trung Hoa, giúp nước này đủ sức mạnh gốc rễ để đứng vững trước bao phong ba, thử thách. Nhận định về điều này, ông Phùng Hữu Lan, giáo sư Viện đại học Bắc kinh đã viết:

"Vào thời đại Nam Bắc triều, giới tư tưởng Trung Quốc lại có sự chuyển mình lớn lao. Bởi vì lúc đó tư tưởng Phật giáo truyền vào Trung Quốc có hệ thống, người Trung Quốc đối với Phật giáo cũng thâm nhập hiểu được những huyền diệu sâu xa. Từ đó cho đến thời sơ diệp nhà Tống, những người có tư tưởng lỗi lạc nhất của Trung Quốc đều là những người nghiên cứu tư tưởng đạo Phật (khoảng năm sáu trăm năm). Tư tưởng Phật giáo vốn là sản vật của Ấn Độ nhưng được người Trung Quốc giảng giải, phần nhiều đem tư tưởng đó thâm nhập vào khuynh hướng tư tưởng người Trung Quốc, biến thành tư tưởng Phật giáo của Trung Quốc." *

Sự hiện diện của Việt tạng đối với dân tộc ta đương nhiên cũng là như thế.

Về mặt nội dung, Việt tạng tiếp nạp cả Đại tạng Bắc truyền và Đại tạng Nam truyền. Về phần Đại tạng Bắc truyền, quan trọng nhất được chọn từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Tục Tạng Kinh...; thêm vào những sắc thái đặc biệt của Đại tạng Tây Tạng, Nhật Bổn; những văn bản tư tưởng Phật giáo của các vị Cao tăng học giả Đông, Tây cận đại và hiện

---

** Trung Quốc Triết Học Sử, trang 661, xb. 1970 tại Đài loan:*
"Nam Bắc triều thời, Trung Quốc tư tưởng giới hựu hữu đại biến động. Cái ư thị thời Phật giáo tư tưởng hữu hệ thống đích du nhập, nhi Trung Quốc nhơn đối chi diệc năng hữu thậm thâm liễu giải. Tự thử dĩ hậu, dĩ chí Tống sơ Trung Quốc chi đệ nhất lưu tư tưởng gia, giai vi Phật học gia. Phật học bổn vi Ấn Độ chi sản vật, đản Trung Quốc nhơn giảng chi, đa tương kỳ gia nhập Trung Quốc tư tưởng chi khuynh hướng, dĩ sử thành vi Trung Quốc chi Phật học."

đại: tất cả vào khoảng một ngàn tập, mỗi tập dày một ngàn trang khổ 17 x 24 cm, như quý vị đang có trước mắt.

Chỉ nói sơ qua, đã mường tượng được công việc thực hiện Việt tạng là khó khăn như thế nào. Thử liếc nhìn qua nước Nhật Bổn chẳng hạn: chỉ mỗi phần việc biên tập tu đính dành cho bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (vì toàn bộ Đại Tạng Trung văn và Đại Tạng Nhật Bổn đã hoàn thành từ lâu), do hai học giả Phật giáo lỗi lạc của Nhật Bản là Cao Nam Thuận Thứ Lang (Junjiro Takakusu) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe) chủ trì, cùng với sự cộng tác của nhiều học giả Phật giáo và Đông phương học mà phải cống hiến ròng rã mười ba năm trí tuệ tâm huyết, mới tạm gọi là hoàn chỉnh.

Việc đã đành là khó, ngàn khó vạn khó, nhưng lẽ nào thấy khó mà không làm. Tự lượng sức mình có hạn, nhưng vì mỗi chút lòng thao thức cho sinh mệnh, tiền đồ của Phật giáo và dân tộc Việt Nam, chúng tôi đã mạo muội đứng lên khởi xướng, những mong một gọi nghìn thưa: mỗi Phật tử người Việt, xin ý thức trách nhiệm của mình, tự nguyện góp phần công đức vào sự nghiệp thực hiện bộ Việt tạng này, chẳng những là một phương tiện thù thắng để hoằng dương Chánh pháp, mà còn là đối với nền văn hóa dân tộc được cống hiến vô cùng sâu rộng, cũng xứng đáng là một tôn giáo đã có mặt trên đất nước Việt Nam ngót hai ngàn năm lịch sử.

Hôm nay Việt tạng bắt đầu xuất bản, vì là lần đầu, mặc dầu chúng tôi cố gắng đến mức tối đa, nhưng chắc cũng khó tránh khỏi những khuyết điểm về hình thức lẫn nội dung; hy vọng những vị cao kiến chỉ dạy để kịp thời sửa lại trong những tập sau cũng như lần tái bản. Ở đây chúng tôi xin ghi ơn những vị tiền bối đã âm thầm góp sức, cũng như nhiều vị phụng hiến trí tuệ và mồ hôi qua sáu năm và những ngày sắp tới vào công việc gian lao này. Sau hết, không quên cảm ơn Chính phủ Việt Nam trong thời gian qua, đã dành cho chúng tôi nhiều sự dễ dàng trong khi thực hiện Đại Tạng Kinh chữ Việt.

Kính chúc Quý vị vô lượng cát tường.

Viết tại chùa Pháp Bảo Quận THỦ ĐỨC
Ngày 06 tháng giêng năm Canh thìn
P.L: 2544 (2000)
Sa môn THÍCH TỊNH HẠNH

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ BÁT NHÃ 1 – T018

SỐ 220 3
KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA 3
QUYỂN 1 3
PHẨM 1: DUYÊN KHỞI (1) 3
QUYỂN 2 18
PHẨM 1: DUYÊN KHỞI (2) 18
QUYỂN 3 39
PHẨM 2: HỌC QUÁN (1) 39
QUYỂN 4 56
PHẨM 2: HỌC QUÁN (2) 56
PHẨM 3: TƯƠNG ƯNG (1) 68
QUYỂN 5 74
PHẨM 3: TƯƠNG ƯNG (2) 74
QUYỂN 6 93
PHẨM 3: TƯƠNG ƯNG (3) 93
QUYỂN 7 116
PHẨM 3: TƯƠNG ƯNG (4) 116
PHẨM 4: CHUYỂN SINH (1) 126
QUYỂN 8 133
PHẨM 4: CHUYỂN SINH (2) 133
QUYỂN 9 150
PHẨM 4: CHUYỂN SINH (3) 150
QUYỂN 10 167
PHẨM 5: KHEN NGỢI CÔNG ĐỨC THÙ THẮNG 167
PHẨM 6: HIỆN TƯỚNG LƯỠI 173
QUYỂN 11 183
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (1) 183
QUYỂN 12 199
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (2) 199
QUYỂN 13 214
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (3) 214
QUYỂN 14 232
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (4) 232
QUYỂN 15 253

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (5) 253
QUYỂN 16.....276
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (6) 276
QUYỂN 17.....293
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (7) 293
QUYỂN 18.....317
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (8) 317
QUYỂN 19.....350
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (9) 350
QUYỂN 20.....380
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (10) 380
QUYỂN 21.....412
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (11) 412
QUYỂN 22.....446
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (12) 446
QUYỂN 23.....480
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (13) 480
QUYỂN 24.....503
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (14) 503
QUYỂN 25.....519
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (15) 519
QUYỂN 26.....536
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (16) 536
QUYỂN 27.....552
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (17) 552
QUYỂN 28.....570
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (18) 570
QUYỂN 29.....587
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (19) 587
QUYỂN 30.....606
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (20) 606
QUYỂN 31.....622
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (21) 622
QUYỂN 32.....640
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (22) 640
QUYỂN 33.....658
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (23) 658
QUYỂN 34.....675
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (24) 675

QUYỂN 35.....692
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (25).....692
QUYỂN 36.....709
PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (26).....709
PHẨM 8: KHUYÊN HỌC.....715
PHẨM 9: KHÔNG TRỤ (1).....726
QUYỂN 37.....730
PHẨM 9: KHÔNG TRỤ (2).....730
QUYỂN 38.....749
PHẨM 10: HÀNH TƯỚNG CỦA BÁT-NHÃ (1).....749
QUYỂN 39.....769
PHẨM 10: HÀNH TƯỚNG CỦA BÁT-NHÃ (2).....769
QUYỂN 40.....787
PHẨM 10: HÀNH TƯỚNG cỦa BÁT-NHÃ (3).....787
QUYỂN 41.....803
PHẨM 10: HÀNH TƯỚNG cỦa BÁT-NHÃ (4).....803
QUYỂN 42.....824
PHẨM 11: THÍ DỤ (1).....824
QUYỂN 43.....843
PHẨM 11: THÍ DỤ (2).....843
QUYỂN 44.....858
PHẨM 11: THÍ DỤ (3).....858
QUYỂN 45.....875
PHẨM 11: THÍ DỤ (4).....875
PHẨM 12: BỒ-TÁT (1).....887
QUYỂN 46.....892
PHẨM 12: BỒ-TÁT (2).....892
QUYỂN 47.....914
PHẨM 13: MA-HA-TÁT (1).....914
Quyển 48.....933
PHẨM 13: MA-HA-TÁT (2).....933
QUYỂN 49.....948
PHẨM 13: MA-HA-TÁT (3).....948
PHẨM 14: NÓI VỀ ÁO GIÁP ĐẠI THỪA (1).....955
QUYỂN 50.....965
PHẨM 14: NÓI VỀ ÁO GIÁP ĐẠI THỪA (2).....965

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 18

BỘ BÁT NHÃ
I

SỐ 220

(QUYỂN 1 → 50)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 220

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Trang.

HỘI THỨ I

QUYỂN 1

PHẨM 1: DUYÊN KHỞI (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở nơi đỉnh núi Thứu, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Bí-sô gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ, tất cả đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, phiền não không còn sinh khởi lại nữa, đạt được tự tại chân thật, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, như ngựa đã được thuần thục, cũng như rồng lớn, đã làm việc cần làm, đã xong việc cần xong, bỏ các gánh nặng, đạt được lợi mình, cắt các trói buộc, biết đúng đã giải thoát, đạt tâm tự tại, rốt ráo cùng tột. Chỉ có một mình A-nan-đà, mới chứng quả Dự lưu, còn ở trình độ cần phải tu học. Tôn giả Đại Ca-diếp-ba là Thượng thủ.

Lại có chúng Bí-sô-ni gồm năm trăm vị đều là A-la-hán; Đại Thắng Sinh Chủ là Thượng thủ. Lại có vô lượng Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, đều thấy được sự thật cao cả. Lại có vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát, tất cả đều chứng các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, an trụ trong các diệu lý Không, Vô tướng, Vô nguyện, đã chứng hạnh nhẫn nhục bình đẳng đối với các pháp, thành tựu bốn sự hiểu biết không chướng ngại, diễn thuyết bất cứ vấn đề gì đều biện luận không cùng, với năm loại thần thông, diệu dụng tự tại, đã chứng được trí tuệ, dứt sạch phiền não, vĩnh viễn không lui mất, ngôn hạnh oai nghiêm, người nghe đều cung kính làm theo, siêng năng dũng mãnh, từ bỏ biếng lười, bỏ hết của cải, không tiếc thân tướng, xa lìa kiêu mạn, từ bỏ dối trá, không nhiễm, không cầu. Tất cả vì chúng sinh mà diễn bày chánh pháp, chứng đắc sâu xa cùng tột hạnh nhẫn nhục

đối với các pháp, không còn điều lo sợ, tâm được thư thái, vượt các cảnh nghịch, thoát các nghiệp chướng, xua tan tất cả phiền não, giặc oán, dựng cờ chánh pháp, dẹp các tà thuyết, các hàng Thanh văn, Độc giác không thể so lường, vì các ngài đã đạt được sự tự tại đối với tâm, sự tự tại đối với pháp, đã cởi bỏ được sự trở ngại do việc làm sai lầm, sự ngu dốt triền miên, sự hiểu biết hạn hẹp. Chọn pháp tu hành, lý luận trình bày không gì là không thông suốt; thâm nhập nẻo pháp tu hành duyên khởi, sinh diệt, xa lìa sự hiểu biết lệch lạc, sự mê lầm dai dẳng, tháo bỏ các buộc ràng, trí tuệ thông đạt các chân lý cao cả; trải qua vô số kiếp luôn phát nguyện rộng lớn, dung mạo vui vẻ, trước hết thường nêu bày lời chỉ dẫn, xa hẳn mọi nhăn nhó bực dọc, nói năng dịu dàng hòa nhã, rất khéo khen ngợi, biện tài không vấp, ở giữa chúng đông thể hiện oai đức trang nghiêm bình tĩnh, tiến thoái tự tại, không gì sợ sệt, trăm ngàn ức kiếp khéo nói không cùng. Đối với các pháp môn tu hành luôn quán sát sâu sắc vạn pháp như huyễn ảo, như dợn nắng, như chiêm bao, như trăng đáy nước, như tiếng vang, như hoa đốm trên không, như ảnh tượng, như bóng sáng phản chiếu, như trò ảo thuật, như thành hư ảo, tuy đều là không thật, nhưng hiện ra giống như thật. Những bậc ấy luôn lìa bỏ tâm yếu hèn, thuyết pháp không sợ hãi, có khả năng làm theo và chứng nhập vô lượng pháp môn tu tập, biết được tâm tư và ước vọng của loài hữu tình, dùng trí tuệ siêu việt mà giáo hóa để giải thoát họ. Đối với các loài hữu tình, tâm của các ngài không hề vướng mắc, đạt đến mức cao nhất về khả năng chịu đựng, đối với diệu lý vô sinh của các pháp chứng nhập hoàn toàn, trí thấu đạt tánh bình đẳng của muôn vật, biết đúng như thật về tính chất sâu xa của các pháp tùy theo ước nguyện của chúng sinh, khéo léo hướng dẫn họ về nẻo giác ngộ, thường xuyên giảng thuyết phương pháp tu hành duyên khởi một cách khéo léo, đảm nhận nguyện lớn trong vô biên cõi Phật. Đối với vô số Đức Phật trong mười phương, các vị ấy đều giữ chánh niệm bình đẳng, thường thể hiện một cách gắn bó sâu xa. Các Đức Phật ra đời, các vị ấy đều sẵn sàng phụng sự tất cả, cũng luôn luôn cầu thỉnh chư Phật chuyển bánh xe chánh pháp, chưa vội nhập Niết-bàn, để hóa độ vô lượng chúng sinh, thường khéo khắc phục, diệt trừ các trói buộc do bám chặt vào sự hiểu biết lệch lạc và các lửa phiền não của tất cả loài hữu tình, chỉ trong giây lát, có thể dạo chơi qua trăm ngàn cảnh định, làm phát sinh vô biên công đức cao cả. Những Bồ-tát này, đều đầy đủ công đức vi diệu rộng lớn như vậy, dù trải qua vô lượng trăm ngàn ức đại kiếp khen ngợi cũng không thể hết. Tên của các ngài là: Đại Bồ-tát Hiền Thủ, Đại Bồ-tát Bảo Tánh, Đại Bồ-tát Bảo Tạng, Đại Bồ-tát Bảo Thọ, Đại Bồ-tát Đại Sư, Đại Bồ-tát Nhân Thọ, Đại Bồ-tát

Tinh Thọ, Đại Bồ-tát Thần Thọ, Đại Bồ-tát Đế Thọ, Đại Bồ-tát Quảng Tuệ, Đại Bồ-tát Thắng Tuệ, Đại Bồ-tát Thượng Tuệ, Đại Bồ-tát Tăng Trưởng Tuệ, Đại Bồ-tát Vô Biên Tuệ, Đại Bồ-tát Bất Hư Kiến, Đại Bồ-tát Vô Chướng Tuệ, Đại Bồ-tát Thiện Phát Thú, Đại Bồ-tát Thiện Dũng Mãnh, Đại Bồ-tát Cực Tinh Tấn, Đại Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Đại Bồ-tát Thường Gia Hạnh, Đại Bồ-tát Bất Xả Ách, Đại Bồ-tát Nhựt Tạng, Đại Bồ-tát Nguyệt Tạng, Đại Bồ-tát Vô Tỷ Tuệ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Đắc Đại Thế, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường, Đại Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Đại Bồ-tát Tồi Ma Lực, Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, Đại Bồ-tát Thường Cử Thủ, Đại Bồ-tát Đại Bi Tâm, Đại Bồ-tát Đại Trang Nghiêm, Đại Bồ-tát Trang Nghiêm Vương, Đại Bồ-tát Sơn Phong, Đại Bồ-tát Bảo Phong, Đại Bồ-tát Đức Vương, Đại Bồ-tát Từ Thị... đại thể là có vô lượng trăm ngàn vô số Đại Bồ-tát như vậy, đều là con của Đấng Pháp Vương, có khả năng tiếp nối ngôi vị Phật, làm bậc Thượng thủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trên tòa sư tử, tự trải tọa cụ, an tọa trong tư thế kiết già, thẳng lưng chánh niệm, an trú trong niệm hiện tại, vào định Vương diệu, các định khác đều được thu nhiếp trong định này, vì đấy là chỗ lưu xuất của tất cả các định.

Khi ấy, Đức Thế Tôn, biết đúng, nghĩ đúng, từ định Vương diệu, khoan thai đứng dậy, dùng Thiên nhãn thanh tịnh, quán sát thế giới chư Phật trong mười phương, toàn thân thư thái, từ nơi tướng bánh xe ngàn căm dưới hai lòng bàn chân, phóng ra sáu mươi trăm ngàn vô số hào quang, rồi từ mười ngón chân, hai mu bàn chân, hai gót chân, bốn mắt cá chân, hai ống quyển, hai đầu gối, hai bắp vế, cạnh sườn, bụng, lưng, giữa rốn, chữ đức ở ngực, hai vú, hai nách, hai vai, hai khuỷu tay, hai cánh tay, hai cổ tay, hai tay, hai bàn tay, mười ngón, hai mắt, hai tai, bốn mươi răng... cho tới tướng lông xoắn giữa mày... nói chung là mỗi mỗi bộ phận trên thân, đều phóng ra sáu mươi trăm ngàn vô số hào quang, mỗi hào quang này soi sáng cả thế giới ba lần ngàn[1], từ đó, lần lượt soi khắp vô

---

1. *"Thế giới ba lần ngàn" được dịch từ "Tam thiên đại thiên thế giới", là vũ trụ quan của người Ấn độ xưa. Nghĩa là núi Tu-di ở chính giữa, bốn châu lớn và chín núi tám biển bao bọc chung quanh gọi là một thế giới nhỏ, trong đó bao quát mặt trời, mặt trăng, núi Tu-di, bốn vua trời, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thế… Thế giới này lấy số một lần ngàn làm cơ bản mà hình thành một ngàn cái thế giới nhỏ, một ngàn thế giới nhỏ tập thành một ngàn thế giới cỡ vừa, một ngàn thế giới cỡ vừa tập thành một ngàn thế giới cỡ lớn. Vì một ngàn thế giới cỡ lớn này là do ba thứ ngàn thế giới nhỏ, vừa, lớn hợp thành cho nên gọi là thế giới ba lần ngàn.*

số cõi Phật trong mười phương, trong ấy nếu có loài hữu tình nào gặp được ánh hào quang này, nhất định đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Rồi, tất cả lỗ chân lông của Đức Thế Tôn cũng đều thông hoạt và phát ra sáu mươi trăm ngàn vô số hào quang, mỗi hào quang ấy đều soi sáng cả thế giới ba lần ngàn, từ đó, lần lượt soi khắp vô số cõi Phật trong mười phương, trong ấy nếu có loài hữu tình nào gặp được hào quang này, nhất định đạt tới quả vị Giác ngộ cao tột.

Rồi, từ thân Đức Thế Tôn lại phát ra hào quang soi khắp cả thế giới ba lần ngàn, từ đó, một lần soi khắp vô số cõi Phật trong mười phương, trong ấy nếu có loài hữu tình nào gặp được hào quang này, nhất định đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại, từ miệng Đức Thế Tôn, phát ra tướng lưỡi rộng dài, che khắp cả thế giới ba lần ngàn, sắc diện tươi vui mỉm cười. Từ nơi tướng lưỡi rộng dài đó, tuôn ra vô lượng trăm ngàn vô số hào quang, với nhiều màu sắc, trong ấy, hiện lên đóa hoa sen báu, gồm đến ngàn cánh, đều là màu vàng ròng, có các báu trang nghiêm, phô bày đẹp đẽ, thật dễ ưa thích, mùi thơm ngào ngạt, xông tỏa cùng khắp, mịn trơn nhẹ nhàng, tiếp xúc liền dấy khởi niềm vui thanh thoát. Trong đài của các hoa, đều có Hóa Phật ngồi kiết già tuyên giảng pháp âm vi diệu, mỗi mỗi pháp âm đều nêu bày pháp tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu có các loài hữu tình nào nghe được, nhất định đạt tới quả vị Giác ngộ cao tột, rồi từ đó, lần lượt biến khắp vô số cõi Phật trong mười phương, diễn nói các pháp lợi ích cũng đều như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, không rời chỗ ngồi, nhập pháp định Sư tử du hý, hiện xuất thần thông, khiến cho thế giới ba lần ngàn này hiện ra đủ sáu loại biến động: động, động rất mạnh, cùng động rất mạnh; phun, phun rất mạnh, cùng phun rất mạnh; rung, rung rất mạnh, cùng rung rất mạnh; chạm, chạm rất mạnh, cùng chạm rất mạnh; gầm thét, gầm thét rất mạnh, cùng gầm thét rất mạnh; nổ, nổ rất mạnh, cùng nổ rất mạnh.

Lại khiến cho cõi này, phương Đông nổi thì phương Tây chìm, Tây nổi Đông chìm, Nam nổi Bắc chìm, Bắc nổi Nam chìm, giữa nổi chung quanh chìm, chung quanh nổi ở giữa chìm. Cõi này trở nên trong sạch, sáng mát, êm ả, tạo nên mọi lợi ích an vui cho các loài hữu tình.

Khi ấy, thế giới ba lần ngàn này, có bao nhiêu cảnh địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, cùng các nẻo xấu ác, hung hiểm, khốn khổ khác, thì tất cả các loài hữu tình ở đấy đều lìa nạn khổ. Từ đây chết rồi, đều được sinh vào cõi người và sáu cảnh trời trong cõi Dục, đều nhớ tới kiếp trước, vui

mừng khó tả, đồng đến chỗ Phật, với tâm thanh tịnh, đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, từ đấy, lần lượt biến khắp vô số cõi Phật trong mười phương. Do thần lực Phật, nên hiện rõ sáu thứ biến động. Lúc này, các cõi xấu ác của thế giới ấy và tất cả chúng hữu tình, đều lìa mọi nạn khổ. Từ đây, chết rồi đều được sinh vào cõi người và sáu cảnh trời trong cõi Dục, đều nhớ lại kiếp trước, vui mừng hớn hở. Các loài ấy ở trong cõi mình, đều đến chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài.

Lúc đó, thế giới ba lần ngàn này và vô số thế giới hữu tình khác trong mười phương, người mù thì thấy được trở lại, người điếc nghe được, người câm nói được, người điên tỉnh trí, người loạn được yên, người nghèo được giàu, người không y phục thì có được y phục, người đói được ăn, người khát được uống, người bệnh được lành, người xấu được đẹp, người tàn tật được lành lặn, người thiếu các giác quan thì được đầy đủ, người mê được tỉnh, người mệt mỏi thì được khoẻ khoắn.

Khi ấy, các loài hữu tình, với tâm bình đẳng, đối đãi nhau như thể cha mẹ, anh em, chị em, bạn bè, như bà con thân thuộc, xa lìa lối sống với ngôn ngữ tà vạy, hướng theo lối sống ăn nói ngay thẳng chân chánh, lìa nếp sống làm mười điều ác, tu tập nếp sống làm mười điều lành, dứt tư tưởng ác, chuộng tư tưởng thiện, lìa hạnh không thanh tịnh, tu theo hạnh thanh tịnh, thích sạch trừ dơ, ưa yên tĩnh bỏ ồn ào, thân tâm thư thái liền sinh niềm vui thanh thoát, như người tu hành an trụ nơi cõi định thứ ba. Lại có trí tuệ cao tột, bỗng chốc phát sinh, khởi lên ý nghĩ: ban cho rộng khắp, điều hòa khắc phục, an ổn chịu đựng, tiến tới mạnh mẽ, vắng lặng hoàn toàn, quán sát chín chắn, lìa hẳn phóng túng, tu tập phạm hạnh, đối với các loài hữu tình luôn Từ, Bi, Hỷ, Xả, không gây rối nhau, há chẳng là tốt đẹp sao!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, ở trên tòa sư tử, phóng hào quang đặc biệt, oai đức lồng lộng, ánh sáng phủ khắp thế giới ba lần ngàn, đến cả vô số cõi Phật trong mười phương khiến các núi Tô-mê-lô, núi Luân vi... tất cả cung điện của các Thần, Rồng, Trời, cho đến cõi trời Tịnh cư, đều như không còn hiện hữu, cũng như trăng tròn mùa thu, làm mờ các vì sao, như mặt trời mùa hạ, ánh sáng làm nhòa các màu sắc, như bốn ngọn núi chúa vĩ đại đầy châu báu vi diệu, soi đến các núi khác, thì uy nghi và ánh sáng luôn hơn hẳn. Đức Phật dùng thần lực, hiện lại thân Phật, khiến cho tất cả các loài hữu tình trong thế giới ba lần ngàn này đều trông thấy được.

Lúc này, vô lượng vô số chư Thiên ở cõi trời Tịnh cư, trong thế giới ba lần ngàn này, dưới cùng là cõi Dục, chư Thiên, Tứ đại Thiên vương, tất cả loài người và phi nhân... đều thấy Đức Như Lai ngồi trên tòa sư tử, oai quang sáng rực như núi vàng lớn, nên vô cùng vui mừng, khen ngợi điều chưa từng có, rồi mang theo vô số các loại hoa trời, hương khoanh, hương xoa, hương đốt, hương bột, y phục, ngọc anh lạc, tràng phan, lọng báu, nhạc cụ, các thứ ngọc, vô lượng các loại hoa sen trời đủ các sắc màu xanh, đỏ, trắng, vàng, hồng, hoa cây vàng bạc cõi trời, lá thơm cõi trời và vô lượng hoa tươi trên đất dưới nước, cùng mang đến chỗ Phật, dâng rải lên Phật. Do thần lực của Phật, các tràng hoa kia lần lượt được tung lên, kết thành đài hoa, số lượng đầy cả thế giới ba lần ngàn, như các lọng hoa trời rủ xuống, rồi nào chuông quý, phan ngọc thêu đan tỉ mỉ hài hòa, rất dễ ưa thích. Khi ấy, cõi Phật này, trang nghiêm mầu nhiệm, giống như thế giới Cực lạc ở phương Tây. Hào quang của Phật chói sáng khắp mọi loài, trong thế giới ba lần ngàn, cả hư không đều cùng một màu vàng rực rỡ. Các cõi trong vô số cõi Phật ở mười phương thế giới cũng lại như thế.

Cùng lúc, các cõi Phật trong thế giới ba lần ngàn này, các châu Nam thiệm-bộ, châu Đông thắng thần, châu Tây ngưu hóa, châu Bắc cu-lô, người ở trong đó, do thần lực của Phật, ai cũng thấy Đức Phật ngồi ngay trước mặt, đều nghĩ rằng, Đức Như Lai nói pháp cho riêng mình. Như vậy, chư Thiên trong các cõi: Trời Tứ đại Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh... cũng đều do thần lực của Đức Thế Tôn mà mỗi vị đều thấy Phật, ngồi ngay trước mặt và đều nghĩ rằng, Đức Như Lai đang nói pháp riêng cho mình.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, không rời bảo tòa, vui vẻ mỉm cười, từ trên mặt Ngài, phóng hào quang lớn, chiếu khắp các cõi Phật, nơi thế giới ba lần ngàn và vô số các cõi Phật trong mười phương.

Cùng lúc, ở các cõi Phật trong thế giới ba lần ngàn này, tất cả các loài hữu tình, theo hào quang của Phật, đều trông thấy khắp vô số thế giới chư Phật trong mười phương, tất cả các Bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, được chúng Thanh văn, Bồ-tát vây quanh, lại còn thấy tất cả các

loài hữu tình, vô tình khác nữa.

Tất cả loài hữu tình, nơi vô số cõi Phật trong mười phương thế giới, cũng nương hào quang Phật, nhìn thấy ở cõi ấy, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác Thích-ca Mâu-ni được chúng Thanh văn, Bồ-tát vây quanh và còn thấy tất cả các loài hữu tình, vô tình khác nhau.

Lúc bấy giờ, thế giới tận cùng của vô số thế giới ở phương Đông, tên là Đa Bảo, có Đức Phật hiệu là Bảo Tánh Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trụ tại đó, nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Trong cõi ấy có vị Bồ-tát tên là Phổ Quang, trông thấy ánh hào quang lớn kia cùng với đại địa, cõi đất biến động và thân tướng của Phật, nên lòng sinh thắc mắc, liền đi đến trước Đức Phật Bảo Tánh cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có điềm lành này?

Phật Bảo Tánh bảo Đại Bồ-tát Phổ Quang:

–Này thiện nam, ở phía Tây của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Kham nhẫn, Đức Phật nơi ấy hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, hiện an trụ tại đó, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Do thần lực của Phật ấy, mà hiện ra điềm lành như thế.

Bồ-tát Phổ Quang nghe rồi, vui mừng hết mực, lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nay xin đi đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và chúng Đại Bồ-tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại, nơi thân sau cùng quyết nối ngôi vị Phật. Cúi xin rủ lòng thương xót chấp thuận!

Phật Bảo Tánh bảo Bồ-tát Phổ Quang:

–Hay thay, hay thay, nay đã đúng lúc! Được, ông cứ khởi hành.

Đức Phật nói xong liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh với các báu trang nghiêm, trao cho Bồ-tát Phổ Quang và dặn:

–Ông mang hoa này, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, như lời Ta dặn, bạch rằng: "Như Lai Bảo Tánh xin ân cần thăm hỏi Ngài được ít

bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn có được thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến cõi ấy, phải nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật và các đại chúng ở đó chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát nơi cõi ấy, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện từ bi cứu độ chúng sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn mới sinh về thế giới đó.

Bồ-tát Phổ Quang nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số Đại Bồ-tát xuất gia, tại gia, vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đảnh lễ nơi chân Phật, đi vòng bên phải, rồi từ giã. Mỗi vị mang theo vô lượng các loại hương hoa, tràng phan, lọng báu, y phục, trang sức quý và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Vô số cõi Phật ở phương Đông đã đi qua, đến cõi Phật nào, các vị đó cũng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca, đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui đứng một bên. Bồ-tát Phổ Quang tiến tới trước, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ở phía Đông của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Đa bảo, Đức Phật ở đó hiệu là Bảo Tánh Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, xin ân cần thăm hỏi Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn được thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng? Nói xong Bồ-tát cầm ngàn đóa hoa sen sắc vàng ròng ấy dâng lên Thế Tôn để làm Phật sự.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhận đóa hoa sen ấy, rồi rải trở lại vô số thế giới chư Phật ở phương Đông. Do thần lực của Phật, nên khiến cho các hoa này rơi khắp các cõi Phật. Trong đài của các hoa ấy, đều có Hóa Phật ngồi kiết già nói pháp tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát. Như có chúng hữu tình nào nghe được pháp đó, đều đạt tới quả vị Giác ngộ cao tột.

Lúc ấy, Bồ-tát Phổ Quang và các vị cùng đi, trông thấy việc này, đều vui mừng vô hạn, khen là chưa từng có, mỗi người tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong thì lui ra ngồi qua một bên.

Cứ như vậy, từ thế giới tận cùng ấy cho đến tất cả cõi Phật ở phương Đông, mỗi mỗi cõi đều có các Đức Như Lai hiện đang nói pháp mầu cho

đại chúng. Tại chỗ các Đức Phật ấy, cũng đều có một vị Bồ-tát đứng đầu, trông thấy hào quang lớn kia cùng đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên đồng đến chỗ Phật bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có điềm lành này?

Cùng lúc, các Đức Phật kia đều đáp:

–Nơi phía Tây của cõi này, có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sắp vì các vị Bồ-tát mà diễn nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa. Do thần lực của Đức Phật đó, nên mới hiện điềm lành này.

Các vị Bồ-tát hàng đầu nghe xong đều vui mừng, vị nào cũng xin đi đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật và các vị Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia đồng khen hay, thuận cho đi và đều trao cho các vị Bồ-tát hoa sen ngàn báu sắc vàng ròng, dặn rằng:

–Ông đem hoa này đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, bạch lại đầy đủ lời Ta: "Xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi cầm hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến cõi kia, phải nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật đó và các vị Bồ-tát, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát ấy, oai đức khó sánh kịp, do hạnh nguyện từ bi độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Mỗi vị đứng đầu, nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng, vô số Bồ-tát, đồng nam, đồng nữ, từ giã Phật, mang theo các phẩm vật cúng dường, bắt đầu lên đường. Những cõi Phật đã đi qua, tại mỗi nơi các vị ấy đều cúng dường Phật và Bồ-tát, không bỏ sót cõi nào.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi quanh trăm ngàn vòng, dâng hoa, thưa trình mọi việc, Phật Thích-ca nhận hoa xong, rải trở lại phương Đông. Do thần lực của Phật nên hoa rơi đủ khắp các cõi Phật. Trong đài của các hoa ấy, đều có Hóa Phật nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Bồ-tát, khiến những người nghe, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát đứng đầu và các vị cùng đi, trông thấy đều vui mừng khen chưa từng có, mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và các vị Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ, thế giới tận cùng của vô số thế giới ở phương Nam, tên là Ly nhất thiết ưu, Phật ở cõi ấy hiệu là Vô Ưu Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng

Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại đó, nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Trong số ấy có vị Bồ-tát tên là Ly Ưu, thấy ánh hào quang lớn kia, cùng đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên lòng sinh thắc mắc, liền đi đến trước Phật, đầu lạy dưới chân thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có điềm lành này?

Đức Phật Vô Ưu Đức bảo Đại Bồ-tát Ly Ưu:

–Này thiện nam, về phía Bắc của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Kham nhẫn, có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại đó, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Do thần lực của Phật ấy, mà hiện ra điềm lành này.

Bồ-tát Ly Ưu nghe rồi, lòng vui mừng vô hạn, nên lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nay xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và chúng Đại Bồ-tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại, với thân sau cùng ấy sẽ nối ngôi vị Phật. Cúi xin rủ lòng thương xót chấp thuận!

Phật Vô Ưu Đức bảo Bồ-tát Ly Ưu:

–Hay thay, hay thay, nay đã đúng lúc! Được, ông cứ tùy ý.

Đức Phật nói xong liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh, với các báu trang nghiêm, trao cho Bồ-tát Ly Ưu và dặn:

–Ông mang hoa này, đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, như lời Ta dặn, thưa: "Như Lai Vô Đức xin ân cần thăm hỏi Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi cầm hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến cõi đó, phải nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật và các đại chúng ở đấy, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát ấy, oai đức khó sánh kịp, do hạnh nguyện từ bi độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về thế giới đó."

Bồ-tát Ly Ưu liền nhận hoa, vâng lời chỉ dạy, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số Đại Bồ-tát xuất gia, tại gia và vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đầu lạy nơi chân Phật, đi vòng bên phải, rồi từ giã. Mỗi vị mang theo vô lượng các loại hương hoa, tràng phan, lọng báu, y phục, trang

sức quý giá và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Vô số cõi Phật ở phương Nam đã đi qua, đến cõi Phật nào, những vị ấy cũng đều cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca, tất cả đều đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui đứng một bên. Bồ-tát Ly Ưu tiến tới trước, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ở phía Nam của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Ly nhất thiết ưu, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Vô Ưu Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, xin ân cần thăm hỏi Đức Thế Tôn được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi sự hòa hợp, chúng sinh dễ độ chăng? Nói xong, Bồ-tát cầm ngàn đóa hoa sen sắc vàng ròng ấy dâng lên Thế Tôn để làm Phật sự.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhận đóa hoa sen ấy, rồi rải trở lại nơi vô số thế giới chư Phật ở phương Nam. Do thần lực của Phật, nên khiến cho các hoa này rơi đủ khắp tất cả các cõi Phật. Trong các đài hoa ấy, đều có các Hóa Phật ngồi kiết già nói pháp tương ưng với Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Bồ-tát, như có chúng hữu tình nào nghe được pháp đó, tất sẽ đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Lúc này, Bồ-tát Ly Ưu và các vị cùng đi, trông thấy việc ấy, đều vui mừng vô hạn, khen ngợi là chưa từng có, mỗi người tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và các Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy cho đến tất cả cõi Phật ở phương Nam, mỗi mỗi cõi đều có các Đức Như Lai hiện đang nói pháp mầu cho đại chúng. Tại chỗ các Đức Phật đó, cũng đều có một vị Bồ-tát đứng đầu, trông thấy ánh hào quang lớn kia, cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên đều đến chỗ Đức Phật, bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có điềm lành này?

Khi ấy, các Đức Phật kia đều đáp:

–Về phía Bắc cõi này, có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật ở đấy hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho hàng Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật đó, nên mới hiện ra những điềm lành này.

Những vị Bồ-tát đứng đầu nghe xong, đều vui mừng, vị nào cũng đều xin đi đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni và các vị Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia đều khen

hay và đồng ý cho đi. Các Ngài trao cho những vị Bồ-tát hoa sen ngàn báu sắc vàng ròng và dặn:

–Người đem hoa này đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, bạch lại đầy đủ lời Ta: "Xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời tạo được mọi sự thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Người đến thế giới Kham nhẫn đó, phải nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật ấy và các vị Bồ-tát, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát kia, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện từ bi độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Mỗi vị Bồ-tát đứng đầu đều nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng, vô số Bồ-tát, đồng nam, đồng nữ, từ giã Phật, mang theo phẩm vật cúng dường, bắt đầu lên đường. Các cõi Phật đã đi qua, mỗi nơi các vị ấy đều cung kính cúng dường Phật và Bồ-tát, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi dâng hoa, thưa trình mọi việc, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa xong, tung rải trở lại phương Nam. Do thần lực của Phật nên hoa rơi đủ khắp các cõi Phật nơi phương ấy. Trong các đài hoa, đều có các Hóa Phật diễn nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Bồ-tát, khiến cho người nghe nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát đứng đầu và các vị cùng đi trông thấy sự việc đều vui mừng khen là chưa từng có; mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật cùng các vị Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ, thế giới tận cùng của vô số thế giới ở phương Tây, tên là Cận tịch tĩnh, có Đức Phật hiệu là Bảo Diệm Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại thế giới ấy, nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát. Khi ấy có Bồ-tát tên là Hạnh Tuệ, trông thấy ánh hào quang lớn kia, cùng đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên lòng sinh thắc mắc, bèn đi đến trước Phật Bảo Diệm, đầu lạy nơi chân Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có điềm lành này?

Phật Bảo Diệm bảo Đại Bồ-tát Hạnh Tuệ:

–Này thiện nam, về phía Đông của cõi này, vượt qua vô số thế giới,

có thế giới tận cùng tên là Kham nhẫn, Đức Phật ở đấy hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại cõi đó, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Do thần lực của Phật ấy nên mới hiện ra điềm lành này.

Bồ-tát Hạnh Tuệ nghe rồi, vui mừng hết mực, lại thưa với Phật Bảo Diệm:

–Bạch Thế Tôn, con nay xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để được chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và chúng Đại Bồ-tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại và với thân sau cùng ấy sẽ quyết nối ngôi vị Phật. Cúi xin rủ lòng thương xót, chấp thuận!

Phật Bảo Diệm nói với Bồ-tát Hạnh Tuệ:

–Hay thay, hay thay, nay đã đúng lúc! Được, ông cứ khởi hành.

Đức Phật nói xong liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh, có các báu trang nghiêm, trao cho Bồ-tát Hạnh Tuệ và dặn:

–Ông mang hoa này, đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, như lời Ta dặn, thưa: "Như Lai Bảo Diệm xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi sự thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi mang đóa hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật và các đại chúng ở đó, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát ấy, oai đức khó sánh kịp, do hạnh nguyện từ bi độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Khi ấy, Bồ-tát Hạnh Tuệ, nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số các vị Đại Bồ-tát xuất gia, tại gia và vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đầu lạy nơi chân Phật Bảo Diệm, đi vòng bên phải, rồi từ giã. Mỗi vị đều mang theo vô lượng các loại hương hoa, tràng phan, lọng báu, y phục, trang sức quý và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Vô số cõi Phật ở phương Tây đã đi qua, đến cõi Phật nào, các vị ấy cũng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui đứng một bên. Bồ-tát

Hạnh Tuệ tiến tới trước, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, về phía Tây cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Cận tịch tĩnh, Đức Phật ở đấy hiệu là Bảo Diệm Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, xin ân cần thăm hỏi Đức Thế Tôn được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi sự thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?

Bồ-tát Hạnh Tuệ thưa xong bèn cầm ngàn đóa hoa sen sắc vàng ròng ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự.

Lúc này, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền nhận hoa sen ấy, rồi rải trở lại nơi vô số thế giới chư Phật ở phương Tây. Do thần lực của Phật, khiến cho các hoa này đều rơi đủ khắp các cõi Phật kia. Trong các đài hoa ấy, đều có các Hóa Phật ngồi kiết già, nói pháp tương ưng với Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát, nếu có chúng hữu tình nào nghe được pháp ấy đều đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Bồ-tát Hạnh Tuệ và các vị cùng đi trông thấy sự việc này, thì đều vui mừng vô hạn, khen là chưa từng có, rồi mỗi người tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy cho đến tất cả cõi Phật nơi phương Tây, mỗi cõi đều có các Đức Như Lai hiện đang nói pháp mầu cho đại chúng. Tại chỗ các Đức Phật ấy, cũng đều có một vị Bồ-tát đứng đầu, trông thấy ánh hào quang lớn kia, cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên đều đến chỗ Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có điềm lành này?

Cùng lúc, các Đức Phật nơi những thế giới kia, vị nào cũng đáp:

–Về phương Đông, có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật ở đấy hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, nên mới hiện ra các điềm lành như thế.

Các vị Bồ-tát đứng đầu nghe xong, đều vui mừng và vị nào cũng ân cần xin đi đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật và Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia đều khen hay và đồng ý cho đi. Các vị đều trao cho hoa sen ngàn báu sắc vàng ròng cho vị Bồ-tát đứng đầu và dặn:

–Người đem hoa này đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni thưa lại đầy đủ lời Ta: "Xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ

nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi sự thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi cầm hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Người đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật đó và các vị Bồ-tát, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát ấy, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện từ bi độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Mỗi vị đứng đầu đều nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng, vô số Bồ-tát, đồng nam, đồng nữ, từ giã Phật, mang theo phẩm vật cúng dường, bắt đầu lên đường. Các cõi Phật đã đi qua, mỗi nơi các vị ấy đều có cúng dường Phật và Bồ-tát, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi dâng hoa, thưa trình mọi việc. Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa xong, liền rải trở lại phương Tây. Do thần lực của Phật nên hoa ấy đã rơi đủ khắp các cõi Phật trong thế giới đó. Nơi đài của các hoa, đều có các vị Hóa Phật diễn nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Bồ-tát, khiến cho người nghe, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát đứng đầu và các vị cùng đi, trông thấy sự việc, đều vui mừng khen là chưa từng có; mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật cùng các Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 2

PHẨM 1: DUYÊN KHỞI (2)

Bấy giờ, thế giới tận cùng của vô số thế giới ở phương Bắc, tên là Tối thắng, có Đức Phật hiệu là Thắng Đế Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại đó, nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát. Lúc này, có vị Bồ-tát tên là Thắng Thọ, trông thấy ánh hào quang lớn kia cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên lòng sinh thắc mắc, bèn đi đến trước Phật Thắng Đế đầu lạy nơi chân Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có điềm lành như thế?

Đức Phật Thắng Đế bảo Đại Bồ-tát Thắng Thọ:

–Này thiện nam, về phía Nam của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, hiện đang an trú tại cõi đó, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, nên mới hiện ra những điềm lành như vậy.

Bồ-tát Thắng Thọ nghe thế, vui mừng khôn xiết nên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nay xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và chúng Đại Bồ-tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại và với thân sau cùng đó sẽ quyết nối ngôi vị Phật. Cúi xin rủ lòng thương xót, chấp thuận!

Phật Thắng Đế bảo Bồ-tát Thắng Thọ:

–Hay thay, hay thay, nay đã đúng lúc! Được, ông cứ lên đường.

Nói xong, Đức Phật liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh, có các báu trang nghiêm, trao cho Bồ-tát Thắng Thọ và dặn:

–Ông mang hoa này, đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, như lời Ta dặn, bạch: "Như Lai Thắng Đế, xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem đóa hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật và các đại chúng ở đấy, chớ nên sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát ấy, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện từ bi nhằm độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Bồ-tát Thắng Thọ, nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số Đại Bồ-tát xuất gia, tại gia, cùng vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đầu lạy nơi chân Phật Thắng Đế, đi vòng bên phải, rồi từ giã. Mỗi vị mang theo vô lượng các loại hương hoa, tràng phan, lọng báu, y phục, trang sức quý giá và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Vô số cõi Phật ở phương Bắc đã đi qua, đến cõi Phật nào, những vị ấy cũng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không hề bỏ sót.

Đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui ra đứng qua một bên. Bồ-tát Thắng Thọ tiến tới trước, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, về phía Bắc của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Tối thắng, Đức Phật ở đó hiệu là Thắng Đế Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, xin ân cần thăm hỏi Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi sự thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?

Bồ-tát Thắng Thọ nói xong, liền đem hoa sen sắc vàng ròng ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bèn nhận hoa sen ấy, rồi tung rải trở lại nơi vô số thế giới chư Phật ở phương Bắc. Do thần lực của Phật, nên khiến cho các hoa này rơi đủ khắp các cõi Phật ở hướng đó. Trong các đài hoa ấy, đều có Hóa Phật ngồi kiết già diễn nói pháp tương ưng với Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát; nếu có chúng hữu tình nào nghe được pháp diệu đó đều đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Bồ-tát Thắng Thọ và các vị cùng đi, trông thấy việc này đều vui mừng hết mực, khen là chưa từng có, rồi mỗi người tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít mà cung kính cúng dường, tôn

trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy cho đến tất cả cõi Phật ở phương Bắc, mỗi mỗi cõi đều có các Đức Như Lai hiện đang nói pháp mầu cho đại chúng. Tại chỗ các Đức Phật diễn nói ấy, cũng đều có một vị Bồ-tát đứng đầu, trông thấy ánh hào quang lớn kia cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên đều đến chỗ Phật đang giảng bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành này?

Cùng lúc, các Đức Phật kia đều đáp:

–Về phương Nam của cõi này, có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, nên mới hiện ra những điềm lành như thế.

Các vị Bồ-tát đứng đầu nghe xong đều vui mừng, vị nào cũng đều ân cần xin được đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật và Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia đều khen hay và đồng ý cho đi. Các Ngài đều trao hoa sen ngàn báu sắc vàng ròng cho vị Bồ-tát đứng đầu và dặn:

–Ông đem hoa này đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, bạch lại đầy đủ lời Ta: "Xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến nơi thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật đó và các vị Bồ-tát, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các Bồ-tát ấy, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Mỗi vị Bồ-tát đứng đầu đều nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng, vô số Bồ-tát, đồng nam, đồng nữ, từ giã Phật, mang theo phẩm vật cúng dường, bắt đầu lên đường. Các cõi Phật đã đi qua, mỗi nơi các vị ấy đều có cúng dường Phật và Bồ-tát, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi dâng hoa, thưa trình mọi việc, Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa xong, tung rải trở lại phương Bắc. Do thần lực của Phật nên hoa rơi đủ khắp các cõi Phật nơi thế giới ấy. Trong các đài hoa, đều có các Hóa Phật diễn nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát, khiến cho người nghe, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát đứng đầu và các vị cùng đi trông thấy đều vui mừng khen là chưa từng có; mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và các vị Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ, thế giới tận cùng của vô số thế giới ở hướng Đông bắc, tên là Định trang nghiêm, có Đức Phật hiệu là Định Tượng Thắng Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại đó, nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát. Lúc này, có vị Bồ-tát tên là Ly Trần Dũng Mãnh, trông thấy ánh hào quang kia tỏa chiếu cùng đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên lòng sinh thắc mắc, bèn đi đến trước Phật Định Tượng Thắng Đức, đầu lạy nơi chân Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có những điềm lành như thế?

Khi ấy, Đức Phật Định Tượng Thắng Đức bảo Đại Bồ-tát Ly Trần Dũng Mãnh:

–Này thiện nam, về phía Tây nam của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, hiện đang an trú tại cõi ấy, sắp giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy nên đã hiện ra các điềm lành như thế.

Khi ấy, Bồ-tát Ly Trần Dũng Mãnh nghe Phật nói rồi, hết sức vui mừng nên lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nay xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và chúng Đại Bồ-tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại và nơi thân sau cùng sẽ dốc nối ngôi vị Phật. Cúi xin rủ lòng thương xót, chấp thuận!

Phật Định Tượng Thắng Đức bảo Bồ-tát Ly Trần Dũng Mãnh:

–Hay thay, hay thay, nay đã đúng lúc! Được, ông cứ lên đường.

Nói xong, Đức Phật liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh, có các báu trang nghiêm, trao cho Bồ-tát Ly Trần Dũng Mãnh và dặn:

–Ông mang hoa này, đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, như lời Ta dặn, thưa: "Như Lai Định Tượng Thắng Đức, xin ân cần thăm hỏi, Ngài

được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật và đại chúng ở đấy, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì những Bồ-tát ấy, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Bồ-tát Ly Trần Dũng Mãnh, nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số Đại Bồ-tát xuất gia, tại gia, cùng vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đầu lạy nơi chân Phật, đi vòng bên phải, rồi từ giã. Mỗi vị mang theo vô lượng các loại hương hoa, tràng phan, lọng báu, y phục, trang sức quý giá và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Vô số cõi Phật ở hướng Đông bắc đã đi qua, đến cõi Phật nào, các vị ấy cũng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui ra đứng qua một bên. Bồ-tát Ly Trần Dũng Mãnh tiến tới trước, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, về phía Đông bắc của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Định trang nghiêm, Đức Phật ở đó hiệu là Định Tượng Thắng Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, xin ân cần thăm hỏi Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi sự thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?

Bồ-tát Ly Trần Dũng Mãnh thưa xong liền đem ngàn đóa hoa sen sắc vàng ròng ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền nhận đóa hoa sen ấy, rồi rải trở lại nơi vô số thế giới chư Phật ở hướng Đông bắc. Do thần lực của Phật, nên khiến cho các hoa này rơi đủ khắp các cõi Phật ở hướng đó. Trong các đài hoa ấy, đều có các Hóa Phật ngồi kiết già diễn nói pháp tương ưng với Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát; nếu có chúng hữu tình nào nghe được pháp diệu ấy đều đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Bồ-tát Ly Trần Dũng Mãnh và các vị cùng đi nhìn thấy việc này, vui mừng khôn xiết, khen là chưa từng có, rồi mỗi người tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít mà cung kính cúng dường,

tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy cho đến tất cả cõi Phật ở hướng Đông bắc, mỗi mỗi cõi đều có các Đức Như Lai hiện đang nói pháp mầu cho đại chúng. Tại chỗ các Đức Phật diễn giảng ấy, cũng đều có một vị Bồ-tát đứng đầu, nhìn thấy ánh hào quang lớn kia tỏa chiếu cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên đều đến chỗ Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành như vậy?

Cùng lúc, các Đức Phật kia đều đáp:

–Về phía Tây nam của cõi này, có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, nên mới hiện ra những điềm lành như vậy.

Các vị Bồ-tát đứng đầu nghe xong đều vui mừng, vị nào cũng đều xin đi đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật và Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia đều khen hay và đồng ý cho đi. Các Ngài bèn trao hoa sen ngàn báu sắc vàng ròng cho vị Bồ-tát đứng đầu và dặn:

–Ông đem hoa này đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, bạch lại đầy đủ lời Ta: "Xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem đóa hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật đó và các vị Bồ-tát, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các Bồ-tát ấy, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Mỗi vị Bồ-tát đứng đầu đều nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng, vô số Bồ-tát, đồng nam, đồng nữ, từ giã Phật, mang theo phẩm vật cúng dường, bắt đầu lên đường. Các cõi Phật đã đi qua, mỗi nơi các vị ấy đều có cúng dường Phật và Bồ-tát, không bỏ sót một cõi nào.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi dâng hoa, thưa trình mọi việc, Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa xong, tung rải trở lại hướng Đông bắc. Do thần lực của Phật nên hoa rơi đủ khắp các cõi Phật nơi hướng ấy. Trong các đài hoa, đều có các Hóa Phật diễn nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát, khiến những người nghe, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát đứng đầu và các vị cùng đi trông thấy sự việc đều vui mừng,

khen là chưa từng có; mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ, thế giới tận cùng của vô số thế giới ở hướng Đông nam, tên là Diệu giác trang nghiêm, rất dễ ưa thích, có Đức Phật hiệu là Liên Hoa Thắng Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại đó, giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát. Lúc này, có vị Bồ-tát tên là Liên Hoa Thủ, trông thấy ánh hào quang lớn kia cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên lòng sinh thắc mắc, bèn đi đến trước Phật Liên Hoa Thắng Đức, đầu lạy nơi chân Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành ấy?

Phật Liên Hoa Thắng Đức bảo Đại Bồ-tát Liên Hoa Thủ:

–Này thiện nam, về phía Tây bắc của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại đó, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, mà hiện ra các điềm lành như thế.

Khi ấy, Bồ-tát Liên Hoa Thủ nghe Phật nói nên vui mừng khôn xiết, bèn lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nay xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và chúng Đại Bồ-tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại và nơi thân sau cùng đó sẽ nối ngôi vị Phật. Cúi xin rủ lòng thương xót, chấp thuận!

Phật Liên Hoa Thắng Đức bảo Bồ-tát Liên Hoa Thủ:

–Hay thay, hay thay, nay đã đúng lúc! Được, ông cứ lên đường.

Nói xong, Đức Phật liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh, có các báu trang nghiêm, trao cho Bồ-tát Liên Hoa Thủ và dặn:

–Ông mang hoa này, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, như lời Ta dặn, bạch: "Như Lai Liên Hoa Thắng Đức, xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi

cầm hoa sen ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật và các đại chúng ở đấy, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát ấy, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Bồ-tát Liên Hoa Thủ, nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số Đại Bồ-tát xuất gia, tại gia, cùng vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đầu lạy nơi chân Phật, đi vòng bên phải, rồi từ giã. Mỗi vị mang theo vô lượng các loại hương hoa, tràng phan, lọng báu, y phục, trang sức quý giá và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Vô số cõi Phật ở hướng Đông nam đã đi qua, đến cõi Phật nào, các vị ấy cũng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không hề bỏ sót.

Lúc đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui ra đứng qua một bên. Bồ-tát Liên Hoa Thủ tiến tới trước, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, về phía Đông nam của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Diệu giác trang nghiêm, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Liên Hoa Thắng Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, xin ân cần thăm hỏi Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi sự thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?

Bồ-tát Liên Hoa Thủ thưa xong bèn cầm ngàn đóa hoa sen sắc vàng ròng ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền nhận hoa sen ấy, rồi tung rải trở lại nơi vô số thế giới chư Phật ở hướng Đông nam. Do thần lực của Phật, nên khiến cho các hoa này rơi đủ khắp các cõi Phật ở hướng ấy. Trong các đài hoa này, đều có các Hóa Phật ngồi kiết già giảng nói pháp tương ưng với Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát; nếu có chúng hữu tình nào nghe được pháp diệu đó đều đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Bồ-tát Liên Hoa Thủ và các vị đi theo trông thấy việc này đều hết sức vui mừng, khen là chưa từng có, mỗi người tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật cùng chư Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy cho đến tất cả cõi Phật ở hướng Đông nam, mỗi mỗi cõi đều có các Đức Như Lai hiện đang nói pháp mầu

cho đại chúng. Tại chỗ các Đức Phật diễn giảng ấy, cũng đều có một vị Bồ-tát đứng đầu, trông thấy ánh hào quang lớn kia cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên đều đến chỗ Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có điềm lành này?

Cùng lúc, các Đức Phật kia đều đáp:

–Về phía Tây bắc của cõi này, có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, nên mới hiện ra các điềm lành như vậy.

Các vị Bồ-tát đứng đầu nghe xong đều vui mừng, vị nào cũng đều xin đi đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật và Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia khen hay và đồng ý cho đi. Các Ngài đều trao hoa sen ngàn báu sắc vàng ròng cho vị Bồ-tát đứng đầu và dặn:

–Ông đem hoa này đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, thưa lại đầy đủ lời Ta: "Xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem hoa sen ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật đó và các vị Bồ-tát, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các Bồ-tát kia, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Mỗi vị Bồ-tát đứng đầu đều nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng, vô số Bồ-tát, đồng nam, đồng nữ, từ giã Phật, mang theo phẩm vật cúng dường, bắt đầu lên đường. Các cõi Phật đã đi qua, mỗi nơi các vị ấy đều có cúng dường Phật và Bồ-tát, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi dâng hoa, thưa trình mọi việc, Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa xong, tung rải trở lại nơi hướng Đông nam. Do thần lực của Phật nên hoa rơi đủ khắp các cõi Phật ở hướng đó. Trong các đài hoa, đều có các Hóa Phật giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát, khiến những người nghe, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát đứng đầu và các vị cùng đi trông thấy sự việc đều vui mừng khen là chưa từng có; mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ, thế giới tận cùng của vô số thế giới ở hướng Tây nam, tên là Ly trần tụ, có Đức Phật hiệu là Nhật Luân Biến Chiếu Thắng Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại đó, giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát. Lúc ấy, có vị Bồ-tát tên là Nhật Quang Minh, trông thấy ánh hào quang kia cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên lòng sinh thắc mắc, bèn đi đến trước Phật, đầu lạy nơi chân Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành này?

Phật Nhật Luân Biến Chiếu Thắng Đức bảo Đại Bồ-tát Nhật Quang Minh:

–Này thiện nam, về phía Đông bắc của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, hiện đang an trú tại đó, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, nên mới hiện ra các điềm lành kia.

Khi ấy, Bồ-tát Nhật Quang Minh nghe Phật nói nên vui mừng khôn xiết, bèn lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nay xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và chúng Đại Bồ-tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại và nơi thân sau cùng sẽ nối ngôi vị Phật. Cúi xin rủ lòng thương xót, chấp thuận!

Phật Nhật Luân Biến Chiếu Thắng Đức bảo Bồ-tát Nhật Quang Minh:

–Hay thay, hay thay, nay đã đúng lúc! Được, ông cứ lên đường.

Nói xong, Đức Phật liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh, có các báu trang nghiêm, trao cho Bồ-tát Nhật Quang Minh và dặn:

–Ông mang hoa này, đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, như lời Ta dặn, thưa: "Như Lai Nhật Luân Biến Chiếu Thắng Đức, xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem đóa hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự.

Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật và các đại chúng ở đấy, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát kia, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Lúc này, Bồ-tát Nhật Quang Minh, nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số Đại Bồ-tát xuất gia, tại gia, cùng vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đầu lạy nơi chân Phật, đi vòng bên phải, rồi từ giã. Mỗi vị mang theo vô lượng các loại hương hoa, tràng phan, lọng báu, y phục, trang sức quý giá và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Vô số cõi Phật ở hướng Tây nam đã đi qua, đến cõi Phật nào, các vị ấy cũng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không hề bỏ sót.

Lúc đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui ra đứng qua một bên. Bồ-tát Nhật Quang Minh tiến tới trước, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, về phía Tây nam của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Ly trần tụ, Đức Phật ở đó hiệu là Nhật Luân Biến Chiếu Thắng Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, xin ân cần thăm hỏi Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi sự thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?

Bồ-tát Nhật Quang Minh thưa bày xong bèn cầm ngàn đóa hoa sen sắc vàng ròng ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự.

Lúc này, Phật Thích-ca Mâu-ni liền nhận hoa sen ấy, rồi tung rải trở lại nơi vô số thế giới chư Phật ở hướng Tây nam. Do thần lực của Phật, nên khiến cho các hoa này rơi đủ khắp các cõi Phật ở hướng đó. Trong các đài hoa ấy, đều có các Hóa Phật ngồi kiết già diễn nói pháp tương ưng với Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát; như có chúng hữu tình nào nghe được pháp diệu ấy đều đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Bồ-tát Nhật Quang Minh và các vị cùng đi trông thấy việc này rồi, nên vô cùng vui mừng, khen là chưa từng có; mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy cho đến tất cả cõi Phật ở hướng Tây nam, mỗi mỗi cõi đều có các Đức Như Lai hiện đang nói pháp mầu cho đại chúng. Tại chỗ các Đức Phật diễn giảng ấy, cũng đều có một vị

Bồ-tát đứng đầu, trông thấy ánh hào quang lớn kia cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên đều đến chỗ Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành ấy?

Cùng lúc, các Đức Phật kia đều đáp:

–Về phía Đông bắc của cõi này, có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Đại Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, nên mới hiện ra các điềm lành như vậy.

Các vị Bồ-tát đứng đầu nghe xong đều vui mừng, vị nào cũng đều xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật và Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia đều khen hay và đồng ý cho đi. Các Ngài đều trao hoa sen ngàn báu sắc vàng ròng cho vị Bồ-tát đứng đầu và dặn:

–Ông đem hoa này đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, bạch lại đầy đủ lời Ta: "Xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem số hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật đó và các vị Bồ-tát, chớ nên sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các Bồ-tát kia, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Mỗi vị Bồ-tát đứng đầu đều nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng, vô số Bồ-tát, đồng nam, đồng nữ, từ giã Phật, mang theo phẩm vật cúng dường, bắt đầu lên đường. Các cõi Phật đã đi qua, mỗi nơi các vị ấy đều có cúng dường Phật và Bồ-tát, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi dâng hoa, thưa trình mọi việc, Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa xong, liền tung rải trở lại nơi hướng Tây nam. Do thần lực của Phật nên hoa ấy đã rơi khắp các cõi Phật ở hướng đó. Trong các đài hoa, đều có các Hóa Phật diễn nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát, khiến những người nghe, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát đứng đầu và các vị cùng đi trông thấy như thế đều vui mừng khen là chưa từng có; mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật cùng các vị Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ, thế giới tận cùng của vô số thế giới ở hướng Tây bắc, tên là Chân tự tại, có Đức Phật hiệu là Nhất Bảo Cái Thắng Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại đó, giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát. Lúc này, có vị Bồ-tát tên là Bảo Thắng, trông thấy ánh hào quang kia cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên lòng sinh thắc mắc, bèn đi đến trước Phật, đầu lạy nơi chân Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành như vậy?

Phật Nhất Bảo Cái Thắng bảo Đại Bồ-tát Bảo Thắng:

–Này thiện nam, về hướng Đông nam của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, hiện đang an trú tại đó, sắp giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật đó, nên mới hiện ra các điềm lành như thế.

Bồ-tát Bảo Thắng nghe thế, vô cùng vui mừng, nên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nay xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và chúng Đại Bồ-tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại và nơi thân sau cùng sẽ quyết nối ngôi vị Phật. Cúi xin rủ lòng thương xót, chấp thuận!

Phật Nhất Bảo Cái Thắng bảo Bồ-tát Bảo Thắng:

–Hay thay, hay thay, nay đã đúng lúc! Được, ông cứ khởi hành.

Nói xong, Đức Phật liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh, có các báu trang nghiêm, trao cho Bồ-tát Bảo Thắng và dặn:

–Ông mang hoa này, đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, như lời Ta dặn, thưa rõ: "Như Lai Nhất Bảo Cái Thắng, xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem số hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật và các đại chúng ở đó, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát kia, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Bồ-tát Bảo Thắng, nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số Đại Bồ-tát xuất gia, tại gia, cùng vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đầu lạy nơi chân Phật, đi vòng bên phải, rồi từ giã. Mỗi vị mang theo vô lượng các loại hương hoa, tràng phan, lọng báu, y phục, trang sức quý giá và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Vô số cõi Phật ở hướng Tây bắc đã đi qua, đến cõi Phật nào, các vị ấy cũng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không hề bỏ sót.

Đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui ra đứng qua một bên. Bồ-tát Bảo Thắng tiến tới trước, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, về phía Tây bắc của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Chân tự tại, Đức Phật ở đó hiệu là Nhất Bảo Cái Thắng Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, xin ân cần thăm hỏi Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?

Bồ-tát Bảo Thắng thưa xong, bèn cầm ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền nhận số hoa sen ấy, rồi tung rải trở lại nơi vô số thế giới chư Phật ở hướng Tây bắc. Do thần lực của Phật, nên khiến cho các hoa này rơi đủ khắp các cõi Phật ở hướng đó. Trong các đài hoa này, đều có các Hóa Phật ngồi kiết già giảng nói pháp tương ưng với Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát; nếu có chúng hữu tình nào nghe được pháp diệu ấy thì nhất định đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Bồ-tát Bảo Thắng và các vị cùng đi trông thấy việc này rồi, nên hết sức vui mừng, khen là chưa từng có, rồi mỗi người tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy cho đến tất cả cõi Phật ở hướng Tây bắc, mỗi mỗi cõi đều có các Đức Như Lai hiện đang nói pháp mầu cho đại chúng. Tại chỗ các Đức Phật giảng nói ấy, cũng đều có một vị Bồ-tát đứng đầu, trông thấy ánh hào quang lớn kia cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên đều đến chỗ Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành như vậy?

Cùng lúc, các Đức Phật kia đều đáp:

–Về hướng Đông nam có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, nên mới hiện ra các điềm lành như thế.

Các vị Bồ-tát đứng đầu nghe xong đều vui mừng, vị nào cũng đều xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật và Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia thảy khen hay và đồng ý cho đi. Các Ngài đều trao hoa sen ngàn báu sắc vàng ròng cho vị Bồ-tát đứng đầu và dặn:

–Ông đem hoa này đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, thưa lại đầy đủ lời Ta: "Xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi mang số hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật đó và các vị Bồ-tát, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các Bồ-tát kia, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Mỗi vị Bồ-tát đứng đầu nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng, vô số Bồ-tát, đồng nam, đồng nữ, từ giã Phật, mang theo phẩm vật cúng dường, bắt đầu lên đường. Các cõi Phật đã đi qua, mỗi nơi các vị ấy đều cúng dường Phật và Bồ-tát, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi dâng hoa, thưa trình mọi việc, Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa xong, bèn tung rải trở lại nơi hướng Tây bắc. Do thần lực của Phật nên hoa ấy đều rơi khắp các cõi Phật ở hướng đó. Trong các đài hoa, đều có các Hóa Phật giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát, khiến những người nghe, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát đứng đầu và các vị cùng đi trông thấy đều rất vui mừng khen là chưa từng có; mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ, thế giới tận cùng của vô số thế giới ở phương dưới, tên là Liên hoa, có Đức Phật hiệu là Liên Hoa Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an

trú tại đó, giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát. Lúc này, có vị Bồ-tát tên là Liên Hoa Thắng, trông thấy ánh hào quang kia tỏa đến cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên lòng sinh thắc mắc, bèn đi đến trước Phật, đầu lạy nơi chân Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành này?

Đức Phật Liên Hoa Đức bảo Đại Bồ-tát Liên Hoa Thắng:

–Này thiện nam, ở phương trên của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay đang an trú tại đó, sắp giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, nên mới hiện ra các điềm lành như thế.

Khi ấy, Bồ-tát Liên Hoa Thắng nghe Phật nói thì vui mừng khôn xiết, nên lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nay xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và chúng Đại Bồ-tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại, nơi thân sau cùng sẽ quyết lòng nối ngôi vị Phật. Cúi xin rủ lòng thương xót, chấp thuận!

Phật Liên Hoa Đức bảo Bồ-tát Liên Hoa Thắng:

–Hay thay, hay thay, nay đã đúng lúc! Được, ông cứ khởi hành.

Nói xong, Đức Phật liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh, có các báu trang nghiêm, trao cho Bồ-tát Liên Hoa Thắng và dặn:

–Ông mang hoa này, đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, như lời Ta dặn, thưa rõ: "Như Lai Liên Hoa Đức, xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem số hoa sen ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật và các đại chúng kia, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát ở đó, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi ấy.

Khi ấy, Bồ-tát Liên Hoa Thắng, nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số Đại Bồ-tát xuất gia, tại gia, cùng vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đầu lạy nơi chân Phật, đi vòng bên phải, rồi từ

giã. Mỗi vị mang theo vô lượng các loại hương hoa, tràng phan, lọng báu, y phục, trang sức quý giá và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Vô số cõi Phật ở phương dưới đã đi qua, đến cõi Phật nào, các vị ấy cũng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không hề bỏ sót.

Lúc đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui ra đứng qua một bên. Bồ-tát Liên Hoa Thắng tiến tới trước, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ở phía dưới của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Liên hoa, có Phật hiệu là Liên Hoa Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, xin ân cần thăm hỏi Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?

Bồ-tát Liên Hoa Thắng thưa trình xong, bèn cầm ngàn đóa hoa sen sắc vàng ròng ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự.

Phật Thích-ca Mâu-ni nhận số hoa sen ấy, rồi tung rải trở lại nơi vô số thế giới chư Phật ở phương dưới. Do thần lực của Phật, nên khiến cho các hoa đó rơi khắp đủ các cõi Phật ở phương ấy. Trong các đài hoa ấy, đều có các Hóa Phật ngồi kiết già diễn nói pháp tương ưng với Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát; như có chúng hữu tình nào nghe được pháp diệu ấy thì đều đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Lúc này, Bồ-tát Liên Hoa Thắng và các vị cùng đi, nhìn thấy sự việc này nên rất vui mừng, khen là chưa từng có, rồi mỗi người tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật cùng các Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy cho đến tất cả cõi Phật ở phương dưới, mỗi mỗi cõi đều có các Đức Như Lai hiện đang nói pháp mầu cho đại chúng. Tại chỗ các Đức Phật diễn nói ấy, cũng đều có một vị Bồ-tát đứng đầu, trông thấy ánh hào quang lớn kia tỏa chiếu cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên đều đến chỗ Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành như vậy?

Cùng lúc, các Đức Phật kia đều đáp:

–Ở phương trên của cõi này, có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sắp nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, nên mới hiện ra các điềm lành như thế.

Các vị Bồ-tát đứng đầu nghe xong đều vui mừng, vị nào cũng đều xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật và Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia đều khen hay và đồng ý cho đi. Các Ngài đều trao hoa sen ngàn báu sắc vàng ròng và dặn rõ:

–Ông đem hoa này đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, bạch lại đầy đủ lời Ta: "Xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem số hoa sen này dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật đó và các vị Bồ-tát, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các Bồ-tát kia, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Mỗi vị Bồ-tát đứng đầu đều nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng, vô số Bồ-tát, đồng nam, đồng nữ, từ giã Phật, mang theo phẩm vật cúng dường, bắt đầu lên đường. Các cõi Phật đã đi qua, mỗi nơi các vị ấy đều có cúng dường Phật và Bồ-tát, không hề bỏ sót.

Khi đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi dâng hoa, thưa trình mọi việc, Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa xong, tung rải trở lại phương dưới. Do thần lực của Phật nên hoa ấy đã rơi đến khắp các cõi Phật ở phương đó. Trong các đài hoa, đều có các Hóa Phật đang diễn nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát, khiến những người nghe, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát đứng đầu và các vị cùng đi trông thấy sự việc đều vui mừng, khen là chưa từng có; rồi mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ, thế giới tận cùng của vô số thế giới ở phương trên, tên là Hoan hỷ, có Đức Phật hiệu là Hỷ Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, đang an trú tại đó, giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát. Lúc này, có Bồ-tát tên là Hỷ Thọ, trông thấy ánh hào quang lớn kia tỏa chiếu cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên lòng sinh thắc mắc, liền đi đến trước Phật, đầu lạy nơi chân Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành như vậy?

Phật Hỷ Đức bảo Đại Bồ-tát Hỷ Thọ:

–Này thiện nam, về phía dưới của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay đang an trú tại đó, sắp giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng Đại Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật ấy, mà hiện ra các điềm lành như thế.

Bồ-tát Hỷ Thọ nghe rồi, vô cùng vui mừng, nên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nay xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni và chúng Đại Bồ-tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thần thông tự tại, nơi thân sau cùng sẽ quyết lòng nối ngôi vị Phật. Cúi xin rủ lòng thương xót, chấp thuận!

Phật Hỷ Đức bảo Bồ-tát Hỷ Thọ:

–Hay thay, hay thay, nay đã đúng lúc! Được, ông cứ lên đường.

Nói xong, Đức Phật liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh, có các báu trang nghiêm, trao cho Bồ-tát Hỷ Thọ và dặn rõ:

–Ông mang hoa này, đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, như lời Ta dặn, thưa: "Như Lai Hỷ Đức, xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem số hoa sen ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật và các đại chúng ở đó, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các vị Bồ-tát kia oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Bồ-tát Hỷ Thọ, nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số Đại Bồ-tát xuất gia, tại gia, cùng vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đầu lạy nơi chân Phật, đi vòng bên phải, rồi từ giã. Mỗi vị mang theo vô lượng các loại hương hoa, tràng phan, lọng báu, y phục, trang sức quý giá và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Vô số cõi Phật ở phương trên đã đi qua, đến cõi Phật nào, các vị ấy cũng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không hề bỏ sót.

Đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui ra đứng qua một

bên. Bồ-tát Hỷ Thọ tiến tới trước, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ở phương trên của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Hoan hỷ, Đức Phật ở đó hiệu là Hỷ Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, xin ân cần thăm hỏi Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?

Bồ-tát Hỷ Thọ thưa bày xong liền cầm ngàn đóa hoa sen sắc vàng ròng ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự.

Phật Thích-ca Mâu-ni liền nhận số hoa sen ấy, rồi tung rải trở lại nơi vô số thế giới chư Phật ở phương trên. Do thần lực của Phật, nên khiến cho các hoa này rơi đủ khắp các cõi Phật ở phương đó. Trong các đài hoa ấy, đều có các Hóa Phật ngồi kiết già giảng nói pháp tương ưng với Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát; như có hàng hữu tình nào nghe được pháp diệu ấy thì đều đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Hỷ Thọ và các vị cùng đi, trông thấy sự việc này thảy đều rất vui mừng, khen là chưa từng có, rồi mỗi người tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy cho đến tất cả cõi Phật ở phương trên, mỗi mỗi cõi đều có các Đức Như Lai hiện đang nói pháp mầu cho đại chúng. Tại chỗ các Đức Phật diễn giảng ấy, cũng đều có một vị Bồ-tát đứng đầu, trông thấy ánh hào quang lớn kia cùng với đại địa biến động và thân tướng của Phật, nên đều đến chỗ Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà có các điềm lành như vậy?

Cùng lúc, các Đức Phật kia đều đáp:

–Về phương dưới có thế giới Kham nhẫn, Đức Phật ở đó hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sắp giảng nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát. Do thần lực của Đức Phật kia, nên mới hiện ra các điềm lành như thế.

Các vị Bồ-tát đứng đầu nghe xong đều vui mừng, vị nào cũng xin đi đến thế giới Kham nhẫn ấy để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Phật và chúng Bồ-tát. Các Đức Như Lai kia đều khen hay và cùng ưng thuận cho đi. Các Ngài đều trao hoa sen ngàn báu sắc vàng ròng và dặn rõ:

–Ông đem hoa này đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, thưa lại đầy đủ lời Ta: "Xin ân cần thăm hỏi, Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ

nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời luôn tạo được mọi thuận hợp, chúng sinh dễ độ chăng?" Rồi đem số hoa sen ấy dâng lên Đức Thế Tôn để làm Phật sự. Ông đến thế giới Kham nhẫn ấy, phải có nhận thức đúng đắn, thấy cõi Phật đó và các vị Bồ-tát, chớ sinh lòng coi thường mà tự làm thương tổn mình. Vì sao vậy? Vì các Bồ-tát kia, oai đức khó sánh kịp, do đại nguyện độ sinh thôi thúc, vì nhân duyên lớn nên mới sinh về cõi đó.

Mỗi vị Bồ-tát đứng đầu đều nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng, vô số Bồ-tát, đồng nam, đồng nữ, từ giã Phật, mang theo phẩm vật cúng dường, bắt đầu lên đường. Các cõi Phật đã đi qua, mỗi nơi các vị ấy đều có cúng dường Phật và Bồ-tát, không hề bỏ sót.

Đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi dâng hoa, thưa trình mọi việc; Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa xong, bèn tung rải trở lại phương trên. Do thần lực của Phật nên hoa ấy rơi đủ khắp các cõi Phật ở phương đó. Trong các đài hoa, đều có các Hóa Phật diễn nói pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các vị Bồ-tát, khiến những người nghe, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát đứng đầu và các vị cùng đi trông thấy sự việc đều vui mừng khen là chưa từng có; rồi mỗi vị tùy theo căn lành và phẩm vật cúng dường nhiều hay ít, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và Bồ-tát. Xong, lui ra ngồi qua một bên.

Lúc bấy giờ, nơi các cõi Phật trong thế giới ba lần ngàn này, các vật báu đều sung mãn; vô số các loại hoa quý được tung rải khắp trên đất; tràng phan báu, lọng báu giăng bày mọi chốn; cây hoa, cây trái, cây thơm, cây báu hàng hàng lớp lớp xen lẫn tô điểm tôn vẻ trang nghiêm cùng khắp, rất dễ ưa thích. Như cảnh giới với nhiều hoa sen ở cõi Tịnh độ của Đức Như Lai Phổ Hoa, các vị Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Thiện Trụ Tuệ, cùng vô lượng các vị Đại Bồ-tát có oai đức và thần lực lớn, đều an trụ ở trong cõi ấy.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 3

PHẨM 2: HỌC QUÁN (1)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhận biết các thế giới như Trời, Ma, Phạm, như các Sa-môn, như Bà-la-môn, như Kiền-đạt-phược, như A-tố-lạc, như các Thần, Rồng, như chúng Đại Bồ-tát, những bậc đang trụ nơi thân sau cùng dốc nối ngôi vị Phật; ngoài ra, còn có các chúng người và phi nhân, có duyên đối với đạo pháp đều đã tập hội đông đủ, liền bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Nếu các vị Đại Bồ-tát đối với các pháp, muốn giác ngộ cùng tột các tướng của chúng thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Xá-lợi Tử nghe Phật nói thế vô cùng vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến trước Phật, đầu lạy nơi chân Phật, phủ kín vai bên trái, gối phải quỳ xuống đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, muốn giác ngộ cùng tột các tướng của chúng thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế nào?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nên lấy vô trụ làm phương tiện, để an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì mọi chủ thể và đối tượng an trụ đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát nên lấy vô xả làm phương tiện để hoàn thành pháp Bố thí ba-la-mật-đa; vì người cho, kẻ nhận và vật cho đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát nên lấy vô hộ làm phương tiện để hoàn thành pháp Tịnh giới ba-la-mật-đa; vì các hình tướng phạm và không phạm đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát nên lấy vô thủ làm phương tiện để hoàn thành pháp An nhẫn ba-la-mật-đa; vì các tướng động và không động đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát nên lấy vô cần làm phương tiện để hoàn thành pháp

Tinh tấn ba-la-mật-đa; vì thân tâm siêng năng, lười nhác đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát nên lấy vô tư làm phương tiện để hoàn thành pháp Tĩnh lự ba-la-mật-đa; vì có thiền vị, không có thiền vị cùng đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát nên lấy vô trước làm phương tiện để hoàn thành pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì tánh tướng của các pháp đều không thể được.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, phải lấy diệu lý vô sở đắc, làm phương tiện để hoàn thành bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi giác ngộ, tám chi Thánh đạo; vì ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, phải lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện để hoàn thành ba cánh cửa giải thoát là Không, Vô tướng và Vô nguyện; vì ba cửa giải thoát này đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện để hoàn thành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; vì các pháp Tĩnh lự, Vô lượng và Định vô sắc đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện để hoàn thành tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; vì các pháp giải thoát, thắng xứ... cho đến biến xứ đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện để hoàn thành chín tưởng về hình thể nhơ xấu của thi thể kẻ chết là tưởng về thân thể sình lên, tưởng về máu mủ chảy ra, tưởng về thi thể đỏ bầm, tưởng về thi thể tím xanh, tưởng về việc chim chóc mổ nuốt, tưởng về thi thể tan rã, tưởng về thi thể chỉ còn bộ xương, tưởng về thi thể bị thiêu đốt, tưởng mọi vật ở thế gian không thể tồn tại mãi; vì các tưởng ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện để hoàn thành mười tùy niệm, đó là tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm Giới, tùy niệm Xả, tùy niệm Thiên, tùy niệm về hơi thở ra vào, tùy niệm yếm, tùy niệm tử, tùy niệm thân; vì các tùy niệm này đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện để hoàn thành mười phép quán tưởng, đó là quán tưởng về vô thường, quán tưởng về khổ, quán tưởng về vô ngã, quán

tưởng về sự bất tịnh, quán tưởng về sự chết, quán tưởng các pháp ở thế gian không có gì thích thú, quán tưởng về sự nhàm chán ăn uống, quán tưởng dứt trừ, quán tưởng xa lìa, quán tưởng tiêu diệt; vì các quán tưởng này đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện để hoàn thành mười một trí, đó là trí biết khổ, trí biết tập, trí biết diệt, trí biết đạo, trí dứt phiền não, trí chứng vô sinh, trí biết pháp, trí phân loại pháp, trí thế gian, trí biết tâm kẻ khác, trí biết đúng lời Phật dạy; vì các trí ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện, nên hoàn thành các pháp định có tầm có tứ, định không tầm chỉ có tứ, định không tầm không tứ; vì ba cảnh định ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện, nên hoàn thành điều chưa biết sẽ biết, biết rõ điều đã biết, biết đầy đủ điều đã biết; vì các điều ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện, nên hoàn thành các pháp quán bất tịnh, quán không gian vô biên, trí hơn tất cả trí cùng với các pháp định, quán, vì năm thứ ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện, nên hoàn thành bốn điều nhiếp phục, bốn nơi an trú thù thắng, ba loại minh, năm thứ mắt nhận thức, sáu loại thần thông, sáu pháp Ba-la-mật-đa; vì sáu thứ ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện, nên hoàn thành bảy pháp giúp thành Phật, tám điều giác ngộ của Bậc Đại Sĩ, chín loại trí của chín loại hữu tình, pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; vì năm loại ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện, nên hoàn thành mười địa vị tu tập, mười hạnh tu học, mười điều nhẫn nhục, hai mươi niềm vui tu hành thăng tiến; vì bốn thứ ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện, nên hoàn thành mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp chỉ riêng Phật mới có, ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp kèm theo; vì sáu loại ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện, nên hoàn thành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trí biết tất cả, trí biết tướng đạo, trí biết các tướng, trí biết tất cả sự mầu nhiệm của tướng; vì sáu pháp ấy đều không thể được.

Các Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy diệu lý vô sở đắc làm phương tiện, nên hoàn thành các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả và vô lượng vô biên các pháp Phật khác; vì các pháp ấy đều không thể được.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát muốn mau chứng trí vượt hơn mọi trí, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu các Đại Bồ-tát muốn mau hoàn thành trí biết tất cả, trí biết về tướng đạo, trí biết về tất cả tướng thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn mau hoàn thành trí biết tướng về tâm hành của tất cả loài hữu tình, trí biết sự mầu nhiệm của tất cả tướng, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dứt sạch gốc phiền não và thói xấu từ nhiều đời, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn lìa khỏi sinh tử phiền não, chứng đạt Niết-bàn của Bồ-tát, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn vượt khỏi các bậc Thanh văn và Độc giác, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn an trú ở bậc không thoái chuyển của hàng Bồ-tát, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn chứng sáu phép thần thông linh hoạt diệu dụng, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn biết về sự sai khác nơi tâm hành và chỗ hướng đến của tất cả loài hữu tình, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn hơn hàng Thanh văn, Độc giác về tác dụng của trí tuệ, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn chứng các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dùng nhất niệm với tâm tùy hỷ trọn vẹn vượt trên những sự bố thí tài vật của hàng Thanh văn, Độc giác, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dùng nhất niệm với tâm tùy hỷ trọn vẹn vượt trên các tịnh giới đang giữ của hàng Thanh văn, Độc giác, thì nên học

Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dùng nhất niệm với tâm tùy hỷ trọn vẹn vượt hẳn những nẻo định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của hàng Thanh văn, Độc giác, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dùng nhất niệm với tâm tùy hỷ trọn vẹn vượt hơn các nẻo tĩnh lự, giải thoát các cảnh định... cho đến các pháp lành khác, của hàng Thanh văn, Độc giác, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dùng nhất niệm của pháp lành đang tu, để vượt hơn pháp lành của hàng Thanh văn, Độc giác, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn thực hành một phần nhỏ các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Trí tuệ, cho các loài hữu tình, với những phương tiện khéo léo, hồi hướng về quả vị Giác ngộ cao tột, để đạt được công đức vô lượng vô biên, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn khiến cho việc thực hành sáu pháp Ba-la-mật: Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Trí tuệ, lìa mọi chướng ngại, mau được thành tựu, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn đời đời thường gặp chư Phật, luôn được nghe chánh pháp, được giác ngộ như Phật, nhờ Phật mà nhớ lại mọi lời dạy bảo, trao truyền, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn được đầy đủ ba mươi hai tướng Đại trượng phu và tám mươi vẻ đẹp kèm theo, viên mãn, trang nghiêm của thân Phật, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn được đời đời luôn nhớ lại đời trước, hoàn toàn không quên mất tâm đại Bồ-đề, xa lìa bạn ác, gần gũi bạn lành, thường tu hạnh Đại Bồ-tát, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn đời đời đầy đủ oai đức lớn lao, xua đuổi các ma oán, điều phục các ngoại đạo, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn đời đời vĩnh viễn xa lìa tất cả phiền não nghiệp chướng, thông đạt các pháp, tâm không chướng ngại, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn đời đời tâm lành, nguyện lành, làm lành luôn được liên tục, không biếng lười bỏ phế, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn sinh vào nhà tin Phật, vào bậc đồng chân,

thường không xa lìa chư Phật và Bồ-tát, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn được đời đời đầy đủ các tướng tốt đoan nghiêm như Phật, tất cả loài hữu tình thấy được đều hoan hỷ, phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, nhanh chóng thành tựu mọi công đức của chư Phật, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dùng vô số sức mạnh của các căn lành thù thắng, tùy ý thường đem vật cúng dường quý nhất, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen tất cả các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, khiến cho các căn lành mau được viên mãn, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn làm thỏa mãn tất cả nhu cầu của chúng hữu tình, như ăn uống, y phục, giường chõng, đồ nằm, thuốc men chữa bệnh, các loại hoa hương, đèn sáng, xe cộ, vườn rừng, nhà cửa, của cải, lúa gạo, ngọc báu, đồ trang sức quý, kỹ nhạc và các loại vật dụng ưa thích quý giá khác, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn khéo tạo sự an lập cho tất cả chúng hữu tình trong khắp cõi hư không, cõi pháp, cõi đời, khiến họ đều an trú nơi các pháp ba-la-mật-đa: Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Trí tuệ, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn chỉ phát khởi một niệm tâm thiện, mà đạt được công đức lớn lao, cho đến lúc ngồi nơi tòa Bồ-đề cao quý, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột cũng không hề hết, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn được các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng Đại Bồ-tát, trong các cõi Phật ở mười phương cùng khen ngợi, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn một lần phát tâm liền có thể đi đến khắp vô số thế giới trong mười phương, để cúng dường chư Phật, làm lợi lạc chúng hữu tình, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn một lần phát ra âm thanh, liền có thể lan tỏa tới khắp vô số thế giới trong mười phương, để tán thán chư Phật, giáo hóa chúng hữu tình, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn trong khoảng một niệm, tạo được sự an lập cho tất cả chúng hữu tình, nơi vô số cõi Phật trong mười phương, đều khiến họ tu học theo con đường tạo tác mười điều lành, thọ ba quy y, giữ gìn giới cấm, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn trong khoảng một niệm, tạo được sự an lập

cho tất cả chúng hữu tình, nơi vô số cõi Phật trong mười phương, đều khiến họ tu học bốn phép thiền, bốn tâm rộng lớn, bốn Định vô sắc, đạt được năm phép thần thông, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn trong khoảng một niệm, tạo được sự an lập cho tất cả chúng hữu tình, nơi vô số cõi Phật trong mười phương, khiến họ an trụ nơi pháp Đại thừa, tu hạnh Bồ-tát, không hủy báng các thừa khác, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn nối tiếp giống Phật, không để cho đoạn tuyệt, giữ gìn dòng dõi Bồ-tát, khiến không thoái chuyển, làm nghiêm tịnh cõi Phật, khiến mau chóng thành tựu, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn thông đạt mọi diệu lý không, từ pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn thông đạt về tất cả pháp, pháp giới, chân như, tánh pháp, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn thông đạt về tánh tận sở hữu, tánh như sở hữu của các pháp, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn thông đạt về tánh nhân duyên, tánh đẳng vô gián duyên, tánh sở duyên duyên, tánh tăng thượng duyên của các pháp, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn thông đạt các pháp là như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng phản chiếu, như dợn nắng, như hoa đốm trên hư không, như thành hư ảo, như trò ảo thuật, chỉ do tâm hiện, tánh tướng đều không, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn biết về hư không, đại địa, các núi, biển lớn, các sông, ao hồ, khe suối, vũng nước, đất, nước, lửa, gió và các thứ nhỏ nhặt vi tế nhất trong thế giới ba lần ngàn, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn tách một sợi lông ra làm trăm phần, rồi lấy

một phần trăm của sợi lông ấy, đưa hết nước trong biển lớn, các sông, ao hồ, khe suối, vũng nước, ở thế giới ba lần ngàn, trút vào vô biên thế giới ở phương khác, mà không làm tổn hại đến các loài sống dưới nước, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát thấy có kiếp hỏa thiêu đốt khắp mọi nơi chốn trời đất, trong thế giới ba lần ngàn, muốn dùng chỉ một hơi thổi khiến cho toàn bộ thứ lửa dữ kia dập tắt ngay, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát thấy có tai họa cuồng phong, ở trong thế giới ba lần ngàn, phát bùng lên, sắp thổi núi Tô-mê-lô, núi Tô-mê-lô lớn, núi Luân vi, núi Luân vi lớn và các núi nhỏ khác, cùng với vạn vật trong đại địa, ở thế giới ba lần ngàn, có thể tan nát ra như cám, muốn dùng chỉ mỗi một ngón tay đủ ngăn sức gió ấy, khiến ngưng ngay, không còn khởi nữa, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn một lần ngồi kiết già, đầy khắp cả hư không, trong thế giới ba lần ngàn, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dùng một sợi lông buộc các núi Tô-mê-lô, núi Tô-mê-lô lớn, núi Luân vi, núi Luân vi lớn và các núi nhỏ khác, cùng với vạn vật trong đại địa, ở nơi thế giới ba lần ngàn này, ném qua vô lượng, vô số, vô biên thế giới phương khác mà không làm tổn hại các loại hữu tình, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dùng một món ăn, một đóa hoa, một nén hương, một ngọn cờ, một cái lọng, một cái phan, một cái trướng, một ngọn đèn, một chiếc áo, một bản nhạc hay... để cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử, nơi vô số thế giới trong mười phương, một cách đầy đủ, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn tạo sự an lập cho các loại hữu tình, nơi vô số thế giới trong mười phương, khiến họ trụ vào nhóm giới, nhóm định, nhóm tuệ, hoặc nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến, hoặc trụ vào các đạo quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, hoặc trụ quả vị Độc giác, cho đến hoặc khiến hội nhập vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì có khả năng nhận biết như thật: Bố thí như vậy thì được quả báo lớn, gọi là nhận biết như thật; bố thí như vậy thì được sinh vào dòng dõi lớn Sát-đế-lợi; bố thí như vậy thì được sinh vào dòng dõi lớn Bà-la-môn; bố thí

như vậy thì được sinh vào dòng dõi lớn Trưởng giả; bố thí như vậy thì được sinh vào dòng dõi lớn Cư sĩ; bố thí như vậy thì được sinh vào các cảnh trời ở cõi Tứ đại Thiên vương, hoặc sinh vào cõi trời Ba mươi ba, cõi trời Dạ-ma, cõi trời Đổ-sử-đa, cõi trời Lạc biến hóa, cõi trời Tha hóa tự tại. Do bố thí ấy mà đạt được Sơ thiền, đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, hoặc đệ Tứ thiền. Do bố thí ấy mà đạt được các pháp định Không vô biên xứ, định Thức vô biên xứ, định Vô sở hữu xứ, hoặc định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Do bố thí ấy mà đạt được ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề. Do bố thí ấy mà đạt được ba cánh cửa giải thoát. Do bố thí ấy mà đạt được tám Giải thoát, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Do bố thí ấy mà đạt được các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa. Do bố thí ấy mà đạt được lìa phiền não, nhập Niết-bàn của Bồ-tát. Do bố thí ấy mà đạt được các bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân. Do bố thí ấy mà đạt được năm loại mắt Phật, hoặc sáu phép thần thông. Do bố thí ấy mà đạt được mười diệu lực của Phật, hoặc bốn điều không sợ, hoặc bốn hiểu biết không chướng ngại, hoặc mười tám pháp chỉ riêng Phật mới có, hoặc các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả. Do bố thí ấy mà đạt được ba mươi hai tướng của bậc Đại trượng phu, hoặc tám mươi vẻ đẹp kèm theo. Do bố thí ấy mà đạt được pháp không quên mất, hoặc thường trụ trong tánh xả. Do bố thí ấy mà đạt được trí biết tất cả, trí biết tướng đạo, hoặc trí biết tất cả tướng. Do bố thí ấy mà đạt được các đạo quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, quả Độc giác Bồ-đề, hoặc đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột; và có khả năng biết như thật về các pháp Ba-la-mật: Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã, được quả báo lớn cũng như vậy.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tất có khả năng nhận biết như thật: Khéo léo dùng phương tiện bố thí như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bố thí ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện bố thí như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tịnh giới ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện bố thí như thế, có thể hoàn thành đầy đủ An nhẫn ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện bố thí như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện bố thí như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện bố thí như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật-đa.

- Có khả năng nhận biết như thật: Khéo léo dùng phương tiện giữ tịnh giới như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tịnh giới ba-la-mật-đa; khéo

léo dùng phương tiện giữ tịnh giới như thế, có thể hoàn thành đầy đủ An nhẫn ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện giữ tịnh giới như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện giữ tịnh giới như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện giữ tịnh giới như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện giữ tịnh giới như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bố thí ba-la-mật-đa.

- Có khả năng biết như thật: Khéo léo dùng phương tiện an nhẫn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ An nhẫn ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện an nhẫn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện an nhẫn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện an nhẫn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện an nhẫn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bố thí ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện an nhẫn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tịnh giới ba-la-mật-đa.

- Có khả năng biết như thật: Khéo léo dùng phương tiện tinh tấn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện tinh tấn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện tinh tấn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện tinh tấn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bố thí ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện tinh tấn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tịnh giới ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện tinh tấn như thế, có thể hoàn thành đầy đủ An nhẫn ba-la-mật-đa.

- Có khả năng biết như thật: Khéo léo dùng phương tiện tĩnh lự như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tĩnh lự ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện tĩnh lự như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện tĩnh lự như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bố thí ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện tĩnh lự như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tịnh giới ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện tĩnh lự như thế, có thể hoàn thành đầy đủ An nhẫn ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện tĩnh lự như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật-đa.

- Có khả năng biết như thật: Khéo léo dùng phương tiện Bát-nhã như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện Bát-nhã như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Bố thí ba-la-mật-

đa; khéo léo dùng phương tiện Bát-nhã như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tịnh giới ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện Bát-nhã như thế, có thể hoàn thành đầy đủ An nhẫn ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện Bát-nhã như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật-đa; khéo léo dùng phương tiện Bát-nhã như thế, có thể hoàn thành đầy đủ Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có khả năng biết như thật về các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã như thế và do dùng phương tiện khéo léo mà hoàn thành đầy đủ các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có khả năng biết như thật: Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, thì hiểu thấu tất cả về người cho, kẻ nhận, vật cho đều không thể được; khéo léo dùng phương tiện bố thí như thế thì có thể hoàn thành đầy đủ các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, thì hiểu thấu về các tướng phạm, không phạm, đều không thể được; khéo léo dùng phương tiện giữ tịnh giới như thế thì có thể hoàn thành đầy đủ các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã, Bố thí ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, thì hiểu thấu về các tướng động, không động, đều không thể được; khéo léo dùng phương tiện an nhẫn như thế thì có thể hoàn thành đầy đủ các pháp An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã, các pháp Bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, thì hiểu thấu về các nẻo thân tâm siêng, lười đều không thể được; khéo léo dùng phương tiện tinh tấn như thế thì có thể hoàn thành đầy đủ các pháp Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã, các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, thì hiểu thấu về các pháp có thiền vị, không thiền vị, đều không thể được; khéo léo dùng phương tiện tĩnh lự như thế thì có thể hoàn thành

đầy đủ các pháp Tĩnh lự, Bát-nhã, Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì hiểu thấu mọi tánh tướng của các pháp đều không thể được; khéo léo dùng phương tiện Bát-nhã như thế, thì có thể hoàn thành đầy đủ các pháp Bát-nhã, Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn có được công đức của các Bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong các thời quá khứ, hiện tại, vị lai, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn đạt đến khắp bờ giác của các pháp hữu vi, vô vi, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn đạt đến tột cùng cõi thật rộng lớn của các pháp chân như, pháp giới, pháp tánh, vô sinh trong quá khứ, hiện tại, vị lai, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn làm người hướng dẫn cho hàng Thanh văn, Độc giác, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn làm thị giả thân cận với chư Phật, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn làm bà con thân thích với chư Phật, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn đời đời luôn có được đông đủ bà con, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn thường làm bà con với các vị Bồ-tát, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn thân được thanh tịnh để thọ nhận sự cung kính cúng dường của thế gian, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn xua đuổi, chế phục các tâm tham lam keo kiệt, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn không khởi các tâm phạm giới, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dứt trừ vĩnh viễn các tâm tức giận, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn dứt bỏ các tâm lười biếng, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn lặng dứt các tâm tán loạn, thì nên

học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn xa lìa các tâm thông minh nhưng xấu ác, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn tạo sự an lập cho các loài hữu tình, đối với việc làm phước mang tính bố thí, việc làm phước mang tính giữ giới, việc làm phước mang tính tu hành, việc làm phước về cúng dường hầu hạ và việc làm phước có sự nương tựa, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn đạt được năm loại mắt, đó là Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn dùng mắt trời để chiêm ngưỡng khắp các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong vô số thế giới chư Phật mười phương, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn dùng tai trời để nghe hết lời nói pháp của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong vô số thế giới chư Phật mười phương, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn biết như thật về các pháp tâm, tâm sở của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong vô số thế giới chư Phật mười phương, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn được nghe chánh pháp nơi các cõi Phật trong vô số thế giới chư Phật mười phương, thường không lười bỏ, làm theo pháp đã nghe, cho đến khi đạt được quả vị Giác ngộ cao tột mà không hề quên mất, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn thấy các cõi Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai trong mười phương thế giới, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn cho các vị Thanh văn đã nghe hoặc chưa nghe, đều có thể thông đạt được diệu nghĩa sâu xa của tất cả Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy hữu pháp, Thí dụ, Luận nghị mà chư Phật mười phương nói trong quá khứ, hiện tại, vị lai, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn tự thọ trì, đọc tụng, thông suốt, hiểu thấu mọi diệu nghĩa và truyền bá cho kẻ khác những pháp môn mà chư Phật mười phương nói trong quá khứ, hiện tại, vị lai, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn tự mình tu hành đúng như lời Phật dạy và có thể khuyên người khác tu hành cũng đúng như lời Phật dạy theo các pháp môn mà chư Phật mười phương nói trong quá khứ, hiện tại, vị lai, thì nên

học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn làm ánh sáng chiếu soi vô số cõi u minh trong mười phương và tất cả thế giới, nơi mà ánh sáng mặt trời mặt trăng không chiếu tới được, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu trong vô số thế giới tối tăm, ngu muội ở mười phương ấy, có các loại hữu tình do tà kiến rất mạnh nên không tin việc làm ác, không tin việc làm lành, không tin quả báo của việc làm ác cùng việc làm lành, không tin đời trước, không tin đời sau, không tin Khổ đế, không tin Tập đế, không tin Diệt đế, không tin Đạo đế, không tin các việc làm các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã..., thường thu đạt kết quả nơi thế gian và xuất thế gian, không nghe tên Phật, tên Pháp, tên Tăng, đối với các trường hợp đó, Bồ-tát muốn dùng phương tiện khai hóa, khiến cho họ phát khởi chánh kiến, nghe tên Tam bảo, hoan hỷ tin theo, bỏ các việc ác, tu các việc lành, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn khiến cho chúng hữu tình trong vô số thế giới ở mười phương, tự dùng oai lực mình làm cho mọi người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm được nói, người điên được tỉnh, người loạn được định, người nghèo được giàu, người không y phục có được y phục, người đói được ăn, người khát được uống, người bệnh được lành, người xấu được đẹp, người tàn tật được lành lặn, người thiếu giác quan được đầy đủ, người sầu muộn được tỉnh ngộ, người mỏi mệt được khỏe khoắn, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn khiến chúng hữu tình trong vô số thế giới ở mười phương, tự dùng oai lực mình, đem lòng thương đối xử với nhau, như cha mẹ, như anh em, như chị em, như bạn bè, như bà con, không hề chống đối hãm hại nhau, luôn làm việc lợi ích đem lại an vui cho nhau, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn khiến chúng hữu tình trong vô số thế giới ở mười phương, tự dùng oai lực mình, làm cho những ai đang ở chốn ác, đều thoát khỏi chốn ác, sinh về nẻo lành; ai đang ở nẻo lành thì luôn ở nẻo lành, không đọa vào cõi ác, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn khiến chúng hữu tình trong vô số thế giới ở mười phương, tự dùng oai lực mình, làm cho ai quen làm việc ác đều tu theo việc thiện, không hề chán nản mỏi mệt, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn khiến chúng hữu tình trong vô số thế giới ở mười phương, tự dùng oai lực mình, làm cho những ai phạm giới đều trụ

trong nhóm giới; những ai tán loạn đều trụ trong nhóm định; những ai ngu si đều trụ trong nhóm trí tuệ; những ai chưa được giải thoát đều trụ trong nhóm giải thoát; những ai chưa được giải thoát tri kiến đều trụ trong nhóm giải thoát tri kiến, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn khiến chúng hữu tình trong vô số thế giới ở mười phương, tự dùng oai lực mình, làm cho ai chưa thấy được chân lý thì thấy được chân lý, trụ nơi quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, chứng được quả A-la-hán, hoặc chứng được quả vị Độc giác Bồ-đề cho đến chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn học các oai nghi thù thắng của chư Phật, khiến cho chúng hữu tình xem thấy không chán, nhờ đấy đoạn trừ tất cả ác, sinh tất cả thiện, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta nói pháp cho chúng sinh, dung nghi cũng nghiêm nghị như voi chúa nhìn ngắm" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào các nghiệp thân, ngữ, ý của ta cũng đều được thanh tịnh, theo trí tuệ mà thực hành" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào chân ta cũng không đạp đất, cách đất khoảng bốn ngón tay, tự tại mà đi" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta sẽ được vô lượng trăm ngàn vô số chư Thiên trong cõi Tứ đại Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh,... cùng các Thần, Rồng đều cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, hướng dẫn đám tùy tùng đến vây quanh cây Bồ-đề" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta sẽ được, vô lượng trăm ngàn vô số chư Thiên, trong cõi Tứ đại Thiên vương, cho đến trời Sắc cứu cánh và các chúng Thần, Rồng, ở nơi gốc cây Bồ-đề, dùng y báu làm

tòa" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta ở cạnh gốc cây Bồ-đề, ngồi kiết già, dùng tay được trang nghiêm với các tướng tốt, vỗ xuống đất, khiến cho địa thần nơi ấy và các quyến thuộc, cùng lúc vụt hiện lên làm chứng" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta ngồi cạnh gốc cây Bồ-đề, hàng phục chúng ma, chứng được quả vị Giác ngộ cao tột" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta chứng được quả vị Giác ngộ cao tột rồi, tùy theo địa phương ấy mọi uy nghi đi, đứng, nằm, ngồi luôn thung dung tự tại" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào là ngày ta bỏ ngôi vua xuất gia, ngay khi thành quả vị Giác ngộ cao tột, thì cũng ngay trong ngày ấy, trở lại chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm, liền khiến vô lượng, vô số chúng hữu tình, vĩnh viễn xa lìa mọi bụi bặm cấu uế, có được mắt pháp thanh tịnh; lại khiến cho vô lượng, vô số chúng hữu tình vĩnh viễn trừ hết các lậu, tâm tuệ giải thoát; cũng khiến cho vô lượng vô số hữu tình đều đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột, không hề thoái chuyển" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta sẽ đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, có vô lượng vô số Thanh văn, Bồ-tát là chúng đệ tử, một lần thuyết pháp, khiến cho vô lượng vô số các loài hữu tình, không rời chỗ ngồi, cùng lúc chứng được quả A-la-hán; vô lượng vô số các loài hữu tình, cũng không rời chỗ ngồi, cùng ở quả vị Giác ngộ cao tột, không hề thoái chuyển" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta sống lâu vô tận, thân có vô lượng, vô biên hào quang, tướng tốt trang nghiêm, người xem không nhàm chán; lúc đi, tuy có ngàn cành hoa sen tự nhiên nhô lên nâng đỡ bước chân đi, nhưng trên đất vẫn hiện ra ngàn vòng tròn, khi cất bước đi, đại địa chấn động, nhưng không làm nhiễu loạn các loại hữu tình sống trên ấy; khi muốn quay lui, toàn thân đều chuyển; chỗ chân giẫm đến, cỏ đều rạp xuống, như bánh xe qua, đất cũng chuyển theo" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào từ các chi thể nơi toàn thân đều phóng ra vô lượng vô số hào quang, chiếu khắp vô biên thế giới trong mười phương, tùy theo nơi chiếu đến, đều làm lợi ích lớn cho các loài hữu tình" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, trong cõi Phật của ta không có các tên: tham dục, sân giận, ngu si...; cũng không nghe có đường ác như địa ngục, bàng sinh, quỷ giới" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta được quả vị Giác ngộ cao tột, trong cõi Phật ta, các loài hữu tình đều thành tựu trí tuệ, như các cõi Phật khác; mỗi hữu tình khởi lên ý nghĩ thực hành các pháp bố thí, điều phục, an nhẫn, dũng tấn, tịch tĩnh, đề quán, lìa bỏ phóng dật, siêng tu phạm hạnh, đối với loài hữu tình, luôn Từ, Bi, Hỷ, Xả, không gây đau khổ cho nhau, thật là tốt đẹp!" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, trong cõi Phật ta, các loài hữu tình, đều thành tựu các loại công đức thù thắng; khiến nơi các cõi Phật khác, chư Phật và Bồ-tát cũng đều khen ngợi" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta chứng quả vị Giác ngộ cao tột, việc hóa độ đã xong, sau khi nhập Niết-bàn, chánh pháp không có thời kỳ diệt tận, thường vì các loài hữu tình, làm điều lợi ích" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khởi lên tư duy: "Lúc nào ta chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, các loại hữu tình, trong vô số thế giới ở mười phương, ai nghe tên ta, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ cao tột" và Đại Bồ-tát ấy muốn thành tựu việc này, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát muốn được vô lượng, vô số công đức không thể nghĩ bàn này, thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 4

PHẨM 2: HỌC QUÁN (2)

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đã có thể thành tựu được các công đức như vậy, thì Tứ đại Thiên vương ở thế giới ba lần ngàn đều rất vui mừng, cùng khởi lên ý nghĩ: "Nay đây, chúng ta nên đem bốn bát dâng lên Bồ-tát này, cũng như xưa kia, Thiên vương đã dâng bát lên Đức Phật." Bấy giờ, các cõi trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trong thế giới ba lần ngàn đều rất vui mừng, cùng khởi lên ý nghĩ: "Chúng ta đều nên cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen vị Bồ-tát ấy, khiến cho hung đảng A-tố-lạc tổn giảm dần, làm cho các Thiên chúng, quyến thuộc được tăng thêm." Khi ấy, các cõi trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh, trong thế giới ba lần ngàn, cũng đều vui mừng hớn hở, cùng khởi lên ý nghĩ: "Chúng ta nên thỉnh Bồ-tát, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm, để đem lại lợi ích cho tất cả."

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi sáu pháp Ba-la-mật-đa tăng trưởng, thì các hàng thiện nam, thiện nữ, trong thế giới đó, hoặc thấy, hoặc nghe, đều rất vui mừng, cùng khởi lên ý nghĩ: "Chúng ta nguyện sẽ làm cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, quyến thuộc, trí thức, bằng hữu với Bồ-tát ấy; nhờ phương tiện này, mà tu hành các nghiệp thiện, cũng sẽ chứng được quả vị Giác ngộ cao tột."

Lúc này, Thiên chúng trong cõi Tứ đại Thiên vương, ở thế giới ấy, cho đến trời Sắc cứu cánh hoặc thấy, hoặc nghe, đều rất vui mừng, cùng khởi lên ý nghĩ: "Chúng ta sẽ tạo các phương tiện, để cho vị Bồ-tát ấy xa lìa những việc chẳng phải phạm hạnh, từ khi mới phát tâm cho đến lúc

thành Phật, thường tu phạm hạnh. Vì sao vậy? Vì nếu nhiễm nơi sắc dục, thì sinh ở cõi Phạm thiên còn có thể bị chướng ngại, huống hồ là chứng được quả vị Giác ngộ cao tột. Cho nên Bồ-tát là người đoạn dục, xuất gia, tu phạm hạnh, mới có thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, chứ chẳng phải là người không đoạn dục."

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát cần phải có cha mẹ, vợ con, các thân hữu không?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Hoặc có Bồ-tát có đủ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, mà tu hạnh Đại Bồ-tát; hoặc có Đại Bồ-tát không có vợ con, từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật thường tu phạm hạnh, không hoại đồng chân; hoặc có Đại Bồ-tát, dùng phương tiện khéo léo, thị hiện thọ năm dục, rồi nhàm bỏ, xuất gia tu phạm hạnh, mới chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, ví như vị thầy ảo thuật hoặc đệ tử, rất giỏi phương pháp ảo thuật, tạo ra nhiều thứ rất hấp dẫn của năm dục, rồi cùng nhau tự do vui hưởng. Theo ông thì sao, những thứ do trò ảo thuật kia làm ra, có thật không?

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, không! Bạch Thiện Thệ, không!

Phật bảo:

–Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát cũng lại như thế, vì muốn đem lại sự thành tựu đầy đủ cho các loại hữu tình, nên tạo phương tiện khéo léo, giả hiện hưởng thụ năm dục, thật ra không có việc đó, nhưng Đại Bồ-tát ấy, ở trong năm dục, cực kỳ nhàm chán, không bị tội lỗi của năm dục làm ô nhiễm, dùng vô lượng phương pháp để chỉ trích, mạt sát các dục; vì dục là lửa dữ thiêu đốt thân tâm; vì dục là thứ dơ bẩn làm ô nhiễm mình và người, vì dục là thứ dẫn đầu đã, đang và sẽ luôn làm tổn hại, vì dục là giặc oán, đêm dài, rình tìm làm suy tổn; dục như đuốc cỏ, dục như trái đắng, dục như gươm bén, dục như đống lửa, dục như đồ độc, dục như huyễn hoặc, dục như giếng tối, dục như quỷ Chiên-trà-la giả làm người thân...

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát dùng vô lượng lời lẽ nặng nề như vậy để chỉ trích, mạt sát các dục, đã hiểu rất rõ tội lỗi của các dục, thì đâu có thật sự hưởng thụ chúng, chỉ vì sự lợi ích nhằm giáo hóa chúng hữu tình, nên đã sử dụng phương tiện khéo léo giả hiện thụ hưởng các dục.

Trưởng lão Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế nào?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên quán sát như thế này: Thật có Bồ-tát, mà chẳng thấy có Bồ-tát, chẳng thấy có tên Bồ-tát, chẳng thấy có Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy có tên Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy tu hành, chẳng thấy chẳng tu hành. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, tự tánh Bồ-tát là không, tên Bồ-tát là không. Vì sao vậy? Vì tự tánh của sắc là không, chứ chẳng phải do không có mà gọi là không. Cái không của sắc chẳng phải sắc, sắc chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc, sắc tức là không, không tức là sắc; tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không, chứ chẳng phải do không có mà gọi là không. Cái không của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức chẳng lìa không, không chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là không, không tức là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Xá-lợi Tử, đây chỉ có tên gọi là Bồ-đề; đây chỉ có tên gọi là Tát-đỏa; đây chỉ có tên gọi Bồ-đề Tát-đỏa; đây chỉ có tên gọi; nên gọi đó là không; đây chỉ có tên, gọi đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; tự tánh là như vậy, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là chẳng thấy sinh, chẳng thấy diệt, chẳng thấy nhiễm, chẳng thấy tịnh. Vì sao? Vì chỉ giả lập những cái tên tạm đối với các pháp để phân biệt; giả lập cái tên tạm, theo đó, khởi lên ngôn thuyết, gọi như thế này, như thế kia, rồi sinh khởi chấp trước thế này thế nọ. Khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả những cái như thế, đều chẳng thấy có; do chẳng thấy có mà không sinh chấp trước.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên quán sát như thế này: Bồ-tát chỉ có tên gọi; Phật chỉ có tên gọi; Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ có tên gọi; sắc chỉ có tên gọi; thọ, tưởng, hành, thức chỉ có tên gọi; nhãn xứ chỉ có tên gọi; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chỉ có tên gọi; sắc chỉ có tên gọi; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chỉ có tên gọi; nhãn giới chỉ có tên gọi; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chỉ có tên gọi; sắc giới chỉ có tên gọi; thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chỉ có tên gọi; nhãn thức giới chỉ có tên gọi; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chỉ có tên gọi; nhãn xúc chỉ có tên gọi; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chỉ có tên gọi; nhãn xúc làm duyên sinh ra các thọ chỉ có tên gọi; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm

duyên sinh ra các thọ chỉ có tên gọi; địa giới chỉ có tên gọi; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chỉ có tên gọi; nhân duyên chỉ có tên gọi; đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chỉ có tên gọi; do duyên sinh ra các pháp chỉ có tên gọi; vô minh chỉ có tên gọi; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chỉ có tên gọi; Bố thí ba-la-mật-đa chỉ có tên gọi; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ có tên gọi; pháp không bên trong chỉ có tên gọi; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, đều chỉ có tên gọi; bốn Niệm trụ chỉ có tên gọi; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo đều chỉ có tên gọi; pháp môn giải thoát Không chỉ có tên gọi; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đều chỉ có tên gọi; Thánh đế khổ chỉ có tên gọi; các pháp Thánh đế tập, diệt, đạo đều chỉ có tên gọi; bốn Tĩnh lự chỉ có tên gọi; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đều chỉ có tên gọi; tám Giải thoát chỉ có tên gọi; tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chỉ có tên gọi; pháp môn Đà-la-ni chỉ có tên gọi; pháp môn Tam-ma-địa chỉ có tên gọi; bậc Cực hỷ chỉ có tên gọi; bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân đều chỉ có tên gọi; bậc Tịnh quán chỉ có tên gọi; bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ-tát, bậc Như Lai chỉ có tên gọi; năm loại mắt chỉ có tên gọi; sáu pháp thần thông chỉ có tên gọi; mười lực của Như Lai chỉ có tên gọi; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng đều chỉ có tên gọi; ba mươi hai tướng của Đại sĩ chỉ có tên gọi; tám mươi vẻ đẹp kèm theo chỉ có tên gọi; pháp không quên mất chỉ có tên gọi; tánh luôn luôn xả chỉ có tên gọi; trí Nhất thiết chỉ có tên gọi; trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chỉ có tên gọi; trí Nhất thiết trí chỉ có tên gọi; vĩnh viễn dứt tận gốc phiền não và thói xấu đeo đẳng nhiều đời chỉ có tên gọi; các quả Dự lưu chỉ có tên gọi; các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chỉ có tên gọi; Độc giác Bồ-đề chỉ có tên gọi; tất cả hạnh Đại Bồ-tát chỉ có tên gọi; quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chỉ có tên gọi; pháp thế gian chỉ có tên gọi; pháp xuất

thế gian chỉ có tên gọi; pháp hữu lậu chỉ có tên gọi; pháp vô lậu chỉ có tên gọi; pháp hữu vi chỉ có tên gọi; pháp vô vi chỉ có tên gọi. Này Xá-lợi Tử, như ngã, chỉ có tên gọi; gọi đó là ngã, thật không thể được. Như vậy, hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, cái biết, cái thấy… cũng chỉ có tên gọi; nghĩa là từ hữu tình cho đến người thấy, vì là không, nên không thể được, chỉ theo thế tục mà giả đặt tên tạm, các pháp cũng vậy, không nên chấp trước. Vì thế, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy có ta, cho đến người thấy cũng không thấy tất cả pháp tánh.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa hết mực thâm diệu như thế, trừ trí tuệ của chư Phật, còn tất cả trí tuệ của các hàng Thanh văn, Độc giác, đều không thể sánh kịp. Vì cái không, thì không thể nắm bắt được. Tại sao vậy? Đại Bồ-tát ấy, đối với tên gọi và cái được đặt tên, đều không có chỗ được, vì không xem thấy có, nên không hề chấp trước. Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nếu có thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thì gọi là khéo tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa vô cùng thâm diệu.

Xá-lợi Tử, giả sử trí tuệ của ông và Đại Mục-kiền-liên, có nhiều như lúa, mè, tre, lau, mía, rừng..., đầy cả châu Thiệm-bộ, sánh với trí tuệ của một vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một, ức phần không bằng một, trăm ức phần không bằng một, ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức phần không bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ, cho đến phần cực số cũng không bằng một. Vì sao? Vì trí tuệ của vị Đại Bồ-tát ấy, có khả năng khiến cho tất cả loài hữu tình hướng đến Niết-bàn, mà trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác chẳng được như thế.

Lại nữa Xá-lợi Tử, vì trí tuệ đạt được trong một ngày của vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác không thể sánh kịp. Xá-lợi Tử, bỏ qua châu Thiệm-bộ, giả sử trí tuệ của ông và Đại Mục-kiền-liên, nhiều như lúa, mè, tre, lau, mía, rừng..., đầy cả bốn đại châu, sánh với trí tuệ của một vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một, ức phần không bằng một, trăm ức

phần không bằng một, ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức phần không bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ, cho đến phần cực số cũng không bằng một. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trí tuệ của vị Đại Bồ-tát ấy, có khả năng khiến cho tất cả loài hữu tình hướng đến Niết-bàn, còn trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác chẳng được như thế.

Lại nữa Xá-lợi Tử, trí tuệ đạt được trong một ngày của vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác không thể sánh kịp. Xá-lợi Tử, bỏ qua bốn đại châu, giả sử trí tuệ của ông và Đại Mục-kiền-liên, nhiều như lúa, mè, tre, lau, mía, rừng..., đầy một thế giới ba lần ngàn, sánh với trí tuệ của một vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một, ức phần không bằng một, trăm ức phần không bằng một, ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức phần không bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ, cho đến phần cực số cũng không bằng một. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trí tuệ của vị Đại Bồ-tát ấy, có khả năng khiến cho tất cả loài hữu tình hướng đến Niết-bàn, trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác chẳng được như thế.

Lại nữa Xá-lợi Tử, trí tuệ đạt được trong một ngày của vị Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác không thể sánh kịp. Xá-lợi Tử, vượt qua thế giới ba lần ngàn, giả sử trí tuệ của ông và Đại Mục-kiền-liên nhiều như lúa, mè, tre, lau, mía, rừng..., đầy cả vô số thế giới chư Phật trong mười phương, sánh với trí tuệ của một vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một, ức phần không bằng một, trăm ức phần không bằng một, ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức phần không bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ, cho đến phần cực số cũng không bằng một. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì trí tuệ của vị Đại Bồ-tát ấy, có khả năng khiến cho tất cả loài hữu tình hướng đến Niết-bàn, mà trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác chẳng được như thế.

Lại nữa Xá-lợi Tử, trí tuệ đạt được trong một ngày của vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác không thể sánh kịp.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như trí tuệ của hàng Thanh văn thừa với các quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; như trí tuệ của hàng Độc giác thừa, như trí tuệ của Đại Bồ-tát, như trí tuệ của các Đức Như Lai Ứng Chánh

Đẳng Giác, các thứ trí tuệ ấy đều không sai biệt, không chống trái nhau, không sinh, không diệt, tự tánh đều không; nếu là pháp không sai biệt, không chống trái nhau, không sinh diệt, tự tánh không, vậy sự sai biệt của pháp này đã không thể nắm bắt được, thì tại sao Thế Tôn bảo là trí tuệ của một vị Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chỉ trong một ngày mà trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác không thể sánh kịp?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, ông nghĩ sao, trí tuệ của một vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chỉ trong một ngày, đã hoàn thành được việc thù thắng, còn trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác có được việc này không?

Xá-lợi Tử đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Bạch Thiện Thệ, không!

Xá-lợi Tử, ông nghĩ sao, một vị Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tu trí tuệ trong một ngày, khởi lên ý nghĩ: "Ta nên tu hành trí Nhất thiết tướng vi diệu, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, đem lại lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình"; vị Đại Bồ-tát ấy, đối với tất cả pháp, đã giác ngộ tất cả tướng rồi, dùng phương tiện an lập cho tất cả hữu tình, đưa họ vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư; thế thì trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác có làm được việc này không?

Xá-lợi Tử đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Bạch Thiện Thệ, không!

Lại nữa Xá-lợi Tử, ông nghĩ sao, hàng Thanh văn, Độc giác, ai có thể khởi lên ý nghĩ: Ta sẽ chứng được quả vị Giác ngộ cao tột rồi dùng phương tiện để an lập cho tất cả loài hữu tình nơi cảnh giới Niết-bàn Vô dư không?

Xá-lợi Tử đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Bạch Thiện Thệ, không!

Lại nữa Xá-lợi Tử, ông nghĩ sao, hàng Thanh văn, Độc giác, ai có thể khởi lên ý nghĩ: Ta sẽ tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; ta sẽ tu hành thù thắng bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; ta sẽ tu hành thù thắng bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; ta sẽ tu hành thù thắng tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; ta sẽ tu hành thù thắng các pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; ta sẽ an trụ pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không

không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; ta sẽ an trụ chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; ta sẽ an trụ thù thắng bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; ta sẽ tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa; ta sẽ tu hành bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân; ta sẽ hoàn thành thần thông Bồ-tát, tạo sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật; ta sẽ hoàn thành năm loại mắt, sáu phép thần thông; ta sẽ hoàn thành mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; ta sẽ hoàn thành ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp kèm theo; ta sẽ hoàn thành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; ta sẽ hoàn thành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; vĩnh viễn dứt trừ tận gốc tất cả phiền não, thói xấu đeo đẳng nhiều đời, chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, rồi dùng phương tiện để an lập cho vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình, ở cảnh giới Niết-bàn Vô dư không?

Xá-lợi Tử đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Bạch Thiện Thệ, không!

Phật bảo:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đều khởi lên ý nghĩ: ta sẽ tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; cho đến lúc ta sẽ vĩnh viễn dứt tận gốc tất cả phiền não, thói xấu đeo đẳng nhiều đời, chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, rồi dùng phương tiện để an lập cho vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình, ở cảnh giới Niết-bàn Vô dư.

Xá-lợi Tử, thí như loài đom đóm không hề nghĩ như thế này: ánh sáng của ta có thể chiếu khắp châu Thiệm-bộ, khiến cho đâu đâu cũng sáng rực lên; cũng như vậy, hàng Thanh văn, Độc giác không nghĩ như thế này: Ta sẽ tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; cho đến ta sẽ vĩnh viễn dứt trừ tận gốc tất cả phiền não, thói xấu đeo đẳng nhiều đời, chứng được quả vị Giác ngộ

cao tột, rồi dùng phương tiện để an lập cho vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình, ở cảnh giới Niết-bàn Vô dư.

Xá-lợi Tử, thí như ánh sáng chói chang của mặt trời, chiếu khắp châu Thiệm-bộ, không chỗ nào là không chiếu đến; cũng như vậy, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thường khởi lên ý nghĩ như thế này: Ta sẽ tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; cho đến ta sẽ vĩnh viễn dứt sạch tận gốc tất cả phiền não, thói xấu đeo đẳng nhiều đời, chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, rồi dùng phương tiện để an lập cho vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình, ở cảnh giới Niết-bàn Vô dư.

Xá-lợi Tử, vì thế nên biết là trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác, sánh với trí tuệ tu tập trong một ngày của Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một, ức phần không bằng một, trăm ức phần không bằng một, ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức phần không bằng một, phần tính đếm, phần thí dụ, cho đến phần cực số cũng không bằng một.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát có khả năng vượt các bậc Thanh văn, Độc giác; có khả năng chứng được bậc Bồ-tát không thoái chuyển; có khả năng làm sáng tỏ đạo giác ngộ cao tột của Đức Phật?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã, luôn dùng phương tiện khéo léo, nguyện lành, trí lực ba-la-mật-đa; an trụ nơi pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, nên có khả năng vượt hơn tất cả bậc Thanh văn, Độc giác; có khả năng chứng đắc bậc Bồ-tát không thoái chuyển và làm sáng tỏ đạo giác ngộ cao tột của Đức Phật.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát trụ ở bậc nào mà có khả năng làm ruộng phước tốt cho hàng Thanh văn, Độc giác?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã, với phương tiện khéo léo, nguyện lành, trí lực ba-la-mật-đa; an trụ nơi các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, cho đến an tọa trên tòa Bồ-đề nhiệm mầu, thường làm ruộng phước cho hàng Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì

nương vào Đại Bồ-tát ấy mà tất cả pháp thiện xuất hiện ở thế gian, nghĩa là do nhờ Đại Bồ-tát mà có mười nẻo nghiệp thiện, năm giới cận sự, tám giới cận trụ, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, việc làm phước mang tính bố thí, việc làm phước mang tính giữ giới, việc làm phước mang tính tu hành... xuất hiện ở thế gian. Lại do nhờ Đại Bồ-tát mà có bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, các pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, các Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, xuất hiện ở thế gian.

Lại do nhờ Đại Bồ-tát mà:

- Có các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất hiện ở thế gian.

- Có pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh xuất hiện ở thế gian.

- Có tất cả pháp, chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn xuất hiện ở thế gian.

- Có tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ xuất hiện ở thế gian.

- Có tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, mười bậc Bồ-tát xuất hiện ở thế gian.

- Có năm loại mắt, sáu phép thần thông xuất hiện ở thế gian.

- Có mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng xuất hiện ở thế gian.

- Có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả xuất hiện ở thế gian.

- Có trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng xuất hiện ở thế gian.

- Có vô lượng, vô số, vô biên các pháp lành, tạo sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật xuất hiện ở thế gian.

Vì có các pháp lành như vậy, nên thế gian mới có các dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ.

Vì có các pháp lành như vậy, nên thế gian mới có các cõi trời Tứ đại Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại.

Vì có các pháp lành như vậy, nên thế gian mới có các cõi trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh.

Vì có các pháp lành như thế, nên thế gian mới có các cõi trời Không vô biên xứ, trời Thức vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Vì có các pháp lành như thế, nên thế gian mới có các quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác.

Vì có các pháp lành như thế, nên thế gian mới có các hàng Đại Bồ-tát và các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát có nên báo ân đối với thí chủ không?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khỏi phải báo ân đối với các thí chủ. Vì sao? Là vì đã báo nhiều rồi. Do đâu mà nói như thế? Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát chính là đại thí chủ, đã bố thí cho các loài hữu tình vô lượng các pháp lành, nghĩa là bố thí cho chúng hữu tình mười nẻo nghiệp thiện, năm giới cận sự, tám giới cận trụ, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, ba việc làm phước mang tính bố thí, trì giới, tu hành.

Lại bố thí cho các loài hữu tình bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, các môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, các Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo.

Lại bố thí cho hữu tình các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã, phương tiện khéo léo, nguyện lành, trí lực ba-la-mật-đa.

Lại bố thí cho hữu tình các pháp không, pháp không bên trong, pháp

không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh.

Lại bố thí cho hữu tình tất cả các pháp, chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Lại bố thí cho hữu tình tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Lại bố thí cho hữu tình các pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, mười bậc Bồ-tát.

Lại bố thí cho hữu tình năm loại mắt, sáu phép thần thông.

Lại bố thí cho hữu tình mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, bốn pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng.

Lại bố thí cho hữu tình pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả.

Lại bố thí cho hữu tình các thứ trí: trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Lại bố thí cho hữu tình bốn pháp: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự; tạo sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, các phương tiện khéo léo.

Lại bố thí cho hữu tình các đạo quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán, Độc giác Bồ-đề.

Lại bố thí cho hữu tình hạnh của tất cả Đại Bồ-tát, cùng quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát bố thí cho các hữu tình vô lượng, vô số, vô biên các loại pháp thiện như thế, cho nên gọi Bồ-tát là bậc đại thí chủ. Như vậy là đã báo ân cho các thí chủ và là ruộng phước tốt làm sinh trưởng mọi phước đức thù thắng.

M

PHẨM 3: TƯƠNG ƯNG (1)

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với pháp nào, mà gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của sắc, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của thọ, tưởng, hành, thức, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của nhãn xứ, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của sắc xứ, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của nhãn giới, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của sắc giới, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của nhãn thức giới, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của nhãn xúc, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của các thọ

do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của địa giới, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của nhân duyên, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và có các duyên khác sinh ra, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của vô minh, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của Bố thí ba-la-mật-đa nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của pháp không bên trong nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của chân như, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của bốn Niệm trụ, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của Thánh đế khổ, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của Thánh đế tập, diệt, đạo, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của mười nẻo nghiệp thiện, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của năm giới cận sự, tám giới cận trụ, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của việc làm lành mang tính bố thí, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của việc làm lành mang tính giữ giới, mang tính tu hành, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của bốn Tĩnh lự, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của tám Giải thoát, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của pháp môn giải thoát Không, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của tất cả pháp môn Đà-la-ni, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của bậc Cực hỷ, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc

Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của năm loại mắt, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của sáu phép thần thông, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của mười lực của Phật, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của ba mươi hai tướng Đại sĩ, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của pháp không quên mất, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của tánh luôn luôn xả, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của trí Nhất thiết, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của trí Nhất thiết trí, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của việc vĩnh viễn đoạn trừ tận gốc tất cả phiền não, thói xấu nhiều đời, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của quả Dự lưu, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác Bồ-đề, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của quả vị Giác ngộ cao

tột của chư Phật, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với cái không của ngã, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do tương ưng với cái không của hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, cái biết, cái thấy…, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với những cái không như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do khi tương ưng với những cái không như thế, chẳng thấy sắc, hoặc tương ưng, hoặc không tương ưng; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tương ưng hoặc không tương ưng. Vì sao vậy? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy, chẳng thấy sắc là pháp sinh hay là pháp diệt; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là pháp sinh hay là pháp diệt; chẳng thấy sắc là pháp nhiễm hay là pháp tịnh; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là pháp nhiễm hay là pháp tịnh.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy sắc hợp với thọ, chẳng thấy thọ hợp với tưởng, chẳng thấy tưởng hợp với hành, chẳng thấy hành hợp với thức. Vì sao? Xá-lợi Tử, không có một pháp nhỏ nhiệm nào hợp với một pháp nhỏ nhiệm nào, vì bản tánh là không. Do đâu mà nói như thế? Này Xá-lợi Tử, cái không của các sắc, nó chẳng phải là sắc; các cái không của thọ, tưởng, hành, thức, chúng chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Xá-lợi Tử, cái không của các sắc, nó chẳng phải là tướng biến đổi, ngăn ngại; cái không của các thọ, nó chẳng phải là tướng lãnh nạp; cái không của các tưởng, nó chẳng phải là tướng nắm bắt hình tượng; cái không của các hành, nó chẳng phải là tướng tạo tác; cái không của các thức, nó chẳng phải là tướng phân biệt. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng khác không, không chẳng khác thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là không, không tức là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Xá-lợi Tử, tướng không của các pháp ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại.

Xá-lợi Tử, như vậy, trong cái không, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có địa giới, không có thủy, hỏa, phong, không,

thức giới; không có nhãn xứ, không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; không có sắc xứ, không có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; không có nhãn giới, không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; không có sắc giới, không có thanh, hương, vị xúc, pháp giới; không có nhãn thức giới, không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; không có nhãn xúc, không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; không có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, không có các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra; không có sự sinh khởi của vô minh, không có sự diệt tận của vô minh; không có sự sinh khởi của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; không có sự diệt tận của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; không có Thánh đế khổ, không có Thánh đế tập, diệt, đạo; không có đắc, không có hiện quán, không có Dự lưu, không có quả Dự lưu, không có Nhất lai, không có quả Nhất lai, không có Bất hoàn, không có quả Bất hoàn, không có A-la-hán, không có quả A-la-hán, không có Độc giác, không có quả vị Độc giác, không có Bồ-tát, không có hạnh Bồ-tát, không có Phật, không có quả vị Phật.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 5

PHẨM 3: TƯƠNG ƯNG (2)

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với sắc; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với nhãn xứ; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với sắc xứ; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với nhãn giới; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với sắc giới; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với nhãn thức giới; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với nhãn xúc; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với địa giới; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với nhân duyên; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với sở duyên duyên, đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng

tương ưng với các pháp do duyên khác sinh ra.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với vô minh; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với cõi Dục; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với pháp không bên trong; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với chân như; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với bốn Niệm trụ; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với Thánh đế khổ; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với Thánh đế tập, diệt, đạo.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với mười nẻo nghiệp thiện; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với năm giới cận sự, tám giới cận trụ.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với việc làm phước mang tính bố thí; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với việc làm phước mang tính giữ giới, mang tính tu hành.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với bốn Tĩnh lự; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với tám Giải thoát; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với pháp môn giải thoát Không; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với bậc Cực hỷ; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với năm loại mắt; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với sáu phép thần thông.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với mười lực của Phật; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với ba mươi hai tướng Đại sĩ; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với pháp không quên mất; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với tánh luôn luôn xả.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với trí Nhất thiết; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, trí Nhất thiết tướng vi diệu; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với trí Nhất thiết trí.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với việc dứt trừ tận gốc vĩnh viễn tất cả phiền não, thói xấu từ nhiều đời.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với quả Dự lưu; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với quả vị Độc giác; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với ngã; chẳng thấy tương ưng hoặc chẳng tương ưng với hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, cái biết, cái thấy…

Xá-lợi Tử, nên biết là các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì những nhân duyên ấy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng, chẳng tương ưng giữa cái không với cái không, chẳng quán sự tương ưng, chẳng tương ưng giữa cái vô tướng với vô tướng, chẳng quán sự tương ưng, chẳng tương ưng giữa cái vô nguyện với vô nguyện. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì Không, Vô tướng, Vô nguyện đều không có tương ưng, hay chẳng tương ưng.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì cũng tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể nhập cái không tự tướng của tất cả pháp rồi thì chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng của sắc, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng của thọ, tưởng, hành, thức.

Vị Bồ-tát ấy, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa sắc với đời trước. Vì sao? Vì chẳng thấy đời trước. Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa thọ, tưởng, hành, thức với đời trước. Vì sao? Vì chẳng thấy đời trước.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa sắc với đời sau. Vì sao? Vì chẳng thấy đời sau. Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa thọ, tưởng, hành, thức với đời sau. Vì sao? Vì chẳng thấy đời sau.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa sắc với hiện tại. Vì sao? Vì chẳng thấy hiện tại. Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa thọ, tưởng, hành, thức với hiện tại. Vì sao? Vì chẳng thấy hiện tại.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa đời trước với đời sau, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa đời trước với hiện tại.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa đời sau với đời trước, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa đời sau với hiện tại.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa hiện tại với đời trước, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa hiện tại với đời sau.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa đời trước với đời sau và hiện tại.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa đời sau với đời trước và hiện tại.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa hiện tại với đời trước và đời sau.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa đời trước, đời sau, hiện tại. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì ba đời đều không.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với quá khứ. Vì sao? Vì quá khứ còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với quá khứ.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với vị lai. Vì sao? Vì vị lai còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với vị lai.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với hiện tại. Vì sao? Vì hiện tại còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với hiện tại.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với sắc. Vì sao? Vì sắc còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với sắc.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức còn chẳng

thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhãn xứ. Vì sao? Vì nhãn xứ còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhãn xứ.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với sắc xứ. Vì sao? Vì sắc xứ còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với sắc xứ.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhãn giới. Vì sao? Vì nhãn giới còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhãn giới.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-

đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với sắc giới. Vì sao? Vì sắc giới còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với sắc giới.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp giới còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhãn thức giới. Vì sao? Vì nhãn thức giới còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhãn thức giới.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhãn xúc. Vì sao? Vì nhãn xúc còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhãn xúc.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với

các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Vì các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với địa giới. Vì sao? Vì địa giới còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với địa giới.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhân duyên. Vì sao? Vì nhân duyên còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với nhân duyên.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các duyên khác sinh ra. Vì sao? Vì các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các duyên khác sinh ra còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các duyên khác sinh ra.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-

đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với vô minh. Vì sao? Vì vô minh còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với vô minh.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Bố thí ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Bố thí ba-la-mật-đa.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với pháp không bên trong. Vì sao? Vì pháp không bên trong còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với pháp không bên trong.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp

không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vì sao? Vì từ pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bốn Niệm trụ. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bốn Niệm trụ.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Thánh đế khổ. Vì sao? Vì Thánh đế khổ còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Thánh đế khổ.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Thánh đế tập, diệt, đạo.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bốn Tĩnh lự. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bốn Tĩnh lự.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tám Giải thoát. Vì sao? Vì tám Giải thoát còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tám Giải thoát.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ. Vì sao? Vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với pháp môn giải thoát Không. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với pháp môn giải thoát Không.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tất cả pháp môn Đà-la-ni. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Đà-la-ni còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất

thiết với tất cả pháp môn Đà-la-ni.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bậc Cực hỷ. Vì sao? Vì bậc Cực hỷ còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bậc Cực hỷ.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với các bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân. Vì sao? Vì từ bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với năm loại mắt. Vì sao? Vì năm loại mắt còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với năm loại mắt.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với sáu phép thần thông. Vì sao? Vì sáu phép thần thông còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với sáu phép thần thông.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với mười lực của Phật. Vì sao? Vì mười lực của Phật còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với mười lực của Phật.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với ba mươi hai tướng Đại sĩ. Vì sao? Vì ba mươi hai tướng Đại sĩ còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với ba mươi hai tướng Đại sĩ.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tám mươi vẻ đẹp kèm theo. Vì sao? Vì tám mươi vẻ đẹp kèm theo còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với pháp không quên mất. Vì sao? Vì pháp không quên mất còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với pháp không quên mất.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì tánh luôn luôn xả còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với tánh luôn luôn xả.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với trí Nhất thiết. Vì sao? Vì trí Nhất thiết còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với trí Nhất thiết.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Phật. Vì sao? Vì Phật còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Phật.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-đề còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Bồ-đề.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Phật, chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa Phật với trí Nhất thiết. Vì sao? Vì trí Nhất thiết tức là Phật, Phật tức là trí Nhất thiết.

Chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa trí Nhất thiết với Bồ-đề; chẳng quán sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng giữa Bồ-đề với trí Nhất thiết. Vì sao? Vì trí Nhất thiết tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức là trí Nhất thiết.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của sắc, chẳng bám dính vào chẳng phải có của sắc; chẳng bám dính vào có của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng bám dính vào chẳng phải có của thọ, tưởng, hành, thức.

Chẳng bám dính vào thường của sắc, chẳng bám dính vào vô thường của sắc; chẳng bám dính vào thường của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng bám dính vào vô thường của thọ, tưởng, hành, thức.

Chẳng bám dính vào vui của sắc, chẳng bám dính vào khổ của sắc; chẳng bám dính vào vui của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng bám dính vào

khổ của thọ, tưởng, hành, thức.

Chẳng bám dính vào ngã của sắc, chẳng bám dính vào vô ngã của sắc; chẳng bám dính vào ngã của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng bám dính vào vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của sắc, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của sắc; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức.

Chẳng bám dính vào không của sắc, chẳng bám dính vào chẳng không của sắc; chẳng bám dính vào không của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng bám dính vào chẳng không của thọ, tưởng, hành, thức.

Chẳng bám dính vào vô tướng của sắc, chẳng bám dính vào hữu tướng của sắc; chẳng bám dính vào vô tướng của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng bám dính vào hữu tướng của thọ, tưởng, hành, thức.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của sắc, chẳng bám dính vào hữu nguyện của sắc; chẳng bám dính vào vô nguyện của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng bám dính vào hữu nguyện của thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của nhãn xứ, chẳng bám dính vào chẳng phải có của nhãn xứ; chẳng bám dính vào có của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng bám dính vào chẳng phải có của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Chẳng bám dính vào thường của nhãn xứ, chẳng bám dính vào vô thường của nhãn xứ; chẳng bám dính vào thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng bám dính vào vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Chẳng bám dính vào vui của nhãn xứ, chẳng bám dính vào khổ của nhãn xứ; chẳng bám dính vào vui của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng bám dính vào khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Chẳng bám dính vào ngã của nhãn xứ, chẳng bám dính vào vô ngã của nhãn xứ; chẳng bám dính vào ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng bám dính vào vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của nhãn xứ, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Chẳng bám dính vào không của nhãn xứ, chẳng bám dính vào chẳng không của nhãn xứ; chẳng bám dính vào không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng bám dính vào chẳng không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Chẳng bám dính vào vô tướng của nhãn xứ, chẳng bám dính vào hữu tướng của nhãn xứ; chẳng bám dính vào vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng bám dính vào hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của nhãn xứ, chẳng bám dính vào hữu nguyện của nhãn xứ; chẳng bám dính vào vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng bám dính vào hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của sắc xứ, chẳng bám dính vào chẳng phải có của sắc xứ; chẳng bám dính vào có của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng bám dính vào chẳng phải có của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Chẳng bám dính vào thường của sắc xứ, chẳng bám dính vào vô thường của sắc xứ; chẳng bám dính vào thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng bám dính vào vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Chẳng bám dính vào vui của sắc xứ, chẳng bám dính vào khổ của sắc xứ; chẳng bám dính vào vui của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng bám dính vào khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Chẳng bám dính vào ngã của sắc xứ, chẳng bám dính vào vô ngã của sắc xứ; chẳng bám dính vào ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng bám dính vào vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của sắc xứ, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của sắc xứ; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Chẳng bám dính vào không của sắc xứ, chẳng bám dính vào chẳng không của sắc xứ; chẳng bám dính vào không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng bám dính vào chẳng không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Chẳng bám dính vào vô tướng của sắc xứ, chẳng bám dính vào hữu tướng của sắc xứ; chẳng bám dính vào vô tướng của thanh, hương, vị,

xúc, pháp xứ, chẳng bám dính vào hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của sắc xứ, chẳng bám dính vào hữu nguyện của sắc xứ; chẳng bám dính vào vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng bám dính vào hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của nhãn giới, chẳng bám dính vào chẳng phải có của nhãn giới; chẳng bám dính vào có của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, chẳng bám dính vào chẳng phải có của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Chẳng bám dính vào thường của nhãn giới, chẳng bám dính vào vô thường của nhãn giới; chẳng bám dính vào thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, chẳng bám dính vào vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Chẳng bám dính vào vui của nhãn giới, chẳng bám dính vào khổ của nhãn giới; chẳng bám dính vào vui của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, chẳng bám dính vào khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Chẳng bám dính vào ngã của nhãn giới, chẳng bám dính vào vô ngã của nhãn giới; chẳng bám dính vào ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, chẳng bám dính vào vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của nhãn giới, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của nhãn giới; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Chẳng bám dính vào không của nhãn giới, chẳng bám dính vào chẳng không của nhãn giới; chẳng bám dính vào không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, chẳng bám dính vào chẳng không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Chẳng bám dính vào vô tướng của nhãn giới, chẳng bám dính vào hữu tướng của nhãn giới; chẳng bám dính vào vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, chẳng bám dính vào hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của nhãn giới, chẳng bám dính vào hữu nguyện của nhãn giới; chẳng bám dính vào vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, chẳng bám dính vào hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của sắc giới, chẳng bám dính vào chẳng phải có của sắc giới; chẳng bám dính vào có của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, chẳng bám dính vào chẳng phải có của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Chẳng bám dính vào thường của sắc giới, chẳng bám dính vào vô thường của sắc giới; chẳng bám dính vào thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, chẳng bám dính vào vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Chẳng bám dính vào vui của sắc giới, chẳng bám dính vào khổ của sắc giới; chẳng bám dính vào vui của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, chẳng bám dính vào khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Chẳng bám dính vào ngã của sắc giới, chẳng bám dính vào vô ngã của sắc giới; chẳng bám dính vào ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, chẳng bám dính vào vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của sắc giới, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của sắc giới; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Chẳng bám dính vào không của sắc giới, chẳng bám dính vào chẳng không của sắc giới; chẳng bám dính vào không của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, chẳng bám dính vào chẳng không của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Chẳng bám dính vào vô tướng của sắc giới, chẳng bám dính vào hữu tướng của sắc giới; chẳng bám dính vào vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, chẳng bám dính vào hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của sắc giới, chẳng bám dính vào hữu nguyện của sắc giới; chẳng bám dính vào vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, chẳng bám dính vào hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa,

chẳng bám dính vào có của nhãn thức giới, chẳng bám dính vào chẳng phải có của nhãn thức giới; chẳng bám dính vào có của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, chẳng bám dính vào chẳng phải có của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Chẳng bám dính vào thường của nhãn thức giới, chẳng bám dính vào vô thường của nhãn thức giới; chẳng bám dính vào thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, chẳng bám dính vào vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Chẳng bám dính vào vui của nhãn thức giới, chẳng bám dính vào khổ của nhãn thức giới; chẳng bám dính vào vui của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, chẳng bám dính vào khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Chẳng bám dính vào ngã của nhãn thức giới, chẳng bám dính vào vô ngã của nhãn thức giới; chẳng bám dính vào ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, chẳng bám dính vào vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của nhãn thức giới, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của nhãn thức giới; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Chẳng bám dính vào không của nhãn thức giới, chẳng bám dính vào chẳng không của nhãn thức giới; chẳng bám dính vào không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, chẳng bám dính vào chẳng không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Chẳng bám dính vào vô tướng của nhãn thức giới, chẳng bám dính vào hữu tướng của nhãn thức giới; chẳng bám dính vào vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, chẳng bám dính vào hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của nhãn thức giới, chẳng bám dính vào hữu nguyện của nhãn thức giới; chẳng bám dính vào vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, chẳng bám dính vào hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 6

PHẨM 3: TƯƠNG ƯNG (3)

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của nhãn xúc, chẳng bám dính vào chẳng phải có của nhãn xúc; chẳng bám dính vào có của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, chẳng bám dính vào chẳng phải có của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Chẳng bám dính vào thường của nhãn xúc, chẳng bám dính vào vô thường của nhãn xúc; chẳng bám dính vào thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, chẳng bám dính vào vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Chẳng bám dính vào vui của nhãn xúc, chẳng bám dính vào khổ của nhãn xúc; chẳng bám dính vào vui của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, chẳng bám dính vào khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Chẳng bám dính vào ngã của nhãn xúc, chẳng bám dính vào vô ngã của nhãn xúc; chẳng bám dính vào ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, chẳng bám dính vào vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của nhãn xúc, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của nhãn xúc; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Chẳng bám dính vào không của nhãn xúc, chẳng bám dính vào chẳng không của nhãn xúc; chẳng bám dính vào không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, chẳng bám dính vào chẳng không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Chẳng bám dính vào vô tướng của nhãn xúc, chẳng bám dính vào hữu tướng của nhãn xúc; chẳng bám dính vào vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, chẳng bám dính vào hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của nhãn xúc, chẳng bám dính vào hữu nguyện của nhãn xúc; chẳng bám dính vào vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, chẳng bám dính vào hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào chẳng phải có của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng bám dính vào có của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào chẳng phải có của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Chẳng bám dính vào thường của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào vô thường của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng bám dính vào thường của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào vô thường của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Chẳng bám dính vào vui của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào khổ của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng bám dính vào vui của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào khổ của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Chẳng bám dính vào ngã của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào vô ngã của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng bám dính vào ngã của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào vô ngã của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Chẳng bám dính vào không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào chẳng không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng bám dính vào không của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào chẳng không của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Chẳng bám dính vào vô tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào hữu tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng bám dính vào vô tướng của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt,

thân, ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào hữu tướng của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào hữu nguyện của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng bám dính vào vô nguyện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng bám dính vào hữu nguyện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của địa giới, chẳng bám dính vào chẳng phải có của địa giới; chẳng bám dính vào có của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng bám dính vào chẳng phải có của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Chẳng bám dính vào thường của địa giới, chẳng bám dính vào vô thường của địa giới; chẳng bám dính vào thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng bám dính vào vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Chẳng bám dính vào vui của địa giới, chẳng bám dính vào khổ của địa giới; chẳng bám dính vào vui của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng bám dính vào khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Chẳng bám dính vào ngã của địa giới, chẳng bám dính vào vô ngã của địa giới; chẳng bám dính vào ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng bám dính vào vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của địa giới, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của địa giới; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Chẳng bám dính vào không của địa giới, chẳng bám dính vào chẳng không của địa giới; chẳng bám dính vào không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng bám dính vào chẳng không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Chẳng bám dính vào vô tướng của địa giới, chẳng bám dính vào hữu tướng của địa giới; chẳng bám dính vào vô tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng bám dính vào hữu tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của địa giới, chẳng bám dính vào hữu nguyện của địa giới; chẳng bám dính vào vô nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng bám dính vào hữu nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của nhân duyên, chẳng bám dính vào chẳng phải có của nhân duyên; chẳng bám dính vào có của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra, chẳng bám dính vào chẳng phải có của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra.

Chẳng bám dính vào thường của nhân duyên, chẳng bám dính vào vô thường của nhân duyên; chẳng bám dính vào thường của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra, chẳng bám dính vào vô thường của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra.

Chẳng bám dính vào vui của nhân duyên, chẳng bám dính vào khổ của nhân duyên; chẳng bám dính vào vui của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra, chẳng bám dính vào khổ của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra.

Chẳng bám dính vào ngã của nhân duyên, chẳng bám dính vào vô ngã của nhân duyên; chẳng bám dính vào ngã của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra, chẳng bám dính vào vô ngã của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của nhân duyên, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của nhân duyên; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra.

Chẳng bám dính vào không của nhân duyên, chẳng bám dính vào chẳng không của nhân duyên; chẳng bám dính vào không của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra, chẳng bám dính vào chẳng không của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra.

Chẳng bám dính vào vô tướng của nhân duyên, chẳng bám dính vào hữu tướng của nhân duyên; chẳng bám dính vào vô tướng của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra, chẳng bám dính vào hữu tướng của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của nhân duyên, chẳng bám dính vào hữu nguyện của nhân duyên; chẳng bám dính vào vô nguyện của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra, chẳng bám dính vào hữu nguyện của các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của vô minh, chẳng bám dính vào chẳng phải có của vô minh; chẳng bám dính vào có của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng bám dính vào chẳng phải có của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Chẳng bám dính vào thường của vô minh, chẳng bám dính vào vô thường của vô minh; chẳng bám dính vào thường của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng bám dính vào vô thường của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Chẳng bám dính vào vui của vô minh, chẳng bám dính vào khổ của vô minh; chẳng bám dính vào vui của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng bám dính vào khổ của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Chẳng bám dính vào ngã của vô minh, chẳng bám dính vào vô ngã của vô minh; chẳng bám dính vào ngã của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng bám dính vào vô ngã của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của vô minh, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của vô minh; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Chẳng bám dính vào không của vô minh, chẳng bám dính vào chẳng không của vô minh; chẳng bám dính vào không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng bám dính vào chẳng không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Chẳng bám dính vào vô tướng của vô minh, chẳng bám dính vào hữu tướng của vô minh; chẳng bám dính vào vô tướng của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng bám dính vào hữu tướng của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của vô minh, chẳng bám dính vào hữu nguyện của vô minh; chẳng bám dính vào vô nguyện của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng bám dính vào hữu nguyện của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào chẳng phải có của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng bám dính vào có của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào chẳng phải có của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng bám dính vào thường của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng bám dính vào thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng bám dính vào vui của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào khổ của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng bám dính vào vui của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng bám dính vào ngã của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng bám dính vào ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính

vào vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng bám dính vào không của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào chẳng không của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng bám dính vào không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào chẳng không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng bám dính vào vô tướng của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào hữu tướng của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng bám dính vào vô tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào hữu tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào hữu nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng bám dính vào vô nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào hữu nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của pháp không bên trong, chẳng bám dính vào chẳng phải có của pháp không bên trong; chẳng bám dính vào có của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, chẳng bám dính vào chẳng phải có của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Chẳng bám dính vào thường của pháp không bên trong, chẳng bám

dính vào vô thường của pháp không bên trong; chẳng bám dính vào thường của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng bám dính vào vô thường của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Chẳng bám dính vào vui của pháp không bên trong, chẳng bám dính vào khổ của pháp không bên trong; chẳng bám dính vào vui của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng bám dính vào khổ của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Chẳng bám dính vào ngã của pháp không bên trong, chẳng bám dính vào vô ngã của pháp không bên trong; chẳng bám dính vào ngã của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng bám dính vào vô ngã của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của pháp không bên trong, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của pháp không bên trong; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Chẳng bám dính vào không của pháp không bên trong, chẳng bám dính vào chẳng không của pháp không bên trong; chẳng bám dính vào không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng bám dính vào chẳng không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Chẳng bám dính vào vô tướng của pháp không bên trong, chẳng bám dính vào hữu tướng của pháp không bên trong; chẳng bám dính vào vô tướng của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng bám dính vào hữu tướng của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của pháp không bên trong, chẳng bám dính vào hữu nguyện của pháp không bên trong; chẳng bám dính vào vô nguyện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, chẳng bám dính vào hữu nguyện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của chân như, chẳng bám dính vào chẳng phải có của chân như; chẳng bám dính vào có của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bám dính vào chẳng phải có của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng bám dính vào thường của chân như, chẳng bám dính vào vô thường của chân như; chẳng bám dính vào thường của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bám dính vào vô thường của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng bám dính vào vui của chân như, chẳng bám dính vào khổ của chân như; chẳng bám dính vào vui của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bám dính vào khổ của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng bám dính vào ngã của chân như, chẳng bám dính vào vô ngã của chân như; chẳng bám dính vào ngã của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bám dính vào vô ngã của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của chân như, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của chân như; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng bám dính vào không của chân như, chẳng bám dính vào chẳng không của chân như; chẳng bám dính vào không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bám dính vào chẳng không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng bám dính vào vô tướng của chân như, chẳng bám dính vào hữu tướng của chân như; chẳng bám dính vào vô tướng của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bám dính vào hữu tướng của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của chân như, chẳng bám dính vào hữu nguyện của chân như; chẳng bám dính vào vô nguyện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bám dính vào hữu nguyện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-

đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của bốn Niệm trụ, chẳng bám dính vào chẳng phải có của bốn Niệm trụ; chẳng bám dính vào có của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng bám dính vào chẳng phải có của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Chẳng bám dính vào thường của bốn Niệm trụ, chẳng bám dính vào vô thường của bốn Niệm trụ; chẳng bám dính vào thường của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng bám dính vào vô thường của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Chẳng bám dính vào vui của bốn Niệm trụ, chẳng bám dính vào khổ của bốn Niệm trụ; chẳng bám dính vào vui của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng bám dính vào khổ của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Chẳng bám dính vào ngã của bốn Niệm trụ, chẳng bám dính vào vô ngã của bốn Niệm trụ; chẳng bám dính vào ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng bám dính vào vô ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của bốn Niệm trụ, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Chẳng bám dính vào không của bốn Niệm trụ, chẳng bám dính vào chẳng không của bốn Niệm trụ; chẳng bám dính vào không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng bám dính vào chẳng không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Chẳng bám dính vào vô tướng của bốn Niệm trụ, chẳng bám dính vào hữu tướng của bốn Niệm trụ; chẳng bám dính vào vô tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng bám dính vào hữu tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của bốn Niệm trụ, chẳng bám dính vào hữu nguyện của bốn Niệm trụ; chẳng bám dính vào vô nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, chẳng bám dính vào hữu nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-

đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của Thánh đế khổ, chẳng bám dính vào chẳng phải có của Thánh đế khổ; chẳng bám dính vào có của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng bám dính vào chẳng phải có của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Chẳng bám dính vào thường của Thánh đế khổ, chẳng bám dính vào vô thường của Thánh đế khổ; chẳng bám dính vào thường của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng bám dính vào vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Chẳng bám dính vào vui của Thánh đế khổ, chẳng bám dính vào khổ của Thánh đế khổ; chẳng bám dính vào vui của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng bám dính vào khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Chẳng bám dính vào ngã của Thánh đế khổ, chẳng bám dính vào vô ngã của Thánh đế khổ; chẳng bám dính vào ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng bám dính vào vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của Thánh đế khổ, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Chẳng bám dính vào không của Thánh đế khổ, chẳng bám dính vào chẳng không của Thánh đế khổ; chẳng bám dính vào không của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng bám dính vào chẳng không của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Chẳng bám dính vào vô tướng của Thánh đế khổ, chẳng bám dính vào hữu tướng của Thánh đế khổ; chẳng bám dính vào vô tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng bám dính vào hữu tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của Thánh đế khổ, chẳng bám dính vào hữu nguyện của Thánh đế khổ; chẳng bám dính vào vô nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng bám dính vào hữu nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của bốn Tĩnh lự, chẳng bám dính vào chẳng phải có của bốn Tĩnh lự; chẳng bám dính vào có của bốn Vô lượng, bốn Định

vô sắc, chẳng bám dính vào chẳng phải có của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Chẳng bám dính vào thường của bốn Tĩnh lự, chẳng bám dính vào vô thường của bốn Tĩnh lự; chẳng bám dính vào thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng bám dính vào vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Chẳng bám dính vào vui của bốn Tĩnh lự, chẳng bám dính vào khổ của bốn Tĩnh lự; chẳng bám dính vào vui của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng bám dính vào khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Chẳng bám dính vào ngã của bốn Tĩnh lự, chẳng bám dính vào vô ngã của bốn Tĩnh lự; chẳng bám dính vào ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng bám dính vào vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Chẳng bám dính vào không của bốn Tĩnh lự, chẳng bám dính vào chẳng không của bốn Tĩnh lự; chẳng bám dính vào không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng bám dính vào chẳng không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Chẳng bám dính vào vô tướng của bốn Tĩnh lự, chẳng bám dính vào hữu tướng của bốn Tĩnh lự; chẳng bám dính vào vô tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng bám dính vào hữu tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của bốn Tĩnh lự, chẳng bám dính vào hữu nguyện của bốn Tĩnh lự; chẳng bám dính vào vô nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng bám dính vào hữu nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của tám Giải thoát, chẳng bám dính vào chẳng phải có của tám Giải thoát; chẳng bám dính vào có của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng bám dính vào chẳng phải có của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Chẳng bám dính vào thường của tám Giải thoát, chẳng bám dính vào vô thường của tám Giải thoát; chẳng bám dính vào thường của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng bám dính vào vô thường của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Chẳng bám dính vào vui của tám Giải thoát, chẳng bám dính vào khổ của tám Giải thoát; chẳng bám dính vào vui của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng bám dính vào khổ của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Chẳng bám dính vào ngã của tám Giải thoát, chẳng bám dính vào vô ngã của tám Giải thoát; chẳng bám dính vào ngã của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng bám dính vào vô ngã của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của tám Giải thoát, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của tám Giải thoát; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Chẳng bám dính vào không của tám Giải thoát, chẳng bám dính vào chẳng không của tám Giải thoát; chẳng bám dính vào không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng bám dính vào chẳng không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Chẳng bám dính vào vô tướng của tám Giải thoát, chẳng bám dính vào hữu tướng của tám Giải thoát; chẳng bám dính vào vô tướng của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng bám dính vào hữu tướng của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của tám Giải thoát, chẳng bám dính vào hữu nguyện của tám Giải thoát; chẳng bám dính vào vô nguyện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng bám dính vào hữu nguyện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của pháp môn giải thoát Không, chẳng bám dính vào chẳng phải có của pháp môn giải thoát Không; chẳng bám dính vào có của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng bám dính vào chẳng phải có của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Chẳng bám dính vào thường của pháp môn giải thoát Không, chẳng

bám dính vào vô thường của pháp môn giải thoát Không; chẳng bám dính vào thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng bám dính vào vô thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Chẳng bám dính vào vui của pháp môn giải thoát Không, chẳng bám dính vào khổ của pháp môn giải thoát Không; chẳng bám dính vào vui của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng bám dính vào khổ của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Chẳng bám dính vào ngã của pháp môn giải thoát Không, chẳng bám dính vào vô ngã của pháp môn giải thoát Không; chẳng bám dính vào ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng bám dính vào vô ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Chẳng bám dính vào không của pháp môn giải thoát Không, chẳng bám dính vào chẳng không của pháp môn giải thoát Không; chẳng bám dính vào không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng bám dính vào chẳng không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Chẳng bám dính vào vô tướng của pháp môn giải thoát Không, chẳng bám dính vào hữu tướng của pháp môn giải thoát Không; chẳng bám dính vào vô tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng bám dính vào hữu tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của pháp môn giải thoát Không, chẳng bám dính vào hữu nguyện của pháp môn giải thoát Không; chẳng bám dính vào vô nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng bám dính vào hữu nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng bám dính vào chẳng phải có của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng bám dính vào có

của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng bám dính vào chẳng phải có của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Chẳng bám dính vào thường của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng bám dính vào vô thường của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng bám dính vào thường của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng bám dính vào vô thường của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Chẳng bám dính vào vui của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng bám dính vào khổ của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng bám dính vào vui của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng bám dính vào khổ của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Chẳng bám dính vào ngã của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng bám dính vào vô ngã của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng bám dính vào ngã của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng bám dính vào vô ngã của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Chẳng bám dính vào không của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng bám dính vào chẳng không của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng bám dính vào không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng bám dính vào chẳng không của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Chẳng bám dính vào vô tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng bám dính vào hữu tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng bám dính vào vô tướng của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng bám dính vào hữu tướng của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng bám dính vào hữu nguyện của tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng bám dính vào vô nguyện của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng bám dính vào hữu nguyện của tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của bậc Cực hỷ, chẳng bám dính vào chẳng phải có của bậc Cực hỷ; chẳng bám dính vào có của bậc Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ,

Pháp vân, chẳng bám dính vào chẳng phải có của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Chẳng bám dính vào thường của bậc Cực hỷ, chẳng bám dính vào vô thường của bậc Cực hỷ; chẳng bám dính vào thường của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, chẳng bám dính vào vô thường của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Chẳng bám dính vào vui của bậc Cực hỷ, chẳng bám dính vào khổ của bậc Cực hỷ; chẳng bám dính vào vui của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, chẳng bám dính vào khổ của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Chẳng bám dính vào ngã của bậc Cực hỷ, chẳng bám dính vào vô ngã của bậc Cực hỷ; chẳng bám dính vào ngã của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, chẳng bám dính vào vô ngã của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của bậc Cực hỷ, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của bậc Cực hỷ; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Chẳng bám dính vào không của bậc Cực hỷ, chẳng bám dính vào chẳng không của bậc Cực hỷ; chẳng bám dính vào không của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, chẳng bám dính vào chẳng không của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Chẳng bám dính vào vô tướng của bậc Cực hỷ, chẳng bám dính vào hữu tướng của bậc Cực hỷ; chẳng bám dính vào vô tướng của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, chẳng bám dính vào hữu tướng của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của bậc Cực hỷ, chẳng bám dính vào hữu nguyện của bậc Cực hỷ; chẳng bám dính vào vô nguyện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, chẳng bám dính vào hữu nguyện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của năm loại mắt, chẳng bám dính vào chẳng phải có của năm loại mắt; chẳng bám dính vào có của sáu phép thần thông, chẳng bám dính vào chẳng phải có của sáu phép thần thông.

Chẳng bám dính vào thường của năm loại mắt, chẳng bám dính vào

vô thường của năm loại mắt; chẳng bám dính vào thường của sáu phép thần thông, chẳng bám dính vào vô thường của sáu phép thần thông.

Chẳng bám dính vào vui của năm loại mắt, chẳng bám dính vào khổ của năm loại mắt; chẳng bám dính vào vui của sáu phép thần thông, chẳng bám dính vào khổ của sáu phép thần thông.

Chẳng bám dính vào ngã của năm loại mắt, chẳng bám dính vào vô ngã của năm loại mắt; chẳng bám dính vào ngã của sáu phép thần thông, chẳng bám dính vào vô ngã của sáu phép thần thông.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của năm loại mắt, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của sáu phép thần thông, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông.

Chẳng bám dính vào không của năm loại mắt, chẳng bám dính vào chẳng không của năm loại mắt; chẳng bám dính vào không của sáu phép thần thông, chẳng bám dính vào chẳng không của sáu phép thần thông.

Chẳng bám dính vào vô tướng của năm loại mắt, chẳng bám dính vào hữu tướng của năm loại mắt; chẳng bám dính vào vô tướng của sáu phép thần thông, chẳng bám dính vào hữu tướng của sáu phép thần thông.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của năm loại mắt, chẳng bám dính vào hữu nguyện của năm loại mắt; chẳng bám dính vào vô nguyện của sáu phép thần thông, chẳng bám dính vào hữu nguyện của sáu phép thần thông.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có nơi mười lực của Phật, chẳng bám dính vào chẳng phải có nơi mười lực của Phật; chẳng bám dính vào có của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, bốn pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng bám dính vào chẳng phải có của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Chẳng bám dính vào thường nơi mười lực của Phật, chẳng bám dính vào vô thường nơi mười lực của Phật; chẳng bám dính vào thường của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng bám dính vào vô thường của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Chẳng bám dính vào vui nơi mười lực của Phật, chẳng bám dính

vào khổ nơi mười lực của Phật; chẳng bám dính vào vui của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng bám dính vào khổ của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Chẳng bám dính vào ngã nơi mười lực của Phật, chẳng bám dính vào vô ngã nơi mười lực của Phật; chẳng bám dính vào ngã của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng bám dính vào vô ngã của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh nơi mười lực của Phật, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Chẳng bám dính vào không nơi mười lực của Phật, chẳng bám dính vào chẳng không nơi mười lực của Phật; chẳng bám dính vào không của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng bám dính vào chẳng không của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Chẳng bám dính vào vô tướng nơi mười lực của Phật, chẳng bám dính vào hữu tướng nơi mười lực của Phật; chẳng bám dính vào vô tướng của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng bám dính vào hữu tướng của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Chẳng bám dính vào vô nguyện nơi mười lực của Phật, chẳng bám dính vào hữu nguyện nơi mười lực của Phật; chẳng bám dính vào vô nguyện của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, chẳng bám dính vào hữu nguyện của bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của ba mươi hai tướng Đại sĩ, chẳng bám dính vào chẳng phải có của ba mươi hai tướng Đại sĩ; chẳng bám dính vào có của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, chẳng bám dính vào chẳng phải có của tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Chẳng bám dính vào thường của ba mươi hai tướng Đại sĩ, chẳng bám dính vào vô thường của ba mươi hai tướng Đại sĩ; chẳng bám dính

vào thường của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, chẳng bám dính vào vô thường của tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Chẳng bám dính vào vui của ba mươi hai tướng Đại sĩ, chẳng bám dính vào khổ của ba mươi hai tướng Đại sĩ; chẳng bám dính vào vui của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, chẳng bám dính vào khổ của tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Chẳng bám dính vào ngã của ba mươi hai tướng Đại sĩ, chẳng bám dính vào vô ngã của ba mươi hai tướng Đại sĩ; chẳng bám dính vào ngã của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, chẳng bám dính vào vô ngã của tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Chẳng bám dính vào không của ba mươi hai tướng Đại sĩ, chẳng bám dính vào chẳng không của ba mươi hai tướng Đại sĩ; chẳng bám dính vào không của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, chẳng bám dính vào chẳng không của tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Chẳng bám dính vào vô tướng của ba mươi hai tướng Đại sĩ, chẳng bám dính vào hữu tướng của ba mươi hai tướng Đại sĩ; chẳng bám dính vào vô tướng của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, chẳng bám dính vào hữu tướng của tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của ba mươi hai tướng Đại sĩ, chẳng bám dính vào hữu nguyện của ba mươi hai tướng Đại sĩ; chẳng bám dính vào vô nguyện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, chẳng bám dính vào hữu nguyện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của pháp không quên mất, chẳng bám dính vào chẳng phải có của pháp không quên mất; chẳng bám dính vào có của tánh luôn luôn xả, chẳng bám dính vào chẳng phải có của tánh luôn luôn xả.

Chẳng bám dính vào thường của pháp không quên mất, chẳng bám dính vào vô thường của pháp không quên mất; chẳng bám dính vào thường của tánh luôn luôn xả, chẳng bám dính vào vô thường của tánh luôn luôn xả.

Chẳng bám dính vào vui của pháp không quên mất, chẳng bám dính vào khổ của pháp không quên mất; chẳng bám dính vào vui của tánh luôn luôn xả, chẳng bám dính vào khổ của tánh luôn luôn xả.

Chẳng bám dính vào ngã của pháp không quên mất, chẳng bám dính vào vô ngã của pháp không quên mất; chẳng bám dính vào ngã của tánh luôn luôn xả, chẳng bám dính vào vô ngã của tánh luôn luôn xả.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của pháp không quên mất, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của pháp không quên mất; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của tánh luôn luôn xả, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của tánh luôn luôn xả.

Chẳng bám dính vào không của pháp không quên mất, chẳng bám dính vào chẳng không của pháp không quên mất; chẳng bám dính vào không của tánh luôn luôn xả, chẳng bám dính vào chẳng không của tánh luôn luôn xả.

Chẳng bám dính vào vô tướng của pháp không quên mất, chẳng bám dính vào hữu tướng của pháp không quên mất; chẳng bám dính vào vô tướng của tánh luôn luôn xả, chẳng bám dính vào hữu tướng của tánh luôn luôn xả.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của pháp không quên mất, chẳng bám dính vào hữu nguyện của pháp không quên mất; chẳng bám dính vào vô nguyện của tánh luôn luôn xả, chẳng bám dính vào hữu nguyện của tánh luôn luôn xả.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của trí Nhất thiết, chẳng bám dính vào chẳng phải có của trí Nhất thiết; chẳng bám dính vào có của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng bám dính vào chẳng phải có của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Chẳng bám dính vào thường của trí Nhất thiết, chẳng bám dính vào vô thường của trí Nhất thiết; chẳng bám dính vào thường của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng bám dính vào vô thường của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Chẳng bám dính vào vui của trí Nhất thiết, chẳng bám dính vào khổ của trí Nhất thiết; chẳng bám dính vào vui của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng bám dính vào khổ của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết

tướng.

Chẳng bám dính vào ngã của trí Nhất thiết, chẳng bám dính vào vô ngã của trí Nhất thiết; chẳng bám dính vào ngã của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng bám dính vào vô ngã của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của trí Nhất thiết, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của trí Nhất thiết; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Chẳng bám dính vào không của trí Nhất thiết, chẳng bám dính vào chẳng không của trí Nhất thiết; chẳng bám dính vào không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng bám dính vào chẳng không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Chẳng bám dính vào vô tướng của trí Nhất thiết, chẳng bám dính vào hữu tướng của trí Nhất thiết; chẳng bám dính vào vô tướng của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng bám dính vào hữu tướng của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của trí Nhất thiết, chẳng bám dính vào hữu nguyện của trí Nhất thiết; chẳng bám dính vào vô nguyện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng bám dính vào hữu nguyện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của quả Dự lưu, chẳng bám dính vào chẳng phải có của quả Dự lưu; chẳng bám dính vào có của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác, chẳng bám dính vào chẳng phải có của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác.

Chẳng bám dính vào thường của quả Dự lưu, chẳng bám dính vào vô thường của quả Dự lưu; chẳng bám dính vào thường của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác, chẳng bám dính vào vô thường của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác.

Chẳng bám dính vào vui của quả Dự lưu, chẳng bám dính vào khổ của quả Dự lưu; chẳng bám dính vào vui của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác, chẳng bám dính vào khổ của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác.

Chẳng bám dính vào ngã của quả Dự lưu, chẳng bám dính vào vô ngã của quả Dự lưu; chẳng bám dính vào ngã của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác, chẳng bám dính vào vô ngã của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của quả Dự lưu, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của quả Dự lưu; chẳng bám dính vào tịch tĩnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác.

Chẳng bám dính vào không của quả Dự lưu, chẳng bám dính vào chẳng không của quả Dự lưu; chẳng bám dính vào không của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác, chẳng bám dính vào chẳng không của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác.

Chẳng bám dính vào vô tướng của quả Dự lưu, chẳng bám dính vào hữu tướng của quả Dự lưu; chẳng bám dính vào vô tướng của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác, chẳng bám dính vào hữu tướng của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của quả Dự lưu, chẳng bám dính vào hữu nguyện của quả Dự lưu; chẳng bám dính vào vô nguyện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác, chẳng bám dính vào hữu nguyện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng bám dính vào có của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, chẳng bám dính vào chẳng phải có của tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng bám dính vào có nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng bám dính vào chẳng phải có nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Chẳng bám dính vào thường của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, chẳng bám dính vào vô thường của tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng bám dính vào thường nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng bám dính vào vô thường nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Chẳng bám dính vào vui của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, chẳng bám dính vào khổ của tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng bám dính vào vui nơi quả

vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng bám dính vào khổ nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Chẳng bám dính vào ngã của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, chẳng bám dính vào vô ngã của tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng bám dính vào ngã nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng bám dính vào vô ngã nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Chẳng bám dính vào tịch tĩnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng bám dính vào tịch tĩnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng bám dính vào chẳng tịch tĩnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Chẳng bám dính vào không của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, chẳng bám dính vào chẳng không của tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng bám dính vào không nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng bám dính vào chẳng không nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Chẳng bám dính vào vô tướng của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, chẳng bám dính vào hữu tướng của tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng bám dính vào vô tướng nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng bám dính vào hữu tướng nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Chẳng bám dính vào vô nguyện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, chẳng bám dính vào hữu nguyện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng bám dính vào vô nguyện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, chẳng bám dính vào hữu nguyện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta chẳng hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta cũng hành, cũng không hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta chẳng phải hành, chẳng phải chẳng hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 7

PHẨM 3: TƯƠNG ƯNG (4)

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì Bố thí ba-la-mật-đa mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì pháp không bên trong mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì chân như mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì chứng nhập chánh tánh, xa lìa sinh tử mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì chứng được quả vị không thoái chuyển mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì nhằm làm nghiêm tịnh cõi Phật mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì bốn Niệm trụ mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì Thánh đế khổ mà tu hành Bát-

nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì Thánh đế tập, diệt, đạo mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì bốn Tĩnh lự mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì tám Giải thoát mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì pháp môn giải thoát Không mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì tất cả pháp môn Đà-la-ni mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì bậc Cực hỷ mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì bậc Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ, Pháp vân mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì Nhục nhãn mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì mười lực của Phật mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, bốn pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì ba mươi hai tướng Đại sĩ mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì tám mươi vẻ đẹp kèm theo mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì pháp không quên mất mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì tánh luôn luôn xả mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì trí Nhất thiết mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, trí Nhất thiết tướng vi diệu mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì vượt qua quả Dự lưu mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì vượt qua các quả

vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự sai biệt của các pháp tánh.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng vì trí chứng Thiên nhãn thông mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì trí chứng Thiên nhĩ thông mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì trí chứng Tha tâm thông mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì trí chứng Túc trụ tùy niệm thông mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì trí chứng Thần cảnh thông mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng vì trí chứng Lậu tận thông mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, ngay cả sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa còn chẳng thấy có, huống là thấy có sự tu hành sáu phép thần thông của Bồ-tát, Như Lai.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta dùng trí chứng Thiên nhãn thông, để thấy sự chết nơi này, sinh nơi kia của tất cả hữu tình, trong khắp vô số thế giới chư Phật mười phương.

Chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta dùng trí chứng Thiên nhĩ thông để nghe tiếng thuyết pháp của chư Phật, Bồ-tát, trong khắp vô số thế giới chư Phật mười phương.

Chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta dùng trí chứng Tha tâm thông để biết tâm và tâm sở pháp của tất cả hữu tình, trong khắp vô số thế giới chư Phật mười phương.

Chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta dùng trí chứng Túc trụ tùy niệm thông để nhớ lại các sự việc đời trước của tất cả hữu tình, trong khắp vô số thế giới chư Phật mười phương.

Chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta dùng trí chứng Thần cảnh thông

để đi đến chỗ chư Phật và Bồ-tát, trong khắp vô số thế giới chư Phật mười phương, để cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen.

Chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta dùng trí chứng Lậu tận thông, để quán biết lậu của tất cả hữu tình, trong khắp vô số thế giới chư Phật mười phương, hết hay chẳng hết.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, nên có thể khéo tạo sự an lập cho vô lượng, vô số, vô biên hữu tình ở cảnh giới Niết-bàn Vô dư, tất cả ác ma không thể tùy tiện, tất cả phiền não đều được phục diệt, các việc trong đời tùy theo ý muốn.

Tất cả các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng Đại Bồ-tát, ở vô số thế giới trong mười phương, cùng hộ niệm cho Bồ-tát như vậy, khiến chẳng thoái lui xuống nơi các hàng Thanh văn, Độc giác.

Chư Thiên trong các cõi Tứ đại Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh và tất cả hàng Thanh văn, Độc giác, trong vô số thế giới ở mười phương, đều cùng ủng hộ, bảo vệ Bồ-tát như vậy, khiến mọi việc làm không bị trở ngại, tật bệnh, lo phiền của thân tâm đều được thuyên giảm, tiêu trừ; dù có nghiệp tội sẽ nhận chịu khổ báo ở đời sau cũng chuyển thành nhẹ. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy đã luôn thể hiện tâm từ bi đối với tất cả hữu tình.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nhờ sức oai thần nên dùng ít gia hạnh mà có thể dẫn phát một cách tối thắng tự tại pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa khiến mau hiện khởi, tùy nơi sinh thường được phụng sự tất cả Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cho đến khi chứng được điều mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột, ở trong khoảng ấy thường chẳng xa Phật.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, nên đạt được vô lượng, vô số công đức vi diệu không thể nghĩ bàn như thế.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Có sự tương ưng hoặc chẳng tương ưng, bình đẳng hoặc chẳng bình đẳng, giữa pháp với pháp. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy có sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng, bình đẳng hoặc chẳng bình đẳng giữa pháp với pháp.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Đối với pháp giới, ta mau hiện Đẳng Giác, hoặc chẳng mau hiện Đẳng Giác. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì đối với pháp giới, Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy có một pháp nhỏ nhiệm nào có thể hiện Đẳng Giác.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy có một pháp nào lìa pháp giới, chẳng thấy có pháp giới lìa các pháp mà có, chẳng thấy các pháp tức là pháp giới cũng chẳng thấy pháp giới tức là các pháp.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Pháp giới có thể làm nhân duyên cho các pháp; chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Các pháp có thể làm nhân duyên cho pháp giới.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Pháp này có thể chứng pháp giới, pháp này chẳng có thể chứng pháp giới. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy, đối với pháp còn chẳng thấy có huống là thấy có pháp có thể chứng pháp giới, hoặc chẳng có thể chứng.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với các pháp như vậy, nên gọi là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa sắc với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với sắc; chẳng thấy sự tương ưng giữa thọ, tưởng, hành, thức với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với thọ, tưởng, hành, thức.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa nhãn xứ với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với nhãn xứ; chẳng thấy sự tương ưng giữa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa sắc xứ với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với sắc xứ; chẳng thấy sự tương ưng giữa thanh, hương, vị, xúc,

pháp xứ với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa nhãn giới với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với nhãn giới; chẳng thấy sự tương ưng giữa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa sắc giới với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với sắc giới; chẳng thấy sự tương ưng giữa thanh, hương, vị, xúc, pháp giới với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa nhãn thức giới với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với nhãn thức giới; chẳng thấy sự tương ưng giữa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa nhãn xúc với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với nhãn xúc; chẳng thấy sự tương ưng giữa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; chẳng thấy sự tương ưng giữa các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa địa giới với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với địa giới; chẳng thấy sự tương ưng giữa thủy, hỏa, phong, không, thức giới với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa nhân duyên với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với nhân duyên; chẳng thấy sự tương ưng giữa các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do

duyên khác sinh ra với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên khác sinh ra.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa vô minh với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với vô minh; chẳng thấy sự tương ưng giữa hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa Bố thí ba-la-mật-đa với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với Bố thí ba-la-mật-đa; chẳng thấy sự tương ưng giữa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa pháp không bên trong với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với pháp không bên trong; chẳng thấy sự tương ưng giữa pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa chân như với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với chân như; chẳng thấy sự tương ưng giữa pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa bốn Niệm trụ với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với bốn Niệm trụ; chẳng thấy sự tương ưng giữa bốn Chánh

đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa Thánh đế khổ với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với Thánh đế khổ; chẳng thấy sự tương ưng giữa Thánh đế tập, diệt, đạo với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với Thánh đế tập, diệt, đạo.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa bốn Tĩnh lự với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với bốn Tĩnh lự; chẳng thấy sự tương ưng giữa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa tám Giải thoát với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với tám Giải thoát; chẳng thấy sự tương ưng giữa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa pháp môn giải thoát Không với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với pháp môn giải thoát Không; chẳng thấy sự tương ưng giữa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa tất cả pháp môn Đà-la-ni với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng thấy sự tương ưng giữa tất cả pháp môn Tam-ma-địa với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa bậc Cực hỷ với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với bậc Cực hỷ; chẳng thấy sự tương ưng giữa bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự

tương ưng giữa năm loại mắt với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với năm loại mắt; chẳng thấy sự tương ưng giữa sáu phép thần thông với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với sáu phép thần thông.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa mười lực của Phật với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với mười lực của Phật; chẳng thấy sự tương ưng giữa bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, bốn pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa ba mươi hai tướng Đại sĩ với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với ba mươi hai tướng Đại sĩ; chẳng thấy sự tương ưng giữa tám mươi vẻ đẹp kèm theo với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa pháp không quên mất với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với pháp không quên mất; chẳng thấy sự tương ưng giữa tánh luôn luôn xả với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với tánh luôn luôn xả.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa trí Nhất thiết với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với trí Nhất thiết; chẳng thấy sự tương ưng giữa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa quả Dự lưu với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với quả Dự lưu; chẳng thấy sự tương ưng giữa các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác.

Các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy sự tương ưng giữa tất cả hạnh Đại Bồ-tát với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng thấy sự tương ưng giữa quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật với không, cũng chẳng thấy sự tương ưng giữa không với quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu có thể đạt được các tương ưng như vậy, thì đó là sự tương ưng bậc nhất với không.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, do vì tương ưng với không như vậy, nên chẳng hề rơi xuống các bậc Thanh văn, Độc giác; luôn dốc làm nghiêm tịnh cõi Phật, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong các tương ưng thì tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa là cao tột nhất, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, tối cao, tối cực, vô thượng, vô thượng thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, vì sự tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa là cao tột nhất, tức là tương ưng với không, tức là tương ưng với vô tướng, tức là tương ưng với vô nguyện. Do nhân duyên này, nên đạt được cao tột nhất.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, liền biết ngay là được thọ ký, hoặc gần được thọ ký làm Phật. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy do sự tương ưng này, có thể làm việc lợi ích lớn cho vô lượng, vô số, vô biên hữu tình.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta được thọ ký nhất định sẽ làm Phật, hoặc gần được thọ ký; chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta có thể làm nghiêm tịnh cõi Phật; chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta có thể đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình; cũng chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: Ta sẽ chứng được điều mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm, độ vô lượng chúng sinh. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy chẳng thấy các pháp lìa pháp giới, chẳng thấy pháp giới lìa các pháp; chẳng thấy các pháp tức là pháp giới, chẳng thấy pháp giới tức là các pháp; chẳng thấy có pháp tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy có pháp được Phật thọ ký, chẳng thấy có pháp sẽ chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng thấy có pháp làm nghiêm tịnh cõi Phật, chẳng thấy có pháp đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng khởi tưởng ngã, tưởng hữu tình, tưởng người sống, tưởng người sinh, tưởng người nuôi, tưởng người tạo tác, tưởng cái ta, tưởng thân do ý sinh, tưởng tuổi trẻ, tưởng người làm, tưởng người sai làm, tưởng người phát khởi, tưởng người khiến phát khởi, tưởng người

nhận, tưởng người sai nhận, tưởng người biết, tưởng người thấy…. Vì sao? Vì ngã, hữu tình... rốt ráo đều chẳng sinh, lại cũng chẳng diệt. Những thứ ấy đã là rốt ráo, chẳng sinh, chẳng diệt thì vì sao còn phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa và được các thứ công đức lợi ích thù thắng? Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy vì chẳng thấy sự sinh của hữu tình, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng thấy sự diệt của hữu tình, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì biết cái không của các hữu tình, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì biết cái chẳng phải ngã của các hữu tình, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì biết cái không chẳng thể được của các hữu tình, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì biết sự xa lìa của các hữu tình, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; vì biết bản tánh của các hữu tình chẳng phải là hữu tình, nên tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, trong các tương ưng, tương ưng với không là cao tột nhất, vì đó là tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa là tối tôn, tối thắng, không có gì sánh kịp.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát vì sự tương ưng như vậy, nên phát huy rộng lớn khả năng dẫn phát mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp kèm theo, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và vô lượng, vô biên pháp Phật khác.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, nên rốt ráo chẳng khởi lên các tâm chướng ngại là tham lam keo kiệt, phạm giới, giận hờn, lười biếng, tán loạn, ác tuệ, đồng thời các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tự nhiên hiện tiền, không gián đoạn.

M

PHẨM 4: CHUYỂN SINH (1)

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, xả thân từ cõi nào sinh đến ở cõi này; xả thân từ cõi này, sẽ sinh nơi cõi nào?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Các Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, có vị xả thân từ cõi Phật ở phương khác, sinh đến cõi này; có vị xả thân từ cõi trời Đổ-sử-đa, sinh đến cõi này; có vị xả thân từ trong cõi người rồi sinh lại trong cõi người.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, xả thân từ cõi Phật khác sinh đến cõi này, thì vị Đại Bồ-tát ấy sẽ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; do vì tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên khi chuyển sinh, liền được pháp môn thâm diệu hiện ra ngay. Từ đây về sau, thường mau chóng tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; tại nơi sinh ra, thường được gặp Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen; có khả năng khiến cho Bát-nhã ba-la-mật-đa dần dần được viên mãn.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, xả thân từ cõi trời Đổ-sử-đa, sinh đến cõi này, thì vị Đại Bồ-tát ấy, phần nhiều trọn đời gắn liền với các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tiền tự tại, thường chẳng quên mất; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa, cũng tự tại hiện tiền, thường chẳng quên mất.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, xả thân từ trong cõi người rồi sinh lại trong cõi người, thì vị Đại Bồ-tát ấy trừ sự không thoái chuyển ra, căn trí chậm lụt, tuy siêng năng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng chẳng có thể mau chóng tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa chưa được tự tại.

Lại nữa Xá-lợi Tử, câu hỏi sau của ông là các Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, xả thân từ cõi này, thì sẽ sinh về cõi nào. Xá-lợi Tử, vị Đại Bồ-tát ấy do vì luôn luôn tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên xả thân từ cõi này sẽ sinh về cõi Phật khác, rồi từ cõi Phật đó sinh đến cõi Phật khác nữa; tại mỗi nơi sinh ra, thường được gặp chư Phật Thế Tôn, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, cho đến khi chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, cũng không hề xa Phật.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát vì không tạo được phương tiện thiện xảo, nên nhập Sơ tĩnh lự, đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ tĩnh lự, cũng có thể tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; vị Đại Bồ-tát ấy, vì chứng được tĩnh lự, nên sinh đến cõi trời Trường thọ; ở nơi đó, thọ mạng hết, sinh vào cõi người, được gặp chư Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen; tuy hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nhưng các căn chậm lụt, chẳng được lanh lợi, các việc làm chẳng được khéo léo lắm!

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát chứng nhập Sơ tĩnh lự, đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ tĩnh lự, cũng có thể tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; vị Đại Bồ-tát ấy, vì không

phương tiện thiện xảo, khi xả các tĩnh lự, sinh vào cõi Dục, nên biết vị Đại Bồ-tát ấy, các căn chậm lụt, chẳng được lanh lợi, các việc làm chẳng được khéo léo lắm!

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát chứng nhập Sơ tĩnh lự, đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ tĩnh lự, nhập Từ vô lượng, nhập Bi, Hỷ, Xả vô lượng, nhập định Không vô biên xứ, nhập định Thức vô biên xứ, định Vô sở hữu xứ, định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; an trú pháp không bên trong, an trú pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; an trú chân như, an trú pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; tu hành bốn Niệm trụ, tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; an trú Thánh đế khổ, an trú Thánh đế tập, diệt, đạo; tu hành tám Giải thoát, tu hành tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành năm loại mắt, tu hành sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Phật, tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tu hành tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, tu hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vị Đại Bồ-tát ấy vì có phương tiện thiện xảo, nên chẳng theo sức mạnh của tĩnh lự vô lượng, vô sắc mà thọ sinh; tùy nơi sinh ra, thường gặp Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, thường chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nên biết vị Đại Bồ-tát ấy, ở trong Hiền kiếp này, nhất định chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát chứng nhập Sơ tĩnh lự, đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ tĩnh lự, nhập Từ vô lượng, nhập Bi, Hỷ, Xả vô lượng, nhập định Không vô biên xứ, nhập định Thức vô biên xứ, định Vô sở hữu xứ, định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị Đại Bồ-tát ấy, vì có phương tiện thiện xảo, nên chẳng theo sức mạnh của tĩnh lự vô lượng, vô sắc mà sinh,

sinh trở lại cõi Dục, hoặc là dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, hoặc là dòng dõi lớn Bà-la-môn, hoặc là dòng dõi lớn Trưởng giả, hoặc là dòng dõi lớn Cư sĩ; vì muốn đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, chứ không vì tham nhiễm đời sau mà sinh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát chứng nhập Sơ tĩnh lự, đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ tĩnh lự, nhập Từ vô lượng, nhập Bi, Hỷ, Xả vô lượng, nhập định Không vô biên xứ, nhập định Thức vô biên xứ, định Vô sở hữu xứ, định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị Đại Bồ-tát ấy vì có phương tiện thiện xảo, nên chẳng theo sức mạnh của tĩnh lự vô lượng, vô sắc mà sinh, hoặc là sinh ở các cảnh trời trong cõi Tứ đại Thiên vương, hoặc sinh ở cõi trời Ba mươi ba, hoặc sinh ở cõi trời Dạ-ma, hoặc sinh ở cõi trời Đổ-sử-đa, hoặc sinh ở cõi trời Lạc biến hóa, hoặc sinh ở cõi trời Tha hóa tự tại; vì muốn đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình và vì muốn làm nghiêm tịnh cõi Phật, nên thường gặp chư Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không bỏ sót vị nào.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát chứng nhập Sơ tĩnh lự, đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ tĩnh lự, nhập Từ vô lượng, nhập Bi, Hỷ, Xả vô lượng, nhập định Không vô biên xứ, nhập định Thức vô biên xứ, định Vô sở hữu xứ, định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo, nên xả thân ở nơi này, sinh đến cõi Phạm thế, làm Đại phạm vương, oai đức lừng lẫy hơn các Phạm chúng khác, nhiều gấp trăm ngàn lần. Từ nơi cõi trời đang ở, dạo qua các cõi Phật, từ cõi Phật này, đến cõi Phật khác; trong đó, các Đại Bồ-tát nào chưa chứng quả vị Giác ngộ cao tột thì khuyên dốc chứng quả vị Giác ngộ cao tột; đã chứng quả vị Giác ngộ cao tột rồi, mà chưa chuyển pháp luân thì thỉnh chuyển pháp luân, vì muốn đem lại lợi lạc cho các hữu tình.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát là bậc Nhất sinh bổ xứ, có được phương tiện thiện xảo, nhập Sơ tĩnh lự, đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ tĩnh lự, nhập Từ vô lượng, nhập Bi, Hỷ, Xả vô lượng, nhập các pháp định Không vô biên xứ, nhập định Thức vô biên xứ, định Vô sở hữu xứ, định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; an trú pháp không bên trong, an trú pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả

pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; an trú chân như, an trú pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; tu hành bốn Niệm trụ, tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; an trú Thánh đế khổ, an trú Thánh đế tập, diệt, đạo; tu hành tám Giải thoát, tu hành tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành năm loại mắt, tu hành sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Phật, tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tu hành tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, tu hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vị Đại Bồ-tát ấy, chẳng theo sức mạnh của tĩnh lự vô lượng, vô sắc mà sinh, hiện tiền phụng sự, thân cận, cúng dường Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại; ở nơi cõi Phật đó, siêng tu phạm hạnh, xả thân từ cõi Phật ấy, sinh đến cõi trời Đổ-sử-đa, khi hết tuổi thọ, các căn không khuyết, trí nhớ minh mẫn, vô lượng, vô số, trăm ngàn ức Thiên chúng vây quanh đi theo, dùng thần thông diệu dụng, rồi lại sinh vào cõi người, thị hiện tu khổ hạnh, chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm, độ vô lượng chúng sinh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát chứng được sáu phép thần thông, chẳng sinh vào cõi Dục, chẳng sinh vào cõi Sắc, chẳng sinh vào cõi Vô sắc, đi đến các cõi Phật, từ cõi Phật này, tới cõi Phật khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tu các hạnh Đại Bồ-tát, dần dần chứng được điều mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát chứng được sáu phép thần thông, tự tại du hóa, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Các cõi Phật đã đi qua, không có tên các hàng Thanh văn, Độc giác..., chỉ có Nhất thừa chân phạm hạnh. Đại Bồ-tát ấy, ở các cõi Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dần dần được viên mãn, làm nghiêm tịnh cõi Phật, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, thường không lười biếng, bỏ phế.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát chứng được sáu phép thần thông,

tự tại du hóa, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Các cõi Phật đã đi qua, tuổi thọ của hữu tình chẳng thể tính biết. Vị Đại Bồ-tát ấy, ở các cõi Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dần dần được viên mãn, làm nghiêm tịnh cõi Phật, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, từng không lười biếng, mệt mỏi.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát chứng được sáu phép thần thông, tự tại du hóa, từ thế giới này đến thế giới khác, có cả các thế giới, chẳng nghe tên Phật, tên Pháp, tên Tăng. Vị Đại Bồ-tát ấy đến thế giới đó, xưng dương tán thán ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng, khiến các loài hữu tình sinh lòng tin trong sạch, sâu sắc, do đó dù còn ở trong đêm dài sinh tử vẫn luôn được lợi ích an lạc. Vị Đại Bồ-tát ấy xả thân ở cõi này, sinh vào cõi có Phật, tu các hạnh Đại Bồ-tát, dần dần chứng được điều mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột, đem lại lợi ích an lạc các loại hữu tình.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm, dũng mãnh tinh tấn, chứng được Sơ tĩnh lự, chứng được đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ tĩnh lự, chứng được Từ vô lượng, chứng được Bi, Hỷ, Xả vô lượng, chứng được các định Không vô biên xứ, định Thức vô biên xứ, định Vô sở hữu xứ, định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; an trú nơi pháp không bên trong, an trú nơi pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; an trú chân như, an trú pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; tu hành bốn Niệm trụ, tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; an trú nơi Thánh đế khổ, an trú nơi các Thánh đế tập, diệt, đạo; tu hành tám Giải thoát, tu hành tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tu hành bậc Cực hỷ, tu hành bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân; tu hành năm

loại mắt, tu hành sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Phật, tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tu hành tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, tu hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vị Đại Bồ-tát ấy chẳng sinh nơi cõi Dục, chẳng sinh nơi cõi Sắc, chẳng sinh nơi cõi Vô sắc, thường sinh chỗ có thể làm lợi ích cho các hữu tình, để đem lại mọi thứ an lạc cho tất cả hữu tình.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát trước đã tu tập Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi mới phát tâm, liền nhập Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, cho đến khi chứng được quả vị không thoái chuyển.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát trước đã tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên các pháp Phật khác, khi mới phát tâm, đã có thể lần lượt chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm, độ vô lượng chúng sinh, ở trong cảnh giới Vô dư y đại Niết-bàn mà nhập Niết-bàn; sau khi nhập Niết-bàn, chánh pháp đã nói, tồn tại trên đời một kiếp, hoặc hơn một kiếp, đem lại lợi lạc vô biên cho các loài hữu tình.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát trước đã tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa và các hạnh Đại Bồ-tát khác, khi mới phát tâm, đã tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, cùng với vô lượng, vô số, trăm ngàn ức Đại Bồ-tát, vây quanh trước sau, du hóa các cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 8

PHẨM 4: CHUYỂN SINH (2)

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chứng được bốn Tĩnh lự và bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Đối với chín bậc định, đạt đến chỗ vượt qua thứ lớp, thuận nghịch vào ra, tự tại dạo chơi, chẳng phải cảnh giới của các hàng Thanh văn, Độc giác. Vị Đại Bồ-tát ấy, có khi nhập Sơ tĩnh lự; từ Sơ tĩnh lự ra, vào định diệt tận; từ định diệt tận ra, vào đệ Nhị tĩnh lự; từ đệ Nhị tĩnh lự ra, vào định diệt tận; từ định diệt tận ra, vào đệ Tam tĩnh lự; từ đệ Tam tĩnh lự ra, vào định diệt tận; từ định diệt tận ra, vào đệ Tứ tĩnh lự; từ đệ Tứ tĩnh lự ra, vào định diệt tận; từ định diệt tận ra, vào định Không vô biên xứ; từ định Không vô biên xứ ra, vào định diệt tận; từ định diệt tận ra, vào định Thức vô biên xứ; từ định Thức vô biên xứ ra, vào định diệt tận; từ định diệt tận ra, vào định Vô sở hữu xứ; từ định Vô sở hữu xứ ra, vào định diệt tận; từ định diệt tận ra, vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; từ định Phi tưởng phi phi tưởng xứ ra, vào định diệt tận; từ định diệt tận ra, vào Sơ tĩnh lự. Xá-lợi Tử, vị Đại Bồ-tát này tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các bậc định, đã đạt đến phương tiện thiện xảo, vượt qua thứ lớp, tự tại thể hiện diệu dụng nhưng ở trong đó, không nhiễm, không đắm.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tuy đã được bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; tuy đã được pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; tuy đã trụ nơi các Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tuy đã được tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, nhưng chẳng chấp thủ nơi các quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn hoặc quả A-la-hán hoặc quả vị Độc giác. Vị Đại Bồ-tát ấy, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng phương tiện thiện xảo, khiến các hữu tình tu hành bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; tu hành pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; an trụ nơi các Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định

thứ đệ, mười Biến xứ, được các quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán hoặc quả vị Độc giác.

Xá-lợi Tử, vị Đại Bồ-tát ấy tuy đã tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; tuy đã trụ vào pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; tuy đã trụ chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; tuy đã tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; tuy đã tu bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân; tuy đã tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; tuy đã tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; tuy đã tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tuy đã tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, mà chẳng chấp thủ quả vị Giác ngộ cao tột.

Vị Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng các phương tiện thiện xảo, khiến các hữu tình tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho đến tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, quả trí của hàng Thanh văn, Độc giác tức là Nhẫn của Đại Bồ-tát.

Xá-lợi Tử, nên biết, vị Đại Bồ-tát ấy, trụ ở bậc không thoái chuyển, luôn an trú nơi trong Bát-nhã ba-la-mật-đa, mới có thể làm được việc này.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát đã từ lâu, an trú nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và vô lượng, vô biên pháp Phật khác, làm nghiêm tịnh cõi trời Đổ-sử-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết là vị Đại Bồ-tát ấy ở trong Hiền kiếp này, nhất định chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy đã được bốn pháp Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; đã được bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; đã tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; đã tu tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; đã tu các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; đã tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; đã tu các bậc Đại Bồ-tát; đã tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; đã tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; đã tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; đã tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, mà đối với các pháp Thánh đế hiện chưa thông đạt. Xá-lợi Tử, nên biết, Đại Bồ-tát ấy là bậc Nhất sinh bổ xứ.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, dạo chơi các thế giới, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, làm nghiêm tịnh cõi Phật, tạo sự an lập cho hữu tình hướng tới quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, vị Đại Bồ-tát ấy, cần phải trải qua vô lượng, vô số đại kiếp, mới chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trú nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thường siêng năng tinh tấn, luôn tạo lợi ích cho các hữu tình, miệng thường chẳng nói lời vô nghĩa; thân, ý chẳng nghĩ, chẳng làm việc vô nghĩa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, thường siêng năng tinh tấn, luôn tạo lợi ích cho các hữu tình, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, dứt trừ ba đường hướng đến điều ác của các hữu tình, dùng phương tiện để đưa chúng sinh an lập vào trong đường hướng đến điều thiện.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tuy trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật-đa, nhưng thường lấy Bố thí ba-la-mật-đa làm đầu, dũng mãnh tu tập, bố thí cho các hữu tình tất cả những đồ ưa thích, thường không lười biếng bê trễ; tất cả các hữu tình cần ăn, cho ăn; cần uống, cho uống; cần xe, cho xe; cần áo, cho áo; cần hương hoa, cho hương hoa; cần anh lạc, cho anh lạc; cần phòng xá, cho phòng xá; cần giường chõng, cho giường chõng; cần đồ nằm, cho đồ nằm; cần đèn sáng, cho đèn sáng; cần tiền gạo, cho tiền gạo; cần châu báu, cho châu báu; cần kỹ nhạc, cho kỹ nhạc; cần người hầu, cho người hầu; tùy theo nhu cầu về các thứ của cải, đều vui vẻ ban cho khiến

không còn thiếu thốn; bố thí rồi, thì khuyên họ dốc tu tập theo ba nẻo Bồ-đề.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tuy trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật-đa, nhưng thường lấy Tịnh giới ba-la-mật-đa làm đầu, dũng mãnh tu tập; thân, ngữ, ý luôn đầy đủ luật nghi thanh tịnh, thường khuyên các hữu tình cũng nên tu tập luật nghi như vậy, khiến họ mau được viên mãn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tuy trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật-đa, nhưng thường lấy An nhẫn ba-la-mật-đa làm đầu, dũng mãnh tu tập, xa lìa vĩnh viễn tất cả các tâm giận dữ, thường khuyên các hữu tình, cũng nên tu tập an nhẫn như vậy, khiến họ mau được viên mãn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tuy trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật-đa, nhưng thường lấy Tinh tấn ba-la-mật-đa làm đầu, dũng mãnh tu tập, tu hành đầy đủ tất cả thiện pháp, thường khuyên các hữu tình, cũng nên tu tập tinh tấn như vậy, khiến họ mau được viên mãn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tuy trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật-đa, nhưng thường lấy Tĩnh lự ba-la-mật-đa làm đầu, dũng mãnh tu tập, tu hành đầy đủ tất cả định thù thắng, thường khuyên các hữu tình, cũng nên tu tập các định thù thắng như vậy, khiến họ mau được viên mãn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tuy trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật-đa, nhưng thường lấy Bát-nhã ba-la-mật-đa làm đầu, dũng mãnh tu tập, tu hành đầy đủ tất cả trí tuệ, thường khuyên các hữu tình, cũng nên tu tập trí tuệ thù thắng như vậy, khiến họ mau được viên mãn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa dùng phương tiện thiện xảo, hóa thân như Phật, biến nhập vào các nẻo địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, người, trời; tùy theo tiếng nói của mỗi loài mà thuyết giảng chánh pháp, khiến cho các loài ấy đều đạt được lợi ích an lạc thù thắng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hóa thân như Phật, có mặt đến khắp vô số thế giới chư Phật trong mười phương, vì các hữu tình, tuyên nói chánh pháp, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn; ở chỗ các Đức Phật ấy luôn lắng nghe chánh pháp, làm nghiêm tịnh cõi Phật, xem khắp cảnh tượng thanh tịnh vi diệu của cõi Phật rất thù thắng nơi mười phương mà tự khởi tạo cõi Phật vô cùng trang nghiêm thanh tịnh; ở trong ấy là chốn an trú của các Đại Bồ-tát đều là bậc Nhất sinh bổ xứ, khiến các vị đó mau chứng được điều mong cầu quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, có đầy đủ ba mươi hai tướng Đại trượng phu, tám mươi vẻ đẹp kèm theo, viên mãn trang nghiêm, các căn luôn mạnh mẽ, lanh lợi, hết sức thanh tịnh, chúng sinh thấy đều quý kính, khởi tâm thanh tịnh; nhân đó khuyên bảo, chỉ dạy họ tùy theo điều mong muốn, khiến dần dần chứng được Niết-bàn của ba thừa. Như vậy, Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên tu học theo nẻo tạo tác của thân, ngữ, ý luôn thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, tuy được các căn rất sáng suốt lanh lợi, nhưng chẳng dựa vào đó mà trọng mình, khinh người.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến lúc chưa chứng được bậc không thoái chuyển, thường trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa, ở trong mọi lúc, chẳng hề bị đọa vào các đường ác.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến lúc chưa chứng được bậc không thoái chuyển, thường chẳng lìa bỏ mười nẻo nghiệp thiện.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa, làm bậc Chuyển luân vương, thành tựu bảy báu, dùng pháp giáo hóa muôn dân chứ không dùng phi pháp, tạo sự an lập cho hữu tình nơi mười đường lành, cũng đem của báu bố thí cho người nghèo khổ.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa, được quả báo nhiều trăm ngàn đời làm Chuyển luân vương, gặp vô lượng trăm ngàn chư Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen không hề bỏ sót vị nào.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trú nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thường vì các loài hữu tình bị tà kiến khiến cho mờ tối, làm pháp soi sáng cho họ, lại cũng đem ánh sáng này, thường tự soi mình, cho đến khi đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng từng lìa bỏ pháp soi sáng ấy. Xá-lợi Tử, vị Đại Bồ-tát đó, do nhân duyên này nên đối với các pháp Phật thường được hiện bày. Vì thế, Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với ba nghiệp thân, ngữ, ý vốn hay tạo tác tội lỗi, không nên móng khởi.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là các Đại Bồ-tát đối với ba nghiệp thân, ngữ, ý gọi là tạo tác tội?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Nếu Đại Bồ-tát tạo ý nghĩ thế này: "Đây là thân ta, do đó tạo thân nghiệp. Đây là lời ta, do đó tạo ngữ nghiệp. Đây là ý ta, do đó tạo ý nghiệp." Xá-lợi Tử, như vậy gọi là các Đại Bồ-tát có thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp tạo tác tội lỗi.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng chấp có thân và thân nghiệp, chẳng chấp có ngữ và ngữ nghiệp, chẳng chấp có ý và ý nghiệp.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà chấp có thân, ngữ, ý và các nghiệp, liền sinh tâm tham lam, phạm giới, sân hận, biếng nhác, tán loạn, niệm xấu ác. Nếu khởi lên các tâm này, thì chẳng gọi là Đại Bồ-tát. Cho nên, Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có những ý niệm đó.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà hiện khởi ba loại thô trọng về thân, ngữ, ý, là điều không có. Vì sao? Này Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, nên có khả năng làm thanh tịnh tất cả mọi sự thô trọng của thân, ngữ và ý.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Đại Bồ-tát có khả năng làm thanh tịnh tất cả mọi thứ thô trọng của thân, ngữ, ý?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, chẳng chấp có thân và sự thô trọng của thân, chẳng chấp có ngữ và sự thô trọng của ngữ, chẳng chấp có ý và sự thô trọng của ý. Như vậy, Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, có khả năng làm thanh tịnh ba thứ thô trọng của thân, ngữ, ý.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm, thường ưa thọ trì mười nẻo nghiệp thiện, chẳng khởi tâm Thanh văn, chẳng khởi tâm Độc giác, đối với các hữu tình, thường khởi tâm bi nhằm dứt tận gốc cái khổ của họ, thường khởi tâm từ nhằm ban cho họ niềm vui. Xá-lợi Tử, Ta cũng nói Đại Bồ-tát như vậy, vì tâm lực thù thắng, nên có khả năng làm thanh tịnh ba thứ thô trọng của thân, ngữ, ý đem lại lợi lạc cho hữu tình.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên luôn làm thanh tịnh đạo giác ngộ.

Lúc này, Xá-lợi Tử bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là đạo giác ngộ của Đại Bồ-tát?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, chẳng chấp có thân nghiệp và sự thô trọng của thân, chẳng chấp có ngữ nghiệp và sự thô trọng của ngữ, chẳng chấp có ý nghiệp và sự thô trọng của ý, chẳng chấp có Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng chấp có Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng chấp có An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng chấp có Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng chấp có Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng chấp có Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng chấp có Thanh văn, chẳng chấp có Độc giác, chẳng chấp có Bồ-tát, chẳng chấp có Như Lai. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là đạo giác ngộ của Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì đạo giác ngộ, đối với tất cả các pháp, đều chẳng thủ được.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hướng đến đạo giác ngộ, thì không gì ngăn trở được.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa hướng đến đạo giác ngộ, thì không gì ngăn trở được?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, chẳng đắm sắc, chẳng đắm thọ, tưởng, hành, thức; chẳng đắm nhãn xứ, chẳng đắm nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng đắm sắc xứ, chẳng đắm thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng đắm nhãn giới, chẳng đắm nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; chẳng đắm sắc giới, chẳng đắm thanh, hương, vị, xúc, pháp giới; chẳng đắm nhãn thức giới, chẳng đắm nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; chẳng đắm nhãn xúc, chẳng đắm nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; chẳng đắm các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng đắm các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng đắm địa giới, chẳng đắm thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng đắm các pháp do nhân duyên, chẳng đắm các pháp do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các duyên khác sinh ra; chẳng đắm vô minh, chẳng đắm hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng đắm Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng đắm Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn,

Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng đắm pháp không bên trong, chẳng đắm pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng đắm chân như, chẳng đắm pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chẳng đắm bốn Niệm trụ, chẳng đắm bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng đắm Thánh đế khổ, chẳng đắm Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng đắm bốn Tĩnh lự, chẳng đắm bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng đắm tám Giải thoát, chẳng đắm tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng đắm pháp môn giải thoát Không, chẳng đắm pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng đắm tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng đắm tất cả pháp môn Tam-ma-địa; chẳng đắm bậc Cực hỷ, chẳng đắm bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân; chẳng đắm năm loại mắt, chẳng đắm sáu phép thần thông, chẳng đắm mười lực của Phật, chẳng đắm bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng đắm ba mươi hai tướng Đại sĩ, chẳng đắm tám mươi vẻ đẹp kèm theo; chẳng đắm pháp không quên mất, chẳng đắm tánh luôn luôn xả; chẳng đắm trí Nhất thiết, chẳng đắm trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng đắm quả Dự lưu, chẳng đắm các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác; chẳng đắm tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng đắm quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Xá-lợi Tử, do những nhân duyên đó, nên các Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, luôn tăng trưởng nhanh chóng, hướng đến đạo giác ngộ, không gì ngăn trở được.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát an trú nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì để có thể mau viên mãn trí Nhất thiết trí, trở thành trí tuệ thù thắng hơn hết, nên đóng chặt tất cả cửa dẫn đến nơi hiểm ác, chẳng thọ báo nơi hạng bần cùng, hạ tiện của trời, người các căn đầy đủ hình mạo đoan nghiêm, được các chúng Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian đều cùng tôn trọng cung kính cúng dường.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, trí tuệ thù thắng của Đại Bồ-tát ấy thành tựu được là những gì?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy vì thành tựu trí này, nên thấy tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, trong vô số thế giới chư Phật mười phương, nghe hết chánh pháp mà các Đức Phật kia đã nói; thấy tất cả chúng Thanh văn, Bồ-tát tăng trong hội ấy; cũng thấy cảnh tượng thanh tịnh, công đức trang nghiêm của cõi đó. Xá-lợi Tử, các Bồ-tát ấy, vì thành tựu trí này, nên chẳng khởi tưởng về thế giới, chẳng khởi tưởng về Như Lai, chẳng khởi tưởng về chánh pháp, chẳng khởi tưởng về Bồ-tát, chẳng khởi tưởng về Thanh văn, chẳng khởi tưởng về Độc giác, chẳng khởi tưởng về mình, chẳng khởi tưởng về người, chẳng khởi tưởng về cõi Phật.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát, vì do trí này, nên tuy thực hành Bố thí ba-la-mật-đa, mà chẳng chấp có Bố thí ba-la-mật-đa, tuy thực hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà chẳng chấp có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các Đại Bồ-tát, vì do trí này, nên tuy trụ nơi pháp không bên trong, mà chẳng chấp có pháp không bên trong, tuy trụ nơi pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, mà chẳng chấp có pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy trụ nơi chân như, mà chẳng chấp có chân như, tuy trụ nơi pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, mà chẳng chấp có pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu bốn Niệm trụ mà chẳng chấp có bốn Niệm trụ, tuy tu bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, mà chẳng chấp có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy trụ nơi Thánh đế khổ, mà chẳng

chấp có Thánh đế khổ, tuy trụ nơi các Thánh đế tập, diệt, đạo, mà chẳng chấp có Thánh đế tập, diệt, đạo.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu bốn Tĩnh lự, mà chẳng chấp có bốn Tĩnh lự, tuy tu bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, mà chẳng chấp có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu tám Giải thoát, mà chẳng chấp có tám Giải thoát, tuy tu tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, mà chẳng chấp có tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu pháp môn giải thoát Không, mà chẳng chấp có pháp môn giải thoát Không, tuy tu pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, mà chẳng chấp có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, mà chẳng chấp có tất cả pháp môn Đà-la-ni, tuy tu tất cả pháp môn Tam-ma-địa, mà chẳng chấp có tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu bậc Cực hỷ, mà chẳng chấp có bậc Cực hỷ, tuy tu các bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, mà chẳng chấp có các bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu năm loại mắt, mà chẳng chấp có năm loại mắt, tuy tu sáu phép thần thông, mà chẳng chấp có sáu phép thần thông.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu mười lực của Phật, mà chẳng chấp có mười lực của Phật, tuy tu bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, mà chẳng chấp có bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu ba mươi hai tướng Đại sĩ, mà chẳng chấp có ba mươi hai tướng Đại sĩ, tuy tu tám mươi vẻ đẹp kèm theo, mà chẳng chấp có tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu pháp không quên mất, mà chẳng chấp có pháp không quên mất, tuy tu tánh luôn luôn xả, mà chẳng chấp có tánh luôn luôn xả.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu trí Nhất thiết, mà chẳng chấp có trí Nhất thiết, tuy tu trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, mà chẳng chấp có trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng.

Các Đại Bồ-tát vì do trí này, tuy tu tất cả hạnh Đại Bồ-tát, mà chẳng chấp có tất cả hạnh Đại Bồ-tát, tuy tu quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, mà chẳng chấp có quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát đã thành tựu trí tuệ thù thắng. Các Đại Bồ-tát, do thành tựu trí này nên có thể chóng viên mãn tất cả các pháp Phật, tuy có thể viên mãn tất cả pháp Phật, mà đối với các pháp, không chấp, không thủ, vì tánh của tất cả các pháp là không.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát tu hành các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên đạt được năm loại mắt thanh tịnh. Những gì là năm? Đó là Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát đạt được Nhục nhãn thanh tịnh?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát đạt được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt một trăm do-tuần; có Đại Bồ-tát được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt hai trăm do-tuần; có Đại Bồ-tát đạt được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt ba trăm do-tuần; có Đại Bồ-tát được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt bốn trăm, năm trăm, sáu trăm, cho đến một ngàn do-tuần; có Đại Bồ-tát được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt một châu Thiệm-bộ; có Đại Bồ-tát được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt hai cõi đại châu; có Đại Bồ-tát được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt ba cõi đại châu; có Đại Bồ-tát được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt bốn cõi đại châu; có Đại Bồ-tát được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt tiểu thiên thế giới; có Đại Bồ-tát được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt trung thiên thế giới; có Đại Bồ-tát được Nhục nhãn thanh tịnh, có thể thấy suốt đại thiên thế giới.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát đạt được Nhục nhãn thanh tịnh.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh, có thể thấy tất cả chư Thiên trong cõi Tứ đại vương. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật là thế. Có thể thấy tất cả trời Ba mươi ba, trời

Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật về các cõi ấy là thế.

Các Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh, có thể thấy tất cả trời Phạm chúng. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật là thế. Có thể thấy tất cả các cõi trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật về các cõi ấy là thế.

Các Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh, có thể thấy tất cả trời Quang. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật là thế. Có thể thấy tất cả trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật về các cõi ấy là thế.

Các Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh, có thể thấy tất cả trời Tịnh. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật là thế. Có thể thấy tất cả trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật về các cõi ấy là thế.

Các Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh, có thể thấy tất cả trời Quảng. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật là thế. Có thể thấy tất cả trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật về các cõi ấy là thế.

Các Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh, có thể thấy tất cả trời Vô tưởng hữu tình. Cái thấy của Thiên nhãn, cũng như sự nhận biết như thật là thế.

Các Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh, có thể thấy tất cả trời Vô phiền. Cái thấy ấy gồm luôn cả sự nhận biết như thật. Có thể thấy tất cả các cõi trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh. Cái thấy ấy gồm luôn cả sự nhận biết như thật về các cõi đó.

Xá-lợi Tử, có cái mà Đại Bồ-tát chứng Thiên nhãn đã thấy, nhưng tất cả chư Thiên nơi cõi Tứ đại vương, cho đến cõi trời Sắc cứu cánh, dù đã được Thiên nhãn, vẫn chẳng thể thấy được, cũng chẳng thể biết được.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh có thể thấy, cũng như nhận biết như thật về các loại hữu tình chết nơi này, sinh nơi kia, trong vô số thế giới ở mười phương.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát được Tuệ nhãn thanh tịnh?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát được Tuệ nhãn thanh tịnh chẳng thấy có pháp hữu vi hoặc vô vi; chẳng thấy có pháp hữu lậu hoặc vô lậu; chẳng thấy có pháp thế gian hoặc xuất thế gian; chẳng thấy có pháp hữu tội hoặc vô tội; chẳng thấy có pháp tập nhiễm hoặc thanh tịnh; chẳng thấy có pháp hữu sắc hoặc vô sắc; chẳng thấy có pháp hữu đối hoặc vô đối; chẳng thấy có pháp quá khứ, vị lai hoặc hiện tại; chẳng thấy có pháp trói buộc trong cõi Dục, trói buộc trong cõi Sắc hoặc trói buộc trong cõi Vô sắc; chẳng thấy có pháp thiện, chẳng thiện hoặc vô ký; chẳng thấy có các pháp kiến sở đoạn, tu sở đoạn hoặc phi sở đoạn; chẳng thấy có pháp học, vô học hoặc phi học phi vô học, cho đến tất cả pháp hoặc tự tánh hoặc sai biệt đều chẳng thấy.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy được Tuệ nhãn thanh tịnh, đối với tất cả pháp, không thấy, chẳng phải chẳng thấy; chẳng nghe, chẳng phải chẳng nghe; chẳng biết, chẳng phải chẳng biết; chẳng hiểu rõ, chẳng phải chẳng hiểu rõ.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát được Tuệ nhãn thanh tịnh.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh, có thể nhận biết như thật, về các loại Bổ-đặc-già-la với vô số sự sai khác. Gọi là nhận biết như thật. Đây là tùy tín hành, đây là tùy pháp hành, đây là vô tướng hành; đây là trụ không, đây là trụ vô tướng, đây là trụ vô nguyện. Lại nhận biết như thật: đây là do pháp môn giải thoát Không khởi năm Căn; do năm Căn khởi định vô gián; do định vô gián khởi giải thoát tri kiến; do giải thoát tri kiến nên vĩnh viễn đoạn trừ ba thứ kết sử, đạt được quả Dự lưu. Thân kiến, giới cấm thủ, nghi gọi là ba kết sử. Lại do mới chứng được tu đạo, làm giảm thiểu tham, sân nơi cõi Dục, được quả Nhất lai; lại do đạt thượng phẩm tu đạo diệt hết tham, sân nơi cõi Dục, được quả Bất hoàn; lại do đạt được tăng thượng tu đạo, diệt hết năm kết thuận thượng phần, được quả A-la-hán. Tham của cõi Sắc, tham của cõi Vô sắc, vô minh, mạn, trạo cử, đó là năm kết thuận thượng phần *(năm thứ kết hoặc ở cõi Sắc và Vô Sắc)*.

Lại biết như thật: Đây là do pháp môn giải thoát Vô tướng khởi lên năm Căn; do năm Căn khởi định vô gián; do định vô gián khởi giải thoát

tri kiến; do giải thoát tri kiến nên vĩnh viễn dứt bỏ ba thứ kết, được quả Dự lưu; lại do khi được nẻo tu đạo, làm giảm thiểu tham, sân nơi cõi Dục, được quả Nhất lai; lại do đạt thượng phẩm tu đạo, diệt hết tham, sân nơi cõi Dục, được quả Bất hoàn; lại do đạt tăng thượng tu đạo, nên diệt hết năm kết thuận thượng phần, được quả A-la-hán.

Lại biết như thật: Đây là do pháp môn giải thoát Vô nguyện khởi năm Căn; do năm Căn khởi định vô gián; do định vô gián khởi giải thoát tri kiến; do giải thoát tri kiến nên vĩnh viễn dứt bỏ ba thứ kết, được quả Dự lưu; lại do khi được nẻo tu đạo, làm giảm thiểu tham, sân nơi cõi Dục, được quả Nhất lai; lại do đạt thượng phẩm tu đạo diệt hết tham, sân nơi cõi Dục, được quả Bất hoàn; lại do đạt tăng thượng tu đạo, nên diệt hết năm kết thuận thượng phần, được quả A-la-hán.

Lại biết như thật: Đây là do pháp môn giải thoát Không, Vô tướng khởi năm Căn; do năm Căn khởi định vô gián; do định vô gián khởi giải thoát tri kiến; do giải thoát tri kiến nên vĩnh viễn dứt bỏ ba thứ kết, được quả Dự lưu; lại do khi được nẻo tu đạo, làm giảm thiểu tham, sân nơi cõi Dục, được quả Nhất lai; lại do đạt thượng phẩm tu đạo diệt hết tham, sân nơi cõi Dục, được quả Bất hoàn; lại do đạt tăng thượng tu đạo, nên diệt hết năm kết thuận thượng phần, được quả A-la-hán.

Lại biết như thật: Đây là do pháp môn giải thoát Không, Vô nguyện khởi lên năm Căn; do năm Căn khởi định vô gián; do định vô gián khởi giải thoát tri kiến; do giải thoát tri kiến nên vĩnh viễn dứt bỏ ba thứ kết, được quả Dự lưu; lại do khi được tu đạo, làm giảm thiểu tham, sân nơi cõi Dục, được quả Nhất lai; lại do đạt thượng phẩm tu đạo diệt hết tham, sân nơi cõi Dục, được quả Bất hoàn; lại do đạt tăng thượng tu đạo, nên diệt hết năm kết thuận thượng phần, được quả A-la-hán.

Lại biết như thật: Đây là do pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện khởi năm Căn; do năm Căn khởi định vô gián; do định vô gián khởi giải thoát tri kiến; do giải thoát tri kiến nên vĩnh viễn dứt bỏ ba thứ kết, được quả Dự lưu; lại do khi được nẻo tu đạo, làm giảm thiểu tham, sân nơi cõi Dục, được quả Nhất lai; lại do đạt thượng phẩm tu đạo diệt hết tham, sân nơi cõi Dục, được quả Bất hoàn; lại do đạt tăng thượng tu đạo, nên diệt hết năm kết thuận thượng phần, được quả A-la-hán.

Lại biết như thật: Đây là do pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện khởi năm Căn; do năm Căn khởi định vô gián; do định vô gián khởi giải thoát tri kiến; do giải thoát tri kiến nên vĩnh viễn dứt bỏ ba thứ kết, được quả Dự lưu; lại do khi được nẻo tu đạo, làm giảm thiểu

tham, sân nơi cõi Dục, được quả Nhất lai; lại do đạt thượng phẩm tu đạo diệt hết tham, sân nơi cõi Dục, được quả Bất hoàn; lại do đạt tăng thượng tu đạo, nên diệt hết năm kết thuận thượng phần, được quả A-la-hán.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh, có thể biết như thật: Đây là một loại Bổ-đặc-già-la; do pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện khởi năm Căn; do năm Căn khởi định vô gián; do định vô gián khởi giải thoát tri kiến; do giải thoát tri kiến nên có thể biết như thật: các pháp do sự tập hợp mà có, đều là pháp hoại diệt. Vì do biết như vậy, nên đạt được năm Căn thù thắng, đoạn trừ các phiền não, lần lượt chứng được quả vị Độc giác.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh, có thể biết như thật: Đại Bồ-tát này mới vừa phát tâm tu hành pháp Bố thí ba-la-mật-đa, tu hành các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thành tựu tín căn, tinh tấn căn và các phương tiện thiện xảo, nên mới suy nghĩ về việc thọ thân, để tăng trưởng thiện pháp. Vị Đại Bồ-tát ấy hoặc sinh vào các dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, hoặc sinh vào hàng chư Thiên trong cõi Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại; ở các nơi ấy, tạo sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, tùy theo tâm ưa chuộng của các loài hữu tình ấy, có thể ban cho các loại đồ dùng hảo hạng thích hợp, cũng có thể làm nghiêm tịnh các cõi Phật, cũng dùng các thứ đồ dùng hảo hạng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật, Thế Tôn; không bị rơi rớt xuống các hàng Thanh văn, Độc giác; cho đến khi đạt quả vị Giác ngộ cao tột, trọn chẳng thoái chuyển.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh, có thể thấy, biết như thật: Đại Bồ-tát này đối với quả vị Giác ngộ cao tột, đã được thọ ký; Đại Bồ-tát này đối với quả vị Giác ngộ cao tột, đang được thọ ký; Đại Bồ-tát này đối với quả vị Giác ngộ cao tột, sẽ được thọ ký; Đại Bồ-tát này đối với quả vị Giác ngộ cao tột, được không thoái chuyển; Đại Bồ-tát này đối với quả vị Giác ngộ cao tột, còn có thể bị thoái chuyển; Đại Bồ-tát này đã trụ nơi bậc không thoái chuyển; Đại Bồ-tát này chưa trụ bậc không thoái chuyển; Đại Bồ-tát này thần thông đã được viên mãn; Đại Bồ-tát này thần thông chưa được viên mãn; Đại Bồ-tát này vì thần thông đã được viên mãn, nên có thể đi đến vô số thế giới chư Phật mười

phương, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng Đại Bồ-tát; Đại Bồ-tát này vì thần thông chưa được viên mãn, nên chẳng có thể đi đến vô số thế giới chư Phật mười phương, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng Đại Bồ-tát; Đại Bồ-tát này đã được thần thông; Đại Bồ-tát này chưa được thần thông; Đại Bồ-tát này đã đạt được Vô sinh pháp nhẫn; Đại Bồ-tát này chưa đạt được Vô sinh pháp nhẫn; Đại Bồ-tát này đã được căn thù thắng; Đại Bồ-tát này chưa được căn thù thắng; Đại Bồ-tát này đã làm nghiêm tịnh cõi Phật; Đại Bồ-tát này chưa làm nghiêm tịnh cõi Phật; Đại Bồ-tát này đã tạo sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình; Đại Bồ-tát này chưa tạo sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình; Đại Bồ-tát này đã được đại nguyện; Đại Bồ-tát này chưa được đại nguyện; Đại Bồ-tát này đã được chư Phật cùng khen ngợi; Đại Bồ-tát này chưa được chư Phật cùng khen ngợi; Đại Bồ-tát này đã thân cận chư Phật; Đại Bồ-tát này chưa thân cận chư Phật; Đại Bồ-tát này thọ mạng vô lượng; Đại Bồ-tát này thọ mạng hữu lượng; Đại Bồ-tát này khi chứng được quả vị Giác ngộ cao tột có các Bí-sô vô lượng; Đại Bồ-tát này khi chứng được quả vị Giác ngộ cao tột có các Bí-sô hữu lượng; Đại Bồ-tát này khi chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, có Bồ-tát Tăng; Đại Bồ-tát này khi chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, không có Bồ-tát Tăng; Đại Bồ-tát này chuyên tu hành lợi tha; Đại Bồ-tát này chỉ gồm tu hạnh tự lợi; Đại Bồ-tát này thực hiện việc tu hành khổ hạnh có gặp khó khăn; Đại Bồ-tát này thực hiện việc tu hành khổ hạnh không có khó khăn; Đại Bồ-tát này là bậc Nhất sinh bổ xứ; Đại Bồ-tát này còn nhiều đời mới được là bậc Nhất sinh bổ xứ; Đại Bồ-tát này đã trụ thân sau cùng; Đại Bồ-tát này chưa trụ nơi thân sau cùng; Đại Bồ-tát này đã ngồi nơi tòa Bồ-đề nhiệm mầu; Đại Bồ-tát này chưa ngồi nơi tòa Bồ-đề nhiệm mầu; Đại Bồ-tát này không có ma đến quấy nhiễu; Đại Bồ-tát này có ma đến quấy nhiễu.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát được Pháp nhãn thanh tịnh.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát được Phật nhãn thanh tịnh?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát, tâm Bồ-đề không gián đoạn, nhập định Kim cang dụ, được trí Nhất thiết tướng, thành tựu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, với vô lượng, vô biên công đức thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn. Lúc ấy, thành tựu được Phật nhãn,

giải thoát, dứt sạch hết mọi chướng ngại. Các Đại Bồ-tát, do được Phật nhãn thanh tịnh như vậy, nên vượt qua cảnh giới trí tuệ của hàng Thanh văn, Độc giác, không gì là chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hiểu rõ; đối với các pháp, đều nhận thấy tướng của chúng.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát được Phật nhãn thanh tịnh.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát, muốn chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, thì phải được Phật nhãn thanh tịnh như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn được năm loại mắt thanh tịnh, nên siêng tu tập các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sáu pháp Ba-la-mật-đa như vậy, gồm thâu các pháp thiện thanh tịnh, đó là pháp thiện của hàng Thanh văn, pháp thiện của bậc Độc giác, pháp thiện của hàng Bồ-tát, pháp thiện của Như Lai. Xá-lợi Tử, nếu hỏi rằng: Pháp nào có thể gồm thâu tất cả các thiện pháp, nên đáp ngay: Đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là mẹ sinh, dưỡng của các thiện pháp, có thể sinh ra và nuôi dưỡng các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và năm loại mắt..., với vô lượng vô biên công đức thù thắng, không thể nghĩ bàn. Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn được năm loại mắt thanh tịnh như vậy thì phải nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, thì nên học năm loại mắt thanh tịnh như đã nêu. Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát luôn luôn học năm loại mắt thanh tịnh như vậy tất nhất định chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 9

PHẨM 4: CHUYỂN SINH (3)

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể thể hiện và phát huy sáu thần thông ba-la-mật-đa. Sáu thứ thần thông đó là gì? Một là Thần cảnh trí chứng thông ba-la-mật-đa, hai là Thiên nhĩ trí chứng thông ba-la-mật-đa, ba là Tha tâm trí chứng thông ba-la-mật-đa, bốn là Túc trụ tùy niệm trí chứng thông ba-la-mật-đa, năm là Thiên nhãn trí chứng thông ba-la-mật-đa, sáu là Lậu tận trí chứng thông ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Thần cảnh trí chứng thông ba-la-mật-đa như thế nào?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát dùng Thần cảnh trí chứng thông, khởi lên vô lượng các việc thần biến lớn lao. Đó là làm chấn động mọi vật trên đại địa, nơi vô số thế giới trong mười phương: biến một thành nhiều, biến nhiều thành một, hoặc hiện hoặc ẩn, nhanh chóng không trở ngại; xuyên qua vách núi, bờ tường như đi trong khoảng không; vọt lên cao, qua lại như chim bay; ra vào trong đất như lặn hụp trong nước; lướt đi trên nước như đi trên đất; thân phát ra khói lửa như cao nguyên cháy; mình tuôn ra nước như núi tuyết; oai lực của thần đức ấy nhật nguyệt khó sánh; dùng tay đưa lên, làm ánh sáng ẩn mất; chuyển thân tự tại cho đến cõi Tịnh cư, hiện vô lượng, vô biên thần biến như vậy.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy thể hiện đủ trí Thần cảnh như thế, nhưng chẳng hề tự cao, không đắm nơi tánh của Thần cảnh trí chứng thông, không đắm vào sự của Thần cảnh trí chứng thông, không đắm ở khả năng chứng được Thần cảnh trí chứng thông ấy; đối với việc đắm, không đắm, đều không đắm. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy đã đạt được tánh không của các pháp, tánh ly của tự tánh, tánh vốn không được của tự

tánh.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta nay thể hiện và phát huy Thần cảnh trí chứng thông để làm vui cho mình, vui cho người; chỉ khởi lên ý nghĩ để nhằm chứng được trí Nhất thiết trí."

Xá-lợi Tử, như vậy là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Thần cảnh trí chứng thông ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Thiên nhĩ trí chứng thông ba-la-mật-đa như thế nào?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát dùng Thiên nhĩ trí chứng thông hết sức thanh tịnh, hơn hẳn tai của hàng trời, người, có thể nghe như thật về đủ các thứ âm thanh của các loài vô tình, hữu tình, trong vô số thế giới ở mười phương. Đó là nghe biết khắp các thứ tiếng: Tiếng địa ngục, tiếng bàng sinh, tiếng quỷ giới, tiếng người, tiếng trời, tiếng Thanh văn, tiếng Độc giác, tiếng Bồ-tát, tiếng Như Lai, tiếng chê trách sinh tử, tiếng ngợi khen Niết-bàn, tiếng vứt bỏ hữu vi, tiếng hướng đến Bồ-đề, tiếng nhàm ghét hữu lậu, tiếng vui thích vô lậu, tiếng ngợi khen Tam bảo, tiếng hàng phục ngoại đạo, tiếng bàn luận, quyết định lựa chọn, tiếng phúng tụng kinh điển, tiếng khuyên đoạn ác, tiếng dạy tu thiện, tiếng cứu giúp khổ nạn, tiếng vui vẻ an ủi, chúc mừng. Các thứ tiếng như vậy, hoặc lớn, nhỏ đều có thể khắp nghe biết, không bị chướng ngại.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy tuy tạo được đầy đủ mọi diệu dụng về Thiên nhĩ như vậy, nhưng chẳng tự cao, không đắm nơi tánh Thiên nhĩ trí chứng thông, không đắm vào sự Thiên nhĩ trí chứng thông, không đắm nơi khả năng chứng được Thiên nhĩ trí chứng thông ấy; đối với việc đắm, không đắm, đều không hề đắm. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy đã đạt được tánh không của các pháp, tánh ly của tự tánh, tánh vốn không được của tự tánh. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không khởi lên ý nghĩ thế này: Ta nay thể hiện và phát huy Thiên nhĩ trí chứng thông, để làm vui cho mình, làm vui cho người; chỉ khởi lên ý nghĩ là nhằm để chứng được trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, như vậy là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Thiên nhĩ trí chứng thông ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Tha tâm trí chứng thông ba-la-mật-đa như thế nào?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát dùng Tha tâm trí chứng thông, nên có thể biết như thật tâm và tâm sở pháp của các loại hữu tình khác, trong vô số thế giới ở mười phương. Đó là nhận biết khắp các loại hữu tình khác, nếu có tâm tham, biết như thật có tâm tham; nếu lìa tâm tham, biết như thật lìa tâm tham; nếu có tâm sân, biết như thật có tâm sân; nếu lìa tâm sân, biết như thật lìa tâm sân; nếu có tâm nghi, biết như thật có tâm nghi; nếu lìa tâm nghi, biết như thật lìa tâm nghi; nếu có tâm ái, biết như thật có tâm ái; nếu lìa tâm ái, biết như thật lìa tâm ái; nếu có tâm thủ, biết như thật có tâm thủ; nếu lìa tâm thủ, biết như thật lìa tâm thủ; nếu tâm tập trung, biết như thật tâm tập trung; nếu tâm phân tán, biết như thật tâm phân tán; nếu tâm hẹp hòi, biết như thật tâm hẹp hòi; nếu tâm rộng rãi, biết như thật tâm rộng rãi; nếu tâm móng khởi, biết như thật tâm móng khởi; nếu tâm lắng xuống, biết như thật tâm lắng xuống; nếu tâm tịch tĩnh, biết như thật tâm tịch tĩnh; nếu tâm chẳng tịch tĩnh, biết như thật tâm chẳng tịch tĩnh; nếu tâm động, biết như thật tâm động; nếu tâm chẳng động, biết như thật tâm chẳng động; nếu tâm định, biết như thật tâm định; nếu tâm chẳng định, biết như thật tâm chẳng định; nếu tâm giải thoát, biết như thật tâm giải thoát; nếu tâm chẳng giải thoát, biết như thật tâm chẳng giải thoát; nếu tâm hữu lậu, biết như thật tâm hữu lậu; nếu tâm vô lậu, biết như thật tâm vô lậu; nếu tâm có chấn động, biết như thật tâm có chấn động; nếu tâm không chấn động, biết như thật tâm không chấn động; nếu có tâm cao thượng, biết như thật có tâm cao thượng; nếu không có tâm cao thượng, biết như thật không có tâm cao thượng.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy tuy thể hiện đầy đủ Tha tâm trí như vậy, nhưng chẳng tự cao, không đắm nơi tánh Tha tâm trí chứng thông, không đắm vào sự Tha tâm trí chứng thông, không đắm vào khả năng chứng được Tha tâm trí chứng thông ấy; đối với việc đắm, không đắm, đều không hề đắm. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy đã đạt được tánh không của các pháp, tánh ly của tự tánh, tánh vốn không được của tự tánh. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta nay thể hiện và phát huy Tha tâm trí chứng thông để làm vui cho mình, làm vui cho người; chỉ khởi lên ý nghĩ nhằm để chứng được trí Nhất thiết trí."

Xá-lợi Tử, như vậy là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Tha tâm trí chứng thông ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã

thể hiện và phát huy Túc trụ tùy niệm trí chứng thông ba-la-mật-đa như thế nào?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát dùng Túc trụ tùy niệm trí chứng thông, có thể biết như thật về các việc làm đời trước của tất cả hữu tình trong vô số thế giới ở mười phương. Đó là theo ý nghĩ nhớ lại các việc đời trước, hoặc của mình, hoặc của người, một tâm, mười tâm, trăm tâm, ngàn tâm, nhiều ngàn tâm; hoặc lại theo ý nghĩ nhớ các việc đời trước, một ngày, mười ngày, trăm ngày, ngàn ngày, nhiều trăm ngàn ngày; hoặc lại theo ý nghĩ nhớ các việc đời trước, một tháng, mười tháng, trăm tháng, ngàn tháng, nhiều trăm ngàn tháng; hoặc lại theo ý nghĩ nhớ các việc đời trước, một năm, mười năm, trăm năm, ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm; hoặc lại theo ý nghĩ nhớ các việc đời trước, một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, nhiều trăm ngàn kiếp, cho đến vô lượng, vô số trăm ngàn muôn ức kiếp; hoặc lại theo ý nghĩ nhớ các việc đời trước, là thời gian như vậy, xứ sở như vậy, tên như vậy, họ như vậy, cuộc sống như vậy, chủng loại như vậy, thức ăn như vậy, ở lâu như vậy, hạn tuổi như vậy, sống lâu như vậy, hưởng an vui như vậy, chịu khổ sở như vậy; chết từ nơi kia, đến sinh nơi này, chết từ nơi này, đến sinh nơi kia; tướng mạo như vậy, tiếng nói như vậy; các việc đời trước, hoặc sơ lược, hoặc dài dòng, hoặc của mình, của người đều có thể nhớ lại.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy tuy thể hiện đầy đủ Túc trụ tùy niệm trí như vậy, nhưng chẳng tự cao, không đắm nơi tánh Túc trụ tùy niệm trí chứng thông, không đắm vào sự Túc trụ tùy niệm trí chứng thông, không đắm vào khả năng chứng được Túc trụ tùy niệm trí chứng thông ấy; đối với việc đắm, không đắm, đều không hề đắm. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy đã đạt được tánh không của các pháp, tánh ly của tự tánh, tánh vốn không được của tự tánh. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta nay thể hiện và phát huy Túc trụ tùy niệm trí chứng thông để làm vui cho mình, vui cho người; chỉ khởi lên ý nghĩ nhằm để chứng được trí Nhất thiết trí."

Xá-lợi Tử, như vậy là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Túc trụ tùy niệm trí chứng thông ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Thiên nhãn trí chứng thông ba-la-mật-đa như thế nào?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát dùng Thiên nhãn trí chứng thông vô cùng thanh tịnh vượt hơn mắt trời, người, có thể thấy như thật về các loại màu sắc, hình tượng của các loại hữu tình, phi tình trong vô số thế giới ở mười phương. Đó là thấy biết khắp các loại màu sắc hình tượng lúc sinh, lúc chết, sắc đẹp, sắc thô, hoặc hơn, hoặc kém, đường thiện, đường ác của các loại hữu tình, nhân đấy lại biết các loài hữu tình tùy theo nghiệp lực vận dụng mà thọ sinh sai khác; có loại hữu tình thành tựu thân diệu hạnh, ngữ diệu hạnh, ý diệu hạnh, khen ngợi Hiền thánh, thấy đúng nhân duyên, khi thân hoại, mạng chung, sẽ sinh vào đường thiện, hoặc sinh cõi trời, hoặc sinh cõi người, hưởng các niềm vui thanh thoát; có loại hữu tình tạo tác thân ác hạnh, tạo tác ngữ ác hạnh, gây tạo ý ác hạnh, chê bai Hiền thánh, thấy sai nhân duyên, khi thân hoại, mạng chung, sẽ đọa nơi đường ác, hoặc sinh vào địa ngục, hoặc sinh vào bàng sinh, hoặc sinh vào quỷ giới, hoặc sinh nơi biên địa hạ tiện, dơ bẩn, xấu ác; ở trong các loài hữu tình ấy phải chịu các khổ cùng cực.

Tùy theo các loại nghiệp của hữu tình, mà thọ quả sai khác như vậy, đều biết như thật.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy tuy tạo được đầy đủ mọi diệu dụng của Thiên nhãn như vậy, nhưng chẳng tự cao, không đắm nơi tánh Thiên nhãn trí chứng thông, không đắm vào sự Thiên nhãn trí chứng thông, không đắm vào khả năng chứng được Thiên nhãn trí chứng thông ấy; đối với việc đắm, không đắm, đều không hề đắm. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy đã đạt được tánh không của các pháp, tánh ly của tự tánh, tánh vốn không thể được của tự tánh. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta nay thể hiện và phát huy Thiên nhãn trí chứng thông để làm vui cho mình, vui cho người; chỉ khởi lên ý nghĩ nhằm để chứng được trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, như vậy là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Thiên nhãn trí chứng thông ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Lậu tận trí chứng thông ba-la-mật-đa như thế nào?

Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát dùng Lậu tận trí chứng thông nên có thể biết như thật về tất cả hữu tình trong vô số thế giới ở mười phương, hoặc mình, hoặc người, lậu hoặc đã hết hay chẳng hết. Loại thần thông ấy,

nương vào định Kim cang dụ, đoạn trừ các chướng nghiệp tập khởi, mới được hoàn toàn viên mãn. Khi chứng được bậc Bồ-tát không thoái chuyển, thì đối với tất cả lậu hoặc được gọi là hết, vì rốt ráo không còn hiện khởi nữa, Bồ-tát chứng được Lậu tận thông này, chẳng còn rơi xuống các hàng Thanh văn, Độc giác, chỉ hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, vì chẳng còn mong cầu các nghĩa lợi khác.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy tuy thể hiện đầy đủ trí lậu tận như vậy, nhưng không tự cao, không đắm nơi tánh Lậu tận trí chứng thông, không đắm vào sự Lậu tận trí chứng thông, không đắm vào khả năng chứng được Lậu tận trí chứng thông ấy; đối với việc đắm, không đắm, đều không hề đắm. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy đã đạt được tánh không của các pháp, tánh ly của tự tánh, tánh vốn không thể được của tự tánh. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy không khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta nay thể hiện và phát huy Lậu tận trí chứng thông để làm vui cho mình, vui cho người; chỉ khởi lên ý nghĩ nhằm để chứng được trí Nhất thiết trí."

Xá-lợi Tử, như vậy là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã thể hiện và phát huy Lậu tận trí chứng thông ba-la-mật-đa.

Như vậy, Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể làm viên mãn thanh tịnh sáu thần thông ba-la-mật-đa. Do sáu thần thông này được viên mãn thanh tịnh, nên liền được viên mãn trí Nhất thiết trí, là trí Nhất thiết và trí Nhất thiết tướng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi Bố thí ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp hay tâm tham lam.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi Tịnh giới ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới hoặc tâm phạm giới.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi An nhẫn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm từ bi hay tâm giận dữ.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi Tinh tấn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm siêng năng hay tâm lười biếng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm tịch tĩnh hay tâm tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, trở lại an trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trí tuệ hay tâm ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp bố thí, An nhẫn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, từ bi, giận dữ.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp bố thí, Tinh tấn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, siêng năng, lười biếng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, An nhẫn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, từ bi, giận dữ.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, Tinh tấn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, siêng năng, lười biếng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa,

an trụ nơi các pháp Tịnh giới, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp An nhẫn, Tinh tấn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm từ bi, giận dữ, siêng năng, lười biếng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp An nhẫn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm từ bi, giận dữ, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp An nhẫn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm từ bi, giận dữ, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tinh tấn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm siêng năng, lười biếng, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, từ bi, giận dữ.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, Tinh tấn ba-la-mật-đa, làm nghiêm

tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, siêng năng, lười biếng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, An nhẫn, Tinh tấn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, từ bi, giận dữ, siêng năng, lười biếng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, An nhẫn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, từ bi, giận dữ, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, An nhẫn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, từ bi, giận dữ, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tinh tấn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, siêng năng, lười biếng, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên

không khởi tâm trì giới, phạm giới, từ bi, giận dữ, siêng năng, lười biếng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, từ bi, giận dữ, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, từ bi, sân hận, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, Tinh tấn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, siêng năng, lười biếng, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp An nhẫn, Tinh tấn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp An nhẫn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm từ bi, sân hận, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, từ bi, sân hận, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, từ bi, sân hận, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, Tinh tấn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, siêng năng, lười biếng, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, An nhẫn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, từ bi, sân hận, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm

nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, từ bi, sân hận, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới,

từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm trì giới, phạm giới, từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Lại nữa Xá-lợi Tử, có Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không khởi tâm cứu giúp, tham lam, trì giới, phạm giới, từ bi, sân hận, siêng năng, lười biếng, tịch tĩnh, tán loạn, trí tuệ, ngu si.

Như vậy, Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật-đa, làm nghiêm tịnh trí Nhất thiết, trí Nhất thiết đạo tướng. Do rốt ráo không, nên không đi, đến; không bố thí, tham lam, vì chỉ giả bày ra; không tịnh giới, phạm giới, vì chỉ giả bày ra; không an nhẫn, sân hận, vì chỉ giả bày ra; không tinh tấn, biếng nhác, vì chỉ giả bày ra; không tĩnh lự, tán loạn, vì chỉ giả bày ra; không Bát-nhã, ngu si, vì chỉ giả bày ra.

Đại Bồ-tát ấy, không đắm nẻo hướng tới, cũng không đắm nẻo không hướng tới, không đắm là đã độ, không đắm chẳng phải đã độ, không đắm bố thí, không đắm tham lam, không đắm tịnh giới, không đắm phạm giới, không đắm an nhẫn, không đắm sân hận, không đắm tinh tấn, không đắm biếng trễ, không đắm tĩnh lự, không đắm tán loạn, không đắm Bát-nhã, không đắm ngu si.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy ngay trong lúc đó cũng không chấp trước người bố thí, không chấp trước người tham lam, không chấp trước người

tịnh giới, không chấp trước người phạm giới, không chấp trước người an nhẫn, không chấp trước người sân hận, không chấp trước người tinh tấn, không chấp trước người biếng trễ, không chấp trước người tĩnh lự, không chấp trước người tán loạn, không chấp trước người Bát-nhã, không chấp trước người ngu si.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy ngay trong lúc đó, đối với việc chấp trước hoặc không chấp trước, cũng đều không hề chấp. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy đã đạt được cái rốt ráo không của các pháp.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy ngay trong lúc đó không đắm nơi việc trách mắng, không đắm việc ngợi khen, không đắm sự tổn hại, không đắm sự lợi ích, không đắm sự khinh mạn, không đắm sự cung kính. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy đã đạt được cái rốt ráo bất sinh của các pháp; vì trong pháp vô sinh, không có pháp trách mắng, ngợi khen; không có pháp tổn hại, lợi ích; không có pháp khinh mạn, cung kính.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy ngay trong lúc đó, không đắm việc trách mắng, không đắm việc ngợi khen, không đắm việc tổn hại, không đắm việc lợi ích, không đắm việc khinh mạn, không đắm việc cung kính. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy đã đạt được bản tánh không của các pháp; vì trong bản tánh không, không có việc trách mắng chửi, ngợi khen; vì không có việc tổn hại, lợi ích; không có việc khinh mạn, cung kính.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy ngay trong lúc đó đối với sự đắm, không đắm, cũng đều không hề đắm. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đoạn trừ vĩnh viễn tất cả mọi sự đắm và không đắm.

Như vậy Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, công đức đã đạt được rất cao, rất quý, chẳng thể nghĩ bàn; tất cả hàng Thanh văn, Độc giác đều không thể có được.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy công đức như vậy đã viên mãn rồi, lại dùng Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự thù thắng để đem lại sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình; lại dùng các đại nguyện kiên cố, dũng mãnh, tinh tấn, để làm nghiêm tịnh cõi Phật. Do đó mà mau chứng điều mong cầu là quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với loài hữu tình, hoặc kém, hơn, tốt, xấu, đều khởi tâm bình đẳng. Đại Bồ-tát ấy đối với loài hữu tình đã khởi tâm bình đẳng rồi, lại khởi tâm đem lại lợi ích, an lạc. Đại Bồ-tát ấy đối với loài hữu tình khởi tâm đem lại lợi ích an lạc rồi, đối với các pháp tánh đều đạt được bình đẳng. Đại Bồ-tát

ấy đối với các pháp tánh đã đạt được bình đẳng rồi, có thể tạo sự an lập cho khắp tất cả loài hữu tình, ở trong tánh bình đẳng của các pháp, tạo việc lợi ích lớn.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy do nhân duyên này ở trong hiện pháp, được các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương thế giới đều cùng hộ niệm; cũng được tất cả chúng Đại Bồ-tát trong mười phương đều cùng khen ngợi; cũng được tất cả hàng Thanh văn, Độc giác, người tu phạm hạnh cùng kính ái; cũng được tất cả Trời, Người, A-tố-lạc... trong thế gian, cung kính, cúng dường, tôn trọng ngợi khen.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy do nhân duyên này tùy theo chỗ sinh, mắt thường chẳng thấy sắc khó ưa nhìn, tai thường chẳng nghe tiếng khó nghe, mũi thường chẳng ngửi mùi khó ngửi, lưỡi thường chẳng nếm vị chẳng ngon, thân thường chẳng tiếp xúc cái khó chịu, ý thường chẳng hề giữ lấy pháp không ưa thích.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy do nhân duyên này, mà công đức đạt được rất nhiều, rất thù thắng, cho đến đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, thường không thoái chuyển.

Trong khi Phật thuyết giảng về công đức thù thắng của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, nơi pháp hội vô lượng chúng đại Bí-sô từ chỗ ngồi đứng dậy, mỗi vị đều cầm các loại y phục mới, sạch, quý giá, dâng lên Thế Tôn; dâng xong rồi, đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền mỉm cười, phóng ra các loại hào quang nhiều mầu nơi lông trắng giữa chặn mày..

Khi ấy, Tôn giả A-nan-đà liền rời chỗ ngồi đứng dậy, che kín vai trái, gối phải quỳ xuống đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười như thế? Vì chư Phật mỉm cười chẳng phải là không duyên cớ. Cúi xin Thế Tôn thương xót dạy cho.

Phật bảo A-nan-đà:

–Vô lượng Bí-sô từ chỗ ngồi đứng dậy, từ nay về sau, sáu mươi mốt kiếp, trong kiếp Tinh dụ, sẽ được thành Phật, đều có cùng một danh hiệu, là Đại Tràng Tướng Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm. Các Bí-sô ấy, từ nơi này chết rồi, sẽ sinh vào cõi Phật Bất động ở phương Đông; ở cõi Phật đó, các vị luôn siêng tu phạm hạnh.

Lúc này, lại có sáu mươi trăm ngàn các chúng Thiên tử, nghe Phật

đã thuyết giảng về công đức thù thắng, lợi ích của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột. Đức Thế Tôn thọ ký cho họ, sẽ ở trong pháp hội của Đức Như Lai Từ Thị, xuất gia với lòng tin thanh tịnh, siêng tu phạm hạnh. Đức Như Lai Từ Thị sẽ thọ ký cho họ, đều sẽ chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, chuyển bánh xe pháp, hóa độ vô lượng chúng sinh, khiến đều chứng được Niết-bàn thường lạc.

Khi ấy, tất cả chúng hội ở đây nhờ thần lực Phật đều thấy chư Phật Thế Tôn và chúng hội của Ngài, ở hàng ngàn cõi Phật trong mười phương, cõi Phật của các Ngài ấy với công đức trang nghiêm, vi diệu, thù thắng. Ngay lúc đó các vị nhận thấy nơi thế giới Kham nhẫn này, những công đức trang nghiêm ở đây đều không sánh kịp.

Lúc đó, tại chúng hội này vô lượng trăm ngàn các loại hữu tình đều phát nguyện: "Xin đem các nghiệp thuần tịnh của chúng con đã tu tập được nguyện sẽ được vãng sinh về các cõi Phật kia."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm nguyện của họ, liền lại mỉm cười, nơi giữa chặn mày phóng ra các loại hào quang nhiều màu. Lúc này A-nan-đà từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính hỏi Phật về lý do mỉm cười.

Phật bảo A-nan-đà:

–Hiện nay ông có thấy vô lượng trăm ngàn các hữu tình, từ tòa ngồi đứng dậy chăng?

A-nan-đà bạch Phật:

–Dạ, con có thấy.

Phật bảo A-nan-đà:

–Các hữu tình ấy từ cõi này khi thọ mạng hết, tùy theo nghiệp lực của họ, đều được vãng sinh về các cõi Phật kia. Ở các cõi Phật đó, họ đều tu hạnh Bồ-tát, cho đến khi chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Ở nơi sinh ra, thường chẳng xa rời Phật, luôn cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, siêng năng tu tập các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; an trú chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp

định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; luôn tu hành bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; an trú Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; tu hành tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; tu hành theo hạnh bậc Đại Bồ-tát; tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; tu hành mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và các hạnh Đại Bồ-tát, những sự tu tập ấy được viên mãn rồi, đều cùng lúc thành Phật, đồng một danh hiệu là Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 10

PHẨM 5: KHEN NGỢI CÔNG ĐỨC THÙ THẮNG

Lúc bấy giờ, các vị Trưởng lão Xá-lợi Tử, Trưởng lão Đại Mục-liên, Trưởng lão Đại Ẩm Quang, Trưởng lão Thiện Hiện... là những bậc được nhiều người biết đến và ngưỡng vọng, các đại Bí-sô và Bí-sô-ni, cùng chúng Đại Bồ-tát, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay cung kính, đồng bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa mà Đại Bồ-tát đạt được là ba-la-mật-đa vĩ đại, sâu rộng, đệ nhất, thù thắng, thâm diệu, nhiệm mầu, tôn quý, cao siêu, hơn hết, cùng tột, trên hết, vô thượng, tối thượng, siêu đẳng, không gì bằng, tuyệt đỉnh, tuyệt đối, như hư không, không tự tướng, không cộng tướng, không nơi tất cả pháp, không chẳng thể nắm bắt được, không không tánh, không tự tánh, không không tánh tự tánh, không không đổi khác, không sinh, không diệt, không nhiễm, dứt mọi tranh biện hý luận, tịch tĩnh, xa lìa tất cả, vắng lặng trọn vẹn, điều phục chế ngự tất cả, tổng trì, chân thật, khai triển phát huy tất cả công đức, thành tựu tất cả công đức, có khả năng phá trừ tất cả, không thể khuất phục.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành bố thí tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn bố thí tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành Bố thí ba-la-mật-đa tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành tịnh giới tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn tịnh giới tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ Tịnh giới ba-la-mật-đa tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó

là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành an nhẫn tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn an nhẫn tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ An nhẫn ba-la-mật-đa tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành tinh tấn tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn tinh tấn tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật-đa tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành tĩnh lự tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn tĩnh lự tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ Tĩnh lự ba-la-mật-đa tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành Bát-nhã tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn Bát-nhã tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật-đa tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng an trụ nơi pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh,

pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn pháp không bên trong... cho đến pháp không không tánh tự tánh tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ pháp không bên trong... cho đến pháp không không tánh tự tánh tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng an trụ nơi chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn chân như... cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ chân như... cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn bốn Niệm trụ... cho đến tám chi Thánh đạo tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ bốn Niệm trụ... cho đến tám chi Thánh đạo tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng an trụ nơi các Thánh đế khổ, tập, diệt đạo tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn Thánh đế khổ, tập, diệt đạo tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ Thánh đế khổ, tập, diệt đạo tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tuyệt đỉnh; có

khả năng thực hành đầy đủ bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành pháp môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn pháp môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ pháp môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành bậc Đại Bồ-tát tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn bậc Đại Bồ-tát tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ bậc Đại Bồ-tát tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy

đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ năm loại mắt, sáu phép thần thông tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có đầy đủ năng lực lớn, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, có khả năng tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tuyệt đỉnh; có khả năng làm viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tuyệt đỉnh; có khả năng thực hành đầy đủ trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tuyệt đỉnh; có khả năng chứng được tự thể tuyệt đỉnh, đó là thân tướng trang nghiêm hảo diệu thù thắng vô biên; có khả năng chứng được diệu pháp tuyệt đỉnh, đó là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bạch Thế Tôn, Như Lai cũng do tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà có khả năng tu hành an trụ viên mãn, đầy đủ các loại công đức, chứng được sắc tuyệt đỉnh; chứng được thọ, tưởng, hành, thức tuyệt đỉnh; chứng quả vị giác ngộ tuyệt đỉnh; chuyển pháp luân tuyệt đỉnh; độ thoát vô

lượng các loại hữu tình, khiến đều được lợi ích an lạc thù thắng. Các Đức Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng do tinh cần tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa mà các loại công đức đều được viên mãn, đã chứng quả vị Giác ngộ cao tột, sẽ chứng quả vị Giác ngộ cao tột, hiện chứng quả vị Giác ngộ cao tột; chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu, độ vô lượng chúng sinh, khiến đều được lợi ích an lạc thù thắng. Vì thế, bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát nào muốn đạt đến bờ giác thì đối với tất cả các pháp, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tất cả thế gian, hoặc Trời, hoặc Người, A-tố-lạc... đều nên cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, bảo hộ, khiến cho sự tinh tấn tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không hề bị chướng ngại.

Đức Thế Tôn bảo các Thanh văn và các Đại Bồ-tát...:

–Đúng vậy, đúng vậy, như các ông đã nói! Các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, tất cả thế gian, hoặc Trời, hoặc Người, A-tố-lạc... đều nên cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, bảo hộ, khiến cho sự tinh tấn tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không hề bị chướng ngại. Vì sao? Vì do Đại Bồ-tát này, nên thế gian mới có được người, trời xuất hiện, đó là dòng dõi lớn Sát-đế-lợi, dòng dõi lớn Bà-la-môn, dòng dõi lớn Trưởng giả, dòng dõi lớn Cư sĩ; hoặc là Chuyển luân vương, hoặc chư Thiên cõi Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh; hoặc trời Không vô biên xứ, trời Thức vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ, xuất hiện ở thế gian. Vì do Đại Bồ-tát này mà có được các quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Đại Bồ-tát và Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác... xuất hiện ở thế gian. Do vì Đại Bồ-tát này mà thế gian có Tam bảo xuất hiện, làm lợi ích cho các loại hữu tình. Do vì Đại Bồ-tát này mà thế gian có được các thứ để nuôi sống và vui chơi xuất hiện, đó là đồ ăn uống, y phục, đồ nằm, phòng xá, đèn sáng, ngọc mạt-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, vàng bạc... các vật báu, xuất hiện trên đời. Nói tóm lại, tất cả cái vui của trời, người ở thế gian và cái vui Niết-bàn, đều do Đại Bồ-tát ấy mà có. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát ấy, chính mình tu hành,

cũng dạy cho người khác tu hành Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; chính mình an trụ, cũng dạy cho người khác an trụ nơi pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; tự mình an trụ, cũng dạy cho người khác an trụ nơi chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; chính mình tu hành, cũng dạy cho người khác tu hành bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chính mình an trụ, cũng dạy cho người khác trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; chính mình tu hành, cũng dạy cho người khác tu hành bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chính mình tu hành, cũng dạy cho người khác tu hành tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chính mình tu hành, cũng dạy cho người khác tu hành pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; chính mình tu hành, cũng dạy cho người khác tu hành pháp môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa; chính mình tu hành, cũng dạy cho người khác tu hành các bậc Bồ-tát; chính mình tu hành, cũng dạy cho người khác tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; chính mình tu hành, cũng dạy cho người khác tu hành mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, các pháp đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chính mình tu hành, cũng dạy cho người khác tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chính mình tu hành, cũng dạy cho người khác tu hành trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì vậy, do sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy của các Bồ-tát mà tất cả hữu tình đều được lợi ích an lạc thù thắng.

M

PHẨM 6: HIỆN TƯỚNG LƯỠI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cả thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi ấy, phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật mười phương.

Khi ấy, vô số thế giới các cõi Phật ở phương Đông, mỗi cõi đều có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát, thấy hào quang ấy rồi, đều đến trước Phật đảnh lễ, cung kính bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, thần lực này là của ai? Lại do duyên cớ gì mà có điềm lành ấy?

Cùng lúc, các Đức Phật ở các cõi đó đều bảo Đại Bồ-tát:

–Thiện nam, ở phương Tây của cõi này, có cõi Phật tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay vì chúng Đại Bồ-tát thuyết giảng Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi đó phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật mười phương; hào quang đang thấy đó là tướng lưỡi của Phật kia đã hiện.

Các Đại Bồ-tát nghe việc này rồi, tất cả đều rất vui mừng, đều bạch Phật:

–Chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng Đại Bồ-tát và nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Thế Tôn thương xót, chấp thuận!

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo:

–Nay đã đúng lúc, các ông cứ đi!

Vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật ấy, đồng lạy nơi chân Phật, đi nhiễu bên phải bảy vòng, nghiêm chỉnh mang theo vô lượng tràng phan, lọng báu, hương, tràng hoa, anh lạc, vàng, bạc, các thứ hoa; hòa tấu các thứ kỹ nhạc rất hay; chỉ trong chốc lát, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, tại vô số thế giới các cõi Phật ở phương Nam, mỗi cõi đều có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát, thấy hào quang ấy rồi, đều đến trước Phật đảnh lễ, cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn, thần lực này là của ai? Lại vì duyên cớ gì mà có điềm lành ấy?

Cùng lúc, các Đức Phật ở các cõi đó đều bảo Đại Bồ-tát rằng:

–Thiện nam, ở phương Bắc của cõi này, có cõi Phật tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng

Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay vì chúng Đại Bồ-tát thuyết giảng Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi đó, phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật mười phương; hào quang đang thấy đó là tướng lưỡi của Phật kia hiện ra.

Các Đại Bồ-tát nghe việc này rồi, đều rất vui, cùng bạch Phật:

–Chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng Đại Bồ-tát và nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Thế Tôn thương xót, chấp thuận!

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo:

–Nay đã đúng lúc, các ông cứ đi.

Vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật ấy đều lạy nơi chân Phật, đi nhiễu bên phải bảy vòng, nghiêm chỉnh mang theo vô lượng tràng phan, lọng báu, hương, tràng hoa, anh lạc, vàng, bạc, các thứ hoa; hòa tấu các thứ kỹ nhạc rất hay; chỉ trong chốc lát, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, tại vô số thế giới các cõi Phật ở phương Tây, mỗi cõi đều có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát, thấy hào quang ấy rồi, đều đến trước Phật đảnh lễ, cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn, thần lực này là của ai? Lại vì duyên cớ gì mà có điềm lành ấy?

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo Đại Bồ-tát:

–Thiện nam, ở phương Đông của cõi này, có cõi Phật tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay vì chúng Đại Bồ-tát giảng thuyết Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi đó, phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật mười phương; hào quang đang thấy đó là tướng lưỡi của Phật kia hiện ra.

Các Đại Bồ-tát nghe việc này rồi, đều rất vui mừng, bạch Phật:

–Chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng Đại Bồ-tát và nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Thế Tôn thương xót, chấp thuận!

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo:

– Nay đã đúng lúc, các ông cứ đi.

Vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật ấy, đều lạy nơi chân Phật, đi nhiễu bên phải bảy vòng, nghiêm chỉnh mang theo vô lượng tràng phan, lọng báu, hương, tràng hoa, anh lạc, vàng, bạc, các thứ hoa; hòa tấu các thứ kỹ nhạc rất hay; chỉ trong chốc lát, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, tại vô số thế giới các cõi Phật ở phương Bắc, mỗi cõi đều có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát, thấy hào quang ấy rồi, đều đến trước Phật đảnh lễ, cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn, thần lực này là của ai? Lại vì duyên cớ gì mà có điềm lành ấy?

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo Đại Bồ-tát:

–Thiện nam, ở phương Nam của cõi này, có cõi Phật tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay vì chúng Đại Bồ-tát thuyết giảng Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi đó, phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật mười phương; hào quang đang thấy đó là tướng lưỡi của Phật kia hiện ra.

Các Đại Bồ-tát nghe việc này rồi, đều rất vui mừng, bạch Phật:

–Chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng Đại Bồ-tát và nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Thế Tôn thương xót, chấp thuận!

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo:

–Nay đã đúng lúc, các ông cứ đi.

Vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật ấy, đều lạy nơi chân Phật, đi nhiễu bên phải bảy vòng, nghiêm chỉnh mang theo vô lượng tràng phan, lọng báu, hương, tràng hoa, anh lạc, vàng, bạc, các thứ hoa; hòa tấu các thứ kỹ nhạc rất hay; chỉ trong chốc lát, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, tại vô số thế giới các cõi Phật ở hướng Đông bắc, mỗi cõi đều có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát, thấy hào quang ấy rồi, đều đến trước Phật đảnh lễ, cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn, thần lực này là của ai? Lại vì duyên cớ gì mà có điềm lành ấy?

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo Đại Bồ-tát:

–Thiện nam, ở hướng Tây nam của cõi này, có cõi Phật tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay vì chúng Đại Bồ-tát thuyết giảng Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi đó, phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật mười phương; hào quang đang thấy đó là tướng lưỡi của Phật kia hiện ra.

Các Đại Bồ-tát nghe việc này rồi, đều rất vui mừng, bạch Phật:

–Chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng Đại Bồ-tát và nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Thế Tôn thương xót, chấp thuận!

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo:

–Nay đã đúng lúc, các ông cứ đi.

Vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật ấy, đều lạy nơi chân Phật, đi nhiễu bên phải bảy vòng, nghiêm chỉnh mang theo vô lượng tràng phan, lọng báu, hương, tràng hoa, anh lạc, vàng, bạc, các thứ hoa; hòa tấu các thứ kỹ nhạc rất hay; chỉ trong chốc lát, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, tại vô số thế giới các cõi Phật ở hướng Đông nam, mỗi cõi đều có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát, thấy hào quang ấy rồi, đều đến trước Phật đảnh lễ, cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn, thần lực này là của ai? Lại vì duyên cớ gì mà có điềm lành ấy?

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo Đại Bồ-tát:

–Thiện nam, ở hướng Tây bắc của cõi này, có cõi Phật tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay vì chúng Đại Bồ-tát thuyết giảng Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi đó, phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật

mười phương; hào quang đang thấy đó là tướng lưỡi của Phật kia hiện ra.

Các Đại Bồ-tát nghe việc này rồi, đều rất vui mừng, bạch Phật:

–Chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng Đại Bồ-tát và nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Thế Tôn thương xót, chấp thuận!

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo:

–Nay đã đúng lúc, các ông cứ đi.

Vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật ấy, đều lạy nơi chân Phật, đi nhiễu bên phải bảy vòng, nghiêm chỉnh mang theo vô lượng tràng phan, lọng báu, hương, tràng hoa, anh lạc, vàng, bạc, các thứ hoa; hòa tấu các thứ kỹ nhạc rất hay; chỉ trong chốc lát, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, tại vô số thế giới các cõi Phật ở hướng Tây nam, mỗi cõi đều có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát, thấy hào quang ấy rồi, đều đến trước Phật đảnh lễ, cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn, thần lực này là của ai? Lại vì duyên cớ gì mà có điềm lành ấy?

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo Đại Bồ-tát:

–Thiện nam, ở hướng Đông bắc của cõi này, có cõi Phật tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay vì chúng Đại Bồ-tát thuyết giảng Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi đó, phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật mười phương; hào quang đang thấy đó là tướng lưỡi của Phật kia hiện ra.

Các Đại Bồ-tát nghe việc này rồi, đều rất vui mừng, bạch Phật:

–Chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng Đại Bồ-tát và nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Thế Tôn thương xót, chấp thuận!

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo:

–Nay đã đúng lúc, các ông cứ đi.

Vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật ấy, đều lạy nơi chân Phật, đi nhiễu bên phải bảy vòng, nghiêm chỉnh mang theo vô lượng

tràng phan, lọng báu, hương, tràng hoa, anh lạc, vàng, bạc, các thứ hoa; hòa tấu các thứ kỹ nhạc rất hay; chỉ trong chốc lát, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, tại vô số thế giới các cõi Phật ở hướng Tây bắc, mỗi cõi đều có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát, thấy hào quang ấy rồi, đều đến trước Phật đảnh lễ, cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn, thần lực này là của ai? Lại vì duyên cớ gì mà có điềm lành ấy?

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo Đại Bồ-tát:

–Thiện nam, ở hướng Đông nam của cõi này có cõi Phật tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay vì chúng Đại Bồ-tát thuyết giảng Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi đó, phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật mười phương; hào quang đang thấy đó là tướng lưỡi của Phật kia hiện ra.

Các Đại Bồ-tát nghe việc này rồi, đều rất vui mừng, bạch Phật:

–Chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng Đại Bồ-tát và nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Thế Tôn thương xót, chấp thuận!

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo:

–Nay đã đúng lúc, các ông cứ đi.

Vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật ấy, đều lạy nơi chân Phật, đi nhiễu bên phải bảy vòng, nghiêm chỉnh mang theo vô lượng tràng phan, lọng báu, hương, tràng hoa, anh lạc, vàng, bạc, các thứ hoa; hòa tấu các thứ kỹ nhạc rất hay; chỉ trong chốc lát, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, tại vô số thế giới các cõi Phật ở phương dưới, mỗi cõi đều có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát, thấy hào quang ấy rồi, đều đến trước Phật đảnh lễ, cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn, thần lực này là của ai? Lại vì duyên cớ gì mà có điềm lành ấy?

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo Đại Bồ-tát:

–Thiện nam, ở phương trên của cõi này, có cõi Phật tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay vì chúng Đại Bồ-tát thuyết giảng Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi đó, phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật mười phương; hào quang đang thấy đó là tướng lưỡi của Phật kia hiện ra.

Các Đại Bồ-tát nghe việc này rồi, đều rất vui mừng, bạch Phật:

–Chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng Đại Bồ-tát và nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Thế Tôn thương xót, chấp thuận!

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo:

–Nay đã đúng lúc, các ông cứ đi.

Vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật ấy, đều lạy nơi chân Phật, đi nhiễu bên phải bảy vòng, nghiêm chỉnh mang theo vô lượng tràng phan, lọng báu, hương, tràng hoa, anh lạc, vàng, bạc, các thứ hoa; hòa tấu các thứ kỹ nhạc rất hay; chỉ trong chốc lát, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, tại vô số thế giới các cõi Phật ở phương trên, mỗi cõi đều có vô lượng, vô số Đại Bồ-tát, thấy hào quang ấy rồi, đều đến trước Phật đảnh lễ, cung kính bạch:

–Bạch Thế Tôn, thần lực này là của ai? Lại vì duyên cớ gì mà có điềm lành ấy?

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo Đại Bồ-tát:

–Thiện nam, ở phương dưới của cõi này, có cõi Phật tên là Kham nhẫn, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm, nay vì chúng Đại Bồ-tát thuyết giảng Đại Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp thế giới ba lần ngàn; lại từ tướng lưỡi đó, phóng ra vô lượng, vô số các loại hào quang nhiều màu, chiếu khắp vô số thế giới chư Phật mười phương; hào quang đang thấy đó là tướng lưỡi của Phật kia hiện ra.

Các Đại Bồ-tát nghe việc này rồi, đều rất vui mừng, bạch Phật:

–Chúng con muốn đến thế giới Kham nhẫn để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng Đại Bồ-tát và nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cúi xin Thế Tôn thương xót, chấp thuận!

Chư Phật ở các cõi đó đều bảo:

–Nay đã đúng lúc, các ông cứ đi.

Vô lượng, vô số chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật ấy, đều lạy nơi chân Phật, đi nhiễu bên phải bảy vòng, nghiêm chỉnh mang theo vô lượng tràng phan, lọng báu, hương, tràng hoa, anh lạc, vàng, bạc, các thứ hoa; hòa tấu các thứ kỹ nhạc rất hay; chỉ trong chốc lát, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Bấy giờ, chư Thiên trong cõi Tứ đại vương, cho đến trời Tha hóa tự tại; trời Phạm chúng, cho đến trời Sắc cứu cánh, đều cầm vô lượng các loại hương, tràng hoa, đó là hương xoa, hương bột, hương đốt, hương cây, hương lá, các thứ hương trộn lẫn; vòng hoa Duyệt ý, vòng hoa Sinh loại, vòng hoa Long tiền và vô lượng các loại vòng hoa xen lẫn; lại mang vô lượng các thứ hoa trời như hoa Ốt-bát-la, hoa Bát-đặc-ma, hoa Câu-mỗ-đà, hoa Bôn-trà-lợi, hoa Vi diệu âm, hoa đại vi diệu âm và vô lượng các thứ hoa trời khác, đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đảnh lễ nơi chân Phật, lui đứng một bên.

Lúc này, chúng Đại Bồ-tát ở mười phương và vô lượng chư Thiên nơi các trời khác trong cõi Dục, cõi Sắc, đi đến cúng các loại tràng phan, lọng báu, ngọc quý, nhạc hay và các thứ hương, hoa. Do thần lực của Phật, các thứ ấy đều vọt lên không trung, kết thành đài lọng, che khắp cõi Phật ở thế giới ba lần ngàn; bốn góc của đỉnh đài ấy đều có tràng phan báu, đài lọng báu, ngọc anh lạc rủ xuống; phan đẹp, lụa tốt, ngọc báu, hoa lạ... đủ các loại trang nghiêm, thật dễ ưa thích.

Khi ấy, trong hội này có vô số trăm ngàn ức hữu tình, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, cung kính bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con nguyện vào đời vị lai sẽ được thành Phật, các tướng hảo, oai đức đều như Phật hôm nay; quốc độ trang nghiêm, chúng hội Thanh văn, Bồ-tát, Trời, Người, nơi chốn chuyển pháp luân, đều giống như Phật hôm nay.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm nguyện của họ, đối với các pháp, đều đã ngộ Vô sinh pháp nhẫn, thấu tỏ tất cả là bất sinh, bất diệt, vô tác, vô vi, liền mỉm cười; từ nơi giữa chặn mày, lại phóng ra các loại hào quang nhiều màu. Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay,

cung kính, bạch:

–Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà ngài mỉm cười như thế?

Phật bảo A-nan:

–Vô số trăm ngàn ức chúng hữu tình vừa từ chỗ ngồi đứng dậy đó, đối với các pháp, đã ngộ Vô sinh pháp nhẫn; vào đời vị lai, trải qua sáu mươi tám vô số đại kiếp, tu hạnh Bồ-tát, ở trong kiếp Hoa tích sẽ được làm Phật, đều đồng một hiệu là Giác Phần Hoa Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 11

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (1)

Bấy giờ, Phật bảo Trưởng lão Thiện Hiện:

–Ông hãy dùng biện tài, sẽ vì chúng Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết pháp tương ưng của Bát-nhã ba-la-mật-đa, để dạy bảo trao truyền cho các Đại Bồ-tát, khiến họ tu học rốt ráo Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, chúng Đại Bồ-tát và Đại Thanh văn, Trời, Rồng, Dược-xoa, Nhân phi nhân... đều khởi lên ý nghĩ thế này:

–Nay Tôn giả Thiện Hiện tự dùng trí tuệ và biện tài của mình, sẽ vì chúng Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết pháp tương ưng của Bát-nhã ba-la-mật-đa để dạy bảo trao truyền cho các Đại Bồ-tát, khiến họ tu học rốt ráo Bát-nhã ba-la-mật-đa, hay là phải nhờ thần lực, oai đức của Phật?

Trưởng lão Thiện Hiện biết được tâm niệm của chúng Đại Bồ-tát và Đại Thanh văn, Trời, Rồng, Dược-xoa, Nhân phi nhân..., liền nói với Trưởng lão Xá-lợi Tử:

–Đệ tử của chư Phật khi nói ra giáo pháp, nên biết đều nhờ vào thần lực oai đức của Phật. Vì sao? Xá-lợi Tử, các Đức Phật vì họ mà tuyên thuyết pháp trọng yếu, họ nhờ Phật dạy mà siêng năng tu học, có khả năng chứng được thật tánh của các pháp. Do đó, những pháp đã vì họ mà tuyên thuyết đều chẳng hề trái với pháp tánh. Cho nên, những lời Phật đã dạy như đèn truyền trao chiếu sáng. Xá-lợi Tử, tôi sẽ nhờ thần lực, oai đức của Phật gia hộ đầy đủ, vì chúng Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết pháp tương ưng của Bát-nhã ba-la-mật-đa, để dạy bảo trao truyền cho các Đại Bồ-tát, khiến họ tu học rốt ráo Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng phải là do trí tuệ và biện tài của riêng mình. Vì sao vậy? Vì pháp tương ưng của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, chẳng phải là cảnh giới của các hàng Thanh văn và Độc giác.

Lúc này, Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như Phật đã dạy: "Nay con dùng biện tài, sẽ vì chúng Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết pháp tương ưng của Bát-nhã ba-la-mật-đa, để

dạy bảo trao truyền cho các Đại Bồ-tát, khiến họ tu học rốt ráo Bát-nhã ba-la-mật-đa.” Bạch Thế Tôn, trong đó, pháp nào gọi là Đại Bồ-tát? Lại có pháp nào gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Bạch Thế Tôn, con chẳng thấy có pháp nào có thể gọi là Đại Bồ-tát, cũng chẳng thấy có pháp nào có thể gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa, cả hai danh xưng ấy cũng đều chẳng thấy có, tại sao lại bảo con vì chúng Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết pháp tương ưng của Bát-nhã ba-la-mật-đa, để dạy bảo trao truyền cho các Đại Bồ-tát, khiến họ tu học rốt ráo Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát chỉ có tên gọi, đó là Đại Bồ-tát; Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chỉ có tên gọi, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa, cả hai danh xưng ấy, cũng chỉ có tên gọi. Thiện Hiện, hai danh xưng ấy là bất sinh, bất diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, như vậy là giả danh, vì chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Thiện Hiện nên biết, ví như ngã chỉ là giả danh. Giả danh ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là ngã. Như vậy, hữu tình, người sống, người sinh, người nuôi, người tạo tác, cái ta, thân do ý sinh, tuổi trẻ, người làm, người sai làm, người phát khởi, người khiến phát khởi, người nhận, người sai nhận, người biết, người thấy… cũng chỉ là giả danh. Danh ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là loài hữu tình... cho đến người thấy. Như vậy, tất cả chỉ là giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được. Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc là cả hai danh xưng này, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Như thế là cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như sắc chỉ là giả danh. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là sắc. Như vậy, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là thọ, tưởng, hành, thức. Như thế, tất cả chỉ là giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như nhãn xứ chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là nhãn xứ. Như vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chỉ là pháp giả. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Như vậy, tất cả chỉ là giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như sắc xứ chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là sắc xứ. Như vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Như vậy, tất cả chỉ là giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như nhãn giới chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là nhãn giới. Như vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, cũng chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt,

chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới. Như vậy, tất cả chỉ là giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như sắc giới chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là sắc giới. Như vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, cũng chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là thanh, hương, vị, xúc, pháp giới. Như vậy, tất cả chỉ là giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như nhãn thức giới chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là nhãn thức giới. Như vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, cũng chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới. Như vậy, tất cả chỉ là giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như nhãn xúc chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là nhãn xúc. Như vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, cũng chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Như vậy, tất cả chỉ là giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Như vậy, các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chỉ là giả pháp. Pháp ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra. Như vậy, tất cả chỉ là giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như nơi thân hình có đầu, cổ, vai, bắp tay, tay, cánh tay, bụng, vai sau, ngực, hông, sườn, xương sống, đầu gối, đùi, vế, bắp chân, bàn chân... chỉ là giả danh. Danh của các thứ ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là các bộ phận trong thân từ đầu, cổ, cho đến bàn chân. Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh,

chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như cảnh vật bên ngoài có cỏ, cây, gốc, thân, nhánh, lá, hoa, quả... chỉ là giả danh. Danh của các thứ ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là cảnh vật bên ngoài có cỏ, cây, gốc, thân, nhánh, lá, hoa, quả... Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như tất cả Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, ở quá khứ, vị lai, hiện tại, chỉ là giả danh. Danh của các thứ ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là tất cả Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Như vậy tất cả chỉ có giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, ví như các việc huyễn hóa: cảnh mộng, tiếng vang, bóng dáng, dợn nắng, ánh sáng; hoặc ảo thành, các việc biến hóa... chỉ là giả danh. Danh của các thứ ấy đã là giả, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là các việc huyễn hóa, cho đến các sự việc biến hóa... Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Các giả danh này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, hoặc là Đại Bồ-tát, hoặc là Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc danh xưng cả hai, đều là pháp giả. Pháp giả ấy, chẳng sinh,

chẳng diệt, chỉ có nơi ý tưởng tưởng tượng, nêu bày ra bằng ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát, là Bát-nhã ba-la-mật-đa, là danh xưng. Cả ba danh xưng ấy chỉ có giả danh. Các giả danh này, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở hai bên, không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp, nên tu học đúng như thế này: Danh là giả, pháp là giả; và việc dạy bảo trao truyền cũng là giả.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc thường, hay vô thường; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức thường, hay vô thường; chẳng nên quán sắc vui, hay khổ; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức vui, hay khổ; chẳng nên quán sắc ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán sắc tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán sắc không, hay chẳng không; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức không, hay chẳng không; chẳng nên quán sắc có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán sắc có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán sắc tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán sắc xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán sắc hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán sắc hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán sắc sinh, hay diệt; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức sinh, hay diệt; chẳng nên quán sắc thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán sắc có tội, hay không tội; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức có tội, hay không tội; chẳng nên quán sắc có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán sắc thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán sắc tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán sắc thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán sắc ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành, thức ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán sắc có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán thọ, tưởng, hành,

thức có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xứ thường, hay vô thường; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thường, hay vô thường; chẳng nên quán nhãn xứ vui, hay khổ; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vui, hay khổ; chẳng nên quán nhãn xứ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán nhãn xứ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán nhãn xứ không, hay chẳng không; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không, hay chẳng không; chẳng nên quán nhãn xứ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán nhãn xứ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán nhãn xứ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán nhãn xứ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán nhãn xứ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán nhãn xứ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán nhãn xứ sinh, hay diệt; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ sinh, hay diệt; chẳng nên quán nhãn xứ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhãn xứ có tội, hay không tội; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có tội, hay không tội; chẳng nên quán nhãn xứ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán nhãn xứ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán nhãn xứ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán nhãn xứ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhãn xứ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán nhãn xứ có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc xứ thường, hay vô thường; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thường, hay vô thường; chẳng nên quán sắc xứ

vui, hay khổ; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vui, hay khổ; chẳng nên quán sắc xứ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán sắc xứ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán sắc xứ không, hay chẳng không; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không, hay chẳng không; chẳng nên quán sắc xứ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán sắc xứ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán sắc xứ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán sắc xứ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán sắc xứ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán sắc xứ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán sắc xứ sinh, hay diệt; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ sinh, hay diệt; chẳng nên quán sắc xứ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán sắc xứ có tội, hay không tội; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có tội, hay không tội; chẳng nên quán sắc xứ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán sắc xứ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán sắc xứ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán sắc xứ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán sắc xứ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán sắc xứ có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn giới thường, hay vô thường; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới thường, hay vô thường; chẳng nên quán nhãn giới vui, hay khổ; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới vui, hay khổ; chẳng nên quán nhãn giới ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán nhãn giới tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên

quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán nhãn giới không, hay chẳng không; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới không, hay chẳng không; chẳng nên quán nhãn giới có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán nhãn giới có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán nhãn giới tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán nhãn giới xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán nhãn giới hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán nhãn giới hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán nhãn giới sinh, hay diệt; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới sinh, hay diệt; chẳng nên quán nhãn giới thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhãn giới có tội, hay không tội; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có tội, hay không tội; chẳng nên quán nhãn giới có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán nhãn giới thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán nhãn giới tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán nhãn giới thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhãn giới ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán nhãn giới có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán sắc giới thường, hay vô thường; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới thường, hay vô thường; chẳng nên quán sắc giới vui, hay khổ; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới vui, hay khổ; chẳng nên quán sắc giới ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán sắc giới tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán sắc giới không, hay chẳng không; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới không, hay chẳng không; chẳng nên quán sắc giới có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán

thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán sắc giới có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán sắc giới tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán sắc giới xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán sắc giới hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán sắc giới hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán sắc giới sinh, hay diệt; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới sinh, hay diệt; chẳng nên quán sắc giới thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán sắc giới có tội, hay không tội; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có tội, hay không tội; chẳng nên quán sắc giới có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán sắc giới thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán sắc giới tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán sắc giới thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán sắc giới ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán sắc giới có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn thức giới thường, hay vô thường; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới thường, hay vô thường; chẳng nên quán nhãn thức giới vui, hay khổ; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới vui, hay khổ; chẳng nên quán nhãn thức giới ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán nhãn thức giới tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán nhãn thức giới không, hay chẳng không; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới không, hay chẳng không; chẳng nên quán nhãn thức giới có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán nhãn thức giới có nguyện, hay không

nguyện; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán nhãn thức giới tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán nhãn thức giới xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán nhãn thức giới hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán nhãn thức giới hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán nhãn thức giới sinh, hay diệt; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới sinh, hay diệt; chẳng nên quán nhãn thức giới thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhãn thức giới có tội, hay không tội; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có tội, hay không tội; chẳng nên quán nhãn thức giới có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán nhãn thức giới thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán nhãn thức giới tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán nhãn thức giới thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhãn thức giới ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán nhãn thức giới có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhãn xúc thường, hay vô thường; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc thường, hay vô thường; chẳng nên quán nhãn xúc vui, hay khổ; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc vui, hay khổ; chẳng nên quán nhãn xúc ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán nhãn xúc tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán nhãn xúc không, hay chẳng không; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc không, hay chẳng không; chẳng nên quán nhãn xúc có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán nhãn xúc có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán nhãn xúc tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán

nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán nhãn xúc xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán nhãn xúc hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán nhãn xúc hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán nhãn xúc sinh, hay diệt; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh, hay diệt; chẳng nên quán nhãn xúc thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhãn xúc có tội, hay không tội; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có tội, hay không tội; chẳng nên quán nhãn xúc có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán nhãn xúc thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán nhãn xúc tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán nhãn xúc thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhãn xúc ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán nhãn xúc có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra thường, hay vô thường; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, thường, hay vô thường; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra vui, hay khổ; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra vui, hay khổ; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra không, hay chẳng không; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra không, hay chẳng không; chẳng nên quán lạc thọ, khổ

thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra sinh, hay diệt; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra sinh, hay diệt; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra có tội, hay không tội; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có tội, hay không tội; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ,

tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán địa giới thường, hay vô thường; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới thường, hay vô thường; chẳng nên quán địa giới vui, hay khổ; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới vui, hay khổ; chẳng nên quán địa giới ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán địa giới tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán địa giới không, hay chẳng không; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới không, hay chẳng không; chẳng nên quán địa giới có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán địa giới có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán địa giới tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán địa giới xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán địa giới hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán địa giới hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán địa giới sinh, hay diệt; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới sinh, hay diệt; chẳng nên quán địa giới thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán địa giới có tội, hay không tội; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới có

tội, hay không tội; chẳng nên quán địa giới có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán địa giới thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán địa giới tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán địa giới thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán địa giới ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán địa giới có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể được, hay chẳng có thể được.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 12

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (2)

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhân duyên thường, hay vô thường; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên thường, hay vô thường; chẳng nên quán nhân duyên vui, hay khổ; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên vui, hay khổ; chẳng nên quán nhân duyên ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán nhân duyên tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán nhân duyên không, hay chẳng không; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên không, hay chẳng không; chẳng nên quán nhân duyên có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán nhân duyên có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán nhân duyên tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán nhân duyên xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán nhân duyên hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán nhân duyên hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán nhân duyên sinh, hay diệt; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên sinh, hay diệt; chẳng nên quán nhân duyên thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhân duyên có tội, hay không tội; chẳng nên quán đẳng vô gián

duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có tội, hay không tội; chẳng nên quán nhân duyên có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán nhân duyên thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán nhân duyên tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán nhân duyên thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhân duyên ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán nhân duyên có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh thường, hay vô thường; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thường, hay vô thường; chẳng nên quán vô minh vui, hay khổ; chẳng nên

quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não vui, hay khổ; chẳng nên quán vô minh ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán vô minh tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán vô minh không, hay chẳng không; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không, hay chẳng không; chẳng nên quán vô minh có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán vô minh có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán vô minh tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán vô minh xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán vô minh hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán vô minh hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán vô minh sinh, hay diệt; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não sinh, hay diệt; chẳng nên quán vô minh thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán vô minh có tội, hay không tội; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có tội, hay không tội; chẳng nên quán vô minh có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán vô minh thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán vô minh tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán vô minh thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán vô minh ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán vô minh có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán hành… cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa thường, hay vô thường; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thường, hay vô thường; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa vui, hay khổ;

chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vui, hay khổ; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa không, hay chẳng không; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không, hay chẳng không; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa sinh, hay diệt; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa sinh, hay diệt; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa có tội, hay không tội; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có tội, hay không tội; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-

bàn; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thường, hay vô thường; chẳng nên quán không bên trong vui, hay khổ; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh vui, hay khổ; chẳng nên quán không bên trong ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán không bên trong tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán không bên trong không, hay chẳng không; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh không, hay chẳng không; chẳng nên quán không bên trong có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán không bên trong có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán không bên trong tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán không bên trong xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán không bên trong hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán không bên trong hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán không bên trong hoặc ẩn tàng, hoặc hiển bày; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh hoặc ẩn tàng, hoặc hiển bày; chẳng nên quán

không bên trong thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán không bên trong có tội, hay không tội; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh có tội, hay không tội; chẳng nên quán không bên trong có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán không bên trong thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán không bên trong tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán không bên trong thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán không bên trong ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán không bên trong có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như thường, hay vô thường; chẳng nên quán các pháp giới, pháp tánh, không hư vọng, chẳng đổi khác, bình đẳng, ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cõi hư không, cõi chẳng thể nghĩ bàn thường, hay vô thường; chẳng nên quán chân như vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vui, hay khổ; chẳng nên quán chân như ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán chân như tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán chân như không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không, hay chẳng không; chẳng nên quán chân như có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán chân như có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán chân như tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán chân như xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán chân như

hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán chân như hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán chân như hoặc ẩn tàng, hoặc hiển bày; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc ẩn tàng, hoặc hiển bày; chẳng nên quán chân như thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán chân như có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có tội, hay không tội; chẳng nên quán chân như có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán chân như thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán chân như tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán chân như thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán chân như ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán chân như có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ thường, hay vô thường; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thường, hay vô thường; chẳng nên quán bốn Niệm trụ vui, hay khổ; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo vui, hay khổ; chẳng nên quán bốn Niệm trụ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bốn Niệm trụ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn Niệm trụ không, hay chẳng không; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không, hay chẳng không; chẳng nên quán bốn Niệm trụ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bốn Niệm trụ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bốn Niệm trụ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến

tám chi Thánh đạo tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bốn Niệm trụ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bốn Niệm trụ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bốn Niệm trụ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bốn Niệm trụ sinh, hay diệt; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo sinh, hay diệt; chẳng nên quán bốn Niệm trụ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn Niệm trụ có tội, hay không tội; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có tội, hay không tội; chẳng nên quán bốn Niệm trụ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bốn Niệm trụ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bốn Niệm trụ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bốn Niệm trụ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn Niệm trụ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bốn Niệm trụ có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ thường, hay vô thường; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo thường, hay vô thường; chẳng nên quán Thánh đế khổ vui, hay khổ; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo vui, hay khổ; chẳng nên quán Thánh đế khổ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán Thánh đế khổ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán Thánh đế khổ không, hay chẳng không; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo không, hay chẳng không; chẳng nên quán Thánh đế khổ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán Thánh đế khổ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán Thánh đế khổ tịch tĩnh, hay chẳng

tịch tĩnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán Thánh đế khổ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán Thánh đế khổ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán Thánh đế khổ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán Thánh đế khổ sinh, hay diệt; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo sinh, hay diệt; chẳng nên quán Thánh đế khổ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán Thánh đế khổ có tội, hay không tội; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo có tội, hay không tội; chẳng nên quán Thánh đế khổ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán Thánh đế khổ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán Thánh đế khổ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán Thánh đế khổ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán Thánh đế khổ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán Thánh đế khổ có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự thường, hay vô thường; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thường, hay vô thường; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự vui, hay khổ; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vui, hay khổ; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự không, hay chẳng không; chẳng nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không, hay chẳng không; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bốn Vô

lượng, bốn Định vô sắc xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự sinh, hay diệt; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc sinh, hay diệt; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự có tội, hay không tội; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có tội, hay không tội; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát thường, hay vô thường; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thường, hay vô thường; chẳng nên quán tám Giải thoát vui, hay khổ; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vui, hay khổ; chẳng nên quán tám Giải thoát ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán tám Giải thoát tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán tám Giải thoát không, hay chẳng không; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không, hay chẳng không; chẳng nên quán tám Giải thoát có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán tám Giải thoát có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán tám Giải thoát tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh;

chẳng nên quán tám Giải thoát xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán tám Giải thoát hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán tám Giải thoát hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán tám Giải thoát sinh, hay diệt; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ sinh, hay diệt; chẳng nên quán tám Giải thoát thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán tám Giải thoát có tội, hay không tội; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có tội, hay không tội; chẳng nên quán tám Giải thoát có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán tám Giải thoát thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán tám Giải thoát tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán tám Giải thoát thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán tám Giải thoát ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán tám Giải thoát có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có tướng, hay không

tướng; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa tịnh, hay

chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên pháp môn Tam-ma-địa hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bậc Cực hỷ thường, hay vô thường; chẳng nên quán các bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân thường, hay vô thường; chẳng nên quán bậc Cực hỷ vui, hay khổ; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân vui, hay khổ; chẳng nên quán bậc Cực hỷ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bậc Cực hỷ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân tịnh, hay chẳng

tịnh; chẳng nên quán bậc Cực hỷ không, hay chẳng không; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân không, hay chẳng không; chẳng nên quán bậc Cực hỷ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bậc Cực hỷ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bậc Cực hỷ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bậc Cực hỷ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bậc Cực hỷ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bậc Cực hỷ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bậc Cực hỷ sinh, hay diệt; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân sinh, hay diệt; chẳng nên quán bậc Cực hỷ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bậc Cực hỷ có tội, hay không tội; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có tội, hay không tội; chẳng nên quán bậc Cực hỷ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bậc Cực hỷ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bậc Cực hỷ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bậc Cực hỷ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bậc Cực hỷ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bậc Cực hỷ có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt thường, hay vô thường; chẳng nên quán sáu phép thần thông thường, hay vô thường; chẳng nên quán năm loại mắt vui, hay khổ; chẳng nên quán sáu phép thần thông vui, hay khổ; chẳng nên quán năm loại mắt ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán sáu phép thần thông ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán năm loại mắt tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán năm loại mắt không, hay chẳng không; chẳng nên quán sáu phép thần thông

không, hay chẳng không; chẳng nên quán năm loại mắt có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán sáu phép thần thông có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán năm loại mắt có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán sáu phép thần thông có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán năm loại mắt tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán năm loại mắt xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán sáu phép thần thông xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán năm loại mắt hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán sáu phép thần thông hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán năm loại mắt hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán sáu phép thần thông hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán năm loại mắt sinh, hay diệt; chẳng nên quán sáu phép thần thông sinh, hay diệt; chẳng nên quán năm loại mắt thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán sáu phép thần thông thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán năm loại mắt có tội, hay không tội; chẳng nên quán sáu phép thần thông có tội, hay không tội; chẳng nên quán năm loại mắt có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán sáu phép thần thông có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán năm loại mắt thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán sáu phép thần thông thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán năm loại mắt tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán năm loại mắt thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán sáu phép thần thông thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán năm loại mắt ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán sáu phép thần thông ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán năm loại mắt có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán sáu phép thần thông có thể được, hay chẳng có thể được.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 13

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (3)

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán mười lực của Phật thường, hay vô thường; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng thường, hay vô thường; chẳng nên quán mười lực của Phật vui, hay khổ; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng vui, hay khổ; chẳng nên quán mười lực của Phật ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán mười lực của Phật tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán mười lực của Phật không, hay chẳng không; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng không, hay chẳng không; chẳng nên quán mười lực của Phật có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán mười lực của Phật có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán mười lực của Phật tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán mười lực của Phật xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán mười lực của Phật hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán mười lực của Phật hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán mười lực của Phật sinh, hay diệt; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự

hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng sinh, hay diệt; chẳng nên quán mười lực của Phật thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán mười lực của Phật có tội, hay không tội; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có tội, hay không tội; chẳng nên quán mười lực của Phật có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán mười lực của Phật thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán mười lực của Phật tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán mười lực của Phật tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán mười lực của Phật ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán mười lực của Phật có thể được, hay không thể thể được; chẳng nên quán bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có thể được, hay không thể thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán đại Từ thường, hay vô thường; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả thường, hay vô thường; chẳng nên quán đại Từ vui, hay khổ; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả vui, hay khổ; chẳng nên quán đại Từ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán đại Từ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán đại Từ không, hay chẳng không; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả không, hay chẳng không; chẳng nên quán đại Từ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán đại Từ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán đại Từ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán đại Từ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán đại Từ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả hữu vi,

hay vô vi; chẳng nên quán đại Từ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán đại Từ sinh, hay diệt; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả sinh, hay diệt; chẳng nên quán đại Từ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán đại Từ có tội, hay không tội; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có tội, hay không tội; chẳng nên quán đại Từ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán đại Từ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán đại Từ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán đại Từ tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán đại Từ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán đại Từ có thể được, hay không thể thể được; chẳng nên quán đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có thể được, hay không thể thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ thường, hay vô thường; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo thường, hay vô thường; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ vui, hay khổ; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo vui, hay khổ; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ không, hay chẳng không; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo không, hay chẳng không; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên

quán ba mươi hai tướng Đại sĩ sinh, hay diệt; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo sinh, hay diệt; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ có tội, hay không tội; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo có tội, hay không tội; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán ba mươi hai tướng Đại sĩ có thể được, hay không thể thể được; chẳng nên quán tám mươi vẻ đẹp kèm theo có thể được, hay không thể thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không quên mất thường, hay vô thường; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp không quên mất vui, hay khổ; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp không quên mất ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp không quên mất tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp không quên mất không, hay chẳng không; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp không quên mất có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp không quên mất có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp không quên mất tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp không quên mất xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp không quên mất hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp không quên mất hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp không quên mất sinh, hay diệt; chẳng

nên quán tánh luôn luôn xả sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp không quên mất thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp không quên mất có tội, hay không tội; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp không quên mất có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp không quên mất thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp không quên mất tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp không quên mất tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp không quên mất ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp không quên mất có thể được, hay không thể thể được; chẳng nên quán tánh luôn luôn xả có thể được, hay không thể thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán trí Nhất thiết thường, hay vô thường; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thường, hay vô thường; chẳng nên quán trí Nhất thiết vui, hay khổ; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vui, hay khổ; chẳng nên quán trí Nhất thiết ngã, hay vô ngã; chẳng nên trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán trí Nhất thiết tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán trí Nhất thiết không, hay chẳng không; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không, hay chẳng không; chẳng nên quán trí Nhất thiết có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán trí Nhất thiết có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán trí Nhất thiết tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán trí Nhất thiết xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán trí Nhất thiết hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán trí Nhất thiết hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán trí Nhất thiết sinh, hay diệt; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng sinh, hay diệt;

chẳng nên quán trí Nhất thiết thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán trí Nhất thiết có tội, hay không tội; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có tội, hay không tội; chẳng nên quán trí Nhất thiết có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán trí Nhất thiết thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán trí Nhất thiết tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán trí Nhất thiết tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán trí Nhất thiết ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán trí Nhất thiết có thể được, hay không thể thể được; chẳng nên quán trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể được, hay không thể thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán quả Dự lưu thường, hay vô thường; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác thường, hay vô thường; chẳng nên quán quả Dự lưu vui, hay khổ; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác vui, hay khổ; chẳng nên quán quả Dự lưu ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán quả Dự lưu tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán quả Dự lưu không, hay chẳng không; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác không, hay chẳng không; chẳng nên quán quả Dự lưu có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán quả Dự lưu có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán quả Dự lưu tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán quả Dự lưu xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán quả Dự lưu hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác hữu vi, hay vô vi;

chẳng nên quán quả Dự lưu hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán quả Dự lưu sinh, hay diệt; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác sinh, hay diệt; chẳng nên quán quả Dự lưu thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán quả Dự lưu có tội, hay không tội; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác có tội, hay không tội; chẳng nên quán quả Dự lưu có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán quả Dự lưu thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán quả Dự lưu tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán quả Dự lưu tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán quả Dự lưu ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán quả Dự lưu có thể được, hay không thể thể được; chẳng nên quán các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác có thể được, hay không thể thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát thường, hay vô thường; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thường, hay vô thường; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát vui, hay khổ; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật vui, hay khổ; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát không, hay chẳng không; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật không, hay chẳng không; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại

Bồ-tát tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát sinh, hay diệt; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật sinh, hay diệt; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát có tội, hay không tội; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có tội, hay không tội; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật tạp nhiễm, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán tất cả hạnh Đại Bồ-tát có thể được, hay không thể thể được; chẳng nên quán quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật có thể được, hay không thể thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát, Bát-nhã ba-la-mật-đa, danh xưng cả hai, đều chẳng thấy ở trong cõi hữu vi, cũng chẳng thấy ở trong cõi vô vi. Vì sao? Thiện Hiện, vì các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp, chẳng khởi phân biệt, không phân biệt về sự sai khác. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp, luôn an trụ nẻo vô phân biệt, có khả năng tu Bố thí ba-la-mật-đa, cũng có khả năng tu Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, có khả năng an trụ nơi pháp không bên trong, cũng có khả năng an trụ nơi pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản

mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; có khả năng an trụ nơi chân như, cũng có khả năng an trụ các pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng nghĩ bàn; có khả năng tu bốn Niệm trụ, cũng có khả năng tu bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi giác, tám chi Thánh đạo; có khả năng an trụ Thánh đế khổ, an trụ Thánh đế tập, diệt, đạo; có khả năng tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; có khả năng tu tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; có khả năng tu pháp môn giải thoát Không, tu pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; có khả năng tu tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; có khả năng tu các bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ, Pháp vân; có khả năng tu năm loại mắt, sáu phép thần thông; có khả năng tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; có khả năng tu pháp không quên mất, tu tánh luôn luôn xả; có khả năng tu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy trong những khi tu hành như thế, chẳng thấy Đại Bồ-tát, chẳng thấy danh xưng Đại Bồ-tát, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chỉ chuyên cần cầu nhất thiết trí. Vì sao? Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp, khéo đạt đến thật tướng của chúng vì biết trong đó không nhiễm, không tịnh.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên biết như thật, danh xưng là giả đặt bày ra, pháp là giả đặt bày ra. Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy đã biết như thật, danh là giả, pháp là giả rồi, nên chẳng đắm sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng đắm nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; chẳng đắm sắc xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; chẳng đắm nhãn giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; chẳng đắm sắc giới, thanh, hương, vị, xúc, pháp giới; chẳng đắm nhãn thức giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; chẳng đắm nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; chẳng đắm các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra vui, hay khổ, hoặc chẳng khổ, hoặc chẳng vui, các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra vui, hay khổ, hoặc chẳng khổ, hoặc chẳng vui; chẳng đắm địa giới, thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng đắm nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên và các pháp do duyên sinh ra;

chẳng đắm vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; chẳng đắm cõi hữu vi, cõi vô vi; chẳng đắm cõi hữu lậu, cõi vô lậu; chẳng đắm Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực trí ba-la-mật-đa; chẳng đắm pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng đắm chân như, pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng nghĩ bàn; chẳng đắm bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; chẳng đắm Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng đắm bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; chẳng đắm tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; chẳng đắm pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; chẳng đắm pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; chẳng đắm bậc Cực hỷ, Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ, Pháp vân; chẳng đắm năm loại mắt, sáu phép thần thông; chẳng đắm mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng đắm đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; chẳng đắm ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp kèm theo; chẳng đắm pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; chẳng đắm trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; chẳng đắm quả Dự lưu, các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác; chẳng đắm tất cả hạnh Đại Bồ-tát; chẳng đắm quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật; chẳng đắm ngã, hữu tình, người sống, người sinh, người nuôi, người tạo tác, cái ta, thân do ý sinh, tuổi trẻ, người làm, người sai làm, người phát khởi, người khiến phát khởi, người nhận, người sai nhận, người biết, người thấy; chẳng đắm dị sinh; chẳng đắm các bậc thánh, Bồ-tát, Như Lai, danh, tướng, việc làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình, phương tiện thiện xảo. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp đều là không có, nên việc đắm vào chủ thể, đắm vào đối tượng, đắm nơi, đắm lúc đều không thể được.

Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa,

vì đối với tất cả pháp không đắm, nên có khả năng làm tăng trưởng các pháp Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực trí ba-la-mật-đa; cũng có khả năng an trụ nơi pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; cũng có khả năng an trụ nơi chân như, pháp giới, các pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; cũng có khả năng tăng trưởng bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo; cũng có khả năng an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; cũng có khả năng tăng trưởng bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng có khả năng hội nhập Niết-bàn, xa lìa sinh tử của Bồ-tát; cũng có khả năng an trụ bậc Bồ-tát không thoái chuyển; cũng có khả năng làm viên mãn tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa; cũng có khả năng làm viên mãn các bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân; cũng có khả năng làm viên mãn năm loại mắt, sáu phép thần thông; cũng có khả năng làm viên mãn mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng; cũng có khả năng làm viên mãn đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; cũng có khả năng làm viên mãn ba mươi hai tướng Đại sĩ, tám mươi vẻ đẹp kèm theo; cũng có khả năng làm viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; cũng có khả năng làm viên mãn trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; cũng chứng đắc thần thông tối thắng của Bồ-tát; khi đầy đủ thần thông rồi, từ cõi Phật này, đến cõi Phật khác, nhằm đem lại sự thành tựu đầy đủ cho các loại hữu tình, nhằm làm nghiêm tịnh cõi Phật của mình và nhằm muốn thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; khi được thấy rồi thì cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, khiến các căn lành đều được sinh trưởng; khi căn lành sinh trưởng rồi, tùy theo chỗ ưa nghe mà chánh pháp của các Đức Phật đều được nghe và nhận; khi đã nghe và nhận thì quyết chí tu tập cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ-đề

nhiệm mầu, chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thường không quên mất. Đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa đều được tự tại. Như vậy Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên biết như thật: Danh là giả, pháp là giả.

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong sắc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong thọ, tưởng, hành, thức có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có sắc chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có thọ, tưởng, hành, thức chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa sắc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa thọ, tưởng, hành, thức có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong nhãn xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có nhãn xứ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa nhãn xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong sắc xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có sắc xứ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa sắc xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong nhãn giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có nhãn giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa nhãn giới có Đại Bồ-tát chăng?

Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong sắc giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có sắc giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa sắc giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong nhãn thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có nhãn thức giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa nhãn thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong nhãn xúc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

Trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có nhãn xúc chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa nhãn xúc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong địa giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong thủy, hỏa, phong, không, thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có địa giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có thủy, hỏa, phong, không, thức giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa địa giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là

Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong nhân duyên có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có nhân duyên chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa nhân duyên có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính pháp do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với pháp do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong pháp do duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có pháp do duyên sinh ra chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa pháp do duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 14

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (4)

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong vô minh có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong hành cho đến lão tử có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có vô minh chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có hành cho đến lão tử chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa vô minh có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa hành cho đến lão tử có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-

đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Bố thí ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có Bố thí ba-la-mật-đa chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa Bố thí ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong pháp không bên trong có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có pháp không bên trong chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa pháp không bên trong có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong bốn Niệm trụ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có bốn Niệm trụ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa bốn Niệm trụ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Thánh đế khổ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Thánh đế tập, diệt, đạo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có Thánh đế khổ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có Thánh đế tập, diệt, đạo chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa Thánh đế khổ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa Thánh đế tập, diệt, đạo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong bốn Tĩnh lự có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có bốn Tĩnh lự chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa bốn Tĩnh lự có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong tám Giải thoát có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có tám Giải thoát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa tám Giải thoát có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong pháp môn giải thoát Không có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có pháp môn giải thoát Không chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa pháp môn giải thoát Không có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong pháp môn Đà-la-ni có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong pháp môn Tam-ma-địa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có pháp môn Đà-la-ni chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có pháp môn Tam-ma-địa chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa pháp môn Đà-la-ni có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa pháp môn Tam-ma-địa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính các bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong bậc Cực hỷ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có bậc Cực hỷ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa bậc Cực hỷ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong năm loại mắt có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong sáu phép thần thông có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có năm loại mắt chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có sáu phép thần thông chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa năm loại mắt có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa sáu phép thần thông có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong mười lực của Phật có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có mười lực của Phật chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa mười lực của Phật có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong đại Từ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có đại Từ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa đại Từ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong ba mươi hai tướng Đại sĩ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong tám mươi vẻ đẹp kèm theo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có ba mươi hai tướng Đại sĩ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có tám mươi vẻ đẹp kèm theo chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa ba mươi hai tướng Đại sĩ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa tám mươi vẻ đẹp kèm theo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong pháp không quên mất có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong tánh luôn luôn xả có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có pháp không quên mất chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có tánh luôn luôn xả chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa pháp không quên mất có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa tánh luôn luôn xả có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong trí Nhất thiết có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có trí Nhất thiết chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa trí Nhất thiết có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

Bấy giờ, Phật bảo Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong sắc chẳng có Đại Bồ-tát; trong thọ, tưởng, hành, thức chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có sắc; trong Đại Bồ-tát chẳng có thọ, tưởng, hành, thức; lìa sắc chẳng có Đại Bồ-tát; lìa thọ, tưởng, hành, thức chẳng có Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính sắc là Đại Bồ-tát, chính thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát; khác với sắc là Đại Bồ-tát; khác với thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát; trong sắc có Đại Bồ-tát; trong thọ, tưởng, hành, thức có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có sắc; trong Đại Bồ-tát có thọ, tưởng, hành, thức; lìa sắc có Đại Bồ-tát; lìa thọ, tưởng, hành, thức có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong nhãn xứ chẳng có Đại Bồ-tát; trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có nhãn xứ; trong Đại Bồ-tát chẳng có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; lìa nhãn xứ chẳng có Đại Bồ-tát; lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc nhãn xứ, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính nhãn xứ là Đại Bồ-tát, chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát; khác với nhãn xứ là Đại Bồ-tát; khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát; trong nhãn xứ có Đại Bồ-tát; trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có nhãn xứ; trong Đại Bồ-tát có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; lìa nhãn xứ có Đại Bồ-tát; lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với thanh,

hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong sắc xứ chẳng có Đại Bồ-tát; trong thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có sắc xứ; trong Đại Bồ-tát chẳng có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; lìa sắc xứ chẳng có Đại Bồ-tát; lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc sắc xứ, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính sắc xứ là Đại Bồ-tát, chính thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát; khác với sắc xứ là Đại Bồ-tát; khác với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát; trong sắc xứ có Đại Bồ-tát; trong thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có sắc xứ; trong Đại Bồ-tát có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; lìa sắc xứ có Đại Bồ-tát; lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong nhãn giới chẳng có Đại Bồ-tát; trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có nhãn giới; trong Đại Bồ-tát chẳng có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; lìa nhãn giới chẳng có Đại Bồ-tát; lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc nhãn giới, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính nhãn giới là Đại Bồ-tát, chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát; khác với nhãn giới là Đại Bồ-tát; khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát; trong nhãn giới có Đại Bồ-tát; trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có nhãn giới; trong Đại Bồ-tát có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; lìa nhãn giới có Đại Bồ-tát; lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong sắc giới chẳng có Đại Bồ-tát; trong thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có sắc giới; trong Đại Bồ-tát chẳng có thanh,

hương, vị, xúc, pháp giới; lìa sắc giới chẳng có Đại Bồ-tát; lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc sắc giới, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính sắc giới là Đại Bồ-tát, chính thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát; khác với sắc giới là Đại Bồ-tát; khác với thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát; trong sắc giới có Đại Bồ-tát; trong thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có sắc giới; trong Đại Bồ-tát có thanh, hương, vị, xúc, pháp giới; lìa sắc giới có Đại Bồ-tát; lìa thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong nhãn thức giới chẳng có Đại Bồ-tát; trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có nhãn thức giới; trong Đại Bồ-tát chẳng có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; lìa nhãn thức giới chẳng có Đại Bồ-tát; lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc nhãn thức giới, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính nhãn thức giới là Đại Bồ-tát, chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát; khác với nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát; trong nhãn thức giới có Đại Bồ-tát; trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có nhãn thức giới; trong Đại Bồ-tát có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; lìa nhãn thức giới có Đại Bồ-tát; lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong nhãn xúc chẳng có Đại Bồ-tát; trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có nhãn xúc; trong Đại Bồ-tát chẳng có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; lìa nhãn xúc chẳng có Đại Bồ-tát; lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc nhãn xúc, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính nhãn xúc là Đại Bồ-tát, chính nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát; khác với nhãn xúc là Đại Bồ-tát; khác với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát; trong nhãn xúc có Đại Bồ-tát; trong nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có nhãn xúc; trong Đại Bồ-tát có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; lìa nhãn xúc có Đại Bồ-tát; lìa nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng có Đại Bồ-tát; trong các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; trong Đại Bồ-tát chẳng có các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra; lìa các thọ nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng có Đại Bồ-tát; lìa các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát, chính các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; khác với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; khác với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; trong các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát; trong các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; trong Đại Bồ-tát có các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra; lìa các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát; lìa các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong địa

giới chẳng có Đại Bồ-tát; trong thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có địa giới; trong Đại Bồ-tát chẳng có thủy, hỏa, phong, không, thức giới; lìa địa giới chẳng có Đại Bồ-tát; lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc địa giới, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính địa giới là Đại Bồ-tát, chính thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát; khác với địa giới là Đại Bồ-tát; khác với thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát; trong địa giới có Đại Bồ-tát; trong thủy, hỏa, phong, không, thức giới có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có địa giới; trong Đại Bồ-tát có thủy, hỏa, phong, không, thức giới; lìa địa giới có Đại Bồ-tát; lìa thủy, hỏa, phong, không, thức giới có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong nhân duyên chẳng có Đại Bồ-tát; trong đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có nhân duyên; trong Đại Bồ-tát chẳng có đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; lìa nhân duyên chẳng có Đại Bồ-tát; lìa đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc nhân duyên, hoặc đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính nhân duyên là Đại Bồ-tát, chính đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát; khác với nhân duyên là Đại Bồ-tát; khác với đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát; trong nhân duyên có Đại Bồ-tát; trong đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có nhân duyên; trong Đại Bồ-tát có đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; lìa nhân duyên có Đại Bồ-tát; lìa đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính pháp do

duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với pháp do duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong pháp do duyên sinh ra chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có pháp do duyên sinh ra; lìa pháp do duyên sinh ra chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc pháp do duyên sinh ra, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính pháp do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; khác với pháp do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; trong pháp do duyên sinh ra có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có pháp do duyên sinh ra; lìa pháp do duyên sinh ra có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong vô minh chẳng có Đại Bồ-tát; trong hành cho đến lão tử chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có vô minh; trong Đại Bồ-tát chẳng có hành cho đến lão tử; lìa vô minh chẳng có Đại Bồ-tát; lìa hành cho đến lão tử chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc vô minh, hoặc hành cho đến lão tử, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính vô minh là Đại Bồ-tát, chính hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát; khác với vô minh là Đại Bồ-tát; khác với hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát; trong vô minh có Đại Bồ-tát; trong hành cho đến lão tử có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có vô minh; trong Đại Bồ-tát có hành cho đến lão tử; lìa vô minh có Đại Bồ-tát; lìa hành cho đến lão tử có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong Bố thí ba-la-mật-đa chẳng có Đại Bồ-tát; trong Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có Bố thí ba-la-mật-đa; trong Đại Bồ-tát chẳng có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; lìa Bố thí ba-la-mật-đa chẳng có Đại Bồ-tát; lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát, chính Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; khác với Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; khác với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; trong Bố thí ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát; trong Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có Bố thí ba-la-mật-đa; trong Đại Bồ-tát có Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; lìa Bố thí ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát; lìa Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong pháp không bên trong chẳng có Đại Bồ-tát; trong pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có pháp không bên trong; trong Đại Bồ-tát chẳng có pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; lìa pháp không bên trong chẳng có Đại Bồ-tát; lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc pháp không bên trong, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính pháp không bên trong là Đại Bồ-tát, chính pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát; khác với pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; khác với pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát; trong pháp không bên trong có Đại Bồ-tát; trong pháp

không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có pháp không bên trong; trong Đại Bồ-tát có pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; lìa pháp không bên trong có Đại Bồ-tát; lìa pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cõi hư không, cõi chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như chẳng có Đại Bồ-tát; trong pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như; trong Đại Bồ-tát chẳng có pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; lìa chân như chẳng có Đại Bồ-tát; lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc chân như, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như là Đại Bồ-tát, chính pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát; khác với chân như là Đại Bồ-tát; khác với pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát; trong chân như có Đại Bồ-tát; trong pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như; trong Đại Bồ-tát có pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; lìa chân như có Đại Bồ-tát; lìa pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào nói chính bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong bốn Niệm trụ chẳng có Đại Bồ-tát; trong bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có bốn Niệm trụ; trong Đại Bồ-tát chẳng có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; lìa bốn Niệm trụ chẳng có Đại Bồ-tát; lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc bốn Niệm trụ, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát, chính bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát; khác với bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; khác với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát; trong bốn Niệm trụ có Đại Bồ-tát; trong bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có bốn Niệm trụ; trong Đại Bồ-tát có bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; lìa bốn Niệm trụ có Đại Bồ-tát; lìa bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 15

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (5)

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong Thánh đế khổ chẳng có Đại Bồ-tát; trong Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có Thánh đế khổ; trong Đại Bồ-tát chẳng có Thánh đế tập, diệt, đạo; lìa Thánh đế khổ chẳng có Đại Bồ-tát; lìa Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc Thánh đế khổ, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát, chính Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát; khác với Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; khác với Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát; trong Thánh đế khổ có Đại Bồ-tát; trong Thánh đế tập, diệt, đạo có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có Thánh đế khổ; trong Đại Bồ-tát có Thánh đế tập, diệt, đạo; lìa Thánh đế khổ có Đại Bồ-tát; lìa Thánh đế tập, diệt, đạo có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong bốn Tĩnh lự chẳng có Đại Bồ-tát; trong bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có bốn Tĩnh lự; trong Đại Bồ-tát chẳng có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lìa bốn Tĩnh lự chẳng có Đại Bồ-tát; lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có,

làm sao có thể nói chính bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát, chính bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát; khác với bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; khác với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát; trong bốn Tĩnh lự có Đại Bồ-tát; trong bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có bốn Tĩnh lự; trong Đại Bồ-tát có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lìa bốn Tĩnh lự có Đại Bồ-tát; lìa bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong tám Giải thoát chẳng có Đại Bồ-tát; trong tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có tám Giải thoát; trong Đại Bồ-tát chẳng có tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; lìa tám Giải thoát chẳng có Đại Bồ-tát; lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc tám Giải thoát, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là không có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính tám Giải thoát là Đại Bồ-tát, chính tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát; khác với tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; khác với tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát; trong tám Giải thoát có Đại Bồ-tát; trong tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có tám Giải thoát; trong Đại Bồ-tát có tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; lìa tám Giải thoát có Đại Bồ-tát; lìa tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong pháp môn giải thoát Không chẳng có Đại Bồ-tát; trong pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có pháp môn giải thoát Không; trong Đại Bồ-tát chẳng có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; lìa pháp môn giải thoát Không chẳng có Đại Bồ-tát; lìa pháp

môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc pháp môn giải thoát Không, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát, chính pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát; khác với pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; khác với pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát; trong pháp môn giải thoát Không có Đại Bồ-tát; trong pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có pháp môn giải thoát Không; trong Đại Bồ-tát có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; lìa pháp môn giải thoát Không có Đại Bồ-tát; lìa pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong pháp môn Đà-la-ni chẳng có Đại Bồ-tát; trong pháp môn Tam-ma-địa chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có pháp môn Đà-la-ni; trong Đại Bồ-tát chẳng có pháp môn Tam-ma-địa; lìa pháp môn Đà-la-ni chẳng có Đại Bồ-tát; lìa pháp môn Tam-ma-địa chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc pháp môn Đà-la-ni, hoặc pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát, chính pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát; khác với pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; khác với pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát; trong pháp môn Đà-la-ni có Đại Bồ-tát; trong pháp môn Tam-ma-địa có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có pháp môn Đà-la-ni; trong Đại Bồ-tát có pháp môn Tam-ma-địa; lìa pháp môn Đà-la-ni có Đại Bồ-tát; lìa pháp môn Tam-ma-địa có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính các bậc Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ, Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong bậc Cực hỷ chẳng có Đại Bồ-tát; trong bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân

chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có bậc Cực hỷ; trong Đại Bồ-tát chẳng có bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân; lìa bậc Cực hỷ chẳng có Đại Bồ-tát; lìa bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, bậc Cực hỷ, bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát, chính bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát; khác với bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; khác với bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát; trong bậc Cực hỷ có Đại Bồ-tát; trong bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có bậc Cực hỷ; trong Đại Bồ-tát có bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân; lìa bậc Cực hỷ có Đại Bồ-tát; lìa bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong năm loại mắt chẳng có Đại Bồ-tát; trong sáu phép thần thông chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có năm loại mắt; trong Đại Bồ-tát chẳng có sáu phép thần thông; lìa năm loại mắt chẳng có Đại Bồ-tát; lìa sáu phép thần thông chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc năm loại mắt, hoặc sáu phép thần thông, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính năm loại mắt là Đại Bồ-tát, chính sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát; khác với năm loại mắt là Đại Bồ-tát; khác với sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát; trong năm loại mắt có Đại Bồ-tát; trong sáu phép thần thông có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có năm loại mắt; trong Đại Bồ-tát có sáu phép thần thông; lìa năm loại mắt có Đại Bồ-tát; lìa sáu phép thần thông có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong mười lực của Phật chẳng có Đại Bồ-tát; trong bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp

Phật bất cộng chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có mười lực của Phật; trong Đại Bồ-tát chẳng có bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng; lìa mười lực của Phật chẳng có Đại Bồ-tát; lìa bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc mười lực của Phật, hoặc bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính mười lực của Phật là Đại Bồ-tát, chính bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát; khác với mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; khác với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát; trong mười lực của Phật có Đại Bồ-tát; trong bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có mười lực của Phật; trong Đại Bồ-tát có bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng; lìa mười lực của Phật có Đại Bồ-tát; lìa bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong đại Từ chẳng có Đại Bồ-tát; trong đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có đại Từ; trong Đại Bồ-tát chẳng có đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; lìa đại Từ chẳng có Đại Bồ-tát; lìa đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc đại Từ, hoặc đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính đại Từ là Đại Bồ-tát, chính đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát; khác với đại Từ là Đại Bồ-tát; khác với đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát; trong đại Từ có Đại Bồ-tát; trong đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có đại Từ; trong Đại Bồ-tát có đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; lìa đại Từ có Đại Bồ-tát; lìa đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng

phải là Đại Bồ-tát; khác với tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng có Đại Bồ-tát; trong tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có ba mươi hai tướng Đại sĩ; trong Đại Bồ-tát chẳng có tám mươi vẻ đẹp kèm theo; lìa ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng có Đại Bồ-tát; lìa tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc ba mươi hai tướng Đại sĩ, hoặc tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát, chính tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát; khác với ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; khác với tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát; trong ba mươi hai tướng Đại sĩ có Đại Bồ-tát; trong tám mươi vẻ đẹp kèm theo có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có ba mươi hai tướng Đại sĩ; trong Đại Bồ-tát có tám mươi vẻ đẹp kèm theo; lìa ba mươi hai tướng Đại sĩ có Đại Bồ-tát; lìa tám mươi vẻ đẹp kèm theo có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong pháp không quên mất chẳng có Đại Bồ-tát; trong tánh luôn luôn xả chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có pháp không quên mất; trong Đại Bồ-tát chẳng có tánh luôn luôn xả; lìa pháp không quên mất chẳng có Đại Bồ-tát; lìa tánh luôn luôn xả chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc pháp không quên mất, hoặc tánh luôn luôn xả, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính pháp không quên mất là Đại Bồ-tát, chính tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát; khác với pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; khác với tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát; trong pháp không quên mất có Đại Bồ-tát; trong tánh luôn luôn xả có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có pháp không quên mất; trong Đại Bồ-tát có tánh luôn luôn xả; lìa pháp không quên mất có Đại Bồ-tát; lìa tánh luôn luôn xả có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát;

trong trí Nhất thiết chẳng có Đại Bồ-tát; trong trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có trí Nhất thiết; trong Đại Bồ-tát chẳng có trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; lìa trí Nhất thiết chẳng có Đại Bồ-tát; lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng có Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như Bồ-đề, hoặc Tát-đỏa, hoặc trí Nhất thiết, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có Đại Bồ-tát! Đại Bồ-tát đã chẳng có, làm sao có thể nói chính trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát, chính trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát; khác với trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; khác với trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát; trong trí Nhất thiết có Đại Bồ-tát; trong trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có trí Nhất thiết; trong Đại Bồ-tát có trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; lìa trí Nhất thiết có Đại Bồ-tát; lìa trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có Đại Bồ-tát.

–Bạch Thế Tôn, Bồ-đề, Tát-đỏa và sắc... các pháp đã chẳng thể được, mà nói là chính sắc... các pháp là Đại Bồ-tát; hoặc cái khác với sắc... các pháp là Đại Bồ-tát; hoặc trong sắc... các pháp có Đại Bồ-tát; hoặc trong Đại Bồ-tát có sắc... các pháp; hoặc lìa sắc... các pháp có Đại Bồ-tát, thì điều đó không có!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Hay thay, hay thay! Đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói! Thiện Hiện, sắc... các pháp vì chẳng thể được, nên Đại Bồ-tát cũng chẳng thể được; vì Đại Bồ-tát chẳng thể được, nên việc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể được. Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học như vậy.

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của sắc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của thọ, tưởng, hành, thức có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của sắc chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của thọ, tưởng, hành, thức chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của sắc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của nhãn xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của nhãn xứ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của nhãn xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao?

Chính chân như của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của sắc xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của sắc xứ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của sắc xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của nhãn giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của nhãn giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của nhãn giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của sắc giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của sắc giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của sắc giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của nhãn thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của nhãn thức giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của nhãn thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của nhãn xúc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của nhãn xúc chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của nhãn xúc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của địa giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của địa giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của địa giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của nhân duyên có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của nhân duyên chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của nhân duyên có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của pháp do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của pháp do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của pháp do duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp do duyên sinh ra chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của pháp do duyên sinh ra có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của vô minh có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của hành cho đến lão tử có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của vô minh chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của hành cho đến lão tử chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của vô minh có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của hành cho đến lão tử có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao?

Chính chân như của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của Bố thí ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của Bố thí ba-la-mật-đa chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của pháp không bên trong có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp không bên trong chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của pháp không bên trong có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của bốn Niệm trụ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của bốn Niệm trụ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của bốn Niệm trụ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của Thánh đế khổ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của Thánh đế khổ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của Thánh đế khổ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của bốn Tĩnh lự có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của bốn Tĩnh lự chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của bốn Tĩnh lự có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của tám Giải thoát có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của tám Giải thoát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của tám Giải thoát có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của pháp môn giải thoát Không có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp môn giải thoát Không chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của pháp môn giải thoát Không có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của pháp môn Đà-la-ni có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của pháp môn Tam-ma-địa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp môn Đà-la-ni chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp môn Tam-ma-địa chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của pháp môn Đà-la-ni có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của pháp môn Tam-ma-địa có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của các bậc Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ, Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của bậc Cực hỷ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của bậc Cực hỷ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của bậc Cực hỷ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của năm loại mắt có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của sáu phép thần thông có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của năm loại mắt chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của sáu phép thần thông chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của năm loại mắt có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của sáu phép thần thông có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 16

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (6)

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như nơi mười lực của Phật có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như nơi mười lực của Phật chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như nơi mười lực của Phật có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của đại Từ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của đại Từ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của đại Từ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ có Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của pháp không quên mất có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của tánh luôn luôn xả có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp không quên mất chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của tánh luôn luôn xả chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của pháp không quên mất có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của tánh luôn luôn xả có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính chân như của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Khác với chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của trí Nhất thiết có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của trí Nhất thiết chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Trong Đại Bồ-tát có chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của trí Nhất thiết có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

Bấy giờ, Phật bảo Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính chân như của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của sắc chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của thọ, tưởng, hành, thức chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của sắc; trong

Đại Bồ-tát chẳng có chân như của thọ, tưởng, hành, thức; lìa chân như của sắc chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của sắc và chân như của thọ, tưởng, hành, thức! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của sắc là Đại Bồ-tát, chính chân như của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát; khác với chân như của sắc là Đại Bồ-tát; khác với chân như của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát; trong chân như của sắc có Đại Bồ-tát; trong chân như của thọ, tưởng, hành, thức có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của sắc; trong Đại Bồ-tát có chân như của thọ, tưởng, hành, thức; lìa chân như của sắc có Đại Bồ-tát; lìa chân như của thọ, tưởng, hành, thức có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của nhãn xứ chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của nhãn xứ; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; lìa chân như của nhãn xứ chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như nhãn xứ, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của nhãn xứ và chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của nhãn xứ là Đại Bồ-tát, chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát; trong chân như của nhãn xứ có Đại Bồ-tát; trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của nhãn xứ; trong Đại Bồ-tát có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; lìa chân như của nhãn xứ có Đại Bồ-tát; lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của thanh,

hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của sắc xứ chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của sắc xứ; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; lìa chân như của sắc xứ chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như sắc xứ, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của sắc xứ và chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của sắc xứ là Đại Bồ-tát, chính chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát; khác với chân như của sắc xứ là Đại Bồ-tát; khác với chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát; trong chân như của sắc xứ có Đại Bồ-tát; trong chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của sắc xứ; trong Đại Bồ-tát có chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; lìa chân như của sắc xứ có Đại Bồ-tát; lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của nhãn giới chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của nhãn giới; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; lìa chân như của nhãn giới chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như nhãn giới, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của nhãn giới và chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của nhãn giới là Đại Bồ-tát, chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát;

khác với chân như của nhãn giới là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát; trong chân như của nhãn giới có Đại Bồ-tát; trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của nhãn giới; trong Đại Bồ-tát có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; lìa chân như của nhãn giới có Đại Bồ-tát; lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của sắc giới chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của sắc giới; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới; lìa chân như của sắc giới chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như sắc giới, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của sắc giới và chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của sắc giới là Đại Bồ-tát, chính chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát; khác với chân như của sắc giới là Đại Bồ-tát; khác với chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát; trong chân như của sắc giới có Đại Bồ-tát; trong chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của sắc giới; trong Đại Bồ-tát có chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới; lìa chân như của sắc giới có Đại Bồ-tát; lìa chân như của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của nhãn thức giới chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của nhãn thức giới; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt,

thân, ý thức giới; lìa chân như của nhãn thức giới chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như nhãn thức giới, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của nhãn thức giới và chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát, chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát; trong chân như của nhãn thức giới có Đại Bồ-tát; trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của nhãn thức giới; trong Đại Bồ-tát có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; lìa chân như của nhãn thức giới có Đại Bồ-tát; lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của nhãn xúc chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của nhãn xúc; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; lìa chân như của nhãn xúc chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như nhãn xúc, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của nhãn xúc và chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của nhãn xúc là Đại Bồ-tát, chính chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát; trong chân như của nhãn xúc có Đại Bồ-tát; trong chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có nhãn xúc; trong Đại Bồ-tát có chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; lìa chân như của nhãn xúc có Đại Bồ-tát; lìa chân như của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra; lìa chân như của các thọ nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát, chính chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; khác với chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; khác với chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; trong chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát; trong chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; trong Đại Bồ-tát có chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra; lìa chân như của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát; lìa chân như của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của địa giới chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức

giới chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của địa giới; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; lìa chân như của địa giới chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như địa giới, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của địa giới và chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của địa giới là Đại Bồ-tát, chính chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát; khác với chân như của địa giới là Đại Bồ-tát; khác với chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát; trong chân như của địa giới có Đại Bồ-tát; trong chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của địa giới; trong Đại Bồ-tát có chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; lìa chân như của địa giới có Đại Bồ-tát; lìa chân như của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của nhân duyên chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của nhân duyên; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; lìa chân như của nhân duyên chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng Đại Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn, như nhân duyên, hoặc đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của nhân duyên và chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của nhân duyên là Đại Bồ-tát, chính chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát; khác với chân như của nhân duyên là Đại Bồ-tát; khác với chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng

thượng duyên là Đại Bồ-tát; trong chân như của nhân duyên có Đại Bồ-tát; trong chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của nhân duyên; trong Đại Bồ-tát có chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; lìa chân như của nhân duyên có Đại Bồ-tát; lìa chân như của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của pháp do duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp do duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp do duyên sinh ra chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của pháp do duyên sinh ra; lìa chân như của pháp do duyên sinh ra chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn, pháp do duyên sinh ra, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của pháp do duyên sinh ra! Chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của pháp do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp do duyên sinh ra có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp do duyên sinh ra; lìa chân như của pháp do duyên sinh ra có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của vô minh chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của hành cho đến lão tử chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của vô minh; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của hành cho đến lão tử; lìa chân như của vô minh chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của hành cho đến lão tử chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như vô minh, hoặc hành cho đến lão tử, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của vô minh và chân như của hành cho đến lão tử! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của vô minh là Đại Bồ-tát, chính chân như của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát; khác với chân như

của vô minh là Đại Bồ-tát; khác với chân như của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát; trong chân như của vô minh có Đại Bồ-tát; trong chân như của hành cho đến lão tử có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của vô minh; trong Đại Bồ-tát có chân như của hành cho đến lão tử; lìa chân như của vô minh có Đại Bồ-tát; lìa chân như của hành cho đến lão tử có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của Bố thí ba-la-mật-đa; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của Bố thí ba-la-mật-đa và chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát, chính chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; khác với chân như của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; khác với chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; trong chân như của Bố thí ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát; trong chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của Bố thí ba-la-mật-đa; trong Đại Bồ-tát có chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa; lìa chân như của Bố thí ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát; lìa chân như của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân

như của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp không bên trong chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của pháp không bên trong; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; lìa chân như của pháp không bên trong chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như pháp không bên trong, hoặc pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của pháp không bên trong và chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát, chính chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp không bên trong có Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp không bên trong; trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; lìa chân như của pháp không bên trong có Đại Bồ-tát; lìa chân như của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của bốn

Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của bốn Niệm trụ chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của bốn Niệm trụ; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; lìa chân như của bốn Niệm trụ chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như bốn Niệm trụ, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của bốn Niệm trụ và chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát, chính chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát; trong chân như của bốn Niệm trụ có Đại Bồ-tát; trong chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của bốn Niệm trụ; trong Đại Bồ-tát có chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; lìa chân như của bốn Niệm trụ có Đại Bồ-tát; lìa chân như của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của Thánh đế khổ chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của Thánh đế khổ; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo; lìa chân như của Thánh đế khổ chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như Thánh đế khổ, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có

chân như của Thánh đế khổ và chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát, chính chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát; khác với chân như của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; khác với chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát; trong chân như của Thánh đế khổ có Đại Bồ-tát; trong chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của Thánh đế khổ; trong Đại Bồ-tát có chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo; lìa chân như của Thánh đế khổ có Đại Bồ-tát; lìa chân như của Thánh đế tập, diệt, đạo có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của bốn Tĩnh lự chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của bốn Tĩnh lự; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lìa chân như của bốn Tĩnh lự chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của bốn Tĩnh lự và chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát, chính chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát; trong chân như của bốn Tĩnh lự có Đại Bồ-tát; trong chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của bốn Tĩnh lự; trong Đại Bồ-tát có chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; lìa chân như của bốn Tĩnh lự có Đại Bồ-tát; lìa chân như của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là

Đại Bồ-tát; trong chân như của tám Giải thoát chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của tám Giải thoát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; lìa chân như của tám Giải thoát chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như tám Giải thoát, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của tám Giải thoát và chân như của tám Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát, chính chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát; khác với chân như của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; khác với chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát; trong chân như của tám Giải thoát có Đại Bồ-tát; trong chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của tám Giải thoát; trong Đại Bồ-tát có chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; lìa chân như của tám Giải thoát có Đại Bồ-tát; lìa chân như của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp môn giải thoát Không chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của pháp môn giải thoát Không; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; lìa chân như của pháp môn giải thoát Không chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như pháp môn giải thoát Không, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của pháp môn giải thoát Không

và chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát, chính chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp môn giải thoát Không có Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp môn giải thoát Không; trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; lìa chân như của pháp môn giải thoát Không có Đại Bồ-tát; lìa chân như của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có Đại Bồ-tát?

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp môn Đà-la-ni chẳng Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp môn Tam-ma-địa chẳng Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của pháp môn Đà-la-ni; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của pháp môn Tam-ma-địa; lìa chân như của pháp môn Đà-la-ni chẳng Đại Bồ-tát; lìa chân như của pháp môn Tam-ma-địa chẳng Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như pháp môn Đà-la-ni, hoặc pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi có chân như của pháp môn Đà-la-ni và chân như của pháp môn Tam-ma-địa! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát, chính chân như của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp môn Đà-la-ni có Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp môn Tam-ma-địa có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp môn Đà-la-ni; trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp môn Tam-ma-địa; lìa chân như của pháp môn Đà-la-ni có Đại Bồ-tát; lìa chân như của pháp môn Tam-ma-địa có Đại Bồ-tát?

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 17

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (7)

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của các bậc Ly cấu, Phát quang, Diệm tuệ, Cực nan thắng, Hiện tiền, Viễn hành, Bất động, Thiện tuệ, Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của bậc Cực hỷ chẳng có Đại Bồ-tát; trong chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của bậc Cực hỷ; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân; lìa chân như của bậc Cực hỷ chẳng có Đại Bồ-tát; lìa chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng có Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như bậc Cực hỷ, hoặc bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có chân như của bậc Cực hỷ và chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát, chính chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát; trong chân như của bậc Cực hỷ có Đại Bồ-tát; trong chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của bậc Cực hỷ; trong Đại Bồ-tát có chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân; lìa chân như của bậc Cực hỷ có Đại Bồ-tát; lìa chân như của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của sáu phép thần

thông chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của năm loại mắt chẳng có Đại Bồ-tát; trong chân như của sáu phép thần thông chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của năm loại mắt; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của sáu phép thần thông; lìa chân như của năm loại mắt chẳng có Đại Bồ-tát; lìa chân như của sáu phép thần thông chẳng có Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như năm loại mắt, hoặc sáu phép thần thông, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có chân như của năm loại mắt và chân như của sáu phép thần thông! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của năm loại mắt là Đại Bồ-tát, chính chân như của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát; khác với chân như của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; khác với chân như của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát; trong chân như của năm loại mắt có Đại Bồ-tát; trong chân như của sáu phép thần thông có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của năm loại mắt; trong Đại Bồ-tát có chân như của sáu phép thần thông; lìa chân như của năm loại mắt có Đại Bồ-tát; lìa chân như của sáu phép thần thông có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như nơi mười lực của Phật chẳng có Đại Bồ-tát; trong chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như nơi mười lực của Phật; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng; lìa chân như nơi mười lực của Phật chẳng có Đại Bồ-tát; lìa chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng có Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như mười lực của Phật, hoặc bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có chân như nơi mười lực của Phật và chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông

suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát, chính chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát; khác với chân như nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; khác với chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát; trong chân như nơi mười lực của Phật có Đại Bồ-tát; trong chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như nơi mười lực của Phật; trong Đại Bồ-tát có chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng; lìa chân như nơi mười lực của Phật có Đại Bồ-tát; lìa chân như của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của đại Từ chẳng có Đại Bồ-tát; trong chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của đại Từ; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; lìa chân như của đại Từ chẳng có Đại Bồ-tát; lìa chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng có Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như đại Từ, hoặc đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có chân như của đại Từ và chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của đại Từ là Đại Bồ-tát, chính chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát; khác với chân như của đại Từ là Đại Bồ-tát; khác với chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát; trong chân như của đại Từ có Đại Bồ-tát; trong chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của đại Từ; trong Đại Bồ-tát có chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả; lìa chân như của đại Từ có Đại Bồ-tát; lìa chân như của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với

chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng có Đại Bồ-tát; trong chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo; lìa chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng có Đại Bồ-tát; lìa chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng có Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như ba mươi hai tướng Đại sĩ, hoặc tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ và chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát, chính chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát; khác với chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; khác với chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát; trong chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ có Đại Bồ-tát; trong chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ; trong Đại Bồ-tát có chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo; lìa chân như của ba mươi hai tướng Đại sĩ có Đại Bồ-tát; lìa chân như của tám mươi vẻ đẹp kèm theo có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của tánh luôn luôn xả, chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp không quên mất chẳng có Đại Bồ-tát; trong chân như của tánh luôn luôn xả chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của pháp không quên mất; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của tánh luôn luôn xả; lìa chân như của pháp không quên mất chẳng có Đại Bồ-tát; lìa chân như của tánh luôn luôn xả chẳng có Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như pháp không quên mất, hoặc tánh luôn luôn xả, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có chân như của pháp không quên mất và chân như của tánh luôn luôn xả! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của pháp

không quên mất là Đại Bồ-tát, chính chân như của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát; khác với chân như của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; khác với chân như của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát; trong chân như của pháp không quên mất có Đại Bồ-tát; trong chân như của tánh luôn luôn xả có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của pháp không quên mất; trong Đại Bồ-tát có chân như của tánh luôn luôn xả; lìa chân như của pháp không quên mất có Đại Bồ-tát; lìa chân như của tánh luôn luôn xả có Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính chân như của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát, chính chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; khác với chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát; trong chân như của trí Nhất thiết chẳng có Đại Bồ-tát; trong chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của trí Nhất thiết; trong Đại Bồ-tát chẳng có chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; lìa chân như của trí Nhất thiết chẳng có Đại Bồ-tát; lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng có Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như trí Nhất thiết, hoặc trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc chẳng thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có chân như của trí Nhất thiết và chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các chân như này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính chân như của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát, chính chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát; khác với chân như của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; khác với chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát; trong chân như của trí Nhất thiết có Đại Bồ-tát; trong chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có Đại Bồ-tát; trong Đại Bồ-tát có chân như của trí Nhất thiết; trong Đại Bồ-tát có chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; lìa chân như của trí Nhất thiết có Đại Bồ-tát; lìa chân như của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có Đại Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn, sắc... các pháp và chân như đã chẳng thể được, mà nói chính chân như của sắc... các pháp là Đại Bồ-tát; hoặc khác với chân như của sắc... các pháp là Đại Bồ-tát; hoặc trong chân như của sắc... các pháp có Đại Bồ-tát; hoặc trong Đại Bồ-tát có chân như của sắc... các

pháp; hoặc lìa chân như của sắc... các pháp có Đại Bồ-tát, điều đó không có!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Hay thay, hay thay! Đúng vậy, đúng vậy, đúng như ông đã nói! Thiện Hiện, vì sắc... các pháp chẳng thể được, nên chân như của sắc... các pháp cũng chẳng thể được; vì pháp và chân như chẳng thể được, nên Đại Bồ-tát cũng chẳng thể được; vì Đại Bồ-tát chẳng thể được, nên việc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể được. Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học như vậy!

Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-

tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của nhãn xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại

Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của sắc xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 18

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (8)

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất tịnh của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất không của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của nhãn giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất tịnh của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất không của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại

Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của sắc giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất tịnh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại

Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất không của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất tịnh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất không của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại

Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của nhãn xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất tịnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra

là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh bất không của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân,

ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 19

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (9)

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức

giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của địa giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của đẳng vô gián duyên, sở

duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của nhân duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của vô minh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh

lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 20

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (10)

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính danh của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thường của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thường của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô thường của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô thường của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh lạc của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh lạc của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh khổ của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh khổ của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ngã của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ngã của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô ngã của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô ngã của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịnh của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịnh của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh không của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng không của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tướng của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tướng của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tướng của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tướng của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu nguyện của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu nguyện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô nguyện của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô nguyện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịch tĩnh của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịch tĩnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịch tĩnh của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịch tĩnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xa lìa của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xa lìa của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng xa lìa của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng xa lìa của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu vi của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu vi của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô vi của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô vi của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu lậu của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu lậu của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô lậu của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô lậu không bên ngoài cho đến không không tánh tự

tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ẩn tàng của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ẩn tàng của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hiển bày của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hiển bày của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thiện của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thiện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng phải thiện của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng phải thiện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tội của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tội của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tội của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tội của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu phiền não của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu phiền não của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô phiền não của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô phiền não của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thế gian của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thế gian của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xuất thế gian của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xuất thế gian của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tạp nhiễm của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tạp nhiễm của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thanh tịnh của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thanh tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc sinh tử của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc sinh tử của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc Niết-bàn của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc Niết-bàn của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên trong của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên trong của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên ngoài của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên ngoài của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở cả trong ngoài của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở cả trong ngoài của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh đạt được của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh đạt được của pháp không bên ngoài cho đến pháp

không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng đạt được của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng đạt được của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính danh chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thường của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thường của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô thường của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô thường của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh lạc của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh lạc của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh khổ của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh khổ của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ngã của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ngã của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô ngã của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô ngã của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịnh của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịnh của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh không của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng không của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tướng của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tướng của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể

nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tướng của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tướng của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu nguyện của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu nguyện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô nguyện của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô nguyện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịch tĩnh của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịch tĩnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịch tĩnh của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịch tĩnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xa lìa của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xa lìa của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng xa lìa của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng xa lìa của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu vi của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu vi của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô vi của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô vi của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu lậu của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu lậu của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô lậu của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô lậu của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ẩn tàng của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ẩn tàng của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hiển bày của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hiển bày của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thiện của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thiện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng phải thiện của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng phải thiện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tội của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tội của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tội của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tội của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu phiền não của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu phiền não của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô phiền não của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô phiền não của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thế gian của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thế gian của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xuất thế gian của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xuất thế gian của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tạp nhiễm của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tạp nhiễm của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thanh tịnh của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thanh tịnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc sinh tử của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc sinh tử của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc Niết-bàn của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc Niết-bàn của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên trong của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên trong của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên ngoài của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên ngoài của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở cả trong ngoài của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở cả trong ngoài của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh đạt được của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh đạt được của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng đạt được của chân như là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng đạt được của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính danh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thường của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thường của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô thường của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô thường của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh lạc của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh lạc của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh khổ của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh khổ của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ngã của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô ngã của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịnh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịnh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh không của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng không của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tướng của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tướng của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu nguyện của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô nguyện của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịch tĩnh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xa lìa của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xa lìa của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu vi của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu vi của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô vi của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô vi của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu lậu của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu lậu của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô lậu của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô lậu của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh sinh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh sinh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh diệt của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh diệt của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thiện của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thiện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng phải thiện của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng phải thiện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tội của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tội của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tội của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tội của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu phiền não của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu phiền não của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô phiền não của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô phiền não của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thế gian của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thế gian của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xuất thế gian của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xuất thế gian của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tạp nhiễm của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tạp nhiễm của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thanh tịnh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thanh tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc sinh tử của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc sinh tử của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc Niết-bàn của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc Niết-bàn của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên trong của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên trong của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên ngoài của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên ngoài của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở cả trong ngoài của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở cả trong ngoài của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh đạt được của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh đạt được của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng đạt được của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng đạt được của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính danh Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thường của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thường của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô thường của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh lạc của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh lạc của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh khổ của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ngã của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô ngã của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịnh của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịnh của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh không của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh không của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng không của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng không của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tướng của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tướng của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu nguyện của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô nguyện của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịch tĩnh của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xa lìa của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng xa lìa của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu vi của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu vi của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô vi của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô vi của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu lậu của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu lậu của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô lậu của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô lậu của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh sinh của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh sinh của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh diệt của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh diệt của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thiện của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thiện của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng phải thiện của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng phải thiện của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tội của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tội của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tội của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tội của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu phiền não của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu phiền não của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô phiền não của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô phiền não của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thế gian của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thế gian của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xuất thế gian của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xuất thế gian của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tạp nhiễm của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tạp nhiễm của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thanh tịnh của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thanh tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc sinh tử của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc sinh tử của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc Niết-bàn của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc Niết-bàn của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên trong của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên trong của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên ngoài của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên ngoài của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở cả trong ngoài của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở cả trong ngoài của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh đạt được của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh đạt được của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng đạt được của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng đạt được của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính danh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thường của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô thường của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh lạc của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh lạc của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh khổ của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ngã của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô ngã của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịnh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịnh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh không của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng không của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tướng của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tướng của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu nguyện của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô nguyện của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xa lìa của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu vi của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu vi của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô vi của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô vi của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu lậu của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu lậu của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô lậu của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô lậu của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-

tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh sinh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh sinh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh diệt của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh diệt của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thiện của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thiện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng phải thiện của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng phải thiện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tội của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu tội của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tội của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô tội của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu phiền não của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh hữu phiền não của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô phiền não của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh vô phiền não của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thế gian của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thế gian của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xuất thế gian của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh xuất thế gian của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tạp nhiễm của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh tạp nhiễm của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thanh tịnh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thanh tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc sinh tử của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc sinh tử của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc Niết-bàn của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh thuộc Niết-bàn của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên trong của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên trong của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên ngoài của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở bên ngoài của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở cả trong ngoài của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh ở cả trong ngoài của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh đạt được của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh đạt được của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng đạt được của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính danh chẳng đạt được của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 21

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (11)

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ,

mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười

Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-

tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Vô tướng,

Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của pháp môn giải thoát Không

là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân

là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân

là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của năm loại mắt là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 22

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (12)

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông

suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của bốn điều không sợ, bốn sự

hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của đại Từ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại

Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh nơi ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh nơi tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-

tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát

chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-

tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại

Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng

là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về sinh tử của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc về Niết-bàn của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên trong của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở bên ngoài của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ở cả trong ngoài của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 23

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (13)

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Lại nữa Thiện Hiện, chỗ gọi là Đại Bồ-tát, theo ý ông thì sao? Chính cái danh nơi tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thường nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô thường nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh lạc nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh khổ nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh ngã nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô ngã nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh không nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng không nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tướng nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tướng nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu nguyện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-

tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô nguyện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tịch tĩnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng tịch tĩnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xa lìa nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng xa lìa nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu vi nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô vi nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu lậu nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô lậu nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh sinh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh diệt nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thiện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng phải thiện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu tội nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô tội nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh hữu phiền não nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh vô phiền não nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thế gian nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật

là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh xuất thế gian nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tạp nhiễm nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thanh tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc sinh tử nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh thuộc Niết-bàn nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên trong nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại bên ngoài nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh tại cả trong ngoài nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh đạt được nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Chính cái danh chẳng đạt được nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Thế Tôn, không!

Bấy giờ, Phật bảo Cụ thọ Thiện Hiện:

–Ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh

của sắc và cái danh của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh thường, vô thường của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của sắc; hoặc thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh thường, vô thường của sắc và cái danh thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh thường, vô thường của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh lạc, khổ của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, khổ của sắc; hoặc lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh lạc, khổ của sắc và cái danh lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh lạc, khổ của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của sắc; hoặc ngã, vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh ngã, vô ngã của sắc và cái danh ngã, vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của sắc; hoặc tịnh, bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh tịnh, bất tịnh của sắc và cái danh tịnh,

bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh không, hoặc bất không của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của sắc; hoặc không, bất không của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh không, bất không của sắc và cái danh không, bất không của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh không, hoặc bất không của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của sắc; hoặc hữu tướng, vô tướng của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh hữu tướng, vô tướng của sắc và cái danh hữu tướng, vô tướng của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của sắc; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của sắc và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của sắc; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của sắc và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của sắc; hoặc hữu vi, vô vi của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh hữu vi, vô vi của sắc và cái danh hữu vi, vô vi của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của sắc; hoặc hữu lậu, vô lậu của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là

chẳng có, huống chi là có cái danh hữu lậu, vô lậu của sắc và cái danh hữu lậu, vô lậu của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh sinh, hoặc diệt của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của sắc; hoặc sinh, diệt của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh sinh, diệt của sắc và cái danh sinh, diệt của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh sinh, hoặc diệt của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của sắc; hoặc thiện, chẳng phải thiện của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh thiện, chẳng phải thiện của sắc và cái danh thiện, chẳng phải thiện của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của sắc; hoặc hữu tội, vô tội của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh hữu tội, vô tội của sắc và cái danh hữu tội, vô tội của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh

hữu phiền não, hoặc vô phiền não của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của sắc; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của sắc và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của sắc; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh thế gian, xuất thế gian của sắc và cái danh thế gian, xuất thế gian của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của sắc; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của sắc và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh thuộc sinh tử, hoặc thuộc Niết-bàn của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc sinh tử, hoặc thuộc Niết-bàn của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc sinh tử, thuộc Niết-bàn của sắc; hoặc

thuộc sinh tử, thuộc Niết-bàn của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh thuộc sinh tử, thuộc Niết-bàn của sắc và cái danh thuộc sinh tử, thuộc Niết-bàn của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh thuộc sinh tử, hoặc thuộc Niết-bàn của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc sinh tử, hoặc thuộc Niết-bàn của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của sắc; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của sắc và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói là chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, hoặc chẳng đạt được của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của sắc; hoặc đạt được, chẳng đạt được của thọ, tưởng, hành, thức, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng là chẳng có, huống chi là có cái danh đạt được, chẳng đạt được của sắc và cái danh đạt được, chẳng đạt được của thọ, tưởng, hành, thức! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói là chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của sắc là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 24

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (14)

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như nhãn xứ, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của nhãn xứ và cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của nhãn xứ; hoặc thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của nhãn xứ và cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của nhãn xứ; hoặc lạc, hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của nhãn xứ và cái danh lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của nhãn xứ; hoặc ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của nhãn xứ và cái danh ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của nhãn xứ; hoặc tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của nhãn xứ và cái danh tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của nhãn xứ; hoặc không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của nhãn xứ và cái danh không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của nhãn xứ; hoặc hữu tướng, vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của

nhãn xứ và cái danh hữu tướng, vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của nhãn xứ; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của nhãn xứ và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xứ; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xứ và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của

nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của nhãn xứ; hoặc hữu vi, vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của nhãn xứ và cái danh hữu vi, vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của nhãn xứ; hoặc hữu lậu, vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của nhãn xứ và cái danh hữu lậu, vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của nhãn xứ; hoặc sinh, diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của nhãn xứ và cái danh sinh, diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của nhãn xứ; hoặc thiện, chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể

được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của nhãn xứ và cái danh thiện, chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của nhãn xứ; hoặc hữu tội, vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của nhãn xứ và cái danh hữu tội, vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của nhãn xứ; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhãn xứ và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn xứ; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của nhãn xứ và cái danh thế gian, xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái

danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của nhãn xứ; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của nhãn xứ và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhãn xứ; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhãn xứ và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhãn xứ; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhãn xứ và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả

trong ngoài của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của nhãn xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của nhãn xứ; hoặc đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhãn xứ và cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của nhãn xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như sắc xứ, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của sắc xứ và cái danh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của sắc xứ; hoặc thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của sắc xứ và cái danh thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của sắc xứ; hoặc lạc, hoặc khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của

chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của sắc xứ và cái danh lạc, khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của sắc xứ; hoặc ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của sắc xứ và cái danh ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của sắc xứ; hoặc tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của sắc xứ và cái danh tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của sắc xứ; hoặc không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của sắc xứ và cái danh không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không

của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của sắc xứ; hoặc hữu tướng, vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của sắc xứ và cái danh hữu tướng, vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của sắc xứ; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của sắc xứ và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc xứ; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc xứ và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của sắc xứ; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của sắc xứ và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của sắc xứ; hoặc hữu vi, vô vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của sắc xứ và cái danh hữu vi, vô vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của sắc xứ; hoặc hữu lậu, vô lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của sắc xứ và cái danh hữu lậu, vô lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của sắc xứ; hoặc sinh, diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng

chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của sắc xứ và cái danh sinh, diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của sắc xứ; hoặc thiện, chẳng phải thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của sắc xứ và cái danh thiện, chẳng phải thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của sắc xứ; hoặc hữu tội, vô tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của sắc xứ và cái danh hữu tội, vô tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của sắc xứ; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của sắc xứ và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm

sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của sắc xứ; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của sắc xứ và cái danh thế gian, xuất thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của sắc xứ; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của sắc xứ và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của sắc xứ; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của sắc xứ và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về

sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của sắc xứ; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của sắc xứ và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của sắc xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của sắc xứ; hoặc đạt được, chẳng đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của sắc xứ và cái danh đạt được, chẳng đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của sắc xứ là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như nhãn giới, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của nhãn giới và cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường,

vô thường của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của nhãn giới; hoặc thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của nhãn giới và cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của nhãn giới; hoặc lạc, hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của nhãn giới và cái danh lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của nhãn giới; hoặc ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của nhãn giới và cái danh ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của nhãn giới; hoặc tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của nhãn giới và cái danh tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là

Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của nhãn giới; hoặc không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của nhãn giới và cái danh không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của nhãn giới; hoặc hữu tướng, vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của nhãn giới và cái danh hữu tướng, vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của nhãn giới; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của nhãn giới và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính

cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn giới; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn giới và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn giới; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn giới và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 25

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (15)

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của nhãn giới; hoặc hữu vi, vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của nhãn giới và cái danh hữu vi, vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của nhãn giới; hoặc hữu lậu, vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của nhãn giới và cái danh hữu lậu, vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của nhãn giới; hoặc sinh, diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của nhãn giới và cái danh sinh, diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có

thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của nhãn giới; hoặc thiện, chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của nhãn giới và cái danh thiện, chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của nhãn giới; hoặc hữu tội, vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của nhãn giới và cái danh hữu tội, vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của nhãn giới; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhãn giới và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn giới; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của nhãn giới và cái danh thế gian, xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của nhãn giới; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của nhãn giới và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhãn giới; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhãn giới và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong,

ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhãn giới; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhãn giới và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của nhãn giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của nhãn giới; hoặc đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhãn giới và cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của nhãn giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như sắc giới, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của sắc giới và cái danh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của sắc giới; hoặc thường,

vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của sắc giới và cái danh thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của sắc giới; hoặc lạc, hoặc khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của sắc giới và cái danh lạc, khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của sắc giới; hoặc ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của sắc giới và cái danh ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của sắc giới; hoặc tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của sắc giới và cái danh tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của thanh, hương,

vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của sắc giới; hoặc không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của sắc giới và cái danh không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của sắc giới; hoặc hữu tướng, vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của sắc giới và cái danh hữu tướng, vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của sắc giới; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của sắc giới và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch

tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc giới; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc giới và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của sắc giới; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của sắc giới và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của sắc xứ; hoặc hữu vi, vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của sắc giới và cái danh hữu vi, vô vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của sắc giới; hoặc hữu lậu, vô lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của sắc xứ và cái danh hữu lậu, vô lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của sắc giới; hoặc sinh, diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của sắc giới và cái danh sinh, diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của sắc giới; hoặc thiện, chẳng phải thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của sắc giới và cái danh thiện, chẳng phải thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của sắc giới; hoặc hữu tội, vô tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của sắc giới và cái danh hữu tội, vô tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh

này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của sắc giới; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của sắc giới và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của sắc giới; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của sắc giới và cái danh thế gian, xuất thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của sắc giới; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của sắc giới và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của sắc giới là Đại Bồ-tát;

chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của sắc giới; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của sắc giới và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của sắc giới; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của sắc giới và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của sắc giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của sắc giới; hoặc đạt được, chẳng đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của sắc giới và cái danh đạt được, chẳng đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao

có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của sắc giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của thanh, hương, vị, xúc, pháp giới là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như nhãn thức giới, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của nhãn thức giới và cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của nhãn thức giới; hoặc thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của nhãn thức giới và cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của nhãn thức giới; hoặc lạc, hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của nhãn thức giới và cái danh lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh

ngã, hoặc vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của nhãn thức giới; hoặc ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của nhãn thức giới và cái danh ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của nhãn thức giới; hoặc tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của nhãn thức giới và cái danh tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của nhãn thức giới; hoặc không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của nhãn thức giới và cái danh không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của nhãn thức giới; hoặc

hữu tướng, vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của nhãn thức giới và cái danh hữu tướng, vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của nhãn thức giới; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của nhãn thức giới và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn thức giới; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn thức giới và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn thức giới; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể

được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn thức giới và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của nhãn thức giới; hoặc hữu vi, vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của nhãn thức giới và cái danh hữu vi, vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của nhãn thức giới; hoặc hữu lậu, vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của nhãn thức giới và cái danh hữu lậu, vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của nhãn thức giới; hoặc sinh, diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của nhãn thức giới và cái danh sinh, diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhãn thức

giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của nhãn thức giới; hoặc thiện, chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của nhãn thức giới và cái danh thiện, chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của nhãn thức giới; hoặc hữu tội, vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của nhãn thức giới và cái danh hữu tội, vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của nhãn thức giới; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhãn thức giới và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn thức giới; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của nhãn thức giới và cái danh thế gian, xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của nhãn thức giới; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của nhãn thức giới và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhãn thức giới; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhãn thức giới và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhãn thức giới; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhãn thức giới và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của nhãn thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của nhãn thức giới; hoặc đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhãn thức giới và cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của nhãn thức giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 26

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (16)

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như nhãn xúc, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của nhãn xúc và cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của nhãn xúc; hoặc thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của nhãn xúc và cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của nhãn xúc; hoặc lạc, hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của nhãn xúc và cái danh lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của nhãn xúc; hoặc ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của nhãn xúc và cái danh ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của nhãn xúc; hoặc tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của nhãn xúc và cái danh tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của nhãn xúc; hoặc không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của nhãn xúc và cái danh không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của nhãn xúc; hoặc hữu tướng, vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được,

vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của nhãn xúc và cái danh hữu tướng, vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của nhãn xúc; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của nhãn xúc và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xúc; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xúc và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xúc; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xúc và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc!

Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của nhãn xúc; hoặc hữu vi, vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của nhãn xúc và cái danh hữu vi, vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của nhãn xúc; hoặc hữu lậu, vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của nhãn xúc và cái danh hữu lậu, vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của nhãn xúc; hoặc sinh, diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của nhãn xúc và cái danh sinh, diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của nhãn xúc; hoặc thiện, chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của nhãn xúc và cái danh thiện, chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của nhãn xúc; hoặc hữu tội, vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của nhãn xúc và cái danh hữu tội, vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của nhãn xúc; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhãn xúc và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn xúc; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc

không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của nhãn xúc và cái danh thế gian, xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của nhãn xúc; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của nhãn xúc và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhãn xúc; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhãn xúc và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhãn xúc; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái

danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhãn xúc và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của nhãn xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của nhãn xúc; hoặc đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhãn xúc và cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của nhãn xúc là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc thường, vô thường của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng

chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh thường, vô thường của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc lạc, hoặc khổ của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh lạc, khổ của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc ngã, vô ngã của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh ngã, vô ngã của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của các thọ do các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc tịnh, bất tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh tịnh, bất tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc không, bất không của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh không, bất không của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc hữu tướng, vô tướng của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh hữu tướng, vô tướng của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng

chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc hữu vi, vô vi của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh hữu vi, vô vi của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc hữu lậu, vô lậu của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh hữu lậu, vô lậu của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc sinh, diệt của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh sinh, diệt của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc thiện, chẳng phải thiện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh thiện, chẳng phải thiện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc hữu tội, vô tội của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh hữu tội, vô tội của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh thế gian, xuất thế gian của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt,

thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của các thọ do

nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra; hoặc đạt được, chẳng đạt được của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của các thọ, do nhãn xúc làm duyên sinh ra và cái danh đạt được, chẳng đạt được của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như địa giới, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của địa giới và cái danh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của địa giới; hoặc thường, vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của địa giới và cái danh thường, vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường,

vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của địa giới; hoặc lạc, hoặc khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của địa giới cái danh lạc, khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của địa giới; hoặc ngã, vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của địa giới và cái danh ngã, vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 27

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (17)

Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của địa giới; hoặc tịnh, bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của địa giới và cái danh tịnh, bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của địa giới; hoặc không, bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của địa giới và cái danh không, bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của địa giới; hoặc hữu

tướng, vô tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của địa giới và cái danh hữu tướng, vô tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của địa giới; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của địa giới và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của địa giới; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của địa giới và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của địa giới; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể

được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của địa giới và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của địa giới; hoặc hữu vi, vô vi của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của địa giới và cái danh hữu vi, vô vi của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của địa giới; hoặc hữu lậu, vô lậu của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của địa giới và cái danh hữu lậu, vô lậu của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của địa giới; hoặc sinh, diệt của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của địa giới và cái danh sinh, diệt của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của thủy, hỏa, phong, không, thức giới

là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của địa giới; hoặc thiện, chẳng phải thiện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của địa giới và cái danh thiện, chẳng phải thiện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của địa giới; hoặc hữu tội, vô tội của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của địa giới và cái danh hữu tội, vô tội của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của địa giới; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của địa giới và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế

gian, hoặc xuất thế gian của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của địa giới; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của địa giới và cái danh thế gian, xuất thế gian của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của địa giới; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của địa giới và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của địa giới; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của địa giới và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong,

ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của địa giới; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của địa giới và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của địa giới chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của địa giới; hoặc đạt được, chẳng đạt được của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của địa giới và cái danh đạt được, chẳng đạt được của thủy, hỏa, phong, không, thức giới! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của địa giới là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như nhân duyên, hoặc đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của nhân duyên và cái danh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường,

vô thường của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của nhân duyên; hoặc thường, vô thường của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của nhân duyên và cái danh thường, vô thường của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của nhân duyên; hoặc lạc, hoặc khổ của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của nhân duyên và cái danh lạc, khổ của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của nhân duyên; hoặc ngã, vô ngã của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của nhân duyên và cái danh ngã, vô ngã của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh,

hoặc bất tịnh của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của nhân duyên; hoặc tịnh, bất tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của nhân duyên và cái danh tịnh, bất tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của nhân duyên; hoặc không, bất không của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của nhân duyên và cái danh không, bất không của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của nhân duyên; hoặc hữu tướng, vô tướng của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của nhân duyên và cái danh hữu tướng, vô tướng của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của nhân duyên; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của nhân duyên và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhân duyên; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhân duyên và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của nhân duyên; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của nhân duyên và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc

chẳng xa lìa của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của nhân duyên; hoặc hữu vi, vô vi của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của nhân duyên và cái danh hữu vi, vô vi của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của nhân duyên; hoặc hữu lậu, vô lậu của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của nhân duyên và cái danh hữu lậu, vô lậu của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của nhân duyên; hoặc sinh, diệt của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của nhân duyên và cái danh sinh, diệt của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng

thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của nhân duyên; hoặc thiện, chẳng phải thiện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của nhân duyên và cái danh thiện, chẳng phải thiện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của nhân duyên; hoặc hữu tội, vô tội của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của nhân duyên và cái danh hữu tội, vô tội của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của nhân duyên; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của nhân duyên và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của nhân

duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của nhân duyên; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của nhân duyên và cái danh thế gian, xuất thế gian của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của nhân duyên; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của nhân duyên và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhân duyên; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của

chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của nhân duyên và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhân duyên; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của nhân duyên và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của nhân duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của nhân duyên; hoặc đạt được, chẳng đạt được của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của nhân duyên và cái danh đạt được, chẳng đạt được của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của nhân duyên là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của pháp do các duyên sinh ra, chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của pháp do các duyên sinh ra! Danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thường, vô thường của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, lạc, hoặc khổ của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, ngã, vô ngã của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tịnh, bất tịnh của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh pháp, do duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, không, bất không của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã

chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu tướng, vô tướng của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu nguyện, vô nguyện của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, xa lìa, chẳng xa lìa của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu vi, vô vi của pháp do các duyên sinh ra, rốt

cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu lậu, vô lậu của pháp, do duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, sinh, diệt của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thiện, chẳng phải thiện của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu tội, vô tội của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu phiền não, vô phiền não của pháp do các duyên

sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp do các duyên sinh ra xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp do các duyên sinh

ra là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của pháp do các duyên sinh ra chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, đạt được, chẳng đạt được của pháp do các duyên sinh ra, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp do các duyên sinh ra! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của pháp do các duyên sinh ra là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 28

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (18)

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như vô minh, hoặc hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của vô minh và cái danh của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của vô minh; hoặc thường, vô thường của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của vô minh và cái danh thường, vô thường của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của vô minh; hoặc lạc, hoặc khổ của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của vô minh và cái danh lạc, khổ của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể

nói chính cái danh lạc hoặc khổ của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của vô minh; hoặc ngã, vô ngã của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của vô minh và cái danh ngã, vô ngã của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của vô minh; hoặc tịnh, bất tịnh của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của vô minh và cái danh tịnh, bất tịnh của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của vô minh; hoặc không, bất không của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của vô minh và cái danh không, bất không của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của vô minh; hoặc hữu tướng, vô tướng của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của

vô minh và cái danh hữu tướng, vô tướng của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của vô minh; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của vô minh và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vô minh; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vô minh và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của vô minh; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của vô minh và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của vô minh; hoặc hữu vi, vô vi của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của vô minh và cái danh hữu vi, vô vi của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của vô minh; hoặc hữu lậu, vô lậu của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của vô minh và cái danh hữu lậu, vô lậu của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của vô minh; hoặc sinh, diệt của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của vô minh và cái danh sinh, diệt của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của vô minh; hoặc thiện, chẳng phải thiện của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của vô minh và cái danh thiện, chẳng phải thiện của hành cho đến lão tử!

Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của vô minh; hoặc hữu tội, vô tội của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của vô minh và cái danh hữu tội, vô tội của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của vô minh; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của vô minh và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của vô minh; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của vô minh và cái danh thế gian, xuất thế gian của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp

nhiễm, hoặc thanh tịnh của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của vô minh; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của vô minh và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của vô minh; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của vô minh và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của vô minh; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của vô minh và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của vô minh chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của hành cho đến lão tử chẳng phải là Đại

Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của vô minh; hoặc đạt được, chẳng đạt được của hành cho đến lão tử, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của vô minh và cái danh đạt được, chẳng đạt được của hành cho đến lão tử! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của vô minh là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của hành cho đến lão tử là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc lạc, hoặc khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh lạc, khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc ngã, vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh ngã, vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc tịnh, bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh tịnh, bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh

lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc không, bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh không, bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc hữu tướng, vô tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh hữu tướng, vô tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh hữu nguyện, vô nguyện Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc hữu vi, vô vi của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh hữu vi, vô vi của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô

vi của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc hữu lậu, vô lậu của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh hữu lậu, vô lậu của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc sinh, diệt của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh sinh, diệt của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc thiện, chẳng phải thiện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh thiện, chẳng phải thiện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh

tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc hữu tội, vô tội của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh hữu tội, vô tội của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của Bố thí ba-la-

mật-đa; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh thế gian, xuất thế gian của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của Bố thí ba-la-mật-đa; hoặc đạt được, chẳng đạt được của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của Bố thí ba-la-mật-đa và cái danh đạt được, chẳng đạt được của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của Bố thí ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh,

pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, pháp không bên trong, pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của pháp không bên trong và cái danh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, hoặc vô thường của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, hoặc vô thường của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của pháp không bên trong; hoặc thường, vô thường của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của pháp không bên trong và cái danh thường, vô thường của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của pháp không bên trong; hoặc lạc, hoặc khổ của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của pháp không bên trong và cái danh lạc, khổ của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp không bên ngoài cho đến pháp không

không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của pháp không bên trong; hoặc ngã, vô ngã của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của pháp không bên trong và cái danh ngã, vô ngã của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của pháp không bên trong; hoặc tịnh, bất tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của pháp không bên trong và cái danh tịnh, bất tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của pháp không bên trong; hoặc không, bất không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của pháp không bên trong và cái danh không, bất không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu

tướng, hoặc vô tướng của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của pháp không bên trong; hoặc hữu tướng, vô tướng của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của pháp không bên trong và cái danh hữu tướng, vô tướng của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 29

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (19)

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của pháp không bên trong; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của pháp không bên trong và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp không bên trong; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp không bên trong và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của pháp không bên trong; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của pháp không bên trong và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của pháp không bên trong; hoặc hữu vi, vô vi của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của pháp không bên trong và cái danh hữu vi, vô vi của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của pháp không bên trong; hoặc hữu lậu, vô lậu của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của pháp không bên trong và cái danh hữu lậu, vô lậu của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát;

chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của pháp không bên trong; hoặc sinh, diệt của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của pháp không bên trong và cái danh sinh, diệt của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của pháp không bên trong; hoặc thiện, chẳng phải thiện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của pháp không bên trong và cái danh thiện, chẳng phải thiện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của pháp không bên trong; hoặc hữu tội, vô tội của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của pháp không bên trong và cái

danh hữu tội, vô tội của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của pháp không bên trong; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp không bên trong và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp không bên trong; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của pháp không bên trong và cái danh thế gian, xuất thế gian của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp không bên trong; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp không bên trong và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp không bên trong; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp không bên trong và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp không bên trong; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp không bên trong và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp không bên ngoài cho đến pháp không

không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của pháp không bên trong chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của pháp không bên trong; hoặc đạt được, chẳng đạt được của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp không bên trong và cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của pháp không bên trong là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như chân như, hoặc pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của chân như và cái danh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của chân như; hoặc thường, vô thường của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc

không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của chân như và cái danh thường, vô thường của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của chân như; hoặc lạc, hoặc khổ của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của chân như và cái danh lạc, khổ của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của chân như; hoặc ngã, vô ngã của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của chân như và cái danh ngã, vô ngã của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của chân như; hoặc tịnh, bất tịnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của chân như và cái danh tịnh, bất tịnh của pháp giới cho đến

cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của chân như; hoặc không, bất không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của chân như và cái danh không, bất không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của chân như; hoặc hữu tướng, vô tướng của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của chân như và cái danh hữu tướng, vô tướng của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của chân như; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của chân như và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của chân như; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của chân như và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của chân như; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của chân như và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của chân như; hoặc hữu vi, vô vi của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của chân như và cái danh hữu vi, vô vi của pháp giới cho đến cảnh

giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của chân như; hoặc hữu lậu, vô lậu của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của chân như và cái danh hữu lậu, vô lậu của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của chân như; hoặc sinh, diệt của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của chân như và cái danh sinh, diệt của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của chân như; hoặc thiện, chẳng phải thiện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của chân như và cái danh thiện, chẳng phải thiện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc

chẳng phải thiện của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của chân như; hoặc hữu tội, vô tội của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của chân như và cái danh hữu tội, vô tội của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của chân như; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của chân như và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của chân như; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của chân như và cái danh thế gian, xuất thế gian của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể

nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của chân như; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của chân như và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của chân như; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của chân như và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của chân như; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của

chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của chân như và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của chân như chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của chân như; hoặc đạt được, chẳng đạt được của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của chân như và cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của chân như là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như bốn Niệm trụ, hoặc bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của bốn Niệm trụ và cái danh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của bốn Niệm trụ; hoặc thường, vô thường của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có

cái danh thường, vô thường của bốn Niệm trụ và cái danh thường, vô thường của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của bốn Niệm trụ; hoặc lạc, hoặc khổ của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của bốn Niệm trụ và cái danh lạc, khổ của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của bốn Niệm trụ; hoặc ngã, vô ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của bốn Niệm trụ và cái danh ngã, vô ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của bốn Niệm trụ; hoặc tịnh, bất tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của bốn Niệm trụ và cái danh tịnh, bất tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể

nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của bốn Niệm trụ; hoặc không, bất không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của bốn Niệm trụ và cái danh không, bất không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của bốn Niệm trụ; hoặc hữu tướng, vô tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của bốn Niệm trụ và cái danh hữu tướng, vô tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của bốn Niệm trụ; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của bốn Niệm trụ và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện,

hoặc vô nguyện của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của bốn Niệm trụ; hoặc hữu vi, vô vi của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của bốn Niệm trụ và cái danh hữu vi, vô vi của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể

nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của bốn Niệm trụ; hoặc hữu lậu, vô lậu của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của bốn Niệm trụ và cái danh hữu lậu, vô lậu của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của bốn Niệm trụ; hoặc sinh, diệt của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của bốn Niệm trụ và cái danh sinh, diệt của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của bốn Niệm trụ; hoặc thiện, chẳng phải thiện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của bốn Niệm trụ và cái danh thiện, chẳng phải thiện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc

chẳng phải thiện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của bốn Niệm trụ; hoặc hữu tội, vô tội của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của bốn Niệm trụ và cái danh hữu tội, vô tội của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của bốn Niệm trụ; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của bốn Niệm trụ và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn Niệm trụ; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của bốn Niệm trụ và cái danh thế gian, xuất thế gian của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế

gian, hoặc xuất thế gian của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 30

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (20)

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của bốn Niệm trụ; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của bốn Niệm trụ và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bốn Niệm trụ; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bốn Niệm trụ và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-

tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bốn Niệm trụ; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bốn Niệm trụ và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của bốn Niệm trụ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của bốn Niệm trụ; hoặc đạt được, chẳng đạt được của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của bốn Niệm trụ và cái danh đạt được, chẳng đạt được của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của bốn Niệm trụ là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như Thánh đế khổ, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của Thánh đế khổ và cái danh của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh

thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của Thánh đế khổ; hoặc thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của Thánh đế khổ và cái danh thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, khổ của Thánh đế khổ; hoặc lạc, khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của Thánh đế khổ và cái danh lạc, khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của Thánh đế khổ; hoặc ngã, vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của Thánh đế khổ và cái danh ngã, vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của Thánh đế khổ; hoặc tịnh, bất tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của Thánh đế khổ và cái danh tịnh, bất tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của Thánh

đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của Thánh đế khổ; hoặc không, bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của Thánh đế khổ và cái danh không, bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của Thánh đế khổ; hoặc hữu tướng, vô tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của Thánh đế khổ và cái danh hữu tướng, vô tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của Thánh đế khổ; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của Thánh đế khổ và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch

tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế khổ; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế khổ và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của Thánh đế khổ; hoặc hữu vi, vô vi của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của Thánh đế khổ và cái danh hữu vi, vô vi của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của Thánh đế khổ; hoặc hữu

lậu, vô lậu của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của Thánh đế khổ và cái danh hữu lậu, vô lậu của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của Thánh đế khổ; hoặc sinh, diệt của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của Thánh đế khổ và cái danh sinh, diệt của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của Thánh đế khổ; hoặc thiện, chẳng phải thiện của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của Thánh đế khổ và cái danh thiện, chẳng phải thiện của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của Thánh đế khổ; hoặc hữu tội, vô tội của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của Thánh đế khổ và cái danh hữu tội, vô tội của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô

tội của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của Thánh đế khổ; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của Thánh đế khổ và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của Thánh đế khổ; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của Thánh đế khổ và cái danh thế gian, xuất thế gian của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của Thánh đế khổ; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của Thánh đế khổ và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại

Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của Thánh đế khổ; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của Thánh đế khổ và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của Thánh đế khổ; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của Thánh đế khổ và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của Thánh đế khổ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của Thánh đế khổ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của Thánh đế khổ; hoặc đạt được, chẳng đạt được của Thánh đế tập, diệt, đạo, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của Thánh đế khổ và cái danh đạt được, chẳng đạt được của Thánh đế tập, diệt, đạo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của Thánh đế khổ

là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của Thánh đế tập, diệt, đạo là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như bốn Tĩnh lự, hoặc bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của bốn Tĩnh lự và cái danh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của bốn Tĩnh lự; hoặc thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của bốn Tĩnh lự và cái danh thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của bốn Tĩnh lự; hoặc lạc, hoặc khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của bốn Tĩnh lự và cái danh lạc, khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại

Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của bốn Tĩnh lự; hoặc ngã, vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của bốn Tĩnh lự và cái danh ngã, vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của bốn Tĩnh lự; hoặc tịnh, bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của bốn Tĩnh lự và cái danh tịnh, bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của bốn Tĩnh lự; hoặc không, bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của bốn Tĩnh lự và cái danh không, bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của bốn Tĩnh lự; hoặc hữu tướng, vô tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không

thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của bốn Tĩnh lự và cái danh hữu tướng, vô tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của bốn Tĩnh lự; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của bốn Tĩnh lự và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa,

chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của bốn Tĩnh lự; hoặc hữu vi, vô vi của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của bốn Tĩnh lự và cái danh hữu vi, vô vi của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của bốn Tĩnh lự; hoặc hữu lậu, vô lậu của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của bốn Tĩnh lự và cái danh hữu lậu, vô lậu của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của bốn Tĩnh lự; hoặc sinh, diệt của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của bốn Tĩnh lự và cái danh sinh, diệt của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của bốn Tĩnh lự; hoặc thiện, chẳng phải thiện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của bốn Tĩnh lự và cái danh thiện, chẳng phải thiện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của bốn Tĩnh lự; hoặc hữu tội, vô tội của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của bốn Tĩnh lự và cái danh hữu tội, vô tội của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của bốn Tĩnh lự; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của bốn Tĩnh lự và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế

gian, hoặc xuất thế gian của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn Tĩnh lự; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của bốn Tĩnh lự và cái danh thế gian, xuất thế gian của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của bốn Tĩnh lự; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của bốn Tĩnh lự và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bốn Tĩnh lự; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bốn Tĩnh lự và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong,

ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bốn Tĩnh lự; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bốn Tĩnh lự và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của bốn Tĩnh lự chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của bốn Tĩnh lự; hoặc đạt được, chẳng đạt được của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của bốn Tĩnh lự và cái danh đạt được, chẳng đạt được của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của bốn Tĩnh lự là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như tám Giải thoát, hoặc tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của tám Giải thoát và cái danh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh

thường, vô thường của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của tám Giải thoát; hoặc thường, vô thường của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của tám Giải thoát và cái danh thường, vô thường của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của tám Giải thoát; hoặc lạc, hoặc khổ của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của tám Giải thoát và cái danh lạc, khổ của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của tám Giải thoát; hoặc ngã, vô ngã của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của tám Giải thoát và cái danh ngã, vô ngã của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 31

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (21)

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của tám Giải thoát; hoặc tịnh, bất tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của tám Giải thoát và cái danh tịnh, bất tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của tám Giải thoát; hoặc không, bất không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của tám Giải thoát và cái danh không, bất không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của tám Giải thoát; hoặc hữu tướng, vô tướng của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của tám Giải thoát và cái danh hữu tướng, vô tướng của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của tám Giải thoát; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của tám Giải thoát và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tám Giải thoát; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tám Giải thoát và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười

Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của tám Giải thoát; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của tám Giải thoát và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của tám Giải thoát; hoặc hữu vi, vô vi của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của tám Giải thoát và cái danh hữu vi, vô vi của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của tám Giải thoát; hoặc hữu lậu, vô lậu của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của tám Giải thoát và cái danh hữu lậu, vô lậu của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của tám Giải thoát; hoặc sinh, diệt của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của tám Giải thoát và cái danh sinh, diệt của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của tám Giải thoát; hoặc thiện, chẳng phải thiện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của tám Giải thoát và cái danh thiện, chẳng phải thiện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của tám Giải thoát; hoặc hữu tội, vô tội của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của tám Giải thoát và cái danh hữu tội, vô tội của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của tám Giải thoát; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của tám Giải thoát và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của tám Giải thoát; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của tám Giải thoát và cái danh thế gian, xuất thế gian của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của tám Giải thoát; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của tám Giải thoát và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của tám Giải thoát chẳng phải là Đại

Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của tám Giải thoát; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của tám Giải thoát và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của tám Giải thoát; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của tám Giải thoát và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của tám Giải thoát chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của tám Giải thoát; hoặc đạt được, chẳng đạt được của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của tám Giải thoát và cái danh đạt được, chẳng đạt được của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của tám Giải thoát là Đại Bồ-tát; chính cái

danh đạt được, chẳng đạt được của tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như pháp môn giải thoát Không, hoặc pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của pháp môn giải thoát Không và cái danh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của pháp môn giải thoát Không; hoặc thường, vô thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của pháp môn giải thoát Không và cái danh thường, vô thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của pháp môn giải thoát Không; hoặc lạc, hoặc khổ của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của pháp môn giải thoát Không và cái danh lạc, khổ của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp môn giải thoát Vô

tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của pháp môn giải thoát Không; hoặc ngã, vô ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của pháp môn giải thoát Không và cái danh ngã, vô ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của pháp môn giải thoát Không; hoặc tịnh, bất tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của pháp môn giải thoát Không và cái danh tịnh, bất tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của pháp môn giải thoát Không; hoặc không, bất không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của pháp môn giải thoát Không và cái danh không, bất không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là

Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của pháp môn giải thoát Không; hoặc hữu tướng, vô tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của pháp môn giải thoát Không và cái danh hữu tướng, vô tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của pháp môn giải thoát Không; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của pháp môn giải thoát Không và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái

danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Không; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Không và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của pháp môn giải thoát Không; hoặc hữu vi, vô vi của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của pháp môn giải thoát Không và cái danh hữu vi, vô vi của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của pháp môn giải thoát Không; hoặc hữu lậu, vô lậu của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của pháp môn giải thoát Không và cái danh hữu lậu, vô lậu của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh

này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của pháp môn giải thoát Không; hoặc sinh, diệt của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của pháp môn giải thoát Không và cái danh sinh, diệt của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của pháp môn giải thoát Không; hoặc thiện, chẳng phải thiện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của pháp môn giải thoát Không và cái danh thiện, chẳng phải thiện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của pháp môn giải thoát Không; hoặc hữu tội, vô tội của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của pháp môn giải thoát Không và cái danh hữu tội, vô tội của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng

có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của pháp môn giải thoát Không; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp môn giải thoát Không và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn giải thoát Không; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của pháp môn giải thoát Không và cái danh thế gian, xuất thế gian của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp môn giải thoát Không; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp môn giải thoát Không và

cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp môn giải thoát Không; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp môn giải thoát Không và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp môn giải thoát Không; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp môn giải thoát Không và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của pháp môn giải thoát Không chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của pháp môn giải thoát

Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của pháp môn giải thoát Không; hoặc đạt được, chẳng đạt được của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp môn giải thoát Không và cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của pháp môn giải thoát Không là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như pháp môn Đà-la-ni, hoặc pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của pháp môn Đà-la-ni và cái danh của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của pháp môn Đà-la-ni; hoặc thường, vô thường của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của pháp môn Đà-la-ni và cái danh thường, vô thường của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của pháp môn Đà-la-ni; hoặc lạc, hoặc khổ của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của pháp môn

Đà-la-ni và cái danh lạc, khổ của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của pháp môn Đà-la-ni; hoặc ngã, vô ngã của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của pháp môn Đà-la-ni và cái danh ngã, vô ngã của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của pháp môn Đà-la-ni; hoặc tịnh, bất tịnh của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của pháp môn Đà-la-ni và cái danh tịnh, bất tịnh của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của pháp môn Đà-la-ni; hoặc không, bất không của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của pháp môn Đà-la-ni và cái danh không, bất không của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của pháp môn Đà-la-ni; hoặc hữu tướng, vô tướng của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của pháp môn Đà-la-ni và cái danh hữu tướng, vô tướng của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của pháp môn Đà-la-ni; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của pháp môn Đà-la-ni và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn Đà-la-ni; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn Đà-la-ni và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa,

hoặc chẳng xa lìa của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn Đà-la-ni; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn Đà-la-ni và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của pháp môn Đà-la-ni; hoặc hữu vi, vô vi của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của pháp môn Đà-la-ni và cái danh hữu vi, vô vi của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của pháp môn Đà-la-ni; hoặc hữu lậu, vô lậu của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của pháp môn Đà-la-ni và cái danh hữu lậu, vô lậu của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của pháp môn Đà-la-ni; hoặc sinh,

diệt của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của pháp môn Đà-la-ni và cái danh sinh, diệt của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của pháp môn Đà-la-ni; hoặc thiện, chẳng phải thiện của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của pháp môn Đà-la-ni và cái danh thiện, chẳng phải thiện của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của pháp môn Đà-la-ni; hoặc hữu tội, vô tội của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của pháp môn Đà-la-ni và cái danh hữu tội, vô tội của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 32

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (22)

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của pháp môn Đà-la-ni; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp môn Đà-la-ni và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn Đà-la-ni; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của pháp môn Đà-la-ni và cái danh thế gian, xuất thế gian của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp môn Đà-la-ni; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp môn Đà-la-ni và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp môn Đà-la-ni; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp môn Đà-la-ni và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp môn Tam-ma-địa chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp môn Đà-la-ni; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp môn Đà-la-ni và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của pháp môn Đà-la-ni chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh được, chẳng đạt được của pháp môn Tam-ma-địa

chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của pháp môn Đà-la-ni; hoặc đạt được, chẳng đạt được của pháp môn Tam-ma-địa, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp môn Đà-la-ni và cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp môn Tam-ma-địa! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của pháp môn Đà-la-ni là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp môn Tam-ma-địa là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như bậc Cực hỷ, hoặc bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của bậc Cực hỷ và cái danh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của bậc Cực hỷ; hoặc thường, vô thường của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của bậc Cực hỷ và cái danh thường, vô thường của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của bậc Cực hỷ; hoặc lạc, hoặc

khổ của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của bậc Cực hỷ và cái danh lạc, khổ của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của bậc Cực hỷ; hoặc ngã, vô ngã của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của bậc Cực hỷ và cái danh ngã, vô ngã của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của bậc Cực hỷ; hoặc tịnh, bất tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của bậc Cực hỷ và cái danh tịnh, bất tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của bậc Cực hỷ; hoặc không, bất không của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của bậc Cực hỷ và cái danh không, bất không của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh

không, hoặc bất không của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của bậc Cực hỷ; hoặc hữu tướng, vô tướng của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của bậc Cực hỷ và cái danh hữu tướng, vô tướng của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của bậc Cực hỷ; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của bậc Cực hỷ và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bậc Cực hỷ; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bậc Cực hỷ và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bậc Cực

hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của bậc Cực hỷ; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của bậc Cực hỷ và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của bậc Cực hỷ; hoặc hữu vi, vô vi của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của bậc Cực hỷ và cái danh hữu vi, vô vi của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của bậc Cực hỷ; hoặc hữu lậu, vô lậu của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của bậc Cực hỷ và cái danh hữu lậu, vô lậu của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh,

hoặc diệt của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của bậc Cực hỷ; hoặc sinh, diệt của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của bậc Cực hỷ và cái danh sinh, diệt của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của bậc Cực hỷ; hoặc thiện, chẳng phải thiện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của bậc Cực hỷ và cái danh thiện, chẳng phải thiện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của bậc Cực hỷ; hoặc hữu tội, vô tội của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của bậc Cực hỷ và cái danh hữu tội, vô tội của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của bậc Cực hỷ;

hoặc hữu phiền não, vô phiền não của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của bậc Cực hỷ và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của bậc Cực hỷ; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của bậc Cực hỷ và cái danh thế gian, xuất thế gian của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của bậc Cực hỷ; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của bậc Cực hỷ và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bậc Cực hỷ; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bậc Ly cấu cho đến

bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bậc Cực hỷ và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bậc Cực hỷ; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bậc Cực hỷ và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của bậc Cực hỷ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh được, chẳng đạt được của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của bậc Cực hỷ; hoặc đạt được, chẳng đạt được của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của bậc Cực hỷ và cái danh đạt được, chẳng đạt được của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của bậc Cực hỷ là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như năm loại mắt, hoặc sáu phép thần thông, rốt

cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của năm loại mắt và cái danh của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của năm loại mắt; hoặc thường, vô thường của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của năm loại mắt và cái danh thường, vô thường của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của năm loại mắt; hoặc lạc, hoặc khổ của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của năm loại mắt và cái danh lạc, khổ của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của năm loại mắt; hoặc ngã, vô ngã của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của năm loại mắt và cái danh ngã, vô ngã của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của năm loại mắt; hoặc tịnh, bất

tịnh của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của năm loại mắt và cái danh tịnh, bất tịnh của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của năm loại mắt; hoặc không, bất không của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của năm loại mắt và cái danh không, bất không của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của năm loại mắt; hoặc hữu tướng, vô tướng của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của năm loại mắt và cái danh hữu tướng, vô tướng của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của năm loại mắt; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của năm loại mắt và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái

danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của năm loại mắt; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của năm loại mắt và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của năm loại mắt; hoặc hữu vi, vô vi của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của năm loại mắt và cái danh hữu vi, vô vi của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu

lậu, hoặc vô lậu của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của năm loại mắt; hoặc hữu lậu, vô lậu của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của năm loại mắt và cái danh hữu lậu, vô lậu của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của năm loại mắt; hoặc sinh, diệt của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của năm loại mắt và cái danh sinh, diệt của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của năm loại mắt; hoặc thiện, chẳng phải thiện của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của sắc xứ và cái danh thiện, chẳng phải thiện của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của năm loại mắt; hoặc hữu tội, vô tội của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của năm loại mắt và cái danh hữu tội, vô tội của sáu phép thần thông! Các danh này đã

chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của năm loại mắt; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của năm loại mắt và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của năm loại mắt; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của năm loại mắt và cái danh thế gian, xuất thế gian của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của năm loại mắt; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của năm loại mắt và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh

tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của năm loại mắt; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của năm loại mắt và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của năm loại mắt; hoặc ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của năm loại mắt và cái danh ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ở ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của sáu phép thần thông là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của năm loại mắt chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh được, chẳng đạt được của sáu phép thần thông chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của năm loại mắt; hoặc đạt được, chẳng đạt được của sáu phép thần thông, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của năm loại mắt và cái danh đạt được, chẳng đạt được của sáu phép thần thông! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của năm loại mắt là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của sáu phép thần thông

là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như mười lực của Phật, hoặc bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh nơi mười lực của Phật và cái danh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường nơi mười lực của Phật; hoặc thường, vô thường của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường nơi mười lực của Phật và cái danh thường, vô thường của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ nơi mười lực của Phật; hoặc lạc, hoặc khổ của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ nơi mười lực của Phật và cái danh lạc, khổ của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp

Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã nơi mười lực của Phật; hoặc ngã, vô ngã của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã nơi mười lực của Phật và cái danh ngã, vô ngã của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh nơi mười lực của Phật; hoặc tịnh, bất tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh nơi mười lực của Phật và cái danh tịnh, bất tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không nơi mười lực của Phật; hoặc không, bất không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng

chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không nơi mười lực của Phật và cái danh không, bất không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng nơi mười lực của Phật; hoặc hữu tướng, vô tướng của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng nơi mười lực của Phật và cái danh hữu tướng, vô tướng của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 33

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (23)

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện nơi mười lực của Phật; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện nơi mười lực của Phật và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh

tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi nơi mười lực của Phật; hoặc hữu vi, vô vi của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi nơi mười lực của Phật và cái danh hữu vi, vô vi của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu nơi mười lực của Phật; hoặc hữu lậu, vô lậu của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu nơi mười lực của Phật

và cái danh hữu lậu, vô lậu của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt nơi mười lực của Phật; hoặc sinh, diệt của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt nơi mười lực của Phật và cái danh sinh, diệt của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện nơi mười lực của Phật; hoặc thiện, chẳng phải thiện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện nơi mười lực của Phật và cái danh thiện, chẳng phải thiện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội nơi mười lực của Phật; hoặc hữu tội, vô tội của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội nơi mười lực của Phật và cái danh hữu tội, vô tội của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não nơi mười lực của Phật; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não nơi mười lực của Phật và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian nơi mười lực của Phật; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian nơi mười lực của Phật và cái danh thế gian, xuất thế gian của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế

gian, hoặc xuất thế gian nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh nơi mười lực của Phật; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh nơi mười lực của Phật và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn nơi mười lực của Phật; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn nơi mười lực của Phật và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bốn điều

không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài nơi mười lực của Phật; hoặc ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài nơi mười lực của Phật và cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được nơi mười lực của Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được nơi mười lực của Phật; hoặc đạt được, chẳng đạt được của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được nơi mười lực của Phật và cái danh đạt được, chẳng đạt được của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được nơi mười lực của Phật là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như đại Từ, hoặc đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của đại Từ; hoặc thường, vô thường của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của đại Từ và cái danh thường, vô thường của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của đại Từ; hoặc lạc, hoặc khổ của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của đại Từ và cái danh lạc, khổ của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của đại Từ; hoặc ngã, vô ngã của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của đại Từ và cái danh ngã, vô ngã của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của đại Từ; hoặc tịnh, bất tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của đại Từ và cái danh tịnh, bất tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-

tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của đại Từ; hoặc không, bất không của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của đại Từ và cái danh không, bất không của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của đại Từ; hoặc hữu tướng, vô tướng của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của đại Từ và cái danh hữu tướng, vô tướng của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của đại Từ; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của đại Từ và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải

là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của đại Từ; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của đại Từ và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của đại Từ; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của đại Từ và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của đại Từ; hoặc hữu vi, vô vi của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của đại Từ và cái danh hữu vi, vô vi của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của đại Từ; hoặc hữu lậu, vô lậu của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của đại Từ và cái danh hữu lậu, vô lậu của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của đại Từ là Đại

Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của đại Từ; hoặc sinh, diệt của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của đại Từ và cái danh sinh, diệt của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của đại Từ; hoặc thiện, chẳng phải thiện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của đại Từ và cái danh thiện, chẳng phải thiện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của đại Từ; hoặc hữu tội, vô tội của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của đại Từ và cái danh hữu tội, vô tội của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của đại Từ; hoặc

hữu phiền não, vô phiền não của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của đại Từ và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của đại Từ; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của đại Từ và cái danh thế gian, xuất thế gian của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của đại Từ; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của sắc xứ và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của đại Từ; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của đại Từ và cái danh thuộc về

sinh tử, thuộc về Niết-bàn của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của đại Từ; hoặc ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của đại Từ và cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của đại Từ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của đại Từ; hoặc đạt được, chẳng đạt được của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của đại Từ và cái danh đạt được, chẳng đạt được của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của đại Từ là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như ba mươi hai tướng Đại sĩ, hoặc tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc thường, vô thường của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh thường, vô thường của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc lạc, hoặc khổ của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh lạc, khổ của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc ngã, vô ngã của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh ngã, vô ngã của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng

phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc tịnh, bất tịnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh tịnh, bất tịnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc không, bất không của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh không, bất không của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc hữu tướng, vô tướng của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc hãy còn chẳng thể nắm bắt được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh hữu tướng, vô tướng của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của ba mươi hai tướng

Đại sĩ; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc hữu vi, vô vi của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể

được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh hữu vi, vô vi của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc hữu lậu, vô lậu của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh hữu lậu, vô lậu của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc sinh, diệt của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh sinh, diệt của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc thiện, chẳng phải thiện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh thiện, chẳng phải thiện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng

có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc hữu tội, vô tội của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh hữu tội, vô tội của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 34

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (24)

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh thế gian, xuất thế gian của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của tám mươi vẻ đẹp

kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của ba mươi hai tướng Đại sĩ chẳng phải là

Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của tám mươi vẻ đẹp kèm theo chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của ba mươi hai tướng Đại sĩ; hoặc đạt được, chẳng đạt được của tám mươi vẻ đẹp kèm theo, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của ba mươi hai tướng Đại sĩ và cái danh đạt được, chẳng đạt được của tám mươi vẻ đẹp kèm theo! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của ba mươi hai tướng Đại sĩ là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của tám mươi vẻ đẹp kèm theo là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như pháp không quên mất, hoặc tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của pháp không quên mất và cái danh của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của pháp không quên mất; hoặc thường, vô thường của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của pháp không quên mất và cái danh thường, vô thường của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của pháp không quên mất; hoặc lạc, hoặc khổ của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của pháp không quên mất và cái danh lạc, khổ của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có,

làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của pháp không quên mất; hoặc ngã, vô ngã của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của pháp không quên mất và cái danh ngã, vô ngã của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của pháp không quên mất; hoặc tịnh, bất tịnh của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của pháp không quên mất và cái danh tịnh, bất tịnh của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của pháp không quên mất; hoặc không, bất không của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của pháp không quên mất và cái danh không, bất không của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu

tướng, hoặc vô tướng của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của pháp không quên mất; hoặc hữu tướng, vô tướng của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của pháp không quên mất và cái danh hữu tướng, vô tướng của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của pháp không quên mất; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của pháp không quên mất và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp không quên mất; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp không quên mất và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát;

chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của pháp không quên mất; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của pháp không quên mất và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của pháp không quên mất; hoặc hữu vi, vô vi của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của pháp không quên mất và cái danh hữu vi, vô vi của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của pháp không quên mất; hoặc hữu lậu, vô lậu của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của pháp không quên mất và cái danh hữu lậu, vô lậu của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của pháp không quên mất; hoặc sinh, diệt của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của pháp không quên mất và

cái danh sinh, diệt của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của pháp không quên mất; hoặc thiện, chẳng phải thiện của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của pháp không quên mất và cái danh thiện, chẳng phải thiện của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của pháp không quên mất; hoặc hữu tội, vô tội của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của pháp không quên mất và cái danh hữu tội, vô tội của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của pháp không quên mất; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của pháp không quên mất và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não

của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp không quên mất; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của pháp không quên mất và cái danh thế gian, xuất thế gian của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp không quên mất; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của pháp không quên mất và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp không quên mất; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của pháp không quên mất và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát;

chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của pháp không quên mất; hoặc ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của pháp không quên mất và cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của pháp không quên mất chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của tánh luôn luôn xả chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của pháp không quên mất; hoặc đạt được, chẳng đạt được của tánh luôn luôn xả, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của pháp không quên mất và cái danh đạt được, chẳng đạt được của tánh luôn luôn xả! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của pháp không quên mất là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của tánh luôn luôn xả là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, như trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường,

vô thường của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của trí Nhất thiết; hoặc thường, vô thường của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của trí Nhất thiết và cái danh thường, vô thường của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của trí Nhất thiết; hoặc lạc, hoặc khổ của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của trí Nhất thiết và cái danh lạc, khổ của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của trí Nhất thiết; hoặc ngã, vô ngã của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của trí Nhất thiết và cái danh ngã, vô ngã của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của trí Nhất thiết; hoặc tịnh, bất tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của trí Nhất thiết và cái danh tịnh, bất tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của trí Nhất thiết; hoặc không, bất không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của trí Nhất thiết và cái danh không, bất không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của trí Nhất thiết; hoặc hữu tướng, vô tướng của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của trí Nhất thiết và cái danh hữu tướng, vô tướng của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của trí Nhất thiết; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc

không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của trí Nhất thiết và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của trí Nhất thiết; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của trí Nhất thiết và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của trí Nhất thiết; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của trí Nhất thiết và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của trí Nhất thiết; hoặc hữu vi, vô vi của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của trí Nhất

thiết và cái danh hữu vi, vô vi của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của trí Nhất thiết; hoặc hữu lậu, vô lậu của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của trí Nhất thiết và cái danh hữu lậu, vô lậu của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của trí Nhất thiết; hoặc sinh, diệt của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của trí Nhất thiết và cái danh sinh, diệt của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của trí Nhất thiết; hoặc thiện, chẳng phải thiện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của trí Nhất thiết và cái danh thiện, chẳng phải thiện của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của trí Đạo

tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính ái danh hữu tội, hoặc vô tội của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của trí Nhất thiết; hoặc hữu tội, vô tội của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của trí Nhất thiết và cái danh hữu tội, vô tội của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của trí Nhất thiết; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của trí Nhất thiết và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của trí Nhất thiết; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của trí Nhất thiết và cái danh thế gian, xuất thế gian của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp

nhiễm, hoặc thanh tịnh của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của trí Nhất thiết; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của trí Nhất thiết và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của trí Nhất thiết; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của trí Nhất thiết và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của trí Nhất thiết; hoặc ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của trí Nhất thiết và cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của trí Nhất thiết chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của trí Nhất thiết; hoặc đạt được, chẳng đạt được của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của trí Nhất thiết và cái danh đạt được, chẳng đạt được của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của trí Nhất thiết là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

– Bạch Thế Tôn, như quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thường, vô thường của quả Dự lưu; hoặc thường, vô thường của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của quả Dự lưu, cái danh thường, vô thường của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh thường, vô thường của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như lạc, hoặc khổ của quả Dự lưu; hoặc lạc, hoặc khổ của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của quả Dự lưu và cái danh lạc, khổ của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh lạc hoặc khổ của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ngã, vô ngã của quả Dự lưu; hoặc ngã, vô ngã của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của quả Dự lưu và cái danh ngã, vô ngã của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 35

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (25)

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịnh, bất tịnh của quả Dự lưu; hoặc tịnh, bất tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của quả Dự lưu và cái danh tịnh, bất tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như không, bất không của quả Dự lưu; hoặc không, bất không của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của quả Dự lưu và cái danh không, bất không của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh không, hoặc bất không của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tướng, vô tướng của quả Dự lưu; hoặc

hữu tướng, vô tướng của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của quả Dự lưu và cái danh hữu tướng, vô tướng của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu nguyện, vô nguyện của quả Dự lưu; hoặc hữu nguyện, vô nguyện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của quả Dự lưu và cái danh hữu nguyện, vô nguyện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của quả Dự lưu; hoặc tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của quả Dự lưu và cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như xa lìa, chẳng xa lìa của quả Dự lưu; hoặc xa lìa, chẳng xa lìa của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc

không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của quả Dự lưu và cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu vi, vô vi của quả Dự lưu; hoặc hữu vi, vô vi của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của quả Dự lưu và cái danh hữu vi, vô vi của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu lậu, vô lậu của quả Dự lưu; hoặc hữu lậu, vô lậu của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của quả Dự lưu và cái danh hữu lậu, vô lậu của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như sinh, diệt của quả Dự lưu; hoặc sinh, diệt của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của quả Dự lưu và cái danh sinh, diệt của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh

này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh sinh, hoặc diệt của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thiện, chẳng phải thiện của quả Dự lưu; hoặc thiện, chẳng phải thiện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của quả Dự lưu và cái danh thiện, chẳng phải thiện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu tội, vô tội của quả Dự lưu; hoặc hữu tội, vô tội của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của quả Dự lưu và cái danh hữu tội, vô tội của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như hữu phiền não, vô phiền não của quả Dự lưu; hoặc hữu phiền não, vô phiền não của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của quả Dự lưu và cái danh hữu phiền não, vô phiền não của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não,

hoặc vô phiền não của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thế gian, hoặc xuất thế gian của quả Dự lưu; hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của quả Dự lưu và cái danh thế gian, xuất thế gian của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như tạp nhiễm, thanh tịnh của quả Dự lưu; hoặc tạp nhiễm, thanh tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của quả Dự lưu và cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của quả Dự lưu; hoặc thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của quả Dự lưu và cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói

chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của quả Dự lưu; hoặc ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của quả Dự lưu và cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của quả Dự lưu chẳng phải là Đại Bồ-tát; chính cái đạt được, chẳng đạt được của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, như đạt được, chẳng đạt được của quả Dự lưu; hoặc đạt được, chẳng đạt được của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của quả Dự lưu và cái danh đạt được, chẳng đạt được của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của quả Dự lưu là Đại Bồ-tát; chính cái danh đạt được, chẳng đạt được của các quả vị Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của quả vị Độc giác! Danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thường, vô thường của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, lạc, hoặc khổ của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, ngã, vô ngã nơi quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tịnh, bất tịnh của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, không, bất không của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, vô tướng của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu tướng, vô tướng của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu nguyện, vô nguyện của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, xa lìa, chẳng xa lìa của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu vi, vô vi của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu lậu, vô lậu của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, sinh, diệt của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể

được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thiện, chẳng phải thiện của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu tội, vô tội của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu phiền não, vô phiền não của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thế gian, hoặc xuất thế gian của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tạp nhiễm, thanh tịnh của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của quả vị Độc giác chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Bạch Thế Tôn, đạt được, chẳng đạt được của quả vị Độc giác, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của quả vị Độc giác! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của quả vị Độc giác là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thường, vô thường của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, lạc, hoặc khổ của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, ngã, vô ngã tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tịnh, bất tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không, hoặc bất không của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, không, bất không của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu tướng, vô tướng của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-

tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu nguyện, vô nguyện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, xa lìa, chẳng xa lìa của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu vi, vô vi của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu lậu, vô lậu của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, sinh, diệt của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thiện, chẳng phải thiện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu tội, vô tội của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu phiền não, vô phiền não của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thế gian, hoặc xuất thế gian của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp

nhiễm, hoặc thanh tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tạp nhiễm, thanh tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, ở trong, ở ngoài, ở cả trong ngoài của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của tất cả hạnh Đại Bồ-tát chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, đạt được, chẳng đạt được của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được của tất cả hạnh Đại Bồ-tát! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được của tất cả hạnh Đại Bồ-tát là Đại Bồ-tát.

–Lại nữa Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh nơi

quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thường, vô thường nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thường, vô thường nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thường, vô thường nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thường, vô thường nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh lạc hoặc khổ nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, lạc, hoặc khổ nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh lạc, khổ nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh lạc hoặc khổ nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, ngã, vô ngã quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ngã, vô ngã nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ngã, hoặc vô ngã nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tịnh, bất tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịnh, bất tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịnh, hoặc bất tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh không,

hoặc bất không nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, không, bất không nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh không, bất không nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh không, hoặc bất không nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu tướng, vô tướng nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tướng, vô tướng nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tướng, hoặc vô tướng nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu nguyện, vô nguyện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu nguyện, vô nguyện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu nguyện, hoặc vô nguyện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tịch tĩnh, hoặc chẳng tịch tĩnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, xa lìa, chẳng xa lìa nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh xa lìa, chẳng xa lìa nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh xa lìa, hoặc chẳng xa lìa nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 36

PHẨM 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (26)

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu vi, vô vi nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu vi, vô vi nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu vi, hoặc vô vi nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu lậu, vô lậu nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu lậu, vô lậu nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu lậu, hoặc vô lậu nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh sinh, hoặc diệt nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, sinh, diệt nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh sinh, diệt nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh sinh, hoặc diệt nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thiện, chẳng phải thiện nơi quả vị Giác ngộ cao tột

của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thiện, chẳng phải thiện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thiện, hoặc chẳng phải thiện nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu tội, vô tội nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu tội, vô tội nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu tội, hoặc vô tội nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh hữu phiền não, vô phiền não nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, hữu phiền não, vô phiền não nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh hữu phiền não, vô phiền não nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh hữu phiền não, hoặc vô phiền não nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thế gian, hoặc xuất thế gian nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thế gian, xuất thế gian nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thế gian, hoặc xuất thế gian nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, tạp nhiễm, thanh tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh tạp nhiễm, thanh tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư

Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh thuộc về sinh tử, hoặc thuộc về Niết-bàn nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Thiện Hiện, ông quán nơi nghĩa nào mà nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng phải là Đại Bồ-tát?

–Bạch Thế Tôn, đạt được, chẳng đạt được nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật, rốt cuộc không thể được, vì tánh của chúng chẳng có, huống chi có cái danh đạt được, chẳng đạt được nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật! Các danh này đã chẳng có, làm sao có thể nói chính cái danh đạt được, hoặc chẳng đạt được nơi quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật là Đại Bồ-tát.

–Bạch Thế Tôn, sắc... các pháp và danh; các pháp thường, vô thường... kia, đã không thể được, mà nói là cái danh của sắc... các pháp và cái danh nơi các pháp thường, vô thường... của sắc là Đại Bồ-tát, là điều không có được.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Hay thay, hay thay! Đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói! Thiện Hiện, vì sắc... các pháp và các pháp thường, vô thường... kia không thể

được, nên cái danh của sắc... các pháp, cái danh các pháp thường, vô thường... kia cũng không thể được; vì pháp và danh không thể được, nên Đại Bồ-tát cũng không thể được; vì Đại Bồ-tát không thể được, nên việc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không thể được.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học như vậy!

Lại nữa Thiện Hiện, trước đây, ông đã nói con không thấy có pháp nào có thể gọi là Đại Bồ-tát. Đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói! Thiện Hiện, các pháp không thấy các pháp; các pháp không thấy pháp giới; pháp giới không thấy các pháp; pháp giới không thấy pháp giới. Thiện Hiện, pháp giới không thấy sắc giới; sắc giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy thọ, tưởng, hành, thức giới; thọ, tưởng, hành, thức giới không thấy pháp giới.

Thiện Hiện, pháp giới không thấy nhãn xứ giới; nhãn xứ giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ giới; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy sắc xứ giới; sắc xứ giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ giới; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ giới không thấy pháp giới.

Thiện Hiện, pháp giới không thấy nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới không thấy pháp giới; pháp giới không thấy tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy thân giới, xúc giới, thân thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy ý giới, pháp giới, ý thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới không thấy pháp giới.

Thiện Hiện, pháp giới không thấy địa giới; địa giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy thủy, hỏa, phong, không, thức giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thấy pháp giới.

Thiện Hiện, pháp giới không thấy Thánh đế khổ giới; Thánh đế khổ giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy Thánh đế tập, diệt, đạo giới; Thánh đế tập, diệt, đạo giới không thấy pháp giới.

Thiện Hiện, pháp giới không thấy vô minh giới; vô minh giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc,

thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não giới; hành... cho đến lão tử, sầu, than, khổ, ưu não giới không thấy pháp giới.

Thiện Hiện, pháp giới không thấy dục giới; dục giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy sắc, vô sắc giới; sắc, vô sắc giới không thấy pháp giới.

Thiện Hiện, hữu vi giới không thấy vô vi giới; vô vi giới không thấy hữu vi giới. Vì sao thế? Thiện Hiện, vì không xa lìa hữu vi mà thiết lập vô vi; chẳng xa lìa vô vi mà thiết lập hữu vi.

Thiện Hiện, như vậy khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp, đều không có cái thấy. Khi đối với tất cả các pháp, không có cái thấy, thì tâm chẳng kinh hoàng, hãi hùng, sợ sệt; đối với tất cả pháp, tâm chẳng chìm đắm, cũng chẳng hề lo âu hối hận. Vì sao thế? Vì khi Đại Bồ-tát ấy tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không thấy nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; không thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; không thấy nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; không thấy nhĩ, thanh, nhĩ thức giới; không thấy tỷ, hương, tỷ thức giới; không thấy thiệt, vị, thiệt thức giới; không thấy thân, xúc, thân thức giới; không thấy ý, pháp, ý thức giới; không thấy địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới; không thấy Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo; không thấy vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; không thấy dục giới; không thấy sắc, vô sắc giới; không thấy hữu vi, vô vi; không thấy tham, sân, si, dứt bỏ tham, sân, si; không thấy ngã, các loài hữu tình, người sống, người sinh, người nuôi, cái ta, thân do ý sinh, tuổi trẻ, người làm, người sai làm, người nhận lãnh, người khiến nhận lãnh, người biết, người… thấy; không thấy Thanh văn, pháp Thanh văn; không thấy Độc giác, pháp Độc giác; không thấy Bồ-tát, pháp Bồ-tát; không thấy Phật, pháp Phật; không thấy quả vị Giác ngộ cao tột.

Thiện Hiện, như vậy Đại Bồ-tát ấy đối với tất cả pháp đều không thấy; khi đối với tất cả pháp đều không thấy thì tâm chẳng kinh hoàng, hãi hùng, sợ sệt; đối với tất cả pháp, tâm chẳng chìm đắm, lo âu, hối hận.

Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà Đại Bồ-tát ấy, đối với tất cả pháp, tâm chẳng chìm đắm, lo âu, hối hận?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy đối với tất cả tâm, tâm sở pháp không đắc, không thấy. Do nhân duyên này, nên Đại Bồ-tát ấy, đối với tất cả

pháp, tâm chẳng chìm đắm, lo âu, hối hận.

Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Đại Bồ-tát ấy, đối với tất cả pháp, tâm chẳng kinh hoàng, hãi hùng, sợ sệt?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy đối với tất cả ý giới, ý thức giới không đắc, không thấy. Vì vậy nên Đại Bồ-tát ấy đối với tất cả pháp, tâm chẳng kinh hoàng, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát, đối với tất cả pháp đều không có cái được, nên hành trì thuận hợp Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả xứ, chẳng đắc Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng đắc cái danh Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng đắc Bồ-tát, chẳng đắc cái danh Bồ-tát, chẳng đắc tâm Bồ-tát.

Thiện Hiện, nên dạy bảo, trao truyền như vậy cho các Đại Bồ-tát, khiến họ tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa một cách rốt ráo.

M

PHẨM 8: KHUYÊN HỌC

Bấy giờ, Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát muốn hoàn thành Bố thí ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn hoàn thành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn biết khắp các sắc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết khắp về thọ, tưởng, hành, thức, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn biết khắp về nhãn xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết khắp về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn biết rõ sắc xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết rõ thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhãn, sắc, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết rõ nhĩ, thanh, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết rõ tỷ, hương, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết rõ thiệt, vị, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết rõ thân, xúc, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết rõ ý, pháp, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn biết rõ địa giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết rõ thủy, hỏa, phong, không, thức giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn biết rõ Thánh đế khổ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết rõ Thánh đế tập, diệt, đạo, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn biết rõ vô minh, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa; Đại Bồ-tát muốn biết rõ hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn đoạn trừ vĩnh viễn tham, sân, si, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn đoạn trừ vĩnh viễn thân kiến, giới cấm thủ, nghi, dục, tham, sân hận, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn đoạn trừ vĩnh viễn tham sắc, tham vô sắc, vô minh, mạn, trạo cử, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não trói buộc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn đoạn trừ vĩnh viễn tứ thực *(bốn loại ăn)*, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn đoạn

trừ vĩnh viễn bốn dòng thác phiền não, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn vĩnh viễn đoạn trừ bốn sự ràng buộc thân, bốn điên đảo, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn đoạn trừ vĩnh viễn ba lậu, ba căn bất thiện, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn tu hành mười nghiệp đạo thiện, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn tu bốn Niệm trụ, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn tu bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn chứng đắc mười lực của Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn chứng đắc bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn chứng đắc sáu phép thần thông tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn chứng đắc bốn Tĩnh lự, bốn Định vô sắc, định diệt tận, siêu việt thứ lớp, thuận nghịch tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn thiền định đều được tự tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn chứng đắc đầy đủ các pháp định Giác chi, định Sư tử du hý, định Sư tử phấn tấn, định Sư tử tần thân, định Sư tử khiếm khư, định Kiên hành, định Bảo ấn, định Diệu nguyệt, định Nguyệt tràng tướng, định Nhất thiết pháp ấn, định Quán đảnh ấn, định Pháp giới quyết định, định Quyết định tràng tướng, định Kim cang dụ, định Nhập nhất thiết pháp ấn, định An trụ định vương, định Vương ấn, định tinh tấn lực, định Đẳng dũng, định Nhập nhất thiết ngôn từ quyết định, định Nhập nhất thiết danh tự quyết định, định Quán phương, định Đà-la-ni ấn, định Vô vong thất, định Chư pháp đẳng thú hải ấn, định Biến phú hư không, định Tam luân thanh tịnh, định Thú hướng bất thoái chuyển thần thông, định Khí trung dũng xuất, định Tối thắng tràng tướng, định Thiêu chư phiền não, định Hàng phục tứ ma, định Đại trí tuệ cự, định Xuất sinh thập lực... Đại Bồ-tát muốn chứng đắc vô lượng trăm ngàn pháp môn thiền định như vậy, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát muốn đáp ứng đầy đủ tâm nguyện của tất cả loài hữu tình, nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát muốn hoàn thành thiện căn thù thắng như vậy, do thiện căn này, vĩnh viễn chẳng đọa vào đường ác, chẳng sinh vào nhà bần tiện, chẳng rơi xuống bậc Thanh văn và Độc giác, ở bậc cao nhất của Bồ-tát, vĩnh viễn chẳng hề thoái chuyển, nên học

Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lúc ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Thế nào gọi là Bồ-tát đỉnh đọa?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu các Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo mà hành sáu phép Ba-la-mật, không có phương tiện thiện xảo mà trụ ba pháp môn giải thoát, thì rơi vào bậc Thanh văn, hoặc Độc giác, chẳng nhập nẻo Chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, như vậy gọi là Bồ-tát đỉnh đọa. Chính sự đỉnh đọa này cũng gọi là sinh.

Xá-lợi Tử liền hỏi tiếp:

–Vì duyên cớ gì mà Bồ-tát đỉnh đọa gọi là sinh?

Thiện Hiện đáp:

–Sinh có nghĩa là pháp ái. Nếu các Bồ-tát thuận theo đường pháp ái thì gọi là sinh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Vì sao gọi là Bồ-tát thuận theo đường pháp ái?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với sắc trụ vô tướng, mà khởi tưởng đắm trước, đối với thọ, tưởng, hành thức, trụ vô tướng, mà khởi tưởng đắm trước, đối với sắc, trụ vô tướng, mà khởi tưởng đắm trước, đối với thọ, tưởng, hành, thức, trụ vô tướng, mà khởi tưởng đắm trước; đối với sắc trụ vô nguyện, mà khởi tưởng đắm trước, đối với thọ, tưởng, hành, thức trụ vô nguyện, mà khởi tưởng đắm trước; đối với sắc, trụ vô thường, mà khởi tưởng đắm trước, đối với thọ, tưởng, hành, thức, trụ vô thường, mà khởi tưởng đắm trước; đối với sắc, trụ khổ, mà khởi tưởng đắm trước, đối với thọ, tưởng, hành, thức, trụ khổ, mà khởi tưởng đắm trước; đối với sắc, trụ vô ngã, mà khởi tưởng đắm trước; đối với thọ, tưởng, hành, thức, trụ vô ngã, mà khởi tưởng đắm trước; đối với sắc, trụ bất tịnh, mà khởi tưởng đắm trước, đối với thọ, tưởng, hành, thức, trụ bất tịnh, mà khởi tưởng đắm trước; đối với sắc trụ tịch tĩnh, mà khởi tưởng đắm trước, đối với thọ, tưởng, hành, thức, trụ tịch tĩnh, mà khởi tưởng đắm trước; đối với sắc, trụ nơi nẻo xa lìa, mà khởi tưởng đắm trước, đối với thọ, tưởng, hành, thức, trụ nơi nẻo xa lìa, mà khởi tưởng đắm trước, thì đó là Bồ-tát thuận theo đường pháp ái.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ rằng: Đây là sắc nên đoạn; đây là thọ, tưởng, hành, thức nên đoạn. Cho nên phải đoạn sắc;

cho nên phải đoạn thọ, tưởng, hành, thức. Đây là khổ nên biết rõ; cho nên phải biết rõ khổ. Đây là tập nên đoạn trừ vĩnh viễn; cho nên phải đoạn trừ vĩnh viễn tập. Đây là diệt nên chứng; cho nên phải chứng đạt diệt. Đây là đạo nên tu tập; cho nên phải tu tập đạo. Đây là tạp nhiễm, đây là thanh tịnh; đây nên gần gũi, chẳng nên gần gũi, đây nên làm, chẳng nên làm; đây là đạo, chẳng phải đạo; đây nên học, chẳng nên học; đây là Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa; là Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng phải là Tịnh giới ba-la-mật-đa; là An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng phải là An nhẫn ba-la-mật-đa; là Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng phải là Tinh tấn ba-la-mật-đa; là tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng phải là tĩnh lự ba-la-mật-đa; là Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng phải là Bát-nhã ba-la-mật-đa; là phương tiện thiện xảo, chẳng phải là phương tiện thiện xảo; là Bồ-tát sinh, là Bồ-tát ly sinh. Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, trụ nơi các pháp như thế mà sinh tưởng đắm trước, thì đó là Bồ-tát thuận theo đường pháp ái. Pháp ái như vậy gọi là sinh, như ăn đồ ăn cách đêm thì thường sinh bệnh hoạn.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát vào nẻo Chánh tánh ly sinh như thế nào?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy không bên trong, chẳng đợi pháp không bên trong mà quán pháp không bên ngoài; chẳng thấy pháp không bên ngoài, chẳng đợi pháp không bên ngoài mà quán pháp không bên trong; chẳng thấy pháp không cả trong ngoài, chẳng đợi pháp không cả trong ngoài mà quán pháp không bên ngoài; chẳng đợi pháp không cả trong ngoài mà quán pháp không không; chẳng thấy pháp không không, chẳng đợi pháp không không mà quán pháp không cả trong ngoài; chẳng đợi pháp không không mà quán pháp không lớn; chẳng thấy pháp không lớn, chẳng đợi pháp không lớn mà quán pháp không không; chẳng đợi pháp không lớn mà quán pháp không thắng nghĩa; chẳng thấy pháp không thắng nghĩa, chẳng đợi pháp không thắng nghĩa mà quán pháp không lớn; chẳng đợi pháp không thắng nghĩa mà quán pháp không hữu vi; chẳng thấy pháp không hữu vi, chẳng đợi pháp không hữu vi mà quán pháp không thắng nghĩa; chẳng đợi pháp không hữu vi mà quán pháp không vô vi; chẳng thấy pháp không vô vi, chẳng đợi pháp không vô vi mà quán pháp không hữu vi; chẳng đợi pháp không vô vi mà quán pháp không rốt ráo; chẳng thấy pháp không rốt ráo, chẳng đợi pháp không rốt ráo mà quán pháp không vô vi; chẳng đợi rốt

ráo không mà quán pháp không không biên giới; chẳng thấy pháp không không biên giới, chẳng đợi pháp không không biên giới mà quán pháp không rốt ráo; chẳng đợi pháp không không biên giới mà quán pháp không tản mạn; chẳng thấy pháp không tản mạn, chẳng đợi pháp không tản mạn mà quán pháp không không biên giới; chẳng đợi pháp không tản mạn mà quán pháp không không đổi khác; chẳng thấy pháp không không đổi khác, chẳng đợi pháp không không đổi khác mà quán pháp không tản mạn; chẳng đợi pháp không không đổi khác mà quán pháp không bản tánh; chẳng thấy pháp không bản tánh, chẳng đợi pháp không bản tánh mà quán pháp không không đổi khác; chẳng đợi pháp không bản tánh mà quán pháp không tự tướng; chẳng thấy pháp không tự tướng, chẳng đợi pháp không tự tướng mà quán pháp không bản tánh; chẳng đợi pháp không tự tướng mà quán pháp không cộng tướng; chẳng thấy pháp không cộng tướng, chẳng đợi pháp không cộng tướng mà quán pháp không tự tướng; chẳng đợi pháp không cộng tướng mà quán pháp không nơi tất cả pháp; chẳng thấy pháp không nơi tất cả pháp, chẳng đợi pháp không nơi tất cả pháp mà quán pháp không cộng tướng; chẳng đợi pháp không nơi tất cả pháp mà quán pháp không chẳng thể nắm bắt được; chẳng thấy pháp không chẳng thể nắm bắt được, chẳng đợi pháp không chẳng thể nắm bắt được mà quán pháp không nơi tất cả pháp; chẳng đợi pháp không chẳng thể nắm bắt được mà quán pháp không không tánh; chẳng thấy pháp không không tánh, chẳng đợi pháp không không tánh mà quán pháp không chẳng thể nắm bắt được; chẳng đợi pháp không không tánh mà quán pháp không tự tánh; chẳng thấy pháp không tự tánh, chẳng đợi pháp không tự tánh, mà quán pháp không không tánh; chẳng đợi pháp không tự tánh, mà quán pháp không không tánh tự tánh; chẳng thấy pháp không không tánh tự tánh, chẳng đợi pháp không không tánh tự tánh mà quán không tự tánh. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu quán như vậy, thì gọi là Bồ-tát vào nẻo Chánh tánh ly sinh.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học như thế này: Sắc nên biết, chẳng nên đắm trước; thọ, tưởng, hành, thức nên biết, chẳng nên đắm trước; cái danh của sắc nên biết, chẳng nên đắm trước; cái danh của thọ, tưởng, hành, thức nên biết, chẳng nên đắm trước; nhãn xứ nên biết, chẳng nên đắm trước, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ nên biết, chẳng nên đắm trước; cái danh nhãn xứ nên biết, chẳng nên đắm trước, cái danh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ nên biết, chẳng nên đắm trước; sắc xứ nên biết, chẳng nên đắm trước, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ nên biết chẳng nên đắm trước; cái danh sắc xứ nên biết, chẳng nên đắm trước,

cái danh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ nên biết, chẳng nên đắm trước; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước, cái danh nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước, cái danh nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước, cái danh tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước, cái danh thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước; thân giới, xúc giới, thân thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước, cái danh thân giới, xúc giới, thân thức giới nên biết chẳng nên đắm trước; ý giới, pháp giới, ý thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước, cái danh ý giới, pháp giới, ý thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước; địa giới, nên biết chẳng nên đắm trước, thủy, hỏa, phong, không, thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước; cái danh địa giới, nên biết chẳng nên đắm trước, cái danh thủy, hỏa, phong, không, thức giới, nên biết chẳng nên đắm trước; Thánh đế khổ, nên biết chẳng nên đắm trước, Thánh đế tập, diệt, đạo nên biết chẳng nên đắm trước; cái danh Thánh đế khổ, nên biết chẳng nên đắm trước, cái danh Thánh đế tập, diệt, đạo nên biết chẳng nên đắm trước; vô minh, nên biết chẳng nên đắm trước, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, nên biết chẳng nên đắm trước; cái danh vô minh, nên biết chẳng nên đắm trước, cái danh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, nên biết chẳng nên đắm trước; bốn Tĩnh lự, nên biết chẳng nên đắm trước, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, nên biết chẳng nên đắm trước; bốn Tĩnh lự, nên biết chẳng nên đắm trước, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, nên biết chẳng nên đắm trước; năm loại mắt, nên biết chẳng nên đắm trước; sáu phép thần thông, nên biết chẳng nên đắm trước; năm loại mắt, nên biết chẳng nên đắm trước; sáu phép thần thông, nên biết chẳng nên đắm trước; Bố thí ba-la-mật-đa, nên biết chẳng nên đắm trước, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên biết chẳng nên đắm trước; Bố thí ba-la-mật-đa, nên biết chẳng nên đắm trước, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên biết chẳng nên đắm trước; bốn Niệm trụ, nên biết chẳng nên đắm trước, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, nên biết chẳng nên đắm trước; bốn Niệm trụ, nên biết chẳng nên đắm trước, bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, nên biết chẳng nên đắm trước; mười lực của Phật, nên biết chẳng nên đắm trước, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại

Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, nên biết chẳng nên đắm trước; mười lực của Phật, nên biết chẳng nên đắm trước, bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, nên biết chẳng nên đắm trước.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học như thế này: Tâm Bồ-đề, nên biết chẳng nên đắm trước, danh tâm Bồ-đề, nên biết chẳng nên đắm trước; tâm vô thượng, nên biết chẳng nên đắm trước, danh tâm vô thượng, nên biết chẳng nên đắm trước; tâm rộng lớn, nên biết chẳng nên đắm trước, danh tâm rộng lớn, nên biết chẳng nên đắm trước. Vì sao thế? Vì tâm ấy chẳng phải là tâm thường hằng, vì bản tánh của tâm luôn thanh tịnh.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì sao tâm ấy, bản tánh thanh tịnh?

Thiện Hiện đáp:

–Tâm ấy, bản tánh chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng với tham; chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng với sân; chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng với si; chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng với các phiền não trói buộc; chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng với các kiến chấp, hướng đến các lậu, dòng thác, chấp thủ...; chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng với các tâm hàng Thanh văn, Độc giác.

Xá-lợi Tử, tâm ấy, bản tánh thanh tịnh như vậy.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Tâm ấy, bản tánh là tâm hay không phải là tâm?

Thiện Hiện hỏi lại:

–Trong tánh không phải là tâm, có tánh, không tánh có thể được chăng?

Xá-lợi Tử đáp:

–Không thể nắm bắt được! Thiện Hiện!

Thiện Hiện nói:

–Trong tánh chẳng phải là tâm có tánh, không tánh đã không thể được, làm sao có thể nói tâm ấy, bản tánh là tâm hay chẳng phải là tâm.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Những gì gọi là tánh của tâm chẳng phải là tâm?

Thiện Hiện đáp:

–Đối với tất cả các pháp không đổi khác, không phân biệt, gọi đó là tánh của tâm chẳng phải là tâm.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, sắc cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, thọ, tưởng, hành, thức cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, nhãn xứ cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, sắc xứ cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, nhãn, sắc, nhãn thức giới cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, nhĩ, thanh, nhĩ thức giới cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, tỷ, hương, tỷ thức giới cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, thiệt, vị, thiệt thức giới cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, thân, xúc, thân thức giới cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, ý, pháp, ý thức giới cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, địa giới cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, Thánh đế khổ, cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, Thánh đế tập, diệt, đạo cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, vô minh cũng không

đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, bốn Tĩnh lự cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, năm loại mắt cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, sáu phép thần thông cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, Bố thí ba-la-mật-đa cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, bốn Niệm trụ cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, mười lực của Phật cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

–Như tâm không đổi khác, không phân biệt, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng cho đến quả vị Giác ngộ cao tột cũng không đổi khác, không phân biệt sao?

Đáp:

–Đúng vậy!

Khi ấy, Xá-lợi Tử khen Thiện Hiện:

–Hay thay, hay thay, thật đúng như đã nói! Ngài là chân Phật tử, từ tâm Phật sinh, từ miệng Phật sinh, từ pháp Phật sinh, từ pháp hóa sinh, nhận phần pháp nơi Phật, chẳng nhận phần của cải. Ở trong các pháp, thân tự chứng đạt, do Tuệ nhãn hiện thấy, nên mới có thể nói lên như vậy. Thế Tôn khen ngài, ở trong chúng Thanh văn, là người đệ nhất trụ trong định Vô tránh. Như lời Phật dạy, thật đúng, không sai.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học như vậy. Nếu Đại Bồ-tát, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thường học như vậy, thì nên biết đã trụ nơi bậc không thoái chuyển, chẳng rời Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện, người muốn học bậc Thanh văn, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên siêng năng lắng nghe, tu tập, đọc tụng, thọ trì, tư duy đúng lý khiến được rốt ráo. Người muốn học bậc Độc giác, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên siêng năng lắng nghe, tu tập, đọc tụng, thọ trì, tư duy đúng lý khiến được rốt ráo. Người muốn học bậc Bồ-tát, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên siêng năng lắng nghe, tu tập, đọc tụng, thọ trì, tư duy đúng lý khiến được rốt ráo. Người muốn học bậc Như Lai, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên siêng năng lắng nghe, tu tập, đọc tụng, thọ trì, tư duy đúng

lý khiến được rốt ráo. Vì sao thế? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, đã rộng nói, khai thị đủ các pháp của ba thừa. Nếu Đại Bồ-tát, học Bát-nhã ba-la-mật-đa, tức là đã học khắp cả ba thừa và đối với pháp của ba thừa đều được thấu suốt.

M
PHẨM 9: KHÔNG TRỤ (1)

Bấy giờ, Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đối với Đại Bồ-tát và đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, con đều không đắc, không thấy, thì làm sao khiến con dùng pháp tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa dạy bảo, trao truyền cho các Đại Bồ-tát? Bạch Thế Tôn, đối với các pháp, còn không đắc, không thấy hoặc tập hợp, hoặc phân tán; nếu đem pháp ấy dạy bảo, trao truyền cho các Đại Bồ-tát, thì có thể có sự hối tiếc. Bạch Thế Tôn, đối với các pháp, còn không đắc, không thấy hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là Đại Bồ-tát; đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Bạch Thế Tôn, cái danh Đại Bồ-tát ấy và Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy, đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa nơi hai danh ấy vốn không sở hữu, nên hai danh ấy đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Bạch Thế Tôn, đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là sắc, cho đến đây là thức? Bạch Thế Tôn, cái danh của sắc ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa nơi cái danh của sắc... vốn không sở hữu, nên cái danh của sắc... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là nhãn xứ, cho đến đây là ý xứ? Bạch Thế Tôn, cái danh của nhãn xứ ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa nơi danh nhãn xứ... đã không sở hữu, nên cái danh của nhãn xứ... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là sắc xứ, cho đến đây là pháp xứ? Bạch Thế Tôn, cái danh của sắc xứ ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của cái danh sắc xứ... đã không sở hữu, nên cái danh của sắc xứ... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với nhãn, sắc, nhãn thức giới và nhãn xúc, cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là nhãn giới, cho đến đây là các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra? Bạch Thế Tôn, cái danh nhãn giới ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh nhãn giới... đã không sở hữu, nên cái danh của nhãn giới... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với nhĩ, thanh, nhĩ thức giới và nhĩ xúc, cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là nhĩ giới, cho đến đây là các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra? Bạch Thế Tôn, cái danh nhĩ giới ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh nhĩ giới... đã không sở hữu, nên cái danh của nhĩ giới... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với tỷ, hương, tỷ thức giới và tỷ xúc, cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là tỷ giới, cho đến đây là các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra? Bạch Thế Tôn, cái danh tỷ giới ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh tỷ giới... đã không sở hữu, nên cái danh của tỷ giới... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với thiệt, vị, thiệt thức giới và thiệt xúc, cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là thiệt giới, cho đến đây là các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra? Bạch Thế Tôn, cái danh thiệt giới ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh thiệt giới... đã không sở hữu, nên cái danh của thiệt giới... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với thân, xúc, thân thức giới và thân xúc, cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là thân giới, cho đến đây là các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra? Bạch Thế Tôn, cái danh thân giới ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh thân giới... đã không sở hữu, nên cái danh của thân giới... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với ý, pháp, ý thức giới và ý xúc, cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp,

hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là ý giới, cho đến đây là các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra? Bạch Thế Tôn, cái danh ý giới ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh ý giới... đã không sở hữu, nên cái danh của ý giới... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là địa giới, cho đến đây là thức giới? Bạch Thế Tôn, cái danh địa giới ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh địa giới... đã không sở hữu, nên cái danh của địa giới... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là Thánh đế khổ, cho đến đây là Thánh đế đạo? Bạch Thế Tôn, cái danh Thánh đế khổ ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh Thánh đế khổ... đã không sở hữu, nên cái danh của Thánh đế khổ... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là vô minh, cho đến đây là lão tử, sầu bi khổ ưu não? Bạch Thế Tôn, cái danh vô minh ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh vô minh... đã không sở hữu, nên cái danh của vô minh... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với sự tận diệt của vô minh cho đến sự tận diệt của lão tử, sầu bi khổ ưu não, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là sự tận diệt của vô minh, cho đến đây là sự tận diệt của lão tử, sầu bi khổ ưu não? Bạch Thế Tôn, cái danh tận diệt của vô minh ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa nơi danh tận diệt của vô minh... đã không sở hữu, nên cái danh nơi tận diệt của vô minh... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với tham, sân, si, tất cả phiền não trói buộc, kiến chấp, căn bất thiện..., còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là tham, cho đến đây là căn bất thiện...? Bạch Thế Tôn, cái danh tham ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải

không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh tham... đã không sở hữu, nên cái danh của tham... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Bạch Thế Tôn, đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, còn không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là bốn Tĩnh lự, cho đến đây là bốn Định vô sắc? Bạch Thế Tôn, cái danh bốn Tĩnh lự ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của danh bốn Tĩnh lự... đã không sở hữu, nên cái danh của bốn Tĩnh lự... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 37

PHẨM 9: KHÔNG TRỤ (2)

Bạch Thế Tôn, đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là năm loại mắt, đây là sáu phép thần thông? Bạch Thế Tôn, năm loại mắt ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của năm loại mắt... đã không sở hữu, nên cái danh của năm loại mắt... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với ngã, các loài hữu tình, cho đến người biết, người thấy, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là ngã, các loài hữu tình, cho đến đây là người biết, người thấy? Bạch Thế Tôn, cái danh ngã ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của ngã... đã không sở hữu, nên cái danh của ngã... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, niệm hơi thở, niệm nhàm chán, niệm cái chết, niệm thân, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là niệm Phật, cho đến đây là niệm thân? Bạch Thế Tôn, cái danh niệm Phật ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của niệm Phật... đã không sở hữu, nên cái danh của niệm Phật... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các tưởng vô thường, vô ngã, bất tịnh, chết, tất cả thế gian chẳng đáng vui, nhàm chán ăn uống, đoạn trừ, xa lìa, tịch diệt, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là tưởng vô thường, cho đến đây là tưởng tịch diệt? Bạch Thế Tôn, cái danh tưởng vô thường ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của tưởng vô thường... đã

không sở hữu, nên cái danh của tưởng vô thường... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với Không, Vô tướng, Vô nguyện, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là không, cho đến đây là vô nguyện? Bạch Thế Tôn, cái danh không ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của không... đã không sở hữu, nên cái danh của không... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là Bố thí ba-la-mật-đa, cho đến đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Bạch Thế Tôn, cái danh Bố thí ba-la-mật-đa ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của Bố thí ba-la-mật-đa... đã không sở hữu, nên cái danh của Bố thí ba-la-mật-đa... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là bốn Niệm trụ, cho đến đây là tám chi Thánh đạo? Bạch Thế Tôn, cái danh bốn Niệm trụ ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của bốn Niệm trụ... đã không sở hữu, nên cái danh của bốn Niệm trụ... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là mười lực của Phật, cho đến đây là mười tám pháp Phật bất cộng? Bạch Thế Tôn, cái danh mười lực của Phật ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của mười lực của Phật... đã không sở hữu, nên cái danh mười lực của Phật... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với mọi việc như huyễn, như mộng, như bóng dáng, như tiếng vang, như bóng sáng phản chiếu, như hoa hư không, như dợn nắng, như thành hư ảo, như trò biến hóa, năm thủ uẩn..., con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là như huyễn..., năm thủ uẩn...? Bạch Thế Tôn, cái danh như huyễn...,

năm thủ uẩn ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa như huyễn..., năm thủ uẩn... đã không sở hữu, nên cái danh của như huyễn..., năm thủ uẩn... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với tịch tĩnh, xa lìa, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, dứt hết hý luận, chân như, pháp giới, pháp tánh, thật tế, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là tịch tĩnh, cho đến đây là tánh ly sinh? Bạch Thế Tôn, cái danh tịch tĩnh ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của tịch tĩnh... đã không sở hữu, nên cái danh của tịch tĩnh... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp thường hoặc vô thường, lạc hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, không hoặc bất không, vô tướng hoặc hữu tướng, vô nguyện hoặc hữu nguyện, tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, xa lìa hoặc chẳng xa lìa, tạp nhiễm hoặc thanh tịnh, sinh hoặc diệt, hữu vi hoặc vô vi, hữu lậu hoặc vô lậu, thiện hoặc chẳng phải thiện, hữu tội hoặc vô tội, thế gian hoặc xuất thế gian, thuộc sinh tử hoặc thuộc về Niết-bàn, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là pháp thường, cho đến đây thuộc về Niết-bàn? Bạch Thế Tôn, cái danh thường ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của thường... đã không sở hữu, nên cái danh của thường... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp quá khứ, vị lai hoặc hiện tại, thiện, bất thiện hoặc vô ký, sự ràng buộc ở cõi Dục, sự ràng buộc ở cõi Sắc, hoặc sự ràng buộc ở cõi Vô sắc, học, vô học hoặc phi học, phi vô học, kiến sở đoạn, tu sở đoạn hoặc phi sở đoạn, ở trong, ngoài, hoặc ở cả trong ngoài, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có thể nói đây là pháp quá khứ, cho đến đây là ở cả trong ngoài? Bạch Thế Tôn, cái danh quá khứ ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của quá khứ... đã không sở hữu, nên cái danh của quá khứ... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với tất cả Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác và chư Bồ-tát, Thanh văn tăng... trong vô số thế giới chư Phật mười phương, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, thì làm sao có

thể nói đây là mười phương thế giới, cho đến đây là Thanh văn tăng...? Bạch Thế Tôn, cái danh mười phương thế giới ấy... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì sao vậy? Vì cái nghĩa của mười phương thế giới... đã không sở hữu, nên cái danh của mười phương thế giới... đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, đối với các pháp đã nói ở trên, con không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói đây là Đại Bồ-tát, cho đến đây là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn, đối với Đại Bồ-tát và đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, con không đắc, không thấy, thì làm sao khiến con đem pháp tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa dạy bảo, trao truyền cho các Đại Bồ-tát. Cho nên, nếu đem pháp ấy mà dạy bảo, trao truyền cho các Đại Bồ-tát, thì sẽ có sự hối tiếc.

Bạch Thế Tôn, các pháp do nhân duyên hòa hợp đặt bày ra giả danh Đại Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa. Hai giả danh này, đối với năm uẩn, không thể thuyết giảng; đối với mười hai xứ, mười tám giới, sáu giới, bốn Thánh đế, mười hai duyên khởi, không thể thuyết giảng; đối với tham, sân, si, tất cả kết sử ràng buộc, si mê ngủ nghĩ, kiến chấp, căn bất thiện... không thể thuyết giảng; đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, không thể thuyết giảng; đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông, không thể thuyết giảng; đối với ngã, loài hữu tình, cho đến người biết, người thấy, không thể thuyết giảng; đối với mười tùy niệm, mười tưởng, không thể thuyết giảng; đối với Không, Vô tướng, Vô nguyện, sáu pháp Ba-la-mật-đa, không thể thuyết giảng; đối với bốn Niệm trụ, cho đến tám chi Thánh đạo, không thể thuyết giảng; đối với mười lực của Phật, cho đến trí Nhất thiết tướng, không thể thuyết giảng; đối với mọi việc như huyễn, cho đến như sự biến hóa, năm thủ uẩn..., không thể thuyết giảng; đối với tịch tĩnh, xa lìa, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, dứt hết mọi hý luận, chân như, pháp giới, pháp tánh, thật tế, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, không thể thuyết giảng; đối với pháp thường, vô thường, cho đến pháp thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn, không thể thuyết giảng; đối với pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, cho đến pháp ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài, không thể thuyết giảng; đối với Phật, Bồ-tát, Thanh văn tăng... trong vô số thế giới ở mười phương, không thể thuyết giảng. Vì sao thế? Vì sự tập hợp, phân tán của các pháp như trên đã nói, đều không thể đắc, không thể thấy! Bạch Thế Tôn, như trên đã nói, cái danh năm uẩn... không cách nào có thể nói được. Như

vậy, cái danh Đại Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không cách nào có thể nói được. Như giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, không cách nào có thể nói được. Như vậy, cái danh Đại Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không cách nào có thể nói được. Như Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, Như Lai và cái danh của các pháp ấy, không cách nào có thể nói được. Như vậy, cái danh Đại Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không cách nào có thể nói được.

Bạch Thế Tôn, như tất cả, hoặc hữu danh, vô danh, đều không cách nào có thể nói được. Như vậy, cái danh Đại Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không cách nào có thể nói được. Vì sao thế? Vì cái nghĩa của danh ấy, đã không sở hữu, nên các danh ấy đều không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

Bạch Thế Tôn, vì con dựa vào nghĩa ấy, nên đối với các pháp không đắc, không thấy, hoặc tập hợp, hoặc phân tán, làm sao có thể nói, đây là cái danh Đại Bồ-tát, đây là cái danh Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bạch Thế Tôn, đối với hai cái, hoặc nghĩa, hoặc danh, con đã không đắc, không thấy, thì làm sao khiến con đem pháp tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa dạy bảo, trao truyền cho các Đại Bồ-tát? Vì vậy, nếu đem pháp này dạy bảo, trao truyền cho các Đại Bồ-tát, sẽ có sự hối tiếc!

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát được nghe tướng trạng như vậy, khi thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, tâm chẳng chìm đắm, lo âu, hối hận; tâm ấy chẳng kinh hoàng, hãi hùng, sợ sệt, thì nên biết rằng Đại Bồ-tát ấy, nhất định đã được an trụ bậc Bất thoái, lấy vô sở trụ làm phương tiện để trụ.

Bấy giờ, Trưởng lão Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ nơi sắc, không nên trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì sắc và tánh của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không. Bạch Thế Tôn, sắc ấy chẳng phải là không sắc, không sắc ấy chẳng phải là sắc, sắc chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi sắc, nơi thọ, tưởng, hành, thức.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì nhãn xứ, tánh của nhãn xứ là không; cho đến ý xứ và tánh của ý xứ là không. Bạch Thế Tôn, nhãn xứ ấy chẳng phải là cái không của nhãn xứ, cái không của nhãn xứ ấy chẳng phải là nhãn xứ, nhãn xứ chẳng lìa

không, không chẳng lìa nhãn xứ; nhãn xứ tức là không, không tức là nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi nhãn xứ, cho đến chẳng nên trụ nơi ý xứ.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi sắc xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì sắc xứ, tánh của sắc xứ là không; cho đến pháp xứ và tánh của pháp xứ là không. Bạch Thế Tôn, sắc xứ ấy chẳng phải là cái không của sắc xứ, cái không của sắc xứ ấy chẳng phải là sắc xứ, sắc xứ chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc xứ; sắc xứ tức là không, không tức là sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi sắc xứ, cho đến chẳng nên trụ nơi pháp xứ.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi nhãn, sắc, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì nhãn giới, tánh của nhãn giới là không; cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không. Bạch Thế Tôn, nhãn giới ấy chẳng phải là cái không của nhãn giới, cái không của nhãn giới ấy chẳng phải là nhãn giới, nhãn giới chẳng lìa không, không chẳng lìa nhãn giới; nhãn giới tức là không, không tức là nhãn giới, sắc giới, cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi nhãn giới, cho đến chẳng nên trụ nơi các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi nhĩ, thanh, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì nhĩ giới, tánh của nhĩ giới là không; cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tánh của các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không. Bạch Thế Tôn, nhĩ giới ấy chẳng phải là cái không của nhĩ giới, cái không của nhĩ giới ấy chẳng phải là nhĩ giới, nhĩ giới chẳng lìa không, không chẳng lìa nhĩ giới; nhĩ giới tức là không, không tức là nhĩ giới, thanh giới, cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi nhĩ giới, cho đến chẳng nên trụ nơi các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng

nên trụ nơi tỷ, hương, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tỷ giới, tánh của tỷ giới là không; cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tánh của các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không. Bạch Thế Tôn, tỷ giới ấy chẳng phải là cái không của tỷ giới, cái không của tỷ giới ấy chẳng phải là tỷ giới, tỷ giới chẳng lìa không, không chẳng lìa tỷ giới; tỷ giới tức là không, không tức là tỷ giới, hương giới, cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi tỷ giới, cho đến chẳng nên trụ nơi các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi thiệt, vị, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì thiệt giới, tánh của thiệt giới là không; cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tánh của các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không. Bạch Thế Tôn, thiệt giới ấy chẳng phải là cái không của thiệt giới, cái không của thiệt giới ấy chẳng phải là thiệt giới, thiệt giới chẳng lìa không, không chẳng lìa thiệt giới; thiệt giới tức là không, không tức là thiệt giới, vị giới, cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi thiệt giới, cho đến chẳng nên trụ nơi các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi thân, xúc, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì thân giới, tánh của thân giới là không; cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tánh của các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không. Bạch Thế Tôn, thân giới ấy chẳng phải là cái không của thân giới, cái không của thân giới ấy chẳng phải là thân giới, thân giới chẳng lìa không, không chẳng lìa thân giới; thân giới tức là không, không tức là thân giới, xúc giới, cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi thân giới, cho đến chẳng nên trụ nơi các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi ý, pháp, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì ý giới, tánh của ý giới là không; cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tánh của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không. Bạch Thế Tôn, ý giới ấy chẳng phải là cái không

của ý giới, cái không của ý giới ấy chẳng phải là ý giới, ý giới chẳng lìa không, không chẳng lìa ý giới; ý giới tức là không, không tức là ý giới, pháp giới, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi ý giới, cho đến chẳng nên trụ nơi các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi địa giới, chẳng nên trụ nơi thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì địa giới, tánh của địa giới là không; cho đến thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không. Bạch Thế Tôn, địa giới ấy chẳng phải là cái không của địa giới, cái không của địa giới ấy chẳng phải là địa giới, địa giới chẳng lìa không, không chẳng lìa địa giới; địa giới tức là không, không tức là địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi địa giới, cho đến chẳng nên trụ nơi thủy, hỏa, phong, không, thức giới.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi Thánh đế khổ, chẳng nên trụ nơi Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì Thánh đế khổ và tánh của Thánh đế khổ là không; cho đến Thánh đế tập, diệt, đạo và tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không. Bạch Thế Tôn, Thánh đế khổ ấy chẳng phải là cái không của Thánh đế khổ, cái không của Thánh đế khổ ấy chẳng phải là Thánh đế khổ, Thánh đế khổ chẳng lìa không, không chẳng lìa Thánh đế khổ; Thánh đế khổ tức là không, không tức là Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi Thánh đế khổ, cho đến chẳng nên trụ nơi Thánh đế tập, diệt, đạo.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi vô minh, chẳng nên trụ nơi hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì vô minh và tánh của vô minh là không; cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não và tánh của lão tử, sầu bi khổ ưu não là không. Bạch Thế Tôn, vô minh ấy chẳng phải là cái không của vô minh, cái không của vô minh ấy chẳng phải là vô minh, vô minh chẳng lìa không, không chẳng lìa vô minh; vô minh tức là không, không tức là vô minh; lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-

nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi vô minh, cho đến chẳng nên trụ nơi lão tử, sầu bi khổ ưu não.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi bốn Tĩnh lự, chẳng nên trụ nơi bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì bốn Tĩnh lự và tánh của bốn Tĩnh lự là không; cho đến bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không. Bạch Thế Tôn, bốn Tĩnh lự ấy chẳng phải là cái không của bốn Tĩnh lự, cái không của bốn Tĩnh lự ấy chẳng phải là bốn Tĩnh lự, bốn Tĩnh lự chẳng lìa không, không chẳng lìa bốn Tĩnh lự; bốn Tĩnh lự tức là không, không tức là bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi bốn Tĩnh lự, cho đến chẳng nên trụ nơi bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng nên trụ nơi năm loại mắt, chẳng nên trụ nơi sáu phép thần thông. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì năm loại mắt và tánh của năm loại mắt là không; cho đến sáu phép thần thông và tánh của sáu phép thần thông là không. Bạch Thế Tôn, năm loại mắt ấy chẳng phải là cái không của năm loại mắt, cái không của năm loại mắt ấy chẳng phải là năm loại mắt, năm loại mắt chẳng lìa không, không chẳng lìa năm loại mắt; năm loại mắt tức là không, không tức là năm loại mắt; sáu phép thần thông cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi năm loại mắt, cho đến chẳng nên trụ nơi sáu phép thần thông.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ nơi Bố thí ba-la-mật-đa, không nên trụ nơi Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì Bố thí ba-la-mật-đa và tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không; cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa là không. Bạch Thế Tôn, Bố thí ba-la-mật-đa ấy chẳng phải là cái không của Bố thí ba-la-mật-đa, không của Bố thí ba-la-mật-đa ấy chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng lìa không, không chẳng lìa Bố thí ba-la-mật-đa; Bố thí ba-la-mật-đa tức là không, không tức là Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên trụ nơi Bố thí ba-la-mật-đa, cho đến chẳng nên trụ nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng

nên trụ nơi bốn Niệm trụ, chẳng nên trụ nơi bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì bốn Niệm trụ và tánh của bốn Niệm trụ là không; cho đến tám chi Thánh đạo và tánh của tám chi Thánh đạo là không. Bạch Thế Tôn, bốn Niệm trụ ấy chẳng phải là cái không của bốn Niệm trụ, cái không của bốn Niệm trụ ấy chẳng phải là bốn Niệm trụ, bốn Niệm trụ chẳng lìa không, không chẳng lìa bốn Niệm trụ; bốn Niệm trụ tức là không, không tức là bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ nơi bốn Niệm trụ, cho đến không nên trụ nơi tám chi Thánh đạo.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ nơi mười lực của Phật, không nên trụ nơi bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì mười lực của Phật, tánh nơi mười lực của Phật là không; cho đến trí Nhất thiết tướng và tánh của trí Nhất thiết tướng là không. Bạch Thế Tôn, mười lực của Phật ấy chẳng phải là cái không nơi mười lực của Phật, cái không nơi mười lực của Phật ấy chẳng phải là mười lực của Phật, mười lực của Phật chẳng lìa không, không chẳng lìa mười lực của Phật; mười lực của Phật tức là không, không tức là mười lực của Phật; bốn điều không sợ, cho đến trí Nhất thiết tướng cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ nơi mười lực của Phật, cho đến không nên trụ nơi trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào các văn tự, không nên trụ vào sự dẫn giải của các văn tự, hoặc một lời dẫn giải, hai lời dẫn giải, nhiều lời dẫn giải. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì các văn tự và tánh của các văn tự là không; sự dẫn giải nơi các văn tự và tánh của sự dẫn giải của các văn tự là không. Bạch Thế Tôn, các văn tự ấy chẳng phải là không của các văn tự, cái không của các văn tự ấy chẳng phải là các văn tự, các văn tự chẳng lìa không, không chẳng lìa các văn tự; các văn tự tức là không, không tức là các văn tự sự dẫn giải của các văn tự cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ nơi các văn tự, cho đến không nên trụ vào sự dẫn giải của các văn tự.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào các pháp thường hoặc vô thường, không nên trụ vào các pháp

lạc hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, không hoặc bất không, vô tướng hoặc hữu tướng, vô nguyện hoặc hữu nguyện, tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì các pháp thường, vô thường và tánh của các pháp thường, vô thường là không; cho đến các pháp xa lìa, chẳng xa lìa và tánh của các pháp xa lìa, chẳng xa lìa là không. Bạch Thế Tôn, các pháp thường, vô thường ấy chẳng phải là cái không của các pháp thường, vô thường, cái không của các pháp thường, vô thường ấy chẳng phải là các pháp thường, vô thường, các pháp thường, vô thường chẳng lìa không, không chẳng lìa các pháp thường, vô thường; các pháp thường, vô thường tức là không, không tức là các pháp thường, vô thường; các pháp khổ, lạc cho đến các pháp xa lìa, chẳng xa lìa cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ nơi các pháp thường, vô thường, cho đến không nên trụ vào các pháp xa lìa, chẳng xa lìa.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào chân như, chẳng nên trụ vào pháp giới, pháp tánh, thật tế, tánh bình đẳng, tánh ly sinh. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì chân như và tánh của chân như là không; cho đến tánh ly sinh và tánh của tánh ly sinh là không. Bạch Thế Tôn, chân như ấy chẳng phải là cái không của chân như, cái không của chân như ấy chẳng phải là chân như, chân như chẳng lìa không, không chẳng lìa chân như; chân như tức là không, không tức là chân như; pháp giới cho đến tánh ly sinh cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ nơi chân như, cho đến không nên trụ vào tánh ly sinh.

Bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, không nên trụ vào tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni và tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni là không; tất cả pháp môn Tam-ma-địa và tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không. Bạch Thế Tôn, tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy chẳng phải là không của tất cả pháp môn Đà-la-ni, cái không của tất cả pháp môn Đà-la-ni ấy chẳng phải là tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng lìa không, không chẳng lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Đà-la-ni tức là không, không tức là tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa cũng lại như thế. Vì vậy, bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên trụ nơi tất cả pháp môn Đà-la-ni, cho đến không nên trụ vào tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Bấy giờ, Trưởng lão Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì do sự trụ này, nên đối với sắc, khởi lên gia hạnh, thọ, tưởng, hành, thức, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Vì do sự trụ này, nên đối với nhãn xứ, khởi lên gia hạnh, ý xứ, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào sắc xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Vì do sự trụ này, nên đối với sắc xứ, khởi lên gia hạnh, pháp xứ, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Vì do sự trụ này, nên đối với nhãn giới, khởi lên gia hạnh, cho đến đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Vì do sự trụ này, nên đối với nhĩ giới, khởi lên gia hạnh, các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã

ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Vì do sự trụ này, nên đối với tỷ giới, khởi lên gia hạnh, cho đến đối với các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Vì do sự trụ này, nên đối với thiệt giới, khởi lên gia hạnh, cho đến đối với các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Vì do sự trụ này, nên đối với thân giới, khởi lên gia hạnh, cho đến đối với các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Vì do sự trụ này, nên đối với ý giới, khởi lên gia hạnh với các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-

nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào địa giới, thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Vì do sự trụ này, nên đối với địa giới, khởi lên gia hạnh với thức giới, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo. Vì do sự trụ này, nên đối với Thánh đế khổ, khởi lên gia hạnh, đối với Thánh đế tập, diệt, đạo, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Vì do sự trụ này, nên đối với vô minh, khởi lên gia hạnh, cho đến đối với lão tử, sầu bi khổ ưu não, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Vì do sự trụ này, nên đối với bốn Tĩnh lự, khởi lên gia hạnh, đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào năm loại mắt, sáu phép thần thông. Vì do

sự trụ này, nên đối với năm loại mắt, khởi lên gia hạnh, đối với sáu phép thần thông, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì do sự trụ này, nên đối với Bố thí ba-la-mật-đa, khởi lên gia hạnh, cho đến đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Vì do sự trụ này, nên đối với bốn Niệm trụ, khởi lên gia hạnh, cho đến đối với tám chi Thánh đạo, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Vì do sự trụ này, nên đối với mười lực của Phật, khởi lên gia hạnh, cho đến đối với trí Nhất thiết tướng, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh, này nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào các văn tự, sự dẫn giải của các văn tự, hoặc một lời dẫn giải, hai lời dẫn giải, nhiều lời dẫn giải. Vì do sự trụ

này, nên đối với văn tự, khởi lên gia hạnh, đối với sự dẫn giải của các văn tự, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào các pháp thường, vô thường, các pháp lạc, khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, không hoặc bất không, vô tướng hoặc hữu tướng, vô nguyện hoặc hữu nguyện, tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Vì do sự trụ này, nên đối với các pháp thường, vô thường, khởi lên gia hạnh, cho đến đối với các pháp xa lìa, chẳng xa lìa, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị chấp về ngã, ngã sở ràng buộc, quấy nhiễu cho nên tâm liền trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì do sự trụ này, nên đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, khởi lên gia hạnh, đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni, khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh này, nên không thể nhiếp thọ Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể hoàn thành trí Nhất thiết tướng.

Bạch Thế Tôn, vì sắc không nên nhiếp thọ; nên thọ, tưởng, hành, thức không nên nhiếp thọ; sắc đã không nên nhiếp thọ, liền không phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức đã không nên nhiếp thọ, liền không phải là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao vậy? Vì bản tánh là không; cho đến tất cả pháp môn Đà-la-ni không nên nhiếp thọ, tất cả pháp môn Tam-ma-địa không nên nhiếp thọ; tất cả pháp môn Đà-la-ni đã không nên nhiếp thọ, liền không phải tất cả pháp môn Đà-la-ni; tất cả pháp môn Tam-ma-địa đã không nên nhiếp thọ, liền không phải là tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao vậy? Vì bản tánh là không. Cái nhiếp thọ, tu hành, làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không nên nhiếp thọ. Như vậy, Bát-nhã ba-la-mật-đa không nên nhiếp thọ, liền không phải Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Vì bản tánh là không. Như vậy, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên dùng bản tánh không mà quán tất cả pháp. Khi khởi

lên quán này, đối với tất cả pháp, tâm không còn đối tượng vận hành, đó gọi là nhiếp thọ Tam-ma-địa của Đại Bồ-tát. Tam-ma-địa này vi diệu, thù thắng, rộng lớn vô lượng, có khả năng tập hợp, tạo tác dụng vô biên, vô ngại, mà tất cả hàng Thanh văn, Độc giác không có được. Trí nhất thiết tướng đã hoàn thành, cũng không nên nhiếp thọ. Như vậy, trí Nhất thiết tướng không nên nhiếp thọ liền không phải là trí Nhất thiết tướng. Vì sao vậy? Vì pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, trí Nhất thiết tướng này không phải là tướng thủ đắc mà tu đạt. Vì sao vậy? Vì những tướng thủ đắc đều là phiền não. Tướng là những gì? Đó là tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến tướng của tất cả pháp môn Đà-la-ni, tướng của tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Đối với các tướng này, mà ai đắm trước vào, gọi là phiền não. Nếu ai thủ đắc nơi tướng mà tu đạt trí Nhất thiết tướng thì người tu hành dũng mãnh, đối với trí Nhất thiết trí, không nên tín giải. Tướng của tín giải ấy là những gì? Đó là đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, phát sinh lòng tin sâu xa, thanh tịnh. Do sức hiểu biết thù thắng tư duy, quán sát trí Nhất thiết trí, không dùng tướng làm phương tiện, cũng không dùng phi tướng làm phương tiện, vì tướng và phi tướng đều không thể thủ đắc. Người tu hành dũng mãnh ấy, tuy do sức tín giải mà quay về với Phật pháp, nên gọi là người tùy tín hành, nhưng có khả năng dùng bản tánh không mà ngộ nhập trí Nhất thiết trí. Đã ngộ nhập rồi, chẳng thủ đắc tướng sắc, tướng thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng thủ đắc tướng nơi tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng thủ đắc tướng nơi tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì tự tướng của tất cả pháp đều là không, nên chủ thể thủ, đối tượng thủ đều không thể được. Như vậy, người tu hành không dùng nội đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí, không dùng ngoại đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí, không dùng nội ngoại đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí, không dùng vô trí đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí, không dùng các pháp đắc hiện quán khác mà quán trí Nhất thiết trí, cũng không dùng bất đắc hiện quán mà quán trí Nhất thiết trí. Vì sao vậy? Người tu hành dũng mãnh ấy, không thấy đối tượng quán là trí Nhất thiết trí, không thấy chủ thể quán là Bát-nhã, không thấy người quán và chỗ dựa vào để

quán. Người tu hành dũng mãnh ấy, không phải đối với nội sắc mà quán trí Nhất thiết trí, nội thọ, tưởng, hành, thức mà quán trí Nhất thiết trí, không phải đối với ngoại sắc mà quán trí Nhất thiết trí, ngoại thọ, tưởng, hành, thức mà quán trí Nhất thiết trí, không phải đối với nội, ngoại sắc mà quán trí Nhất thiết trí, nội, ngoại thọ, tưởng, hành, thức mà quán trí Nhất thiết trí, cũng không phải lìa sắc mà quán trí Nhất thiết trí, cũng không phải lìa thọ, tưởng, hành, thức mà quán trí Nhất thiết trí, cho đến không phải đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni mà quán trí Nhất thiết trí, không phải đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà quán trí Nhất thiết trí, không phải đối với tất cả pháp môn ngoại Đà-la-ni mà quán trí Nhất thiết trí, không phải đối với tất cả pháp môn ngoại Tam-ma-địa mà quán trí Nhất thiết trí, không phải đối với tất cả pháp môn nội, ngoại Đà-la-ni mà quán trí Nhất thiết trí, không phải đối với tất cả pháp môn nội, ngoại Tam-ma-địa mà quán trí Nhất thiết trí, cũng chẳng lìa tất cả pháp môn Đà-la-ni mà quán trí Nhất thiết trí, cũng chẳng lìa tất cả pháp môn Tam-ma-địa mà quán trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì hoặc nội, ngoại, hoặc nội ngoại, lìa nội ngoại đều không thể được. Người tu hành dũng mãnh ấy, dùng các pháp môn lìa tướng như vậy... đối với trí Nhất thiết trí, phát sinh tín giải sâu xa. Vì do tín giải này, nên đối với tất cả pháp, không thủ đắc đắm trước, vì thật tướng của các pháp không thể được. Như vậy, người tu hành dùng pháp môn lìa tướng đối với trí Nhất thiết trí, đắc tín giải rồi, đối với tất cả pháp đều không thủ đắc tướng, cũng không tư duy về vô tướng của các pháp, vì tướng vô tướng của các pháp đều không thể được. Như vậy, người tu hành do sức thắng giải nên đối với tất cả pháp chẳng thủ, xả, vì trong thật tướng của pháp không thủ, xả. Khi ấy, người tu hành kia, đối với sự tín giải của mình cho đến đối với Niết-bàn, cũng không thủ đắc đắm trước. Vì sao vậy? Vì bản tánh của tất cả pháp đều là không, không thể được. Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng lại như vậy, đối với tất cả pháp vì không có chỗ thủ đắc đắm trước, nên có khả năng từ bờ bên này qua bờ bên kia. Nếu đối với các pháp còn chút ít thủ đắc đắm trước thì không thể qua được bờ bên kia. Vì vậy, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không nên thủ đắc tất cả sắc, không nên thủ đắc tất cả thọ, tưởng, hành, thức, vì tất cả pháp đều không có chỗ thủ đắc, cho đến chẳng thủ đắc tất cả pháp môn Đà-la-ni, không thủ đắc tất cả pháp môn Tam-ma-địa. Vì tất cả pháp cũng đều không có cái thủ đắc. Đại Bồ-tát ấy, tuy đối với tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa, hoặc tổng, hoặc biệt đều không có thủ đắc mà chỉ dùng bản nguyện để tu

hành bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, vì chưa viên mãn và dùng bản nguyện để tu chứng mười lực của Phật, cho đến trí Nhất thiết tướng, vì chưa hoàn thành. Ở trong thời gian đó, hoàn toàn không nên đem sự không thủ đắc tất cả các tướng mà nhập Niết-bàn. Đại Bồ-tát ấy, tuy có khả năng làm viên mãn bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo và có khả năng hoàn thành mười lực của Phật, cho đến trí Nhất thiết tướng, mà không thấy bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo và không thấy mười lực của Phật, cho đến trí Nhất thiết tướng. Vì sao vậy? Vì bốn Niệm trụ ấy, tức không phải bốn Niệm trụ, cho đến tám chi Thánh đạo và mười lực của Phật, tức không phải mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng, tức không phải trí Nhất thiết tướng, vì tất cả pháp không phải là pháp, cũng không phải là phi pháp. Đại Bồ-tát ấy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp, tuy không có chỗ thủ đắc mà có khả năng hoàn thành tất cả sự nghiệp.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 38

PHẨM 10: HÀNH TƯỚNG CỦA BÁT-NHÃ (1)

Lại nữa bạch Thế Tôn, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên quán như thế này: "Cái gì là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Vì sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Ai tu Bát-nhã ba-la-mật-đa? Bát-nhã ba-la-mật-đa này dùng để làm gì? Như vậy, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa quán sát kỹ, nếu pháp ấy không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bên trong không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, thì lấy cái gì để vặn hỏi?"

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Trong đó, pháp nào không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được?

Trưởng lão Thiện Hiện đáp:

–Đó là pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì do pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Xá-lợi Tử, pháp sắc không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp thọ, tưởng, hành, thức, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Xá-lợi Tử, pháp nhãn xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp sắc xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Xá-lợi Tử, pháp nhãn giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Pháp nhĩ giới không sở

hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Pháp tỷ giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Pháp thiệt giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Pháp thân giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Pháp ý giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp địa giới không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp thủy, hỏa, phong, không, thức giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp Thánh đế khổ, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Thánh đế tập, diệt, đạo, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp vô minh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp không bên trong, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp bốn Tĩnh lự, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp năm loại mắt, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp sáu phép thần thông, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp bốn Niệm trụ, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi

Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp mười lực của Phật, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp chân như, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, pháp định, thật tế, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp Dự lưu, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, pháp Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; pháp Như Lai, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Xá-lợi Tử, nói tóm lại, thường hoặc vô thường, lạc hoặc khổ, ngã hoặc vô ngã, tịnh hoặc bất tịnh, không hoặc bất không, vô tướng hoặc hữu tướng, vô nguyện hoặc hữu nguyện, tịch tĩnh hoặc chẳng tịch tĩnh, xa lìa hoặc chẳng xa lìa, tạp nhiễm hoặc thanh tịnh, sinh hoặc diệt, hữu vi hoặc vô vi, hữu lậu hoặc vô lậu, thiện hoặc chẳng phải thiện, hữu tội hoặc vô tội, thế gian hoặc xuất thế gian, thuộc về sinh tử hoặc thuộc về Niết-bàn, quá khứ, vị lai, hiện tại, thiện, bất thiện hoặc vô ký, sự ràng buộc trong cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, học-vô học, hoặc phi học phi vô học; kiến sở đoạn, tu sở đoạn, phi sở đoạn, ở trong, ngoài hoặc ở cả trong ngoài, các pháp như vậy, đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì do pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thẩm xét, quán sát kỹ tất cả pháp như trên, đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, tâm không chìm đắm, lo âu, hối tiếc; tâm ấy chẳng kinh hoàng, sợ sệt, hãi hùng. Nên biết, Đại Bồ-tát ấy đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, có khả năng thường chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì duyên cớ gì mà biết là các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-

mật-đa, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, có khả năng thường chẳng xa lìa.

Thiện Hiện đáp:

–Vì Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa; biết như thật về Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, lìa tự tánh tĩnh lự cho đến Bố thí ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, do đó, nên biết, các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, có khả năng thường chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết như thật về sắc, lìa tự tánh sắc; biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, lìa tự tánh thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về nhãn xứ, lìa tự tánh nhãn xứ; biết như thật về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, lìa tự tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; biết như thật về sắc xứ, lìa tự tánh sắc xứ; biết như thật về thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, lìa tự tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; biết như thật về nhãn giới, lìa tự tánh nhãn giới; biết như thật về sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, lìa tự tánh sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; biết như thật về nhĩ giới, lìa tự tánh nhĩ giới; biết như thật về thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, lìa tự tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; biết như thật về tỷ giới, lìa tự tánh tỷ giới; biết như thật về hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, lìa tự tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; biết như thật về thiệt giới, lìa tự tánh thiệt giới biết như thật về vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, lìa tự tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; biết như thật về thân giới, lìa tự tánh thân giới; biết như thật về xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, lìa tự tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; biết như thật về ý giới, lìa tự tánh ý giới; biết như thật về pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, lìa tự tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; biết như thật về địa giới, lìa tự tánh địa giới; biết như thật về thủy, hỏa, phong, không, thức giới, lìa tự tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới; biết như thật về Thánh đế khổ, lìa tự tánh Thánh đế khổ; biết như thật về Thánh đế tập, diệt, đạo, lìa tự tánh Thánh đế tập, diệt, đạo; biết như thật về vô minh, lìa tự tánh vô minh; biết như thật về hành, thức,

danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, lìa tự tánh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; biết như thật về pháp không bên trong, lìa tự tánh pháp không bên trong; biết như thật về pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, lìa tự tánh pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh; biết như thật về bốn Tĩnh lự, lìa tự tánh bốn Tĩnh lự; biết như thật về bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, lìa tự tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; biết như thật về năm loại mắt, lìa tự tánh năm loại mắt; biết như thật về sáu phép thần thông, lìa tự tánh sáu phép thần thông; biết như thật về bốn Niệm trụ, lìa tự tánh bốn Niệm trụ; biết như thật về bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, lìa tự tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo; biết như thật về mười lực của Phật, lìa tự tánh mười lực của Phật; biết như thật về bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, lìa tự tánh bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng; biết như thật về chân như, lìa tự tánh chân như; biết như thật về pháp giới, pháp tánh, trụ pháp, định pháp, thật tế, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, lìa tự tánh pháp giới cho đến tánh ly sinh; biết như thật về Dự lưu, lìa tự tánh Dự lưu; biết như thật về Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác, lìa tự tánh Nhất lai cho đến Độc giác; biết như thật về Bồ-tát, lìa tự tánh Bồ-tát; biết như thật về Như Lai, lìa tự tánh Như Lai; biết như thật về pháp thường, vô thường, lìa tự tánh pháp thường, vô thường; biết như thật về pháp lạc, khổ, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, không, bất không, vô tướng, hữu tướng, vô nguyện, hữu nguyện, tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh, xa lìa, chẳng xa lìa, tạp nhiễm, thanh tịnh, sinh, diệt, hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu, thiện, chẳng phải thiện, hữu tội, vô tội, thế gian, xuất thế gian, thuộc về sinh tử hoặc về Niết-bàn, lìa tự tánh pháp lạc, khổ cho đến thuộc về sinh tử hoặc về Niết-bàn; biết như thật về pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, lìa tự tánh pháp quá khứ, vị lai, hiện tại; biết như thật về pháp thiện, bất thiện, vô ký, sự ràng buộc trong cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, học, vô học, phi học phi vô học; kiến sở đoạn, tu sở đoạn, phi sở đoạn, ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài, lìa tự tánh pháp thiện, bất thiện,

vô ký cho đến ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài.

Xá-lợi Tử, do đó nên biết, các Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, có khả năng thường chẳng xa lìa.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Cái gì là tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa? Cái gì là tự tánh của Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa? Cho đến cái gì là tự tánh của pháp ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài?

Thiện Hiện đáp:

–Vô tánh là tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa, vô tánh là tự tánh của Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, cho đến vô tánh là tự tánh của pháp ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài.

Xá-lợi Tử, do đó nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa; Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, lìa tự tánh Tĩnh lự cho đến tự tánh Bố thí ba-la-mật-đa; cho đến pháp ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài, lìa tự tánh pháp ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài.

Xá-lợi Tử, Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa; Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, lìa tướng Tĩnh lự cho đến Bố thí ba-la-mật-đa; cho đến pháp ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài, lìa tướng pháp ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài.

Xá-lợi Tử, tự tánh cũng lìa tự tánh; tướng cũng lìa tướng; tự tánh cũng lìa tướng; tướng cũng lìa tự tánh; tướng của tự tánh cũng lìa tự tánh của tướng; tự tánh của tướng cũng lìa tướng của tự tánh.

Xá-lợi Tử nói với Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát, học những pháp ở trên, có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết tướng?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như ngài nói! nếu Đại Bồ-tát học những pháp ở trên, có khả năng hoàn thành trí Nhất thiết tướng. Vì sao vậy? Xá-lợi Tử, vì Đại Bồ-tát ấy, biết tất cả pháp là không sinh, không hoàn thành.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Do nhân duyên gì mà tất cả pháp không sinh, không hoàn thành?

Thiện Hiện đáp:

–Vì sắc tức là không, nên sinh ra và hình thành của sắc không thể được; vì thọ, tưởng, hành, thức là không, nên sinh ra và hình thành của thọ,

tưởng, hành, thức không thể được; vì nhãn xứ là không, nên sinh ra và hình thành của nhãn xứ không thể được; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, nên sinh ra và hình thành của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được; vì sắc xứ là không, nên sinh ra và hình thành của sắc xứ không thể được; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, nên sinh ra và hình thành của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được; vì nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, nên sinh ra và hình thành của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được; vì nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, nên sinh ra và hình thành của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được; vì tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, nên sinh ra và hình thành của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được; vì thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, nên sinh ra và hình thành của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được; vì thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, nên sinh ra và hình thành của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể được; vì ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, nên sinh ra và hình thành của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể được; vì địa giới là không, nên sinh ra và hình thành của địa giới không thể được; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, nên sinh ra và hình thành của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được; vì Thánh đế khổ là không, nên sinh ra và hình thành của Thánh đế khổ không thể được; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là không, nên sinh ra và hình thành của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được; vì vô minh là không, nên sinh ra và hình thành của vô minh không thể được; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, nên sinh ra và hình thành của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được; vì pháp không bên trong là không, nên sinh ra và hình thành của pháp không bên trong không thể được; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp

không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh là không, nên sinh ra và hình thành của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không thể được; vì bốn Tĩnh lự là không, nên sinh ra và hình thành của bốn Tĩnh lự không thể được; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, nên sinh ra và hình thành của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được; vì năm loại mắt là không, nên sinh ra và hình thành của năm loại mắt không thể được; vì sáu phép thần thông là không, nên sinh ra và hình thành của sáu phép thần thông không thể được; vì Bố thí ba-la-mật-đa là không, nên sinh ra và hình thành của Bố thí ba-la-mật-đa không thể được; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, nên sinh ra và hình thành của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được; vì bốn Niệm trụ là không, nên sinh ra và hình thành của bốn Niệm trụ không thể được; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không, nên sinh ra và hình thành của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được; vì mười lực của Phật là không, nên sinh ra và hình thành nơi mười lực của Phật không thể được; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, nên sinh ra và hình thành của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng; vì chân như là không, nên sinh ra và hình thành của chân như không thể được; vì pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, pháp định, thật tế, tánh bình đẳng, tánh ly sinh là không, nên sinh ra và hình thành của pháp giới cho đến tánh ly sinh không thể được; vì Dự lưu là không, nên sinh ra và hình thành của Dự lưu không thể được; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác là không, nên sinh ra và hình thành của Nhất lai cho đến Độc giác không thể được; vì Bồ-tát là không, nên sinh ra và hình thành của Bồ-tát không thể được; vì Như Lai là không, nên sinh ra và hình thành của Như Lai không thể được; vì pháp thường, vô thường là không, nên sinh ra và hình thành của pháp thường, vô thường không thể được; vì các pháp lạc, khổ, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, không, bất không, vô tướng, hữu tướng, vô nguyện, hữu nguyện, tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh, xa lìa, chẳng xa lìa, tạp nhiễm, thanh tịnh, sinh, diệt, hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu, thiện, chẳng phải thiện, hữu tội, vô tội, thế gian, xuất thế gian, thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn là không, nên sinh ra và hình thành của pháp lạc, khổ cho đến thuộc về sinh tử, thuộc về Niết-bàn không thể được; vì pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, thiện, bất thiện, vô ký, sự ràng buộc trong cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, học-vô học, phi học phi vô học; kiến sở đoạn, tu sở đoạn, phi

sở đoạn, ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài là không, nên sinh ra và hình thành của pháp thiện, bất thiện, vô ký cho đến ở trong, ngoài, ở cả trong ngoài không thể được.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, liền tiếp cận trí Nhất thiết tướng; Đại Bồ-tát ấy, tiếp cận như thật trí Nhất thiết tướng như vậy, nên được thân thanh tịnh, được lời thanh tịnh, được ý thanh tịnh, được tướng thanh tịnh như vậy, nên chẳng sinh tâm nối kết với tham, với sân, với si, với mạn, với sự dối trá, với sự tham lam keo kiệt, với tất cả mọi kiến chấp thủ đắc. Đại Bồ-tát ấy, vì do chẳng sinh tâm nối kết với tham, nối kết với tất cả mọi kiến chấp thủ đắc, nên rốt ráo chẳng đọa vào trong thai nữ nhân, thường được hóa sinh, cũng vĩnh viễn không sinh vào các đường ác, trừ khi vì nhân duyên làm lợi lạc cho hữu tình; từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, tạo sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thường chẳng lìa Phật.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát muốn được công đức thù thắng lợi lạc như trên, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên xa lìa.

Bấy giờ, Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về sắc, về tướng của sắc, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tu hành về tướng của thọ, tưởng, hành, thức, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của sắc, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của sắc, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của sắc, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của sắc, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của sắc, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của sắc, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về sự tịnh, bất tịnh của sắc, hoặc tu hành về tướng

tịnh, bất tịnh của sắc, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng không, bất không của sắc, hoặc tu hành về tướng không, bất không của sắc, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng không, bất không của thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tu hành về tướng không, bất không của thọ, tưởng, hành, thức, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của sắc, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của sắc, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của thọ, tưởng, hành, thức, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của thọ, tưởng, hành, thức, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành nhãn xứ, hoặc tu hành về tướng của nhãn xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc tu hành về tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của nhãn xứ, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của nhãn xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của nhãn xứ, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của nhãn xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-

la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của nhãn xứ, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của nhãn xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của nhãn xứ, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của nhãn xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của nhãn xứ, hoặc tu hành về tướng không, bất không của nhãn xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc tu hành về tướng không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của nhãn xứ, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của nhãn xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của nhãn xứ, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhãn xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xứ, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sắc xứ, hoặc tu hành về tướng của sắc xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc tu hành về tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-

la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của sắc xứ, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của sắc xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của sắc xứ, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của sắc xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của sắc xứ, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của sắc xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của sắc xứ, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của sắc xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của sắc xứ, hoặc tu hành về tướng không, bất không của sắc xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc tu hành về tướng không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của sắc xứ, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của sắc xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của sắc xứ, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc xứ, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái

xa lìa, chẳng xa lìa của sắc xứ, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng không, bất không của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do

nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng không, bất không của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu

hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng không, bất không của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, thì

không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng không, bất không của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, thì không

phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng không, bất không của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, thì không

phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng không, bất không của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, hoặc tu

hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành địa giới, hoặc tu hành về tướng của địa giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc tu hành về tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của địa giới, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của địa giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của địa giới, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của địa giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của địa giới, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của địa giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của địa giới, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của địa giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịnh, bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của địa giới, hoặc tu hành về tướng không, bất không của địa giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc tu hành về tướng không, bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của địa giới, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của địa giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của địa giới, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của địa giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới,

hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của địa giới, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của địa giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của địa giới, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của địa giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, thì không phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 39

PHẨM 10: HÀNH TƯỚNG CỦA BÁT-NHÃ (2)

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành Thánh đế khổ, hoặc tu hành về tướng của Thánh đế khổ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tu hành về tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của Thánh đế khổ, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của Thánh đế khổ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của Thánh đế khổ, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của Thánh đế khổ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của Thánh đế khổ, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của Thánh đế khổ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của Thánh đế khổ, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của Thánh đế khổ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịnh, bất tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của Thánh đế khổ, hoặc tu hành về tướng không, bất không của Thánh đế khổ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tu hành về tướng không, bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của Thánh đế khổ, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của Thánh đế khổ, thì

chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế khổ, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế khổ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế khổ, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế khổ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành vô minh, hoặc tu hành về tướng của vô minh, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc tu hành về tướng của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của vô minh, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của vô minh, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của vô minh, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của vô minh, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của vô minh, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của vô minh, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của hành, thức,

danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của vô minh, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của vô minh, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịnh, bất tịnh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của vô minh, hoặc tu hành về tướng không, bất không của vô minh, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc tu hành về tướng không, bất không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của vô minh, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của vô minh, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của vô minh, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của vô minh, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vô minh, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vô minh, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của vô minh, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của vô minh, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi

tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành bốn Tĩnh lự, hoặc tu hành về tướng của bốn Tĩnh lự, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tu hành về tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của bốn Tĩnh lự, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của bốn Tĩnh lự, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của bốn Tĩnh lự, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của bốn Tĩnh lự, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của bốn Tĩnh lự, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của bốn Tĩnh lự, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của bốn Tĩnh lự, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của bốn Tĩnh lự, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịnh, bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của bốn Tĩnh lự, hoặc tu hành về tướng không, bất không của bốn Tĩnh lự, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tu hành về tướng không, bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của bốn Tĩnh lự, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Tĩnh lự, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của bốn Tĩnh lự, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Tĩnh lự, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu

hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành bốn Niệm trụ, hoặc tu hành về tướng của bốn Niệm trụ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc tu hành về tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của bốn Niệm trụ, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của bốn Niệm trụ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của bốn Niệm trụ, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của bốn Niệm trụ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của bốn Niệm trụ, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của bốn Niệm trụ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của bốn Niệm trụ, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của bốn Niệm trụ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịnh, bất tịnh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo,

hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của bốn Niệm trụ, hoặc tu hành về tướng không, bất không của bốn Niệm trụ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc tu hành về tướng không, bất không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của bốn Niệm trụ, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Niệm trụ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của bốn Niệm trụ, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Niệm trụ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng của Bố thí ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh

tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của Bố thí ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịnh, bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng không, bất không của Bố thí ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng không, bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của Bố thí ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-

mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành năm loại mắt, hoặc tu hành về tướng của năm loại mắt, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sáu phép thần thông, hoặc tu hành về tướng của sáu phép thần thông, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của năm loại mắt, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của năm loại mắt, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của sáu phép thần thông, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của sáu phép thần thông, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của năm loại mắt, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của năm loại mắt, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của sáu phép thần thông, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của sáu phép thần thông, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của năm loại mắt, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của năm loại mắt, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của sáu phép thần thông, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của sáu phép thần thông, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh của năm loại mắt, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của năm loại mắt, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịnh, bất tịnh của sáu phép thần thông, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của sáu phép thần thông, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-

đa; hoặc tu hành cái không, bất không của năm loại mắt, hoặc tu hành về tướng không, bất không của năm loại mắt, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của sáu phép thần thông, hoặc tu hành về tướng không, bất không của sáu phép thần thông, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của năm loại mắt, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của năm loại mắt, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của sáu phép thần thông, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của sáu phép thần thông, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của năm loại mắt, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của năm loại mắt, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của sáu phép thần thông, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của sáu phép thần thông, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của năm loại mắt, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của năm loại mắt, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của sáu phép thần thông, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sáu phép thần thông, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc tu hành mười lực của Phật, hoặc tu hành về tướng nơi mười lực của Phật, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc tu hành về tướng của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường nơi mười lực của Phật, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường nơi mười lực của Phật, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái thường, vô thường của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc tu hành về tướng thường, vô thường của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc

tu hành cái lạc, khổ nơi mười lực của Phật, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ nơi mười lực của Phật, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái lạc, khổ của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc tu hành về tướng lạc, khổ của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã nơi mười lực của Phật, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã nơi mười lực của Phật, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái ngã, vô ngã của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc tu hành về tướng ngã, vô ngã của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành sự tịnh, bất tịnh nơi mười lực của Phật, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh nơi mười lực của Phật, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành tịnh, bất tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc tu hành về tướng tịnh, bất tịnh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành không, bất không nơi mười lực của Phật, hoặc tu hành về tướng không, bất không nơi mười lực của Phật, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái không, bất không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc tu hành về tướng không, bất không của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng nơi mười lực của Phật, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng nơi mười lực của Phật, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô tướng, hữu tướng của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc tu hành về tướng vô tướng, hữu tướng của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện nơi mười lực của Phật, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện nơi mười lực của Phật, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc tu hành về tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn điều không sợ cho

đến trí Nhất thiết tướng, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc tu hành về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật, thì chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, hoặc tu hành về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát, không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc khởi lên ý nghĩ: "Ta tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa", là đã có hành tướng sở đắc, chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc khởi lên ý nghĩ: "Ta là Đại Bồ-tát", là đã có hành tướng sở đắc, chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc khởi lên ý nghĩ: "Vị kia tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa", là đã có hành tướng sở đắc, chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc khởi lên ý nghĩ: "Vị kia là Đại Bồ-tát", là đã có hành tướng sở đắc, chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc khởi lên ý nghĩ: "Tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, mới là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa", là đã có hành tướng sở đắc, chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát, khởi lên những ý nghĩ tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, nên biết đây gọi là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa mà không có phương tiện thiện xảo.

Bấy giờ, Trưởng lão Thiện Hiện nói với Xá-lợi Tử:

–Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với sắc, trụ tưởng thắng giải, liền đối với sắc khởi lên gia hạnh; hoặc đối với thọ, tưởng, hành, thức, trụ tưởng thắng giải, liền đối với thọ, tưởng, hành, thức khởi lên gia hạnh. Vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và cái khổ của đời vị lai.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với nhãn xứ, trụ tưởng thắng giải, liền đối với

nhãn xứ khởi lên gia hạnh; hoặc đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, trụ tưởng thắng giải, liền đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ; hoặc đối với sắc xứ, trụ tưởng thắng giải, liền đối với sắc xứ khởi lên gia hạnh; hoặc đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, trụ tưởng thắng giải, liền đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và cái khổ của đời vị lai.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, trụ tưởng thắng giải, liền đối với nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ; hoặc đối với nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, trụ tưởng thắng giải, liền đối với nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ; hoặc đối với tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, trụ tưởng thắng giải, liền đối với tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ; hoặc đối với thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, trụ tưởng thắng giải, liền đối với thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ; hoặc đối với thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, trụ tưởng thắng giải, liền đối với thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ; hoặc đối với ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, trụ tưởng thắng giải, liền đối với ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với địa giới, trụ tưởng thắng giải, liền đối với địa giới khởi lên gia hạnh; hoặc đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới, trụ tưởng thắng giải, liền đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới

khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với Thánh đế khổ, trụ tưởng thắng giải, liền đối với Thánh đế khổ khởi lên gia hạnh; hoặc đối với Thánh đế tập, diệt, đạo, trụ tưởng thắng giải, liền đối với Thánh đế tập, diệt, đạo khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với vô minh, trụ tưởng thắng giải, liền đối với vô minh khởi lên gia hạnh; hoặc đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, trụ tưởng thắng giải, liền đối với hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với bốn Tĩnh lự, trụ tưởng thắng giải, liền đối với bốn Tĩnh lự khởi lên gia hạnh; hoặc đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, trụ tưởng thắng giải, liền đối với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với bốn Niệm trụ, trụ tưởng thắng giải, liền đối với bốn Niệm trụ khởi lên gia hạnh; hoặc đối với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, trụ tưởng thắng giải, liền đối với bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với Bố thí ba-la-mật-đa, trụ tưởng thắng giải, liền đối với Bố thí ba-la-mật-đa khởi lên gia hạnh; hoặc đối với Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, trụ tưởng thắng giải, liền đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với năm loại mắt, trụ tưởng thắng giải, liền

đối với năm loại mắt khởi lên gia hạnh; hoặc đối với sáu phép thần thông, trụ tưởng thắng giải, liền đối với sáu phép thần thông khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với mười lực của Phật, trụ tưởng thắng giải, liền đối với mười lực của Phật khởi lên gia hạnh; hoặc đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, trụ tưởng thắng giải, liền đối với bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ.

Nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc đối với Thanh văn và đối với pháp Thanh văn, trụ tưởng thắng giải, liền đối với Thanh văn và pháp của Thanh văn khởi lên gia hạnh; hoặc đối với Độc giác, Bồ-tát, Như Lai và pháp của các bậc này, trụ tưởng thắng giải, liền đối với Độc giác, Bồ-tát, Như Lai và pháp của các bậc này khởi lên gia hạnh; vì do gia hạnh, nên không thể giải thoát sinh, lão, bệnh, tử và tương lai sẽ chịu khổ.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát như vậy, còn chẳng thể chứng được Niết-bàn của Thanh văn, Độc giác, mà chứng được quả vị Giác ngộ cao tột là điều không có.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát khởi lên các sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, nên biết đây là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không có phương tiện thiện xảo.

Khi ấy, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì sao biết các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo?

Thiện Hiện đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành sắc, chẳng tu hành tướng của sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tu hành tướng của thọ, tưởng, hành, thức, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái thường, vô thường của sắc, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức, là tu hành Bát-nhã

ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái lạc, khổ của sắc, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của sắc, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của sắc, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái không, bất không của sắc, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái không, bất không của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của thọ, tưởng, hành, thức, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của sắc, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của thọ, tưởng, hành, thức, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của sắc, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của thọ, tưởng, hành, thức, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của sắc, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sắc và tánh của sắc là không, thọ, tưởng, hành, thức và tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không. Xá-lợi Tử, sắc ấy chẳng phải sắc; không là sắc; không chẳng

phải sắc; sắc chẳng lìa không; không chẳng lìa sắc; sắc tức là không; không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành nhãn xứ, chẳng tu hành tướng của nhãn xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng tu hành tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái thường, vô thường của nhãn xứ, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của nhãn xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái lạc, khổ của nhãn xứ, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của nhãn xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của nhãn xứ, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của nhãn xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của nhãn xứ, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của nhãn xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái không, bất không của nhãn xứ, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của nhãn xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của nhãn xứ, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của nhãn xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của nhãn xứ, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhãn xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu

hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xứ, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nhãn xứ và tánh của nhãn xứ là không, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không. Xá-lợi Tử, nhãn xứ ấy chẳng phải nhãn xứ; không là nhãn xứ; không chẳng phải nhãn xứ; nhãn xứ chẳng lìa không; không chẳng lìa nhãn xứ; nhãn xứ tức là không; không tức là nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành sắc xứ, chẳng tu hành tướng của sắc xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng tu hành tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái thường, vô thường của sắc xứ, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của sắc xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái lạc, khổ của sắc xứ, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của sắc xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái lạc, khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của sắc xứ, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của sắc xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của sắc xứ, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của sắc xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái không, bất không của sắc xứ, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của sắc xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ,

chẳng tu hành cái tướng không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của sắc xứ, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của sắc xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của sắc xứ, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc xứ, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của sắc xứ, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa; chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì sắc xứ và tánh của sắc xứ là không, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không. Xá-lợi Tử, sắc xứ ấy chẳng phải sắc xứ; không là sắc xứ; không chẳng phải sắc xứ; sắc xứ chẳng lìa không; không chẳng lìa sắc xứ; sắc xứ tức là không; không tức là sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng lại như vậy.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 40

PHẨM 10: HÀNH TƯỚNG CỦA BÁT-NHÃ (3)

–Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành tướng của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện

của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nhãn giới và tánh của nhãn giới là không, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không. Xá-lợi Tử, nhãn giới ấy chẳng phải là nhãn giới; không là nhãn giới; không chẳng phải là nhãn giới; nhãn giới chẳng lìa không; không chẳng lìa nhãn giới; nhãn giới tức là không; không tức là nhãn giới; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành tướng của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất

không của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì nhĩ giới và tánh của nhĩ giới là không, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không. Xá-lợi Tử, nhĩ giới ấy chẳng phải là nhĩ giới; không là nhĩ giới; không chẳng phải là nhĩ giới; nhĩ giới chẳng lìa không; không chẳng lìa nhĩ giới; nhĩ giới tức là không; không tức là nhĩ giới; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành tướng của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của tỷ

giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không. Xá-lợi Tử, tỷ giới ấy chẳng phải là tỷ giới; không là tỷ giới; không chẳng phải là tỷ giới; tỷ giới chẳng lìa không; không chẳng lìa tỷ giới; tỷ giới tức là không; không tức là tỷ giới; hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành

tướng của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì thiệt giới và tánh của thiệt giới là không, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do

thiệt xúc làm duyên sinh ra và tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không. Xá-lợi Tử, thiệt giới ấy chẳng phải là thiệt giới; không là thiệt giới; không chẳng phải là thiệt giới; thiệt giới chẳng lìa không; không chẳng lìa thiệt giới; thiệt giới tức là không; không tức là thiệt giới; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành tướng của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên

sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì thân giới và tánh của thân giới là không, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không. Xá-lợi Tử, thân giới ấy chẳng phải là thân giới; không là thân giới; không chẳng phải là thân giới; thân giới chẳng lìa không; không chẳng lìa thân giới; thân giới tức là không; không tức là thân giới; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành tướng của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên

sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì ý giới và tánh của ý giới là không, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không. Xá-lợi Tử! Ý giới ấy chẳng phải là ý giới; không là ý giới; không chẳng phải là ý giới; ý giới chẳng lìa không; không chẳng lìa ý giới; ý giới tức là không; không tức là ý giới; pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành địa giới, chẳng tu hành tướng của địa giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng tu hành tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của địa giới, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của địa giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của địa giới, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của địa giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của địa giới, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của địa giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của thủy, hỏa,

phong, không, thức giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của địa giới, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của địa giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của địa giới, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của địa giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của địa giới, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của địa giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của địa giới, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của địa giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của địa giới, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của địa giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của địa giới, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của địa giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì địa giới và tánh của địa giới là không, thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không. Xá-lợi Tử, địa giới ấy chẳng phải là địa giới; không là địa giới; không chẳng phải là địa giới. Địa giới chẳng lìa không; không chẳng lìa địa giới; địa giới tức là không; không tức là địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành

Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành Thánh đế khổ, chẳng tu hành tướng của Thánh đế khổ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng tu hành tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của Thánh đế khổ, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của Thánh đế khổ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của Thánh đế khổ, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của Thánh đế khổ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của Thánh đế khổ, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của Thánh đế khổ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của Thánh đế khổ, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của Thánh đế khổ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của Thánh đế khổ, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của Thánh đế khổ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của Thánh đế khổ, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của Thánh đế khổ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế khổ, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế khổ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch

tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế khổ, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế khổ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Thánh đế khổ và tánh của Thánh đế khổ là không, Thánh đế tập, diệt, đạo và tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không. Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ ấy chẳng phải là Thánh đế khổ; không là Thánh đế khổ; không chẳng phải là Thánh đế khổ. Thánh đế khổ chẳng lìa không; không chẳng lìa Thánh đế khổ, Thánh đế khổ tức là không; không tức là Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành vô minh, chẳng tu hành tướng của vô minh, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng tu hành tướng của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của vô minh, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của vô minh, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của vô minh, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của vô minh, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của vô minh, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của vô minh, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của vô minh, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của vô minh, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng

tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của vô minh, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của vô minh, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của vô minh, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của vô minh, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của vô minh, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của vô minh, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vô minh, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vô minh, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của vô minh, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của vô minh, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì vô minh và tánh của vô minh là không, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không. Xá-lợi Tử, vô minh ấy chẳng phải là vô minh; không là vô minh; không chẳng phải là vô minh, vô minh chẳng lìa không, không chẳng lìa vô minh, vô minh tức là không, không tức là vô minh, hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành

Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành bốn Tĩnh lự, chẳng tu hành tướng của bốn Tĩnh lự, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng tu hành tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của bốn Tĩnh lự, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của bốn Tĩnh lự, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của bốn Tĩnh lự, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của bốn Tĩnh lự, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của bốn Tĩnh lự, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của bốn Tĩnh lự, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của bốn Tĩnh lự, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của bốn Tĩnh lự, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của bốn Tĩnh lự, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của bốn Tĩnh lự, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của bốn Tĩnh lự, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Tĩnh lự, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của bốn Tĩnh lự, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Tĩnh lự, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh,

chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì bốn Tĩnh lự và tánh của bốn Tĩnh lự là không, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không. Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự ấy chẳng phải là bốn Tĩnh lự, không là bốn Tĩnh lự, không chẳng phải là bốn Tĩnh lự, bốn Tĩnh lự chẳng lìa không, không chẳng lìa bốn Tĩnh lự, bốn Tĩnh lự tức là không, không tức là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành bốn Niệm trụ, chẳng tu hành tướng của bốn Niệm trụ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng tu hành tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của bốn Niệm trụ, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của bốn Niệm trụ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của bốn Niệm trụ, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của bốn Niệm trụ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của bốn Niệm trụ, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của bốn Niệm trụ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành

cái tịnh, bất tịnh của bốn Niệm trụ, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của bốn Niệm trụ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của bốn Niệm trụ, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của bốn Niệm trụ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của bốn Niệm trụ, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Niệm trụ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của bốn Niệm trụ, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Niệm trụ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì bốn Niệm trụ và tánh của bốn Niệm trụ là không, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm

Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không. Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ ấy chẳng phải là bốn Niệm trụ, không là bốn Niệm trụ, không chẳng phải là bốn Niệm trụ, bốn Niệm trụ chẳng lìa không, không chẳng lìa bốn Niệm trụ, bốn Niệm trụ tức là không, không tức là bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng lại như vậy.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 41

PHẨM 10: HÀNH TƯỚNG CỦA BÁT-NHÃ (4)

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng tu hành tướng của Bố thí ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của Bố thí ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của Bố thí ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-

nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của Bố thí ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hạnh xa lìa, chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa, chẳng tu hành tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hạnh xa lìa, chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành nơi tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì Bố thí ba-la-mật-đa và tánh của Bố thí ba-la-mật-đa là không, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không. Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa ấy chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa. Không là Bố thí ba-la-mật-đa; không chẳng phải là Bố thí ba-la-mật-đa. Bố thí ba-la-mật-đa chẳng lìa không, không chẳng lìa Bố thí ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa tức là không, không tức là Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành năm loại mắt, chẳng tu hành tướng của năm loại mắt, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành sáu phép thần thông, chẳng tu hành tướng của sáu phép thần thông, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của năm loại mắt, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của năm loại mắt, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường của sáu phép thần thông, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của sáu phép thần thông, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của năm loại mắt, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của năm loại mắt, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ của sáu phép thần thông, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của sáu phép thần thông, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của năm loại mắt, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của năm loại mắt, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã của sáu phép thần thông, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã của sáu phép thần thông, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của năm loại mắt, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của năm loại mắt, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh của sáu phép thần thông, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của sáu phép thần thông, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của năm loại mắt, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của năm loại mắt, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không của sáu phép thần thông, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của sáu phép thần thông, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của năm loại mắt, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của năm loại mắt, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng của sáu phép thần thông, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của sáu phép thần thông, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của năm loại mắt, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của năm loại mắt, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện của sáu phép thần thông, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của sáu phép thần thông, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng

tịch tĩnh của sáu phép thần thông, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hạnh xa lìa, chẳng xa lìa của năm loại mắt, chẳng tu hành tướng xa lìa, chẳng xa lìa của năm loại mắt, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hạnh xa lìa, chẳng xa lìa của sáu phép thần thông, chẳng tu hành tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sáu phép thần thông, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì năm loại mắt và tánh của năm loại mắt là không, sáu phép thần thông và tánh của sáu phép thần thông là không. Xá-lợi Tử, năm loại mắt ấy chẳng phải là năm loại mắt, không là năm loại mắt, không chẳng phải là năm loại mắt, năm loại mắt chẳng lìa không, không chẳng lìa năm loại mắt, năm loại mắt tức là không, không tức là năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng tu hành mười lực của Phật, chẳng tu hành tướng nơi mười lực của Phật, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng tu hành tướng của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường nơi mười lực của Phật, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường nơi mười lực của Phật, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái thường, vô thường nơi mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng tu hành cái tướng thường, vô thường của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ nơi mười lực của Phật, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ nơi mười lực của Phật, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái lạc, khổ nơi mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng tu hành cái tướng lạc, khổ của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã nơi mười lực của Phật, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã nơi mười lực của Phật, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái ngã, vô ngã nơi mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí

Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng tu hành cái tướng ngã, vô ngã bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh nơi mười lực của Phật, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh nơi mười lực của Phật, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịnh, bất tịnh nơi mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng tu hành cái tướng tịnh, bất tịnh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không nơi mười lực của Phật, chẳng tu hành cái tướng không, bất không nơi mười lực của Phật, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái không, bất không nơi mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng tu hành cái tướng không, bất không của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng nơi mười lực của Phật, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng nơi mười lực của Phật, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô tướng, hữu tướng nơi mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng tu hành cái tướng vô tướng, hữu tướng của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện nơi mười lực của Phật, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện nơi mười lực của Phật, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái vô nguyện, hữu nguyện nơi mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng tu hành cái tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hành cái tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng tu hành cái tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-

đa. Chẳng tu hạnh xa lìa, chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật, chẳng tu hành tướng xa lìa, chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Chẳng tu hạnh xa lìa, chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng tu hành cái tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, là tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Xá-lợi Tử, vì mười lực của Phật và tánh nơi mười lực của Phật là không, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tánh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không. Xá-lợi Tử, mười lực của Phật ấy chẳng phải là mười lực của Phật; không là mười lực của Phật; không chẳng phải là mười lực của Phật; mười lực của Phật chẳng lìa không, không chẳng lìa mười lực của Phật; mười lực của Phật tức là không, không tức là mười lực của Phật; bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng cũng lại như vậy.

Xá-lợi Tử, như vậy là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo, có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các pháp, chẳng chấp thủ có, chẳng chấp thủ chẳng phải có, chẳng chấp thủ cũng có, cũng chẳng phải có, chẳng chấp thủ cái chẳng phải có, chẳng phải chẳng có. Đối với chẳng chấp thủ ấy, cũng chẳng chấp thủ.

Lúc này, Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì nhân duyên gì, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các pháp đều không chấp thủ?

Thiện Hiện đáp:

–Vì tự tánh của các pháp không thể được. Vì sao? Vì các pháp lấy vô tánh làm tự tánh. Do nhân duyên này, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các pháp, hoặc chấp thủ có, hoặc chấp thủ chẳng có, hoặc chấp thủ cũng có cũng chẳng có, hoặc chấp thủ chẳng có chẳng phải chẳng có, hoặc chấp thủ chẳng chấp thủ, chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Vì các pháp đều không có tự tánh, nên chẳng thể chấp thủ.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với

Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chấp thủ việc tu hành, không chấp thủ việc chẳng tu hành, không chấp thủ việc cũng tu hành, cũng chẳng tu hành, không chấp thủ việc chẳng tu hành, không phải chẳng tu hành; đối với việc không chấp thủ cũng chẳng chấp thủ.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Vì nhân duyên gì, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoàn toàn không chấp thủ?

Thiện Hiện đáp:

–Vì tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa lấy vô tánh làm tự tánh. Do nhân duyên này, nên nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc chấp thủ việc tu hành, hoặc chấp thủ việc không tu hành. Chấp thủ việc cũng tu hành, cũng không tu hành, hoặc chấp thủ việc không phải tu hành, không phải chẳng tu hành. Chấp thủ việc không chấp thủ, chẳng phải tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn không có tự tánh, nên chẳng thể chấp thủ.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các pháp và Bát-nhã ba-la-mật-đa hoàn toàn không chấp thủ, không chấp trước. Đó gọi là Đại Bồ-tát, đối với các pháp, không còn chấp thủ, vướng mắc Tam-ma-địa. Tam-ma-địa này vi diệu thù thắng, rộng lớn vô cùng, có công năng tập hợp những tác dụng vô biên, vô ngại, mà các hàng Thanh văn, Độc giác chẳng có.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát, đối với Tam-ma-địa này, thường trụ chẳng xả, thì mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Các Đại Bồ-tát thường trụ chẳng xả đối với một Tam-ma-địa này để mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột hay thường trụ chẳng xả đối với các Tam-ma-địa khác, cũng để khiến cho Đại Bồ-tát mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột?

Thiện Hiện đáp:

–Chẳng phải chỉ đối với một Tam-ma-địa này, mà còn có các Tam-ma-địa khác, các Đại Bồ-tát đều thường trụ chẳng xả, để mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Những Tam-ma-địa đó là gì?

Thiện Hiện đáp:

–Đó là Tam-ma-địa Kiện hành, Tam-ma-địa Thật ấn, Tam-ma-địa Sư tử du hý, Tam-ma-địa Diệu nguyệt, Tam-ma-địa Nguyệt tràng tướng, Tam-ma-địa Nhất thiết pháp hải, Tam-ma-địa Quán đảnh, Tam-ma-địa Pháp giới quyết định, Tam-ma-địa Quyết định tràng tướng, Tam-ma-địa Kim cang dụ, Tam-ma-địa Nhập pháp ấn, Tam-ma-địa Tam-ma-địa vương, Tam-ma-địa Thiện an trụ, Tam-ma-địa Thiện lập định vương, Tam-ma-địa Phóng quang, Tam-ma-địa Vô vong thất, Tam-ma-địa Phóng quang vô vong thất, Tam-ma-địa Tinh tấn lực, Tam-ma-địa Trang nghiêm lực, Tam-ma-địa Đẳng dũng, Tam-ma-địa Nhập nhất thiết ngôn từ quyết định, Tam-ma-địa Nhập nhất thiết danh tự quyết định, Tam-ma-địa Quán phương, Tam-ma-địa Tổng trì ấn, Tam-ma-địa Chư pháp đẳng thú hải ấn, Tam-ma-địa Vương ấn, Tam-ma-địa Biến phú hư không, Tam-ma-địa Kim cang luận, Tam-ma-địa Tam luân thanh tịnh, Tam-ma-địa Vô lượng quang, Tam-ma-địa Vô trước vô chướng, Tam-ma-địa Đoạn chư pháp huyễn, Tam-ma-địa Khí xả trân bảo, Tam-ma-địa Biến chiếu, Tam-ma-địa Bất tuần, Tam-ma-địa Vô tướng trụ, Tam-ma-địa Bất tư duy, Tam-ma-địa Hàng phục tứ ma, Tam-ma-địa Vô cấu đăng, Tam-ma-địa Vô biên quang, Tam-ma-địa Phát quang, Tam-ma-địa Phổ chiếu, Tam-ma-địa Tịnh kiên tịnh, Tam-ma-địa Sư tử phấn chấn, Tam-ma-địa Sư tử tần thân, Tam-ma-địa Sư tử khiếm khư, Tam-ma-địa Vô cấu quang, Tam-ma-địa Diệu lạc, Tam-ma-địa Điển đăng, Tam-ma-địa Vô tận, Tam-ma-địa Tối thắng tràng tướng, Tam-ma-địa Đế tướng, Tam-ma-địa Thuận minh chánh lưu, Tam-ma-địa Cụ oai quang, Tam-ma-địa Ly tận, Tam-ma-địa Bất khả động chuyển, Tam-ma-địa Tịch tĩnh, Tam-ma-địa Vô hà khích, Tam-ma-địa Nhật đăng, Tam-ma-địa Nguyệt tịnh, Tam-ma-địa Tịnh nhãn, Tam-ma-địa Tịnh quang, Tam-ma-địa Nguyệt đăng, Tam-ma-địa Phát minh, Tam-ma-địa Ứng tác bất ứng tác, Tam-ma-địa Trí tướng, Tam-ma-địa Kim cang man, Tam-ma-địa Trụ tâm, Tam-ma-địa Phổ minh, Tam-ma-địa Diệu an lập, Tam-ma-địa Bảo tích, Tam-ma-địa Diệu pháp ấn, Tam-ma-địa Nhất thiết pháp tánh bình đẳng, Tam-ma-địa Khí xả trần ái, Tam-ma-địa Pháp dũng viên mãn, Tam-ma-địa Nhập pháp đảnh, Tam-ma-địa Bảo tánh, Tam-ma-địa Xả huyên tánh, Tam-ma-địa Phiêu tán, Tam-ma-địa Phân biệt pháp cú, Tam-ma-địa Quyết định, Tam-ma-địa Vô cấu hành, Tam-ma-địa Tự bình đẳng tướng, Tam-ma-địa Ly văn tự tướng, Tam-ma-địa Đoạn sở duyên, Tam-ma-địa Vô biến dị, Tam-ma-địa Vô chủng loại, Tam-ma-địa Nhập danh tướng, Tam-ma-địa Vô sở tác, Tam-ma-địa Nhập quyết định danh, Tam-ma-địa Hành vô tướng, Tam-ma-địa Ly uế ám, Tam-ma-địa Cụ hành, Tam-ma-địa Bất biến động,

Tam-ma-địa Độ cảnh giới, Tam-ma-địa Tập nhất thiết công đức, Tam-ma-địa Vô tâm trụ, Tam-ma-địa Quyết định trụ, Tam-ma-địa Tịnh diệu hoa, Tam-ma-địa Cụ giác chi, Tam-ma-địa Vô biên biện, Tam-ma-địa Vô biên đăng, Tam-ma-địa Vô đẳng đẳng, Tam-ma-địa Siêu nhất thiết pháp, Tam-ma-địa Quyết phán chư pháp, Tam-ma-địa Tán nghi, Tam-ma-địa Vô sở trụ, Tam-ma-địa Nhất tướng trang nghiêm, Tam-ma-địa Dẫn phát hành tướng, Tam-ma-địa Nhất hành tướng, Tam-ma-địa Ly chư hành tướng, Tam-ma-địa Diệu hành, Tam-ma-địa Đạt chư hữu để viễn ly, Tam-ma-địa Nhập nhất thiết thi thiết ngữ ngôn, Tam-ma-địa Kiên cố bảo, Tam-ma-địa Ư nhất thiết pháp vô sở thủ trước, Tam-ma-địa Điển diệm trang nghiêm, Tam-ma-địa Trừ khiển, Tam-ma-địa Vô thắng, Tam-ma-địa Pháp cự, Tam-ma-địa Tuệ đăng, Tam-ma-địa Thú hướng bất thoái chuyển thần thông, Tam-ma-địa Giải thoát âm thanh văn tự, Tam-ma-địa Tuệ cự xí nhiên, Tam-ma-địa Nghiêm tịnh tướng, Tam-ma-địa Vô tướng, Tam-ma-địa Vô trược nhẫn tướng, Tam-ma-địa Cụ nhất thiết diệu tướng, Tam-ma-địa Cụ tổng trì, Tam-ma-địa Bất hỷ nhất thiết khổ lạc, Tam-ma-địa Vô tận hành tướng, Tam-ma-địa Nhiếp phục nhất thiết chánh tà tánh, Tam-ma-địa Đoạn tắng ái, Tam-ma-địa Ly vi thuận, Tam-ma-địa Vô cấu minh, Tam-ma-địa Cực kiên cố, Tam-ma-địa Mãn nguyệt tịnh quang, Tam-ma-địa Đại trang nghiêm, Tam-ma-địa Vô nhiệt điển quang, Tam-ma-địa Năng chiếu nhất thiết thế gian, Tam-ma-địa Năng cứu nhất thiết thế gian, Tam-ma-địa Định bình đẳng tánh, Tam-ma-địa Vô trần hữu trần bình đẳng lý thú, Tam-ma-địa Vô tránh hữu tránh bình đẳng lý thú, Tam-ma-địa Vô sào huyệt vô tiêu xí vô ái nhạo, Tam-ma-địa Quyết định an trụ chân như, Tam-ma-địa Khí trung mãn xuất, Tam-ma-địa Thiêu chư phiền não, Tam-ma-địa Đại trí tuệ cự, Tam-ma-địa Xuất sinh thập lực, Tam-ma-địa Khai xiển, Tam-ma-địa Hoại thân ác hành, Tam-ma-địa Hoại ngữ ác hành, Tam-ma-địa Hoại ý ác hành, Tam-ma-địa Thiện quán sát, Tam-ma-địa Như hư không, Tam-ma-địa Vô nhiễm trước gia hư không.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát đối với các Tam-ma-địa như vậy, thường trú chẳng xả, mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Lại có vô lượng vô số pháp môn Tam-ma-địa, pháp môn Đà-la-ni khác, nếu Đại Bồ-tát thường khéo tu học cũng khiến mau chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Trưởng lão Thiện Hiện nương theo thần lực Phật nói với Xá-lợi Tử:

–Nếu Đại Bồ-tát nào an trụ các Tam-ma-địa như vậy, thì nên biết,

đã được sự thọ ký của chư Phật trong quá khứ, cũng được sự thọ ký của mười phương chư Phật trong hiện tại. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy tuy an trụ các Tam-ma-địa như vậy mà chẳng thấy các Tam-ma-địa ấy, cũng chẳng đắm trước vào các Tam-ma-địa ấy, cũng chẳng nghĩ là ta đã nhập vào các Tam-ma-địa ấy, ta đang nhập vào các Tam-ma-địa ấy, ta sẽ nhập vào các Tam-ma-địa ấy, chỉ ta có khả năng nhập vào chứ chẳng phải người khác vào được. Nếu vị đó tầm tư phân biệt như vậy thì định lực hoàn toàn không hiện hành.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Có phải thật riêng có Đại Bồ-tát an trụ các Tam-ma-địa như vậy, đã được chư Phật trong quá khứ, hiện tại thọ ký chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Không! Xá-lợi Tử, vì sao? Xá-lợi Tử, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng khác các Tam-ma-địa, các Tam-ma-địa chẳng khác Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại Bồ-tát chẳng khác Bát-nhã ba-la-mật-đa và Tam-ma-địa. Bát-nhã ba-la-mật-đa và Tam-ma-địa chẳng khác Đại Bồ-tát. Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là các Tam-ma-địa, các Tam-ma-địa tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa và Tam-ma-địa, Bát-nhã ba-la-mật-đa và Tam-ma-địa tức là Đại Bồ-tát. Vì sao vậy? Vì tánh của các pháp đều bình đẳng.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nếu tánh của các pháp là bình đẳng thì Tam-ma-địa này có thể thị hiện chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Không thể thị hiện.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Đại Bồ-tát ấy, đối với Tam-ma-địa này có ý tưởng phân tích chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Đại Bồ-tát ấy không có ý tưởng phân tích.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bồ-tát ấy vì sao không có ý tưởng phân tích?

Thiện Hiện đáp:

–Vì Đại Bồ-tát ấy không còn phân biệt.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Vì sao Đại Bồ-tát ấy không phân biệt?

Thiện Hiện đáp:

–Vì tánh của các pháp đều không sở hữu. Cho nên Đại Bồ-tát ấy, đối với định, chẳng khởi sự phân biệt. Do nhân duyên này, mà đối với các pháp và Tam-ma-địa, Đại Bồ-tát ấy đều không có ý tưởng phân tích. Vì sao? Vì các pháp và Tam-ma-địa đều không sở hữu, trong cái không sở hữu, mọi ý tưởng phân biệt, giải thích đều không có lý do sinh khởi.

Khi ấy, Bạc-già-phạm khen Thiện Hiện:

–Hay thay, hay thay, đúng như ông đã nói! Cho nên ta đã nói ông an trụ nơi pháp định vô tránh, là bậc cao nhất trong chúng Thanh văn, do đó Ta nói ông tương ưng với diệu nghĩa.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên học như vậy; muốn học Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, nên học như vậy!

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát muốn học bốn Tĩnh lự, nên học như vậy; muốn học bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, nên học như vậy.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát muốn học bốn Niệm trụ, nên học như vậy; muốn học bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, nên học như vậy.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát muốn học năm loại mắt, nên học như vậy; muốn học sáu phép thần thông, nên học như vậy.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát muốn học mười lực của Phật, nên học như vậy; muốn học bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, nên học như vậy.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát học như vậy là học Bát-nhã ba-la-mật-đa một cách chân chính, cho đến học trí Nhất thiết tướng một cách chân chính chăng?

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Đại Bồ-tát học như vậy là học Bát-nhã ba-la-mật-đa một cách chân chính, vì lấy vô sở đắc làm phương tiện, cho đến học trí Nhất thiết tướng một cách chân chính.

Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế tôn, Đại Bồ-tát học như vậy, lấy vô sở đắc làm phương tiện, để học Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho đến lấy vô sở đắc làm phương tiện

để học trí Nhất thiết tướng chăng?

Phật bảo Xá Lợi Phất:

–Đại Bồ-tát học như vậy, lấy vô sở đắc làm phương tiện để học Bát-nhã ba-la-mật-đa cho đến lấy vô sở đắc làm phương tiện để học nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Vô sở đắc là những pháp gì, mà không thể được?

Phật dạy:

–Ngã không thể được, rốt ráo thanh tịnh; hữu tình, dòng sinh mạng, sinh trưởng và nuôi dưỡng, trưởng thành, chủ thể luân hồi, từ nơi ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, tự thọ quả báo, khiến người thọ quả báo, sự hiểu biết, nhận thức, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Sắc không thể được, rốt ráo thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Nhãn xứ không thể được, rốt ráo thanh tịnh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Sắc xứ không thể được, rốt ráo thanh tịnh; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được, rốt ráo thanh tịnh; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Địa giới, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Dục giới, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; sắc, vô sắc giới, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Thánh đế khổ, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; Thánh đế tập, diệt, đạo, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Vô minh, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Bốn Tĩnh lự, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Bốn Niệm trụ,

không thể được, rốt ráo thanh tịnh; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Bố thí ba-la-mật-đa, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Năm loại mắt, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; sáu phép thần thông, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Mười lực của Phật, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Dự lưu, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, không thể được, rốt ráo thanh tịnh. Độc giác, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; Bồ-tát, không thể được, rốt ráo thanh tịnh; Như Lai, không thể được, rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi Tử bạch:

–Bạch Thế Tôn, điều gọi là rốt ráo thanh tịnh, nghĩa là thế nào?

Phật dạy:

–Các pháp chẳng xuất hiện, chẳng sinh ra, chẳng mất đi, chẳng diệt tận, không nhiễm, không tịnh, vô đắc, vô vi. Như vậy gọi là nghĩa rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, khi Đại Bồ-tát học như vậy là học pháp gì?

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Khi Đại Bồ-tát học như vậy, đối với các pháp, đều không có cái để học, vì sao vậy? Vì các pháp không phải hiện hữu như thật, như cái chấp của hạng phàm phu ngu xuẩn, để có thể học được trong đó.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nếu vậy thì các pháp hiện hữu như thế nào?

Phật dạy:

–Các pháp hiện hữu đều là không sở hữu. Nếu đối với không sở hữu như vậy mà không thể hiểu thấu thì gọi là vô minh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Những pháp không sở hữu nào mà không hiểu thấu gọi là vô minh?

Phật dạy:

–Sắc là pháp không sở hữu; thọ, tưởng, hành, thức là pháp không

sở hữu, vì do pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, nhãn xứ là pháp không sở hữu; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là pháp không sở hữu, vì do không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không. Nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không. Tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không. Thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không. Ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, địa giới là pháp không sở hữu; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, Dục giới là pháp không sở hữu; Sắc, Vô sắc giới pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, Thánh đế khổ là pháp không sở hữu; Thánh đế tập, diệt, đạo là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, vô minh là pháp không sở hữu; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, tham, sân, si là pháp không sở hữu; các kiến chấp là

pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, bốn Tĩnh lự là pháp không sở hữu; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, bốn Niệm trụ là pháp không sở hữu; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, Bố thí ba-la-mật-đa là pháp không sở hữu; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, năm loại mắt là pháp không sở hữu; sáu phép thần thông là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, mười lực của Phật là pháp không sở hữu; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là pháp không sở hữu, vì không bên trong cho đến không không tánh tự tánh đều không.

Xá-lợi Tử, phàm phu ngu si, nếu đối với pháp không sở hữu như vậy, chẳng thể hiểu thấu thì gọi là vô minh. Do thế lực của vô minh và ái, kẻ ấy phân biệt, chấp trước hai bên đoạn, thường. Do đó chẳng biết, chẳng thấy tánh không sở hữu của các pháp, nên phân biệt các pháp; do phân biệt nên chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chấp trước trí Nhất thiết tướng; do chấp trước, nên phân biệt tánh không sở hữu của các pháp. Do đó, đối với các pháp, chẳng biết, chẳng thấy.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Đối với những pháp nào mà chẳng biết chẳng thấy?

Phật dạy:

–Đối với sắc chẳng biết, chẳng thấy, đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng biết, chẳng thấy; cho đến đối với trí Nhất thiết tướng, chẳng biết, chẳng thấy nên đọa vào trong hàng phàm phu mê muội, không thể thoát ra được.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Họ ở nơi nào mà chẳng thể thoát ra được?

Phật dạy:

–Họ ở cõi Dục, ở cõi Sắc, ở cõi Vô sắc chẳng thể thoát ra được. Do không thể thoát ra được nên đối với các pháp Thanh văn, đối với pháp Độc giác, đối với pháp Bồ-tát, đối với pháp Như lai không thể thành tựu được. Do chẳng thành tựu được nên không thể tin tưởng thọ trì.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Họ đối với pháp nào mà chẳng thể tin tưởng thọ trì?

Phật dạy:

–Đối với cái không của sắc, họ chẳng thể tin tưởng thọ trì; đối với cái không của thọ, tưởng, hành, thức họ chẳng thể tin tưởng thọ trì, cho đến đối với cái không của trí Nhất thiết tướng chẳng thể tin tưởng thọ trì. Do chẳng tin tưởng thọ trì nên chẳng thể an trụ.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Đối với những pháp nào họ chẳng thể an trụ?

Phật dạy:

–Đó là không thể an trụ bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Không thể an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không thể an trụ bậc không thoái chuyển, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Do đó nên gọi là phàm phu mê muội, vì đối với các pháp chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Đối với pháp nào mà họ chấp trước là có tánh?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, đối với sắc; thọ, tưởng, hành, thức, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với nhãn xứ, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, họ chấp trước là có tánh. Đối với sắc xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, họ chấp trước là có tánh. Đối với nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, chấp trước là có tánh. Đối với tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chấp trước

là có tánh. Đối với thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chấp trước là có tánh. Đối với thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chấp trước là có tánh; đối với ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với địa giới, thủy, hỏa, phong, không, thức giới, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với tham, sân, si, các kiến chấp, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với năm loại mắt, sáu phép thần thông, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, đối với mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, họ chấp trước là có tánh.

Xá-lợi Tử, hạng phàm phu mê muội vì đối với các pháp chấp trước là có tánh nên đối với cái không của các pháp, chẳng thể tin tưởng, thọ trì. Do không tin tưởng, nên không thể thành tựu thánh pháp của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai đã có, cho nên đối với thánh pháp, không thể an trụ. Vì vậy, Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật-đa, muốn thành tựu trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, nên lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên học như vậy.

Bấy giờ, Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, có Đại Bồ-tát nào đã học như vậy mà không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu được trí Nhất thiết trí chăng?

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Có Đại Bồ-tát tuy học như vậy, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bạch Thế Tôn, do duyên gì có Đại Bồ-tát tuy học như vậy nhưng chẳng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thành tựu trí Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa, với Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí. Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với sắc, với thọ, tưởng, hành, thức, phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy đã học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với nhãn xứ, với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với sắc xứ, với thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, phân biệt chấp trước thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, phân biệt chấp trước thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, phân biệt chấp trước thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, phân biệt chấp trước thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, phân biệt chấp trước thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, phân biệt chấp trước thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với địa giới, với thủy, hỏa, phong, không, thức giới, phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với Thánh đế khổ, với Thánh đế tập, diệt, đạo, phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với vô minh, với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với bốn Tĩnh lự, với bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với bốn Niệm trụ, với bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với năm loại mắt, với sáu phép thần thông, phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo, đối với mười lực của Phật, với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, đều phân biệt chấp trước, thì Đại Bồ-tát ấy, tuy học như thế, nhưng không phải là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử, vì nhân duyên ấy, có Đại Bồ-tát tuy học như thế, nhưng không phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Có phải Đại Bồ-tát như vậy, tuy học như thế, nhưng không phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy:

–Đúng vậy, Đại Bồ-tát học như thế, nhưng không phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên không thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Khi ấy, Xá-lợi Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì có thể thành tựu trí Nhất thiết trí?

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho đến không thấy trí Nhất thiết tướng, là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì có thể thành tựu trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì đã lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Đại Bồ-tát ấy lấy vô sở đắc của pháp nào làm phương tiện?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy lấy vô sở đắc của Bố thí ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa làm phương tiện; cho đến lấy vô sở đắc nơi mười lực của Phật, vô sở đắc của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng làm phương tiện.

Xá-lợi Tử hỏi:

–Đại Bồ-tát ấy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì sao lấy vô sở đắc làm phương tiện?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì không bên trong nên lấy vô sở đắc làm phương tiện; cho đến vì không không tánh tự tánh đều không, nên lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát như vậy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, là học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì có thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 42

PHẨM 11: THÍ DỤ (1)

Bấy giờ, Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi rằng: "Nhà ảo thuật có khả năng học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thành tựu trí Nhất thiết chăng; nhà ảo thuật có khả năng học Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, thành tựu trí Nhất thiết chăng?" Đối với câu hỏi ấy, con nên trả lời như thế nào?

Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi: "Nhà ảo thuật có khả năng học bốn Tĩnh lự, thành tựu trí Nhất thiết chăng; nhà ảo thuật có khả năng học bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thành tựu trí Nhất thiết chăng?" Đối với câu hỏi ấy, con nên trả lời như thế nào?

Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi: "Nhà ảo thuật có khả năng học bốn Niệm trụ, thành tựu trí Nhất thiết chăng; nhà ảo thuật có khả năng học bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, thành tựu trí Nhất thiết chăng?" Đối với câu hỏi ấy, con nên trả lời như thế nào?

Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi: "Nhà ảo thuật có khả năng học pháp môn giải thoát Không, thành tựu trí Nhất thiết chăng; nhà ảo thuật có khả năng học pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thành tựu trí Nhất thiết chăng?" Đối với câu hỏi ấy, con nên trả lời như thế nào?

Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi: "Nhà ảo thuật có khả năng học năm loại mắt, thành tựu trí Nhất thiết chăng; nhà ảo thuật có khả năng học sáu phép thần thông, thành tựu trí Nhất thiết chăng?" Đối với câu hỏi ấy, con nên trả lời như thế nào?

Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi, nhà ảo thuật có khả năng học mười lực của Phật, thành tựu trí Nhất thiết chăng; nhà ảo thuật có khả năng học bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thành tựu trí Nhất thiết chăng?" Đối với câu hỏi ấy,

con nên trả lời như thế nào?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ta hỏi lại ông, tùy theo ý ông mà trả lời. Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Sắc cùng với huyễn có khác chăng? Thọ, tưởng, hành, thức cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì sắc chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác sắc, sắc tức là huyễn, huyễn tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nhãn xứ cùng với huyễn có khác chăng? Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì nhãn xứ chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác nhãn xứ, nhãn xứ tức là huyễn, huyễn tức là nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Sắc xứ cùng với huyễn có khác chăng? Thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì sắc xứ chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác sắc xứ, sắc xứ tức là huyễn, huyễn tức là sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nhãn giới cùng với huyễn có khác chăng? Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì nhãn giới chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác nhãn giới, nhãn giới tức là huyễn, huyễn tức là nhãn giới. Sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc, cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nhĩ giới cùng với huyễn có khác chăng? thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì nhĩ giới chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác nhĩ giới, nhĩ giới tức là huyễn, huyễn tức là nhĩ giới; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên

sinh ra cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Tỷ giới cùng với huyễn có khác chăng? hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì tỷ giới chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác tỷ giới, tỷ giới tức là huyễn, huyễn tức là tỷ giới; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Thiệt giới cùng với huyễn có khác chăng? Vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì thiệt giới chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác thiệt giới, thiệt giới tức là huyễn, huyễn tức là thiệt giới; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Thân giới cùng với huyễn có khác chăng? Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì thân giới chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác thân giới, thân giới tức là huyễn, huyễn tức là thân giới. Xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Ý giới cùng với huyễn có khác chăng? Pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì ý giới chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác ý giới, ý giới tức là huyễn, huyễn tức là ý giới; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Địa giới cùng với huyễn có khác chăng? Thủy, hỏa, phong, không, thức giới cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì địa giới chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác địa giới, địa giới tức là huyễn, huyễn tức là địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Thánh đế khổ cùng với huyễn có khác chăng? Thánh đế tập, diệt, đạo cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì Thánh đế khổ chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác Thánh đế khổ, Thánh đế khổ tức là huyễn, huyễn tức là Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Vô minh cùng với huyễn có khác chăng? hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì vô minh chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác vô minh, vô minh tức là huyễn, huyễn tức là vô minh; hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Bốn Tĩnh lự cùng với huyễn có khác chăng? Bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác bốn Tĩnh lự, bốn Tĩnh lự tức là huyễn, huyễn tức là bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì bốn Niệm trụ chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác bốn Niệm trụ, bốn Niệm trụ tức là huyễn, huyễn tức là bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Pháp môn giải thoát Không cùng với huyễn có khác chăng? Pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Không tức là huyễn, huyễn tức là pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Bố thí ba-la-mật-đa cùng với huyễn có khác chăng? Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác Bố thí ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa tức là huyễn, huyễn tức là Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Năm loại mắt cùng với huyễn có khác chăng? Sáu phép thần thông cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì năm loại mắt chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác năm loại mắt, năm loại mắt tức là huyễn, huyễn tức là năm loại mắt; sáu phép thần thông cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Mười lực của Phật cùng với huyễn có khác chăng? Bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì mười lực của Phật chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác mười lực của Phật, mười lực của Phật tức là huyễn, huyễn tức là mười lực của Phật; bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng cũng lại như vậy.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Quả vị Giác ngộ cao tột cùng với huyễn có khác chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì quả vị Giác ngộ cao tột chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác quả vị Giác ngộ cao tột, quả vị Giác ngộ cao tột tức là huyễn, huyễn tức là quả vị Giác ngộ cao tột.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Theo ý ông thì sao? Huyễn có tạp nhiễm, có thanh tịnh chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Huyễn có sinh có diệt chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học bốn Tĩnh lự, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học bốn Niệm trụ, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học pháp môn giải thoát Không, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học năm loại mắt, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học sáu phép thần thông, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học mười lực của Phật, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Khác với năm uẩn... các pháp, tướng, các tướng do giả lập, ngôn thuyết, có Đại Bồ-tát chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Chỉ đối với năm uẩn... các pháp, tưởng, các tưởng do giả lập, ngôn thuyết, gọi đó là Đại Bồ-tát chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Có phải chỉ đối với năm uẩn... các pháp, tưởng, các tướng do giả lập, ngôn thuyết, có tạp nhiễm, có thanh tịnh, có sinh, có diệt chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Nếu pháp không có tưởng, không có các tưởng, không giả lập, không ngôn thuyết, không có danh, không có giả danh, không có thân, không nghiệp của thân, không có lời nói, không có nghiệp của lời nói, không có ý, không có nghiệp của ý, không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sinh, không diệt, là pháp có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho đến trí Nhất thiết tướng, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát, có khả năng lấy vô sở đắc như vậy làm phương tiện để học Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho đến trí Nhất thiết tướng, nên biết, Đại Bồ-tát ấy có thể thành tựu trí Nhất thiết trí.

Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột, thì khi tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên như nhà ảo thuật tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả mọi việc, không có sự phân biệt. Vì sao? Vì nên biết, nhà ảo thuật tức là năm uẩn... năm uẩn... tức là nhà ảo thuật.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Theo ý ông thì sao? Như năm uẩn... huyễn có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì năm uẩn... huyễn như vậy, lấy vô tánh làm tự tánh, mà tự tánh của vô tánh không thể được.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Như chiêm bao, như tiếng vang, như ánh sáng, như ảnh tượng, hoa trong hư không, như ánh nước, như ảo thành, như ngũ uẩn biến hóa... có thể học Bát-nhã ba-la-mật-đa, thành tựu trí Nhất thiết trí chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì chiêm bao, năm uẩn... cho đến năm uẩn biến hóa như vậy, lấy vô tánh làm tự tánh, mà tự tánh của vô tánh không thể được.

–Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Như huyễn..., năm uẩn... các pháp ấy, chúng có gì khác nhau?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức như huyễn... ấy, tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức như mộng...; sắc, thọ, tưởng, hành, thức như huyễn... ấy, tức là sáu căn... như huyễn..., sáu căn... như huyễn... ấy, tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức như huyễn...; đều do không bên trong nên không thể được, cho đến đều do không không tánh tự tánh không, nên không thể được.

Trưởng lão Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát mới phát tâm hướng về Đại thừa nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tâm vị ấy sẽ không kinh hãi, sợ sệt chăng?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát mới phát tâm hướng đến Đại thừa, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu không có phương tiện thiện xảo, chẳng được bạn lành hỗ trợ, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm địa ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, những Đại Bồ-tát nào, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm các vị ấy không kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của sắc không thể được; quán tướng thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của sắc không thể được; quán tướng lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức không

thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của sắc không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của sắc không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của sắc không thể được; quán tướng không, bất không của thọ, tưởng, hành, thức không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của sắc không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của thọ, tưởng, hành, thức không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của thọ, tưởng, hành, thức không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của nhãn xứ không thể được; quán tướng thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của nhãn xứ không thể được; quán tướng lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của nhãn xứ không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của nhãn xứ không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của nhãn xứ không thể được; quán tướng không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của nhãn xứ không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhãn xứ không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch

tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xứ không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của sắc xứ không thể được; quán tướng thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của sắc xứ không thể được; quán tướng lạc, khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của sắc xứ không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của sắc xứ không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của sắc xứ không thể được; quán tướng không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của sắc xứ không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc xứ không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc xứ không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc xứ không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của

nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm

của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa,

vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra

không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc

làm duyên sinh ra không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của địa giới không thể được; quán tướng thường, vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của địa giới không thể được; quán tướng lạc, khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của địa giới không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của địa giới không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của địa giới không thể được; quán tướng không, bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của địa giới không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của địa giới không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của địa giới không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của địa giới không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của Thánh đế khổ không thể được; quán tướng thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà

quán tướng lạc, khổ của Thánh đế khổ không thể được; quán tướng lạc, khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của Thánh đế khổ không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của Thánh đế khổ không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của Thánh đế khổ không thể được; quán tướng không, bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của Thánh đế khổ không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế khổ không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế khổ không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của vô minh không thể được; quán tướng thường, vô thường của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của vô minh không thể được; quán tướng lạc, khổ của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của vô minh không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của vô minh không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của vô minh không thể được; quán tướng không, bất không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của

vô minh không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của vô minh không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vô minh không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của vô minh không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng thường, vô thường của bốn Tĩnh lự không thể được; quán tướng thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng lạc, khổ của bốn Tĩnh lự không thể được; quán tướng lạc, khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng ngã, vô ngã của bốn Tĩnh lự không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịnh, bất tịnh của bốn Tĩnh lự không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng không, bất không của bốn Tĩnh lự không thể được; quán tướng không, bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Tĩnh lự không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Tĩnh lự không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí mà quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 43

PHẨM 11: THÍ DỤ (2)

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng thường, vô thường của bốn Niệm trụ không thể được; quán tướng thường, vô thường của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng lạc, khổ của bốn Niệm trụ không thể được; quán tướng lạc, khổ của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng ngã, vô ngã của bốn Niệm trụ không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng tịnh, bất tịnh của bốn Niệm trụ không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng không, bất không của bốn Niệm trụ không thể được; quán tướng không, bất không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Niệm trụ không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Niệm trụ không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ xứ không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng thường, vô thường của pháp môn giải thoát Không không thể được; quán tướng thường, vô thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng lạc, khổ của pháp môn giải thoát Không không thể được; quán tướng lạc, khổ của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng ngã, vô ngã của pháp môn giải thoát Không không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng tịnh, bất tịnh của pháp môn giải thoát Không không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng không, bất không của pháp môn giải thoát Không không thể được; quán tướng không, bất không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng vô tướng, hữu tướng của pháp môn giải thoát Không không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của pháp môn giải thoát Không không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Không không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa không thể được; quán tướng thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng lạc, khổ của Bố thí ba-la-mật-đa không thể được; quán tướng lạc, khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng ngã, vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa không thể

được; quán tướng ngã, vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng tịnh, bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng không, bất không của Bố thí ba-la-mật-đa không thể được; quán tướng không, bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng vô tướng, hữu tướng của Bố thí ba-la-mật-đa không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng thường, vô thường của năm loại mắt không thể được; quán tướng thường, vô thường của sáu phép thần thông không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng lạc, khổ của năm loại mắt không thể được; quán tướng lạc, khổ của sáu phép thần thông không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng ngã, vô ngã của năm loại mắt không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của sáu phép thần thông không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng tịnh, bất tịnh của năm loại mắt không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của sáu phép thần thông không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng không, bất không của năm loại mắt không thể được; quán tướng không, bất không của sáu phép thần thông không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng vô tướng, hữu tướng của năm loại mắt không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của sáu phép thần thông không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết

trí quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của năm loại mắt không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của sáu phép thần thông không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của năm loại mắt không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sáu phép thần thông không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng thường, vô thường nơi mười lực của Phật không thể được; quán tướng thường, vô thường của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng lạc, khổ nơi mười lực của Phật không thể được; quán tướng lạc, khổ của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng ngã, vô ngã nơi mười lực của Phật không thể được; quán tướng ngã, vô ngã của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng tịnh, bất tịnh nơi mười lực của Phật không thể được; quán tướng tịnh, bất tịnh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng không, bất không nơi mười lực của Phật không thể được; quán tướng không, bất không của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng vô tướng, hữu tướng nơi mười lực của Phật không thể được; quán tướng vô tướng, hữu tướng của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng vô nguyện, hữu nguyện nơi mười lực của Phật không thể được; quán tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật không thể được; quán tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật không thể được; quán tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi khởi lên sự quán chiếu đó, lại khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta nên lấy vô sở đắc làm phương tiện, vì các loài hữu tình mà nói về tướng thường, vô thường của các pháp không thể được; tướng lạc, khổ; tướng ngã, vô ngã; tướng tịnh, bất tịnh; tướng không, bất không; tướng vô tướng, hữu tướng; tướng vô nguyện, hữu nguyện; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; tướng xa lìa, chẳng xa lìa đều không thể được." Này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không đắm trước Bố thí ba-la-mật-đa. Như vậy là Đại Bồ-tát, do Bố thí ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo này, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì chẳng nên lấy tâm của Thanh văn, Độc giác quán tướng thường, vô thường của các pháp không thể được; tướng lạc, khổ; tướng ngã, vô ngã; tướng tịnh, bất tịnh; tướng không, bất không; tướng vô tướng, hữu tướng; tướng vô nguyện, hữu nguyện; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; tướng xa lìa, chẳng xa lìa đều không thể được. Vì lấy vô sở đắc làm phương tiện nên này Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không đắm trước Tịnh giới ba-la-mật-đa. Như vậy là Đại Bồ-tát, do Tịnh giới ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo này, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa lấy vô sở đắc làm phương tiện, quán tướng thường, vô thường của các pháp không thể được; tướng lạc, khổ; tướng ngã, vô ngã; tướng tịnh, bất tịnh; tướng không, bất không; tướng vô tướng, hữu tướng; tướng vô nguyện, hữu nguyện; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; tướng xa lìa, chẳng xa lìa đều không thể được, thì ở trong đó thường được an nhẫn vui vẻ. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không đắm trước An nhẫn ba-la-mật-đa. Như vậy là Đại Bồ-tát, do An nhẫn ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo này, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên lấy tâm của trí Nhất thiết trí quán tướng thường, vô thường của các pháp

không thể được; tướng lạc, khổ; tướng ngã, vô ngã; tướng tịnh, bất tịnh; tướng không, bất không; tướng vô tướng, hữu tướng; tướng vô nguyện, hữu nguyện; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; tướng xa lìa, chẳng xa lìa đều không thể được, tuy lấy vô sở đắc làm phương tiện, nhưng thường không bỏ ý niệm tương ưng với trí Nhất thiết trí. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không đắm trước Tinh tấn ba-la-mật-đa. Như vậy là Đại Bồ-tát, do Tinh tấn ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo này, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa lấy tâm của Thanh văn, Độc giác quán, quán tướng thường, vô thường của các pháp không thể được; tướng lạc, khổ; tướng ngã, vô ngã; tướng tịnh, bất tịnh; tướng không, bất không; tướng vô tướng, hữu tướng; tướng vô nguyện, hữu nguyện; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh; tướng xa lìa, chẳng xa lìa đều không thể được. Vì lấy vô sở đắc làm phương tiện nên ở trong chẳng nên khởi tâm Thanh văn, Độc giác và các tâm bất thiện khác làm tán động. Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không đắm trước Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Như vậy là Đại Bồ-tát, do Tĩnh lự ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo này, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khởi lên sự quán chiếu thế này: Sắc chẳng phải là không, nên không là sắc, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nhãn xứ chẳng phải là không, nên không là nhãn xứ, nhãn xứ tức là không, không tức là nhãn xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng lại như vậy. Sắc xứ chẳng phải là không, nên không là sắc xứ, sắc xứ tức là không, không tức là sắc xứ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng lại như vậy. Nhãn giới chẳng phải là không, nên không là nhãn giới, nhãn giới tức là không, không tức là nhãn giới; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy. Nhĩ giới chẳng phải là không, nên không là nhĩ giới, nhĩ giới tức là không, không tức là nhĩ giới; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy. Tỷ giới chẳng phải là không, nên không là tỷ giới, tỷ giới tức là không, không tức là tỷ giới; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy. Thiệt giới chẳng phải là không, nên không là thiệt giới, thiệt giới tức là không, không tức là thiệt giới; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng

các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy. Thân giới chẳng phải là không, nên không là thân giới, thân giới tức là không, không tức là thân giới; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy. Ý giới chẳng phải là không, nên không là ý giới, ý giới tức là không, không tức là ý giới; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng lại như vậy. Địa giới chẳng phải là không, nên không là địa giới, địa giới tức là không, không tức là địa giới; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng lại như vậy. Thánh đế khổ chẳng phải là không, nên không là Thánh đế khổ, Thánh đế khổ tức là không, không tức là Thánh đế khổ; Thánh đế tập, diệt, đạo cũng lại như vậy. Vô minh chẳng phải là không, nên không là vô minh, vô minh tức là không, không tức là vô minh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng lại như vậy. Bốn Tĩnh lự chẳng phải là không, nên không là bốn Tĩnh lự, bốn Tĩnh lự tức là không, không tức là bốn Tĩnh lự; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng lại như vậy. Bốn Niệm trụ chẳng phải là không, nên không là bốn Niệm trụ, bốn Niệm trụ tức là không, không tức là bốn Niệm trụ; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo cũng lại như vậy. Pháp môn giải thoát Không chẳng phải là không, nên không là pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Không tức là không, không tức là pháp môn giải thoát Không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng lại như vậy. Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải là không, nên không là Bố thí ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa tức là không, không tức là Bố thí ba-la-mật-đa; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng lại như vậy. Năm loại mắt chẳng phải là không, nên không là năm loại mắt, năm loại mắt tức là không, không tức là năm loại mắt; sáu phép thần thông cũng lại như vậy. Mười lực của Phật chẳng phải là không, nên không là mười lực của Phật, mười lực của Phật tức là không, không tức là mười lực của Phật; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng cũng lại như vậy.

Thiện Hiện, đó là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không đắm trước Bát-nhã ba-la-mật-đa. Như vậy là Đại Bồ-tát, do Bát-nhã ba-la-mật-đa có phương tiện thiện xảo này, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của các thiện hữu, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của sắc; tướng thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức không thể được. Nói cái tướng lạc, khổ của sắc, tướng lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức; tướng ngã, vô ngã của sắc, tướng ngã, vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức; tướng tịnh, bất tịnh của sắc, tướng tịnh, bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức; tướng không, bất không của sắc, tướng không, bất không của thọ, tưởng, hành, thức; tướng vô tướng, hữu tướng của sắc, tướng vô tướng, hữu tướng của thọ, tưởng, hành, thức; tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc, tướng vô nguyện, hữu nguyện của thọ, tưởng, hành, thức; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức đều không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, không khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của nhãn xứ không thể được; nói tướng thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không thể được. Nói tướng lạc, khổ của nhãn xứ, tướng lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; tướng ngã, vô ngã của nhãn xứ, tướng ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; tướng tịnh, bất tịnh của nhãn xứ, tướng tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; tướng không, bất không của nhãn xứ, tướng không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; tướng vô tướng, hữu tướng của nhãn xứ, tướng vô tướng, hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhãn xứ, tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xứ, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ đều không thể được và khuyên

theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của sắc xứ không thể được; nói tướng thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không thể được. Nói tướng lạc, khổ của sắc xứ, tướng lạc, khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; tướng ngã, vô ngã của sắc xứ, tướng ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; tướng tịnh, bất tịnh của sắc xứ, tướng tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; tướng không, bất không của sắc xứ, tướng không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; tướng vô tướng, hữu tướng của sắc xứ, tướng vô tướng, hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc xứ, tướng vô nguyện, hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc xứ, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc xứ, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đều không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của nhãn giới không thể được; nói tướng thường, vô thường của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nói tướng lạc, khổ của nhãn giới, tướng lạc, khổ của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; tướng ngã, vô ngã của nhãn giới, tướng ngã, vô ngã của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; tướng tịnh, bất tịnh của nhãn giới, tướng tịnh, bất tịnh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; tướng không, bất không của nhãn giới, tướng không, bất không của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra;

tướng vô tướng, hữu tướng của nhãn giới, tướng vô tướng, hữu tướng của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhãn giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đều không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của nhĩ giới không thể được; nói tướng thường, vô thường của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nói tướng lạc, khổ của nhĩ giới, tướng lạc, khổ của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; tướng ngã, vô ngã của nhĩ giới, tướng ngã, vô ngã của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; tướng tịnh, bất tịnh của nhĩ giới, tướng tịnh, bất tịnh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; tướng không, bất không của nhĩ giới, tướng không, bất không của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; tướng vô tướng, hữu tướng của nhĩ giới, tướng vô tướng, hữu tướng của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đều không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của

Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của tỷ giới không thể được; nói tướng thường, vô thường của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nói tướng lạc, khổ của tỷ giới, tướng lạc, khổ của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; tướng ngã, vô ngã của tỷ giới, tướng ngã, vô ngã của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; tướng tịnh, bất tịnh của tỷ giới, tướng tịnh, bất tịnh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; tướng không, bất không của tỷ giới, tướng không, bất không của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; tướng vô tướng, hữu tướng của tỷ giới, tướng vô tướng, hữu tướng của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; tướng vô nguyện, hữu nguyện của tỷ giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tỷ giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của tỷ giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đều không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của thiệt giới không thể được; nói tướng thường, vô thường của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nói tướng lạc, khổ của thiệt giới, tướng lạc, khổ của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; tướng ngã, vô ngã của thiệt giới, tướng ngã, vô ngã của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; tướng tịnh, bất tịnh của thiệt giới, tướng tịnh, bất tịnh của vị giới, thiệt thức giới

và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; tướng không, bất không của thiệt giới, tướng không, bất không của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; tướng vô tướng, hữu tướng của thiệt giới, tướng vô tướng, hữu tướng của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; tướng vô nguyện, hữu nguyện của thiệt giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thiệt giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thiệt giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đều không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của thân giới không thể được; nói tướng thường, vô thường của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nói tướng lạc, khổ của thân giới, tướng lạc, khổ của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; tướng ngã, vô ngã của thân giới, tướng ngã, vô ngã của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; tướng tịnh, bất tịnh của thân giới, tướng tịnh, bất tịnh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; tướng không, bất không của thân giới, tướng không, bất không của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; tướng vô tướng, hữu tướng của thân giới, tướng vô tướng, hữu tướng của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; tướng vô nguyện, hữu nguyện của thân giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thân giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thân giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của xúc giới, thân thức giới và

thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đều không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của ý giới không thể được; nói tướng thường, vô thường của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể được. Nói tướng lạc, khổ của ý giới, tướng lạc, khổ của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; tướng ngã, vô ngã của ý giới, tướng ngã, vô ngã của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; tướng tịnh, bất tịnh của ý giới, tướng tịnh, bất tịnh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; tướng không, bất không của ý giới, tướng không, bất không của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; tướng vô tướng, hữu tướng của ý giới, tướng vô tướng, hữu tướng của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; tướng vô nguyện, hữu nguyện của ý giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của ý giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của ý giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, mà tâm của vị ấy chẳng kinh khiếp, chẳng hãi hùng, chẳng sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tướng thường, vô thường của địa giới, tướng thường, vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được. Nói tướng lạc, khổ của địa giới, tướng lạc, khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; tướng ngã, vô ngã của địa giới, tướng ngã, vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; tướng tịnh, bất tịnh của

địa giới, tướng tịnh, bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; tướng không, bất không của địa giới, tướng không, bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; tướng vô tướng, hữu tướng của địa giới, tướng vô tướng, hữu tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; tướng vô nguyện, hữu nguyện của địa giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của địa giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của địa giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của Thánh đế khổ, tướng thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được. Nói tướng lạc, khổ của Thánh đế khổ, tướng lạc, khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo; tướng ngã, vô ngã của Thánh đế khổ, tướng ngã, vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo; tướng tịnh, bất tịnh của Thánh đế khổ, tướng tịnh, bất tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo; tướng không, bất không của Thánh đế khổ, tướng không, bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo; tướng vô tướng, hữu tướng của Thánh đế khổ, tướng vô tướng, hữu tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo; tướng vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế khổ, tướng vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế khổ, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt, đạo không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói tướng thường, vô thường của vô minh, tướng thường, vô thường của hành, thức, danh sắc, lục xứ,

xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được. Nói tướng lạc, khổ của vô minh, tướng lạc, khổ của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; tướng ngã, vô ngã của vô minh, tướng ngã, vô ngã của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; tướng tịnh, bất tịnh của vô minh, tướng tịnh, bất tịnh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; tướng không, bất không của vô minh, tướng không, bất không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; tướng vô tướng, hữu tướng của vô minh, tướng vô tướng, hữu tướng của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; tướng vô nguyện, hữu nguyện của vô minh, tướng vô nguyện, hữu nguyện của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vô minh, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của vô minh, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 44

PHẨM 11: THÍ DỤ (3)

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tướng thường, vô thường của bốn Tĩnh lự không thể được; tướng thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nói tướng lạc, khổ của bốn Tĩnh lự; tướng lạc, khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nói tướng ngã, vô ngã của bốn Tĩnh lự; tướng ngã, vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nói tướng tịnh, bất tịnh của bốn Tĩnh lự; tướng tịnh, bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nói tướng không, bất không của bốn Tĩnh lự; tướng không, bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nói tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Tĩnh lự; tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nói tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Tĩnh lự; tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nói tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được. Nói tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tướng thường, vô thường của bốn Niệm trụ không thể được; tướng thường, vô thường của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không thể được. Nói tướng lạc, khổ của bốn Niệm trụ; tướng lạc, khổ của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được.

Nói tướng ngã, vô ngã của bốn Niệm trụ; tướng ngã, vô ngã của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nói tướng tịnh, bất tịnh của bốn Niệm trụ; tướng tịnh, bất tịnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nói tướng không, bất không của bốn Niệm trụ; tướng không, bất không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nói tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Niệm trụ; tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nói tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Niệm trụ; tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nói tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được. Nói tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tướng thường, vô thường của pháp môn giải thoát Không; tướng thường, vô thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nói tướng lạc, khổ của pháp môn giải thoát Không; tướng lạc, khổ của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nói tướng ngã, vô ngã của pháp môn giải thoát Không; tướng ngã, vô ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nói tướng tịnh, bất tịnh của pháp môn giải thoát Không; tướng tịnh, bất tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nói tướng không, bất không của pháp môn giải thoát Không; tướng không, bất không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nói tướng vô tướng, hữu tướng của pháp môn giải thoát Không; tướng vô tướng, hữu tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nói tướng vô nguyện, hữu nguyện của pháp môn giải thoát Không; tướng vô nguyện, hữu nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nói tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được. Nói tướng xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Không;

tướng xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tướng thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa; tướng thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nói tướng lạc, khổ của Bố thí ba-la-mật-đa; tướng lạc, khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nói tướng ngã, vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa; tướng ngã, vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nói tướng tịnh, bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa; tướng tịnh, bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nói tướng không, bất không của Bố thí ba-la-mật-đa; tướng không, bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nói tướng vô tướng, hữu tướng của Bố thí ba-la-mật-đa xứ không thể được; nói tướng vô tướng, hữu tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nói tướng vô nguyện, hữu nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa; tướng vô nguyện, hữu nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nói tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được. Nói tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tướng thường, vô thường của năm loại mắt; tướng thường, vô thường của sáu phép thần thông không thể được. Nói tướng lạc, khổ của năm loại mắt; tướng lạc, khổ của sáu

phép thần thông không thể được. Nói tướng ngã, vô ngã của năm loại mắt; tướng ngã, vô ngã của sáu phép thần thông không thể được. Nói tướng tịnh, bất tịnh của năm loại mắt; tướng tịnh, bất tịnh của sáu phép thần thông không thể được. Nói tướng không, bất không của năm loại mắt; tướng không, bất không của sáu phép thần thông không thể được. Nói tướng vô tướng, hữu tướng của năm loại mắt; tướng vô tướng, hữu tướng của sáu phép thần thông không thể được. Nói tướng vô nguyện, hữu nguyện của năm loại mắt; tướng vô nguyện, hữu nguyện của sáu phép thần thông không thể được. Nói tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông không thể được. Nói tướng xa lìa, chẳng xa lìa của năm loại mắt; tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sáu phép thần thông không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tướng thường, vô thường nơi mười lực của Phật; tướng thường, vô thường của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không thể được. Nói tướng lạc, khổ nơi mười lực của Phật; tướng lạc, khổ của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nói tướng ngã, vô ngã nơi mười lực của Phật; tướng ngã, vô ngã của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nói tướng tịnh, bất tịnh nơi mười lực của Phật; tướng tịnh, bất tịnh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nói tướng không, bất không nơi mười lực của Phật; tướng không, bất không của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nói tướng vô tướng, hữu tướng nơi mười lực của Phật; tướng vô tướng, hữu tướng của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nói tướng vô nguyện, hữu nguyện nơi mười lực của Phật; tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nói tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật; tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được. Nói tướng xa lìa, chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật; tướng xa lìa,

chẳng xa lìa của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng không thể được và khuyên theo phép này mà siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy nói tu pháp bốn Tĩnh lự, tu pháp bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không thể được, mà khuyên theo phép này, siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy nói tu pháp bốn Niệm trụ, tu pháp bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không thể được, mà khuyên theo phép này, siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy nói tu pháp môn giải thoát Không, tu pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không thể được, mà khuyên theo phép này, siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy nói tu pháp Bố thí ba-la-mật-đa, tu pháp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể được, mà khuyên theo phép này, siêng tu thiện căn, chẳng

khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy nói tu pháp năm loại mắt, tu pháp sáu phép thần thông không thể được, mà khuyên theo phép này, siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, bậc thiện hữu của các Đại Bồ-tát, nếu là người có khả năng lấy vô sở đắc làm phương tiện, tuy nói tu pháp mười lực của Phật, tu pháp bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không thể được, mà khuyên theo phép này, siêng tu thiện căn, chẳng khiến hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ khiến chứng đắc trí Nhất thiết trí, thì này Thiện Hiện, đó chính là thiện hữu của Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, được sự hỗ trợ của thiện hữu này, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, thì tâm của vị ấy không còn kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Bấy giờ, Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với sự tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa đó, có chứng đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, đối với sự tu hành Tĩnh lự cho đến Bố thí ba-la-mật-đa đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa

như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành bốn Tĩnh lự, đối với sự tu hành bốn Tĩnh lự đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, đối với sự tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành bốn Niệm trụ, đối với sự tu hành bốn Niệm trụ đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, đối với sự tu hành bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành pháp môn giải thoát Không, đối với sự tu hành pháp môn giải thoát Không đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, đối với sự tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành năm loại mắt, đối với sự tu hành năm loại mắt đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành sáu phép thần thông, đối với sự tu hành sáu phép thần thông đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa,

không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành mười lực của Phật, đối với sự tu hành mười lực của Phật đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí mà tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, đối với sự tu hành bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh của sắc, đối với sự quán không của sắc, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức, đối với sự quán không của thọ, tưởng, hành, thức đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của nhãn xứ, đối với sự quán không của nhãn xứ đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, đối với sự quán không của nhĩ,

tỷ, thiệt, thân, ý xứ đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của sắc xứ, đối với sự quán không của sắc xứ đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, đối với sự quán không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của nhãn giới, đối với sự quán không của nhãn giới đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, đối với sự quán không của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của nhĩ giới, đối với sự quán không của nhĩ giới đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, đối với sự quán không của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của tỷ giới, đối với sự quán không của tỷ giới đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, đối với sự quán không của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của thiệt giới, đối với sự quán không của thiệt giới đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, đối với sự quán không của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của thân giới, đối với sự quán không của thân giới đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, đối với sự quán không của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa,

không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của ý giới, đối với sự quán không của ý giới đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, đối với sự quán không của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của địa giới, đối với sự quán không của địa giới đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, đối với sự quán không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của Thánh đế khổ, đối với sự quán không của Thánh đế khổ đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo, đối với sự quán không của Thánh đế tập, diệt, đạo đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa

tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của vô minh, đối với sự quán không của vô minh đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, đối với sự quán không của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của bốn Tĩnh lự, đối với sự quán không của bốn Tĩnh lự đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, đối với sự quán không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của bốn Niệm trụ, đối với sự quán không của bốn Niệm trụ đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, đối với sự quán không của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của pháp môn giải thoát Không, đối với sự quán không

của pháp môn giải thoát Không đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, đối với sự quán không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của Bố thí ba-la-mật-đa, đối với sự quán không của Bố thí ba-la-mật-đa đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với sự quán không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của năm loại mắt, đối với sự quán không của năm loại mắt đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh của sáu phép thần thông, đối với sự quán không của sáu phép thần thông đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong cho đến không không tánh tự tánh nơi mười lực của Phật, đối với sự quán không nơi mười lực của Phật đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện; lìa tâm tương ưng trí Nhất thiết trí quán không bên trong

cho đến không không tánh tự tánh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, đối với sự quán không của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng đó, có cái sở đắc, có nương tựa, vì lấy cái có sở đắc làm phương tiện.

Thiện Hiện, Đại Bồ-tát như vậy, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Bấy giờ, Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, hoặc bảo nhàm chán, xa lìa pháp tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa, hoặc bảo nhàm chán, xa lìa pháp tương ưng Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa, nói như thế này: "Này thiện nam, các ông đối với sáu pháp tương ưng đến bờ kia này, chẳng nên tu học." Vì sao? Vì pháp này nhất định chẳng phải Như Lai nói, mà do kẻ văn tụng lừa dối tạo ra, vì vậy các ông chẳng nên nghe theo, tu tập, thọ trì, đọc tụng, tư duy, suy cứu, vì người khác mà tuyên thuyết, khai thị.

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, nếu chẳng nói đến việc ma, tội lỗi của ma, thì có ác ma hiện làm hình Phật đến dạy Đại Bồ-tát nhàm chán xa lìa sáu pháp Ba-la-mật-đa, kẻ ấy nói: "Thiện nam, nay ông cần gì tu Ba-la-mật-đa này! Nay ông cần gì tu Tĩnh lự, Tinh tấn, An nhẫn, Tịnh giới, Bố thí ba-la-mật-đa này!"

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát, vì nếu chẳng nói những việc như vậy, thì Đại Bồ-tát đã được giác ngộ rồi!

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, nếu chẳng nói đến việc ma, tội lỗi của ma thì có ác ma hiện làm hình Phật đến nói pháp

tương ưng Thanh văn, Độc giác cho Đại Bồ-tát, đó là Khế kinh cho đến luận nghị, phân biệt, khai thị khuyên phải tu học.

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát, vì nếu chẳng nói những việc như vậy, thì Đại Bồ-tát đã được giác ngộ rồi.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, nếu chẳng nói đến việc của ma, tội lỗi của ma thì có ác ma hiện làm hình Phật đi đến chỗ Đại Bồ-tát, kẻ ấy nói: "Thiện nam, như ông thì không có chủng tánh Bồ-tát, không có tâm Bồ-đề chân thật, chẳng có khả năng chứng đắc bậc không thoái chuyển, cũng chẳng có khả năng chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột!"

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát, vì nếu chẳng nói những việc như vậy, Đại Bồ-tát đã được giác ngộ rồi.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, nếu chẳng nói đến việc ma, tội lỗi của ma thì có ác ma hiện làm hình Phật, đi đến chỗ Đại Bồ-tát, nói:

–Thiện nam, sắc là không, không có ngã, ngã sở; thọ, tưởng, hành, thức là không, không có ngã, ngã sở; nhãn xứ là không, không có ngã, ngã sở; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, không có ngã, ngã sở; sắc xứ là không, không có ngã, ngã sở; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, không có ngã, ngã sở; nhãn giới là không, không có ngã, ngã sở; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, không có ngã, ngã sở; nhĩ giới là không, không có ngã, ngã sở; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, không có ngã, ngã sở; tỷ giới là không, không có ngã, ngã sở; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, không có ngã, ngã sở; thiệt giới là không, không có ngã, ngã sở; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, không có ngã, ngã sở; thân giới là không, không có ngã, ngã sở; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, không có ngã, ngã sở; ý giới là không, không có ngã, ngã sở; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các

thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, không có ngã, ngã sở; địa giới là không, không có ngã, ngã sở; thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, không có ngã, ngã sở; Thánh đế khổ là không, không có ngã, ngã sở; Thánh đế tập, diệt, đạo là không, không có ngã, ngã sở; vô minh là không, không có ngã, ngã sở; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, không có ngã, ngã sở; bốn Tĩnh lự là không, không có ngã, ngã sở; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, không có ngã, ngã sở; bốn Niệm trụ là không, không có ngã, ngã sở; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không, không có ngã, ngã sở; pháp môn giải thoát Không là không, không có ngã, ngã sở; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, không có ngã, ngã sở; Bố thí ba-la-mật-đa là không, không có ngã, ngã sở; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không, không có ngã, ngã sở; năm loại mắt là không, không có ngã, ngã sở; sáu phép thần thông là không, không có ngã, ngã sở; mười lực của Phật là không, không có ngã, ngã sở; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, không có ngã, ngã sở. Này thiện nam, các pháp đều là không, không có ngã, ngã sở thì ai có thể tu tập sáu pháp đến bờ kia; ai có thể chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột? Dù cho chứng quả vị Giác ngộ đi nữa, thì dùng để làm gì?

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát, vì nếu chẳng nói những việc như vậy, thì Đại Bồ-tát đã được giác ngộ rồi.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, nếu chẳng nói đến việc ma, tội lỗi của ma thì có ác ma hiện làm hình Phật, đi đến chỗ Đại Bồ-tát, kẻ ấy nói: "Thiện nam, mười phương đều không; chư Phật, Bồ-tát và chúng Thanh văn đều không có."

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát, vì nếu chẳng nói những việc như vậy, Đại Bồ-tát đã được giác ngộ rồi.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, nếu chẳng nói

đến việc ma, tội lỗi của ma có ác ma hiện làm hình Thanh văn, đi đến chỗ Đại Bồ-tát, chê bai pháp tương ưng trí Nhất thiết trí, khiến khởi lên ý nghĩ rất nhàm chán, xa lìa; khen ngợi pháp tương ưng Thanh văn, Độc giác, khiến khởi lên ý nghĩ rất ưa thích.

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát, vì nếu chẳng nói những việc như vậy, Đại Bồ-tát đã được giác ngộ rồi.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, nếu chẳng nói đến việc ma, tội lỗi của ma có ác ma hiện làm hình bậc thầy mô phạm, đi đến chỗ Đại Bồ-tát dạy bảo, khiến cho nhàm chán, xa lìa thắng hạnh của Bồ-tát, đó là bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; và khiến nhàm chán, xa lìa trí Nhất thiết trí, đó là năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng; chỉ dạy tu tập ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Người học pháp này mau chứng quả Thanh văn, hoặc Độc giác cứu cánh an lạc; cần gì phải siêng năng cực khổ cầu đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột?

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát, vì nếu chẳng nói những việc như vậy, Đại Bồ-tát đã được giác ngộ rồi.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 45

PHẨM 11: THÍ DỤ (4)

Lại nữa Thiện Hiện, kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, nếu không nói đến việc ma, tội lỗi của ma, thì có ác ma hiện làm hình cha mẹ, đi đến chỗ Đại Bồ-tát, bảo rằng: "Này con, con nên siêng năng cầu chứng các quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, đủ để được vĩnh viễn xa lìa đại khổ sinh tử, mau chứng Niết-bàn cứu cánh an lạc. Cần gì phải cầu đạt quả vị Giác ngộ xa xôi. Người cầu giác ngộ, cần phải trải qua vô lượng, vô số đại kiếp luân hồi sinh tử, giáo hóa hữu tình, xả thân, xả mạng, chặt đứt các bộ phận nơi cơ thể, chỉ tự chuốc lấy sự lao khổ. Con mang ân của ai? Việc cầu giác ngộ của con hoặc là đạt được, hoặc là chẳng đạt được?"

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát, vì nếu chẳng nói những việc như vậy, thì Đại Bồ-tát đã được giác ngộ rồi.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, nếu chẳng nói đến việc ma, tội lỗi của ma thì có ác ma hiện làm hình các Bí-sô, đi đến chỗ Đại Bồ-tát, lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của sắc, có thể được, tướng thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của sắc, tướng lạc, khổ của thọ, tưởng, hành, thức có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của sắc, tướng ngã, vô ngã của thọ, tưởng, hành, thức có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của sắc, tướng tịnh, bất tịnh của thọ, tưởng, hành, thức có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của sắc, tướng không, bất không của thọ, tưởng, hành, thức có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của sắc, tướng vô tướng, hữu tướng của thọ, tưởng, hành, thức có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của

sắc, tướng vô nguyện, hữu nguyện của thọ, tưởng, hành, thức có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thọ, tưởng, hành, thức có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thọ, tưởng, hành, thức có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của nhãn xứ, có thể được, nói tướng thường, vô thường của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của nhãn xứ, tướng lạc, khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của nhãn xứ, tướng ngã, vô ngã của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của nhãn xứ, tướng tịnh, bất tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của nhãn xứ, tướng không, bất không của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của nhãn xứ, tướng vô tướng, hữu tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhãn xứ, tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn xứ, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn xứ, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của sắc xứ, có thể được, nói tướng thường, vô thường của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của sắc xứ, tướng lạc, khổ của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của sắc xứ, tướng ngã, vô ngã của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của sắc xứ, tướng tịnh, bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của sắc xứ, tướng không, bất không của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của sắc xứ, tướng vô tướng, hữu tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc xứ, tướng vô nguyện, hữu nguyện của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh

của sắc xứ, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc xứ, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của nhãn giới, có thể được, nói tướng thường, vô thường của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của nhãn giới, tướng lạc, khổ của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của nhãn giới, tướng ngã, vô ngã của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của nhãn giới, tướng tịnh, bất tịnh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của nhãn giới, tướng không, bất không của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của nhãn giới, tướng vô tướng, hữu tướng của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhãn giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhãn giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhãn giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của nhĩ giới, có thể được, nói tướng thường, vô thường của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của nhĩ giới, tướng lạc, khổ của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của nhĩ giới, tướng ngã, vô ngã của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của nhĩ

giới, tướng tịnh, bất tịnh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của nhĩ giới, tướng không, bất không của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của nhĩ giới, tướng vô tướng, hữu tướng của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của nhĩ giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của nhĩ giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của nhĩ giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của tỷ giới, có thể được, nói tướng thường, vô thường của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của tỷ giới, tướng lạc, khổ của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của tỷ giới, tướng ngã, vô ngã của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của tỷ giới, tướng tịnh, bất tịnh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của tỷ giới, tướng không, bất không của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của tỷ giới, tướng vô tướng, hữu tướng của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của tỷ giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của tỷ giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng

xa lìa của tỷ giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của thiệt giới, có thể được, nói tướng thường, vô thường của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của thiệt giới, tướng lạc, khổ của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của thiệt giới, tướng ngã, vô ngã của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của thiệt giới, tướng tịnh, bất tịnh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của thiệt giới, tướng không, bất không của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của thiệt giới, tướng vô tướng, hữu tướng của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của thiệt giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thiệt giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thiệt giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của thân giới, có thể được, nói tướng thường, vô thường của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của thân giới, tướng lạc, khổ của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của thân giới, tướng ngã, vô ngã của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của thân giới, tướng tịnh, bất tịnh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm

phương tiện, nói về tướng không, bất không của thân giới, tướng không, bất không của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của thân giới, tướng vô tướng, hữu tướng của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của thân giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thân giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thân giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của ý giới, có thể được, nói tướng thường, vô thường của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của ý giới, tướng lạc, khổ của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của ý giới, tướng ngã, vô ngã của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của ý giới, tướng tịnh, bất tịnh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của ý giới, tướng không, bất không của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của ý giới, tướng vô tướng, hữu tướng của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của ý giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của ý giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của ý giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của địa giới, có thể được, nói tướng thường, vô thường của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của địa giới, tướng lạc, khổ của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của địa giới, tướng ngã, vô ngã của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của địa giới, tướng tịnh, bất tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của địa giới, tướng không, bất không của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của địa giới, tướng vô tướng, hữu tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của địa giới, tướng vô nguyện, hữu nguyện của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của địa giới, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của địa giới, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của thủy, hỏa, phong, không, thức giới có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của Thánh đế khổ, có thể được, nói tướng thường, vô thường của Thánh đế tập, diệt, đạo, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của Thánh đế khổ, tướng lạc, khổ của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của Thánh đế khổ, tướng ngã, vô ngã của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của Thánh đế khổ, tướng tịnh, bất tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của Thánh đế khổ, tướng không, bất không của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của Thánh đế khổ, tướng vô tướng, hữu tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế khổ, tướng vô nguyện, hữu nguyện của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế khổ, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Thánh đế tập, diệt, đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế khổ, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Thánh đế tập, diệt,

đạo có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của vô minh, có thể được, nói tướng thường, vô thường của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của vô minh, tướng lạc, khổ của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của vô minh, tướng ngã, vô ngã của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của vô minh, tướng tịnh, bất tịnh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của vô minh, tướng không, bất không của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của vô minh, tướng vô tướng, hữu tướng của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của vô minh, tướng vô nguyện, hữu nguyện của hành cho đến lão tử có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của vô minh, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của vô minh, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của bốn Tĩnh lự, có thể được, nói tướng thường, vô thường của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của bốn Tĩnh lự, tướng lạc, khổ của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của bốn Tĩnh lự, tướng ngã, vô ngã của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của bốn Tĩnh lự, tướng tịnh, bất tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của bốn Tĩnh lự, tướng không, bất không của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Tĩnh lự, tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Vô lượng,

bốn Định vô sắc có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Tĩnh lự, tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Tĩnh lự, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Tĩnh lự, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của bốn Niệm trụ, có thể được, nói tướng thường, vô thường của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của bốn Niệm trụ, tướng lạc, khổ của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của bốn Niệm trụ, tướng ngã, vô ngã của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của bốn Niệm trụ, tướng tịnh, bất tịnh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của bốn Niệm trụ, tướng không, bất không của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Niệm trụ, tướng vô tướng, hữu tướng của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Niệm trụ, tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Niệm trụ, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Niệm trụ, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của pháp môn giải thoát Không, có thể được, nói tướng thường, vô thường của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, có thể được. Lấy sở đắc

làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của pháp môn giải thoát Không, tướng lạc, khổ của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của pháp môn giải thoát Không, tướng ngã, vô ngã của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của pháp môn giải thoát Không, tướng tịnh, bất tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của pháp môn giải thoát Không, tướng không, bất không của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của pháp môn giải thoát Không, tướng vô tướng, hữu tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của pháp môn giải thoát Không, tướng vô nguyện, hữu nguyện của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Không, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Không, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của Bố thí ba-la-mật-đa, có thể được, nói tướng thường, vô thường của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của Bố thí ba-la-mật-đa, tướng lạc, khổ của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của Bố thí ba-la-mật-đa, tướng ngã, vô ngã của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa, tướng tịnh, bất tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của Bố thí ba-la-mật-đa, tướng không, bất không của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của Bố thí ba-la-mật-đa, tướng vô tướng, hữu tướng của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của Bố thí ba-la-mật-đa, tướng vô nguyện, hữu nguyện của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã

ba-la-mật-đa có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Bố thí ba-la-mật-đa, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Bố thí ba-la-mật-đa, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường của năm loại mắt, có thể được, nói tướng thường, vô thường của sáu phép thần thông, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ của năm loại mắt, tướng lạc, khổ của sáu phép thần thông có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã của năm loại mắt, tướng ngã, vô ngã của sáu phép thần thông có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh của năm loại mắt, tướng tịnh, bất tịnh của sáu phép thần thông có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không của năm loại mắt, tướng không, bất không của sáu phép thần thông có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng của năm loại mắt, tướng vô tướng, hữu tướng của sáu phép thần thông có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện của năm loại mắt, tướng vô nguyện, hữu nguyện của sáu phép thần thông có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của năm loại mắt, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của sáu phép thần thông có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa của năm loại mắt, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của sáu phép thần thông có thể được.

Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng thường, vô thường nơi mười lực của Phật, có thể được, nói tướng thường, vô thường của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng lạc, khổ nơi mười lực của Phật, tướng lạc, khổ của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng ngã, vô ngã nơi mười lực của Phật, tướng ngã, vô ngã của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịnh, bất tịnh nơi mười lực của Phật, tướng tịnh, bất tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng

có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng không, bất không nơi mười lực của Phật, tướng không, bất không của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô tướng, hữu tướng nơi mười lực của Phật, tướng vô tướng, hữu tướng của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng vô nguyện, hữu nguyện nơi mười lực của Phật, tướng vô nguyện, hữu nguyện của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh nơi mười lực của Phật, tướng tịch tĩnh, chẳng tịch tĩnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể được. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói về tướng xa lìa, chẳng xa lìa nơi mười lực của Phật, tướng xa lìa, chẳng xa lìa của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng có thể được.

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát, vì nếu chẳng nói những việc như vậy, Đại Bồ-tát đã được giác ngộ rồi.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị sự dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Lại nữa Thiện Hiện, kẻ ác hữu của các Đại Bồ-tát, nếu chẳng nói đến việc ma, tội lỗi của ma thì có ác ma hiện làm hình Đại Bồ-tát, đi đến chỗ Đại Bồ-tát, khuyên quán không bên trong, có sở đắc; khuyên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, đều có sở đắc. Khuyên tu bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, có sở đắc. Khuyên tu bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, có sở đắc. Khuyên tu pháp môn giải thoát Không, pháp

môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, có sở đắc. Khuyên tu Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, có sở đắc. Khuyên tu năm loại mắt, sáu phép thần thông có sở đắc. Khuyên tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng đều có sở đắc.

Thiện Hiện, đó là ác hữu của các Đại Bồ-tát, vì nếu không nói những việc như vậy, thì Đại Bồ-tát đã được giác ngộ rồi.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, bị dẫn dắt của các ác hữu, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, tâm của vị ấy có sự kinh khiếp, hãi hùng, sợ sệt.

Vì vậy, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các ác hữu phải mau xa lìa.

M
PHẨM 12: BỒ-TÁT (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chỗ gọi là Bồ-tát, ý nghĩa đích thực là gì?

Phật bảo:

–Thiện Hiện, không có ý nghĩa đích thực là ý nghĩa đích thực của Bồ-tát. Vì sao? Thiện Hiện, vì Bồ-tát chẳng sinh, Tát-đỏa chẳng có nên không có ý nghĩa đích thực là ý nghĩa đích thực của Bồ-tát. Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực của dấu chân chim trong hư không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực của sự như huyễn, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực của cảnh mộng, ý nghĩa đích thực của ánh nắng, của ánh sáng phản chiếu, của hoa đốm trong hư không, của ảnh tượng, của tiếng vang, của ảo thành, của trò biến hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực của chân như, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; như ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực của pháp giới, của pháp tánh, của pháp trụ, của pháp định, của sự chẳng hư vọng, của sự chẳng đổi khác, của tánh ly sinh, của tánh bình đẳng, của cõi thật, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sắc của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về thọ, tưởng, hành, thức của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về nhãn xứ của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sắc xứ của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về nhãn giới của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng

thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về nhĩ giới của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tỷ giới của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về thiệt giới của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về thân giới của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về ý giới của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về địa giới của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về thủy, hỏa, phong, không, thức giới của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về Thánh đế khổ của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về Thánh đế tập, diệt, đạo của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về vô minh của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về bốn Tĩnh lự của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng

thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về bốn Niệm trụ của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về pháp môn giải thoát Không của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 46

PHẨM 12: BỒ-TÁT (2)

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về Bố thí ba-la-mật-đa của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về năm loại mắt của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sáu phép thần thông của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về mười lực của Phật nơi người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sự tu hành không bên

trong của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sự tu hành pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành bốn Tĩnh lự của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành bốn Niệm trụ của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành pháp môn giải thoát Không của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng

thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành Bố thí ba-la-mật-đa của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành năm loại mắt của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành sáu phép thần thông của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành mười lực của Phật nơi người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về việc tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng của người huyễn hóa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng sắc của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng thọ, tưởng, hành, thức của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích

thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng nhãn xứ của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng sắc xứ của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng nhãn giới của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng nhĩ giới của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tỷ giới của Như Lai

Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng thiệt giới của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng thân giới của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng ý giới của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng địa giới của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-

tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng thủy, hỏa, phong, không, thức giới của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng Thánh đế khổ của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng Thánh đế tập, diệt, đạo của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng vô minh của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng bốn Tĩnh lự của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng bốn Niệm trụ của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng pháp môn giải thoát Không của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng Bố thí ba-la-mật-đa của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng năm loại mắt của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng sáu phép thần thông của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng mười lực của Phật của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng bốn điều không sợ, bốn

sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành pháp không bên trong của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành pháp không bên ngoài cho đến không tánh tự tánh của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành bốn Tĩnh lự của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành bốn Niệm trụ của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành pháp môn giải thoát Không của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý

nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành Bố thí ba-la-mật-đa của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành năm loại mắt của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành sáu phép thần thông của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành mười lực của Phật của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực của vô vi giới trong hữu vi giới,

không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, ý nghĩa đích thực của hữu vi giới trong vô vi giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực của không sinh, không diệt, không tạo tác, không hành động, không nắm bắt, không chấp giữ, không nhiễm, không tịnh, đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ý nghĩa đích thực của pháp nào là không sinh, không diệt, không tạo tác, không hành động, không nắm bắt, không chấp giữ, không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Ý nghĩa đích thực của sắc là không sinh, không diệt, không tạo tác, không hành động, không nắm bắt, không chấp giữ, không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của thọ, tưởng, hành, thức là không sinh, không diệt, không tạo tác, không hành động, không nắm bắt, không chấp giữ, không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của nhãn xứ là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của sắc xứ là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của nhãn giới là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của nhĩ giới là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được;

ý nghĩa đích thực của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của tỷ giới là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của thiệt giới là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của thân giới là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của ý giới là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của địa giới là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của Thánh đế khổ là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của Thánh đế tập, diệt, đạo là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của vô minh là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não là không sinh, không diệt cho

đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của bốn Tĩnh lự là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của bốn Niệm trụ là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của pháp môn giải thoát Không là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của Bố thí ba-la-mật-đa là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực của năm loại mắt là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của sáu phép thần thông là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực nơi mười lực của Phật là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực của các pháp như vậy là không sinh, không diệt cho đến không nhiễm, không tịnh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý

nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của sắc, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của thọ, tưởng, hành, thức, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của nhãn xứ, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của sắc xứ, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của nhãn giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của nhĩ giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của tỷ giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được;

Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của thiệt giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của thân giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của ý giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của địa giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của Thánh đế khổ, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của Thánh đế tập, diệt, đạo, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của vô minh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích

thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của bốn Tĩnh lự, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của bốn Niệm trụ, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của pháp môn giải thoát Không, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của Bố thí ba-la-mật-đa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của năm loại mắt, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của sáu phép thần thông, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh nơi mười lực của Phật, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, không sở hữu, chẳng

thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Lại nữa Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của ngã, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, vì ngã chẳng có, nên ý nghĩa đích thực về tướng rốt ráo thanh tịnh của hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, cái biết, cái thấy, đều không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được. Bởi lẽ, loài hữu tình cho đến cái thấy đều không có, nên Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, cần quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được.

Thiện Hiện, ý nghĩa đích thực tối tăm ấy không còn nữa khi mặt trời mọc lên, vì không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực của các hành trong thời kiếp thiêu hủy hết, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sự phá giới trong giới uẩn của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sự tán loạn trong định uẩn của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sự ngu si trong tuệ uẩn của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sự chẳng giải thoát trong giải thoát uẩn của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như

vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sự chẳng giải thoát tri kiến trong giải thoát tri kiến uẩn của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về sự tối tăm trong các ánh sáng của mặt trời, mặt trăng... không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy.

Thiện Hiện, như ý nghĩa đích thực về ánh sáng của tất cả mặt trời, mặt trăng, ngọc, lửa, điện... trong hào quang của Phật, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, ý nghĩa đích thực về hào quang của tất cả trời Tứ Thiên vương, cho đến trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được; Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, quán ý nghĩa đích thực của Bồ-tát, không sở hữu, chẳng thể nắm bắt được, cũng như vậy. Vì sao? Vì ý nghĩa đích thực của Bồ-đề, hoặc là Tát-đỏa, hoặc là Bồ-tát, tất cả như vậy đều chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, không sắc, thấy, đối đãi, chỉ thuần một tướng, gọi đó là "vô tướng."

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát đối với các pháp, đều không sở hữu, không ngại, không đắm; nên học, nên biết!

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, những gì là tất cả pháp mà khuyên các Đại Bồ-tát, đối với tất cả pháp đó, đều không sở hữu, không ngại, không đắm; nên học, nên biết?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Tất cả pháp đó là pháp thiện, pháp chẳng phải thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp cộng, pháp bất cộng. Thiện Hiện, đó là tất cả pháp, các Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp đó, đều không sở hữu, không ngại, không đắm; nên học, nên biết.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp thiện?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đó là hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, thờ

kính sư trưởng, làm việc phước mang tính bố thí, làm việc phước mang tính tu hành, chăm sóc người bệnh, tu hành đầy đủ việc phước của phương tiện thiện xảo, tu hành đầy đủ việc phước của mười điều thiện, đó là xa lìa giết hại sinh mạng, xa lìa trộm cắp, xa lìa dục tà hạnh, xa lìa nói dối, xa lìa nói ly gián, xa lìa nói thô ác, xa lìa nói tạp uế, không tham, không sân, chánh kiến, có mười phép quán tưởng là: tưởng sình trướng, tưởng chảy máu mủ, tưởng đỏ nám, tưởng xanh bầm, tưởng tan rã, tưởng mổ nuốt, tưởng lìa tán, tưởng hài cốt, tưởng thiêu đốt và tưởng tất cả thế gian không gì có thể bảo tồn, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, có mười tùy niệm, đó là tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm xả, tùy niệm thiên, tùy niệm hơi thở ra vào, tùy niệm tịch tĩnh, tùy niệm chết, tùy niệm thân. Thiện Hiện, những pháp này gọi là pháp thiện.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp bất thiện?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đó là mười điều bất thiện, là giết hại sinh mạng, trộm cắp, dục tà hạnh, nói dối, nói ly gián, nói thô ác, nói tạp uế, tham dục, sân nhuế, tà kiến và phẫn, hận, phú, não, siểm, cuống, kiêu, hại, tật, xan, mạn... Thiện Hiện, những pháp này là pháp bất thiện.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp hữu ký?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Chính các pháp thiện và pháp bất thiện, gọi là pháp hữu ký.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp vô ký?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đó là thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, bốn đại chủng, năm Căn, sáu xứ, pháp vô sắc, năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, pháp dị thục vô ký. Thiện Hiện, những pháp này gọi là pháp vô ký.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp thế gian?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, mười nghiệp đạo, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, mười hai chi pháp duyên khởi của thế gian. Thiện Hiện, những pháp này là pháp thế gian.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp xuất thế gian?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, vị tri căn, đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn, Tam-ma-địa có tầm có tứ, Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ, Tam-ma-địa không tầm không tứ, hiểu rõ giải thoát, niệm chánh tri, tác ý đúng như lý, là pháp xuất thế gian.

Có tám Giải thoát:

- Giải thoát thứ nhất: trong có sắc quán các sắc.

- Giải thoát thứ hai: trong không có sắc tưởng quán sắc bên ngoài.

- Giải thoát thứ ba: chứng đắc thân giải thoát thanh tịnh, thù thắng.

- Giải thoát thứ tư: vượt lên trên tất cả sắc tưởng, trừ diệt tưởng có đối đãi, chẳng tư duy các thứ tưởng, nhập không vô biên, an trú trọn vẹn trong Không vô biên xứ.

- Giải thoát thứ năm: vượt lên trên tất cả Không vô biên xứ, nhập vào thức vô biên, an trú trọn vẹn trong Thức vô biên xứ.

- Giải thoát thứ sáu: vượt lên trên tất cả Thức vô biên xứ, nhập vào vô sở hữu, an trú trọn vẹn trong Vô sở hữu xứ.

- Giải thoát thứ bảy: vượt lên trên tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào phi tưởng, an trú trọn vẹn trong Phi phi tưởng xứ.

- Giải thoát thứ tám: vượt lên trên tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập vào và an trú trọn vẹn trong định Diệt tưởng thọ.

Có chín Định thứ đệ:

- Định thứ nhất: xa lìa dục, pháp ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc, nhập vào và an trú trọn vẹn trong bậc định thứ nhất.

- Định thứ hai: tầm tứ tịch tĩnh, các tâm thanh tịnh bên trong quy về một tánh, không tầm không tứ, định sinh hỷ lạc, nhập vào và an trú trọn vẹn trong bậc định thứ hai.

- Định thứ ba: xa lìa vui mừng, an trú trong xả, chỉ nhớ nghĩ trọn vẹn về chánh tri, thân hưởng và an trú trong niềm vui của lời thánh, xả trọn vẹn sự nhớ nghĩ, an trú trong niềm vui, nhập vào và an trú trọn vẹn trong bậc định thứ ba.

- Định thứ tư: dứt vui, dứt khổ, cái mừng lo trước kia biến mất, chẳng khổ, chẳng vui, xả niệm thanh tịnh, nhập vào và an trú trọn vẹn

trong bậc định thứ tư.

- Định thứ năm: vượt lên trên tất cả tưởng về sắc, diệt trừ tưởng có đối đãi, chẳng tư duy các thứ tưởng, nhập vào trong không vô biên, an trú trọn vẹn trong Không vô biên xứ.

- Định thứ sáu: vượt lên trên tất cả Không vô biên xứ, nhập vào thức vô biên, an trú trọn vẹn trong Thức vô biên xứ.

- Định thứ bảy: vượt lên trên tất cả Thức vô biên xứ, nhập vào vô sở hữu, an trú trọn vẹn trong Vô sở hữu xứ.

- Định thứ tám: vượt lên trên tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào và an trú trọn vẹn trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- Định thứ chín: vượt lên trên tất cả phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập vào và an trú trọn vẹn trong định Diệt tưởng thọ.

Thiện Hiện, pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, sáu pháp đến bờ kia, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; những pháp này gọi là pháp xuất thế gian.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp hữu lậu?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là pháp thế gian; các pháp đưa đến sự đọa lạc trong ba cõi, gọi là pháp hữu lậu.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp vô lậu?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đó là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, ba pháp môn giải thoát, sáu pháp đến bờ kia, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn

sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là pháp xuất thế gian; các pháp này gọi là pháp vô lậu.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp hữu vi?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đó là pháp ràng buộc trong cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, năm uẩn, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, ba pháp môn giải thoát, sáu pháp đến bờ kia, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Tất cả pháp sở hữu có sinh, có trụ, có dị, có diệt; là pháp hữu vi.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp vô vi?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu pháp không sinh, trụ, dị, diệt, có thể được, là hết tham, sân, si, chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, pháp định, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh ly sinh, tánh bình đẳng, cõi thật, thì những pháp này gọi là pháp vô vi.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp cộng?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đó là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, năm thần thông của thế gian. Những pháp này gọi là pháp cộng. Vì sao vậy? Vì chúng luôn gắn chặt với phàm phu.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là pháp bất cộng?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đó là bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, ba pháp môn giải thoát, sáu pháp đến bờ kia, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thuộc vô

lậu. Những pháp này gọi là pháp bất cộng. Vì sao? Vì chẳng gắn chặt với phàm phu.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp tự tướng không như thế, không nên chấp trước. Vì sao? Vì tự tướng của các pháp là không thể phân biệt.

Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên lấy không hai làm phương tiện, để giác ngộ tất cả pháp. Vì sao? Vì tướng của tất cả pháp là bất động.

Thiện Hiện, đối với tất cả pháp không hai và chẳng động là ý nghĩa đích thực của Bồ-tát. Vì sao? Vì không có ý nghĩa đích thực nào là ý nghĩa đích thực của Bồ-tát cả.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 47

PHẨM 13: MA-HA-TÁT (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì duyên cớ gì mà Bồ-tát còn gọi là Ma-ha-tát?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Bồ-tát ở trong chúng đại hữu tình, nhất định sẽ là bậc Thượng thủ. Vì lý do đó nên lại còn gọi là Ma-ha-tát.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những ai là chúng đại hữu tình mà Bồ-tát ở trong đó, nhất định là bậc Thượng thủ?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Chúng đại hữu tình đó là bậc Trụ chủng tánh thứ tám, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, Độc giác và các Đại Bồ-tát từ mới phát tâm cho đến bậc không thoái chuyển, đó gọi là chúng đại hữu tình. Bồ-tát ở trong chúng đại hữu tình như vậy, nhất định là bậc Thượng thủ, nên còn gọi là Ma-ha-tát.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát như vậy, vì nhân duyên gì mà ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Vì Đại Bồ-tát này phát tâm Kim cang dụ, quyết chẳng thối hoại. Vì do tâm này, mà ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là tâm Kim cang dụ của Đại Bồ-tát?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát sinh tâm thế này: Ta phải mặc áo giáp kiên cố, ở trong cánh đồng sinh tử mênh mông, phá trừ vô lượng oán địch phiền não. Ta lại phải làm khô cạn biển lớn sinh tử sâu rộng vô cùng các pháp

xả bỏ các gánh nặng về thân mạng, của cải trong ngoài, đem tâm bình đẳng làm việc lợi ích lớn cho các loài hữu tình. Ta phải dùng pháp ba thừa cứu độ các loài hữu tình, khiến họ đều ở trong cõi Vô dư y Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Tuy ta phải dùng pháp ba thừa khiến các loài hữu tình được diệt độ, nhưng thật ra chẳng thấy có loài hữu tình nào được diệt độ. Ta phải hiểu rõ như thật đối với các pháp là không sinh, không diệt, ta nên chuyên thuần lấy tâm tương ưng với trí Nhất thiết trí mà tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa. Ta phải tu học các pháp cho thông đạt rốt ráo, biến nhập diệu trí. Ta phải thông đạt pháp môn nhất lý của các pháp tướng. Ta phải thông đạt pháp môn nhị lý của các pháp tướng cho đến pháp môn vô biên lý các pháp, đối với các pháp, tu học cho thông đạt diệu trí của pháp nhất lý các pháp, đối với các pháp, tu học cho thông đạt diệu trí của pháp môn vô biên lý, tu học dẫn phát pháp môn Tĩnh lự vô biên, Vô sắc vô lượng. Ta phải tu học, dẫn phát ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề vô biên, ba pháp môn giải thoát, sáu pháp đến bờ kia. Ta phải tu học, dẫn phát vô biên pháp môn: năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng thì này Thiện Hiện, như vậy gọi là tâm Kim cang dụ của Đại Bồ-tát.

Nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong tâm này, không tự ỷ lại sinh tâm kiêu căng, ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát sinh tâm thế này: "Trong các loài địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, người, trời, các loài hữu tình nào chịu khổ não, ta phải chịu thay, để họ được an lạc." Nếu Đại Bồ-tát sinh tâm thế này: "Ta phải vì một hữu tình, trải qua vô lượng trăm ngàn vô số đại kiếp, chịu rất nhiều đau khổ kịch liệt trong các địa ngục, dùng vô số phương tiện giáo hóa, khiến họ chứng Vô dư Niết-bàn; lần lượt như vậy. Vì các loài hữu tình, cứ mỗi loài hữu tình, phải trải qua vô lượng trăm ngàn vô số đại kiếp, chịu rất nhiều đau khổ kịch liệt trong các địa ngục, cũng vì từng loại hữu tình dùng vô số phương tiện giáo hóa, khiến họ chứng được Vô dư Niết-bàn." Làm việc này rồi, tự trồng căn lành, lại trải qua vô lượng trăm ngàn đại kiếp số, hoàn thành tư lương để tu tập Bồ-đề, sau đó mới chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, thì này Thiện Hiện, như vậy gọi là tâm Kim cang dụ của Đại Bồ-tát.

Nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong tâm

này, không tự ỷ lại sinh tâm kiêu căng thì ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, phát tâm thù thắng quảng đại, quyết chẳng thoái thất, do vì tâm này, nên ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là tâm thù thắng quảng đại của Đại Bồ-tát?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát sinh tâm thế này: Ta nên, từ mới phát tâm cho đến khi chứng được quả vị Giác ngộ cao tột, trong khoảng thời gian ấy, thề không khởi tâm tham dục, sân hận, ngu xuẩn, phẫn, hận, phú, não, cuống, siểm, tật, xan, kiêu, hại, kiến mạng...; cũng lại không khởi tâm hướng đến bậc Thanh văn, Độc giác, thì này Thiện Hiện, như vậy gọi là tâm thù thắng quảng đại của Đại Bồ-tát.

Nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong tâm này, không tự ỷ lại sinh tâm kiêu căng thì ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, phát tâm chẳng thể khuynh động, quyết chẳng thối hoại, vì tâm này, nên ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là tâm chẳng thể khuynh động của Đại Bồ-tát?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát sinh tâm thế này: Ta lấy tâm tương ưng với trí Nhất thiết trí mà tu tập, phát khởi các sự tu hành và ứng dụng làm việc, thì này Thiện Hiện, như vậy gọi là tâm chẳng thể khuynh động của Đại Bồ-tát.

Nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong tâm này, không tự ỷ lại sinh tâm kiêu căng, thì ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này phát tâm đem lại lợi ích an lạc, quyết không khuynh động, vì tâm này, nên ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là tâm lợi ích an lạc của Đại Bồ-tát?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát sinh tâm thế này: Ta phải cùng tận đời vị lai, đối với các loài hữu tình, làm chỗ nương tựa, chiếc cầu, con thuyền, bờ bến, hải đảo, cứu giúp, che chở họ, thường chẳng xa lìa, thì này Thiện Hiện, như vậy gọi là tâm lợi ích an lạc của Đại Bồ-tát.

Nếu Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong tâm này, không tự ỷ lại sinh tâm kiêu căng, ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, thường hay thích pháp, ưa pháp, vui mừng với pháp, hoan hỷ với pháp. Vì duyên này, nên ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, những pháp nào và vì sao Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thường đối với pháp ấy, ưa, thích, vui mừng, hoan hỷ?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Gọi là pháp, đó là các hữu tình và pháp sắc, phi sắc, đều không có tự tánh và không thể được, thật tướng chẳng hoại, đó gọi là pháp. Nói là thích pháp, nghĩa là đối với pháp ấy, khởi lên sự ham muốn mong mỏi, tìm cầu. Nói là ưa pháp, nghĩa là đối với pháp ấy, khen ngợi công đức; vui mừng với pháp, nghĩa là đối với pháp ấy vui mừng, tin tưởng, thọ trì; hoan hỷ với pháp, nghĩa là đối với pháp ấy hâm mộ và hết lòng tu tập.

Thiện Hiện, như vậy Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện thường hay thích, ưa, vui mừng, hoan hỷ với pháp, không tự ỷ lại mà sinh kiêu căng, nên ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, nên được ở trong chúng đại hữu tình và

nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, nên được ở trong chúng đại hữu tình và nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, nên được ở trong chúng đại hữu tình và nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, nên được ở trong chúng đại hữu tình và nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong Bố thí, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên được ở trong chúng đại hữu tình và nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong năm loại mắt, sáu phép thần thông, nên được ở trong chúng đại hữu tình và nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, nên được ở trong chúng đại hữu tình và nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Lại nữa Thiện Hiện, vì Đại Bồ-tát này, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong Tam-ma-địa Kim cang dụ, cho đến lấy vô sở đắc làm phương tiện, an trú trong các Tam-ma-địa vô trước, vô vi, vô nhiễm, giải thoát như hư không, nên được ở trong chúng đại hữu tình và nhất định được làm bậc Thượng thủ.

Thiện Hiện, vì các nhân duyên như vậy, nên Đại Bồ-tát này, ở trong chúng đại hữu tình, nhất định được làm bậc Thượng thủ. Thiện Hiện, vì vậy Bồ-tát lại còn gọi là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con cũng muốn nói, do nghĩa này nên Bồ-tát còn gọi là Ma-ha-tát.

Phật bảo Xá-lợi Tử:

–Tùy ý ông, cứ nói.

Xá-lợi Tử bạch:

–Bạch Thế Tôn, do các Bồ-tát thường vì loài hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp dứt trừ kiến chấp ngã, kiến chấp hữu tình, kiến chấp dòng sinh mạng, kiến chấp sinh trưởng, kiến chấp dưỡng dục, kiến chấp trưởng thành, kiến chấp chủ thể luân hồi, kiến chấp ý sinh, kiến chấp nho đồng, kiến chấp làm việc, kiến chấp khiến người làm việc, kiến chấp tạo nghiệp, kiến chấp khiến người tạo nghiệp, kiến chấp tự thọ quả báo, kiến chấp khiến người thọ quả báo, kiến chấp sự hiểu biết, kiến chấp sự nhận thức, nên Bồ-tát này, còn gọi là Ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn, do các Bồ-tát thường vì hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp dứt trừ thường kiến, đoạn kiến, nên Bồ-tát này, còn gọi là Ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn, do các Bồ-tát thường vì loài hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp đoạn trừ hữu kiến, vô kiến, nên Bồ-tát này, còn gọi là Ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn, do các Bồ-tát thường vì hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp đoạn trừ các kiến chấp: bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, nên Bồ-tát này, còn gọi là Ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn, do các Bồ-tát thường vì hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp đoạn trừ các kiến chấp: ba pháp môn giải thoát, sáu pháp đến bờ kia, nên Bồ-tát này, còn gọi là Ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn, do các Bồ-tát thường vì hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp đoạn trừ các kiến chấp: năm loại mắt, sáu phép thần thông, nên Bồ-tát này, còn gọi là Ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn, do các Bồ-tát thường vì hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp đoạn trừ các kiến chấp: mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, nên Bồ-tát này, còn gọi là Ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn, do các Bồ-tát thường vì hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp đoạn trừ các kiến chấp: đem lại sự thành tựu đầy

đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, Bồ-tát, Phật-đà, Chuyển pháp luân, nên Bồ-tát này, còn gọi là Ma-ha-tát.

Bạch Thế Tôn, nói tóm lại, do các Bồ-tát, thường vì hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp đoạn trừ các kiến chấp, nên Bồ-tát này, còn gọi là Ma-ha-tát.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện hỏi Xá-lợi Tử:

–Nếu Đại Bồ-tát thường vì hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp đoạn trừ các kiến chấp, thì do duyên gì mà Đại Bồ-tát tự có sở đắc làm phương tiện, khởi lên các kiến chấp về sắc, về thọ, tưởng, hành, thức. Khởi lên các kiến chấp về nhãn xứ, về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Khởi lên các kiến chấp về sắc xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Khởi lên các kiến chấp về nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra. Khởi lên các kiến chấp về nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra. Khởi lên các kiến chấp về tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra. Khởi lên các kiến chấp về thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra. Khởi lên các kiến chấp về thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra. Khởi lên các kiến chấp về ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra. Khởi lên các kiến chấp về địa giới, thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Khởi lên các kiến chấp về Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo. Khởi lên các kiến chấp về vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Khởi lên các kiến chấp về bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Khởi lên các kiến chấp về pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Khởi lên các kiến chấp về Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Khởi lên các kiến chấp về năm loại mắt, sáu phép thần thông. Khởi lên các kiến chấp về mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng. Khởi lên các kiến chấp về đem lại sự thành tựu cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, Bồ-tát, Phật-đà, Chuyển pháp luân?

Cụ thọ Xá-lợi Tử trả lời Thiện Hiện:

–Nếu Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có

phương tiện thiện xảo, lấy cái sở đắc làm phương tiện, thì liền khởi lên kiến chấp sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến khởi lên kiến chấp Phật-đà, Chuyển pháp luân. Đại Bồ-tát này chẳng thường vì hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện nói pháp đoạn trừ các kiến chấp.

Nếu Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, có phương tiện thiện xảo, thường vì hữu tình, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nói pháp đoạn trừ các kiến chấp thì Đại Bồ-tát này, chẳng khởi lên kiến chấp sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng khởi lên kiến chấp Phật-đà, Chuyển pháp luân.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con cũng muốn nói do vì nghĩa này nên Bồ-tát còn gọi là Ma-ha-tát.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Tùy ý ông, cứ nói.

Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn, do các Bồ-tát vì trí Nhất thiết trí mà phát tâm Bồ-đề, tâm vô thượng, tâm chẳng gắn bó với các Thanh văn, Độc giác, nên đối với các tâm như vậy, cũng chẳng vướng đắm. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tâm của trí Nhất thiết trí ấy là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, cầu tâm trí Nhất thiết trí, cũng là vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi; đối với tâm như vậy, chẳng nên vướng đắm, nên Bồ-tát này cũng còn gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Thế nào là tâm vô thượng, tâm chẳng gắn bó với các Thanh văn, Độc giác của Đại Bồ-tát?

Thiện Hiện đáp:

–Các Đại Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm chẳng thấy các pháp có sinh, diệt, giảm, tăng, đến, đi, nhiễm, tịnh. Xá-lợi Tử, nếu chẳng thấy các pháp có sinh, diệt, giảm, tăng, đến, đi, nhiễm, tịnh, cũng chẳng thấy có tâm Thanh văn, tâm Độc giác, tâm Bồ-tát, tâm Như Lai, thì này Xá-lợi Tử, đó là tâm vô thượng và tâm chẳng gắn bó với Thanh văn, Độc giác của Đại Bồ-tát. Các Đại Bồ-tát đối với tâm như vậy cũng chẳng vướng đắm.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nếu kẻ đối với tâm như vậy mà chẳng nên vướng đắm, thì đối với các tâm của hàng phàm phu ngu xuẩn, Thanh văn, Độc giác... cũng chẳng nên vướng đắm và đối với tâm của sắc, đối với tâm của thọ, tưởng, hành,

thức, cũng chẳng nên vướng đắm. Đối với tâm của nhãn xứ, chẳng nên vướng đắm, đối với tâm của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng chẳng nên vướng đắm. Đối với tâm của sắc xứ, chẳng nên vướng đắm, đối với tâm của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng chẳng nên vướng đắm. Đối với tâm của nhãn giới, chẳng nên chấp giữ, đối với tâm của sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của nhĩ giới, chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của thân giới, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của địa giới, thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của Thánh đế khổ, Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của pháp môn giải thoát Không, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của Bố thí ba-la-mật-đa, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của năm loại mắt, sáu phép thần thông, cũng chẳng nên chấp giữ. Đối với tâm của mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng không nên chấp giữ. Vì sao? Vì các tâm như thế đều không có tánh của tâm, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nếu các tâm vì không có tánh của tâm, không nên chấp giữ; sắc vì không có tánh của sắc, không nên chấp giữ; thọ, tưởng, hành, thức vì không

có tánh của thọ, tưởng, hành, thức cũng không nên chấp giữ. Nhãn xứ, vì không có tánh của nhãn xứ, không nên chấp giữ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vì không có tánh của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ cũng không nên chấp giữ. Sắc xứ, vì không có tánh của sắc xứ, không nên chấp giữ; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vì không có tánh của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng không nên chấp giữ. Nhãn giới, vì không có tánh của nhãn giới, không nên chấp giữ; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, vì không có tánh của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cũng không nên chấp giữ. Nhĩ giới, vì không có tánh của nhĩ giới, không nên chấp giữ; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, vì không có tánh của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra cũng không nên chấp giữ. Tỷ giới, vì không có tánh của tỷ giới, không nên chấp giữ; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, vì không có tánh của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra cũng không nên chấp giữ. Thiệt giới, vì không có tánh của thiệt giới, không nên chấp giữ; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, vì không có tánh của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra cũng không nên chấp giữ. Thân giới, vì không có tánh của thân giới, không nên chấp giữ; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, vì không có tánh của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra cũng không nên chấp giữ. Ý giới, vì không có tánh của ý giới, không nên chấp giữ; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, vì không có tánh của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng không nên chấp giữ. Địa giới, vì không có tánh của địa giới, không nên chấp giữ; thủy, hỏa, phong, không, thức giới vì không có tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng không nên chấp giữ. Thánh đế khổ, vì không có tánh của Thánh đế khổ, không nên chấp giữ; Thánh đế tập, diệt, đạo vì không có tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo cũng không nên chấp giữ. Vô minh, vì không có tánh của vô minh, không nên chấp giữ; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não vì không có tánh của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng không nên chấp giữ. Bốn Tĩnh lự, vì không có tánh của bốn Tĩnh lự, không nên chấp giữ; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vì không có tánh của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc cũng không nên chấp giữ. Bốn Niệm trụ, vì không có tánh của bốn Niệm trụ, không nên chấp giữ; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo

vì không có tánh của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo cũng không nên chấp giữ. Pháp môn giải thoát Không, vì không có tánh của pháp môn giải thoát Không, không nên chấp giữ; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vì không có tánh của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện cũng không nên chấp giữ. Bố thí ba-la-mật-đa, vì không có tánh của Bố thí ba-la-mật-đa, không nên chấp giữ; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vì không có tánh của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không nên chấp giữ. Năm loại mắt, vì không có tánh của năm loại mắt, không nên chấp giữ; sáu phép thần thông, vì không có tánh của sáu phép thần thông, cũng không nên chấp giữ. Mười lực của Phật, vì không có tánh mười lực của Phật, không nên chấp giữ; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vì không có tánh của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng cũng không nên vướng đắm, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nếu tâm của trí Nhất thiết trí là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, thì các tâm của phàm phu ngu xuẩn, Thanh văn, Độc giác... cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì các tâm như vậy bản tánh cũng là không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Sắc cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, thọ, tưởng, hành, thức, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nhãn xứ cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản

tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Sắc xứ cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nhãn giới cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì nhãn giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nhĩ giới cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì nhĩ giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Tỷ giới cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thiệt giới cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thân giới cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Ý giới cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Địa giới cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, thủy, hỏa, phong, không, thức giới, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Thánh đế khổ cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, Thánh đế tập, diệt, đạo, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Vô minh cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì vô minh cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bốn Tĩnh lự cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bốn Niệm trụ cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Pháp môn giải thoát Không cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng phải là

chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Bố thí ba-la-mật-đa cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Năm loại mắt cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, sáu phép thần thông, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Mười lực của Phật cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa trong ba cõi. Vì sao? Vì mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết tướng, bản tánh đều không. Vì sao? Vì bản tánh của pháp không là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi tiếp Thiện Hiện:

–Nếu vì các pháp tâm, sắc..., không có các tánh của tâm, sắc, đều chẳng nên chấp giữ, thì các pháp đều phải bình đẳng, không có sai biệt, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nếu các pháp nhất định không có sự sai biệt, thì tại sao Như Lai nói các pháp tâm, sắc... có các thứ sai biệt?

Thiện Hiện đáp:

–Đó chính là Như Lai tùy thế tục nói có các thứ sai biệt, chẳng phải do thật nghĩa.

Xá-lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

–Nếu các pháp tâm, sắc của phàm phu ngu xuẩn, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai, bản tánh đều là không, là chân vô lậu, chẳng đọa trong ba cõi, thì bậc thánh, phàm phu và trí Nhất thiết cùng với chẳng phải trí Nhất thiết, đều phải bình đẳng, không có sai biệt, phải không?

Thiện Hiện đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ngài nói!

Xá-lợi Tử hỏi:

–Nếu các phàm, Thánh nhất định không có sự sai biệt, tại sao Như Lai nói các phàm, Thánh có các thứ sai biệt?

Thiện Hiện đáp:

–Đây cũng là do Như Lai tùy theo thế tục mà nói có các thứ sai biệt, chẳng phải là do thật nghĩa. Này Xá-lợi Tử, như vậy, Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên đối với sự phát tâm Bồ-đề, tâm vô thượng, tâm chẳng gắn bó với các Thanh văn, Độc giác; chẳng ỷ lại, chẳng đắm trước; đối với các pháp cũng không chấp giữ. Do vì nghĩa này mà gọi là Ma-ha-tát.

Bấy giờ, Cụ thọ Mãn Từ Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con cũng muốn nói, do nghĩa này mà Bồ-tát còn gọi là Ma-ha-tát.

Phật bảo Mãn Từ Tử:

–Tùy ý ông, cứ nói.

Mãn Từ Tử bạch:

–Bạch Thế Tôn, do các Bồ-tát, vì muốn đem lại lợi lạc cho các loài hữu tình, mặc áo giáp đại công đức phát tâm hướng đến Đại thừa, gắn bó với Đại thừa, nên còn gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử:

–Vì sao Đại Bồ-tát, muốn làm lợi lạc cho các loài hữu tình, mà mặc

áo giáp đại công đức?

Mãn Từ Tử đáp:

–Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát tu hành Bồ-đề không vì một số ít hữu tình được lợi lạc mà vì các loài hữu tình được lợi lạc, nên tu hạnh Bồ-đề. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát vì muốn đem lợi lạc cho các loài hữu tình mà mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi an trú Bố thí ba-la-mật-đa, khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, không vì một số ít hữu tình được lợi lạc, chính là vì các loài hữu tình được lợi lạc, nên tu Bố thí ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi an trú Tịnh giới ba-la-mật-đa, khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, không vì một số ít hữu tình được lợi lạc, chính là vì các loài hữu tình đều được lợi lạc, nên tu Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi an trú An nhẫn ba-la-mật-đa, khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, không vì một số ít hữu tình được lợi lạc, chính là vì các loài hữu tình đều được lợi lạc, nên tu An nhẫn ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa, khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, không vì một số ít hữu tình được lợi lạc, chính là vì các loài hữu tình đều được lợi lạc, nên tu Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa, khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, không vì một số ít hữu tình được lợi lạc, chính là vì các loài hữu tình đều được lợi lạc, nên tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không vì một số ít hữu tình được lợi lạc, chính là vì các loài hữu tình đều được lợi lạc, nên tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát, vì muốn lợi lạc các loài hữu tình, nên mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại công đức, đem lợi lạc cho loài hữu tình, chẳng bị hạn cuộc, nghĩa là chẳng nghĩ thế này: Ta đã giáo hóa được số hữu tình như vậy, khiến chứng được Vô dư Niết-bàn; một số hữu tình như vậy, chẳng khiến được chứng đắc. Ta đã giáo hóa số hữu tình như vậy, khiến an trú quả vị Giác ngộ cao tột; một số hữu tình như vậy, chẳng khiến được an trú. Nhưng Đại Bồ-tát này, đều khiến các loài hữu tình chứng được Vô dư Niết-bàn và an trú quả vị Giác ngộ cao tột, nên mặc áo giáp đại công đức như thế.

Lại nữa Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khởi lên ý nghĩ thế này: Ta nên tự viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, đối

với Bố thí ba-la-mật-đa, tu hành khiến được viên mãn. Ta nên tự viên mãn Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, đối với Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, tu hành, khiến được viên mãn. Ta nên tự an trú nơi pháp không bên trong, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được an trú nơi không bên trong. Ta nên tự an trú nơi pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được an trú nơi pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh. Ta nên tự an trú trong bốn Tĩnh lự, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được tu hành trong bốn Tĩnh lự. Ta nên tự an trú trong bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được tu hành trong bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc. Ta nên tự an trú trong bốn Niệm trụ, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được tu hành trong bốn Niệm trụ. Ta nên tự an trú trong bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được tu hành trong bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo. Ta nên tự an trú trong pháp môn giải thoát Không, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được tu hành trong pháp môn giải thoát Không. Ta nên tự an trú trong pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được tu hành trong pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện. Ta nên tự an trú trong năm loại mắt, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được tu hành trong năm loại mắt. Ta nên tự an trú trong sáu phép thần thông, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được tu hành trong sáu phép thần thông. Ta nên tự an trú trong mười lực của Phật, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được tu hành trong mười lực của Phật. Ta nên tự an trú trong bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, cũng giáo hóa cho các loài hữu tình, khiến được tu hành trong bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát vì muốn đem lại lợi lạc cho các loài hữu tình, nên mặc áo giáp đại công đức.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 48

PHẨM 13: MA-HA-TÁT (2)

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bố thí ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với thân mạng... đều không lẫn tiếc. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bố thí ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với hạnh bố thí, không khởi ý nghĩ Thanh văn, Độc giác. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bố thí ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với pháp bố thí tin tưởng chịu đựng, ưa thích, vui vẻ. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bố thí ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với hạnh bố thí, siêng năng tu hành không dừng nghỉ. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bố thí ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với hạnh bố thí, nhất tâm hướng về trí Nhất thiết trí,

chẳng xen lẫn ý nghĩ về Thanh văn, Độc giác. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bố thí ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với pháp bố thí, an trú trong tưởng như huyễn, mộng, ảnh tượng, tiếng vang, bóng sáng, hoa đốm hư không, ảo thành, trò biến hóa, không thấy người cho, kẻ nhận, vật cho. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, khi tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, không thủ đắc, không chấp trước, nên biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, vì bảo hộ tịnh giới nên đối với các sở hữu, đều không luyến trước. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với hạnh tịnh giới còn chẳng cầu đến Thanh văn, Độc giác, huống là địa vị phàm phu! Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, nên lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với pháp tịnh giới, tin tưởng, chịu đựng, ưa thích, vui vẻ. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với hạnh tịnh giới, siêng năng tu hành chẳng dừng nghỉ. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với hạnh tịnh giới, chuyên lấy đại Bi làm đầu, với nhị thừa, còn chẳng tác ý xen lẫn, huống là tâm phàm phu! Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với pháp tịnh giới, an trú trong tưởng như huyễn, mộng, ảnh tượng, tiếng vang, bóng sáng, hoa đốm hư không, ảo thành, trò biến hóa, đối với tịnh giới, không ỷ lại, không chấp trước, đối với việc ác phá giới, không nhàm chán, không chấp thủ, vì thọ trì cùng hủy phạm, bản tánh là "không". Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát như vậy khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, không thủ đắc, không chấp trước, nên biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, vì thành tựu an nhẫn mà đối với thân mạng... không có sự luyến trước. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-

đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với hạnh an nhẫn không tác ý xen tạp Thanh văn, Độc giác, phàm phu hạ liệt! Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, nên lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với pháp an nhẫn, tin tưởng, chịu đựng, ưa thích, vui vẻ. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với hạnh an nhẫn, siêng năng tu hành chẳng dừng nghỉ. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, nhiếp tâm vào một duyên tu hạnh an nhẫn, tuy gặp việc khổ mà chẳng đổi duyên khác. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với pháp an nhẫn, an trú trong tưởng như huyễn, mộng, ảnh tượng, tiếng vang, bóng sáng, hoa đốm hư không, ảo thành, trò biến hóa, vì muốn tu tập tất cả Phật pháp, vì muốn đem lại sự thành tựu đầy đủ cho các loài hữu tình, quán các pháp là "không", không chấp oán, hại. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát như vậy khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, đã mặc áo giáp đại công đức đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, khi

tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, không thủ đắc, không chấp trước, nên biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức.

Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, siêng năng tu các hạnh bố thí khó làm. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, tinh cần hộ trì cấm giới thanh tịnh. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, nên lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, siêng năng tu các hạnh nhẫn khó làm. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, nhiệt thành, siêng năng tu khổ hạnh có lợi ích. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, siêng năng tu các thứ tĩnh lự, chánh thọ. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy vô

sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, tinh tấn tu hành trí tuệ không chấp thủ. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, không thủ đắc, không chấp trước, nên biết Đại Bồ-tát ấy, đã mặc áo giáp đại công đức. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, an trú tĩnh tâm mà hành bố thí, khiến cho mọi cấu uế tham lam keo kiệt, không còn hiện hữu. Xá-lợi Tử, như vậy gọi các Đại Bồ-tát, khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, do định lực thanh tịnh, hộ trì cấm giới, khiến cấu uế phạm giới không còn hiện hữu. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nên lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, an trú trong định từ bi tu nhẫn, khiến giận dữ... không còn hiện hữu. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, an trú trong định thanh tịnh, siêng năng tu công đức, khiến các sự biếng trễ không còn hiện hữu. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tinh

tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, nhiếp tâm vào một duyên tu hạnh an nhẫn, tuy gặp việc khổ không đổi duyên khác. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, nương vào các tĩnh lự... dẫn phát thắng tuệ, quán tất cả pháp đều như huyễn... khiến các ác tuệ không còn hiện hữu. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát như vậy khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, đã mặc áo giáp đại công đức đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, không thủ đắc, không chấp trước, nên biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, không thấy người cho, kẻ nhận, vật cho, ba luân đều thanh tịnh hành bố thí. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bố thí ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, chẳng thấy trì giới, phá giới... dùng tâm vô trước tu tịnh giới. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị

Giác ngộ cao tột, không thấy các việc năng nhẫn, sở nhẫn..., dùng không tuệ thù thắng tu an nhẫn. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức An nhẫn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, quán các pháp đều rốt ráo "không", dùng tâm đại Bi hành tinh tấn. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, quán nhập, trú, xuất định và định cảnh đều rốt ráo không tu chánh thọ. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là các Đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, đối với tất cả pháp, các loài hữu tình, tất cả ba-la-mật-đa, an trú tưởng như huyễn, mộng, ảnh tượng, tiếng vang, bóng sáng, hoa đốm hư không, ảo thành, trò biến hóa, tu các thứ tuệ không chấp trước. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát như vậy khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, đã mặc áo giáp đại công đức đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đối với tướng của sáu pháp Ba-la-mật-đa, không thủ đắc, không chấp trước, nên biết Đại Bồ-tát ấy đã mặc áo giáp đại công đức. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát, an trú từng ba-la-mật-đa như vậy, đều tu sáu pháp Ba-la-mật-đa, khiến được viên mãn, vì vậy gọi là mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tuy nhập các tĩnh lự và định vô lượng, vô sắc nhưng không đắm trước, cũng chẳng bị thế lực ấy dẫn dắt, cũng không theo thế lực ấy mà thọ sinh. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức phương tiện thiện

xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát tuy nhập các tĩnh lự và định vô lượng, vô sắc, trụ nơi kiến xa lìa, kiến tịch tĩnh, Không, Vô tướng, Vô nguyện, mà không chứng thật tế, không nhập bậc Thanh văn và Độc giác, vượt lên trên các Thanh văn, Độc giác. Xá-lợi Tử, như vậy gọi là Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, mặc áo giáp đại công đức phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, vì các Bồ-tát do lợi lạc các loài hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức như vậy. Cho nên, còn gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức, lại khắp vì chư Phật Thế Tôn ở vô số thế giới trong mười phương mà ở trong đại chúng hoan hỷ tán thán, nói như thế này: "Ở phương đó, trong thế giới đó, có Đại Bồ-tát tên như vậy, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình mặc áo giáp đại công đức, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thần thông diệu dụng, làm những điều đáng làm." Như vậy, lần lượt tiếng nói biến khắp mười phương, các chúng trời, người... nghe được đều hoan hỷ, cùng nói thế này: "Bồ-tát như vậy, sẽ mau thành Phật, làm lợi ích an lạc các loài hữu tình."

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử:

–Thế nào gọi là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình mà phát tâm hướng đến Đại thừa.

Mãn Từ Tử đáp:

–Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, đã mặc áo giáp đại công đức sáu pháp Ba-la-mật-đa rồi, lại vì lợi lạc các hữu tình, xa lìa dục, pháp ác bất thiện, có tầm, có tứ, ly sinh hỷ lạc, nhập vào, an trú trọn vẹn trong Tĩnh lự đầu tiên; tầm và tứ lắng xuống, tâm thanh tịnh bên trong hướng về một tánh, không tầm, không tứ, định sinh hỷ lạc nhập vào, an trú trọn vẹn trong Tĩnh lự thứ hai; ly hỷ, trú xả, đầy đủ niệm chánh tri, thân thọ lạc và an trú trong lời dạy của các bậc Thánh, xả cụ niệm, an trú trong niềm vui, nhập vào, an trú trọn vẹn trong Tĩnh lự thứ ba; đoạn lạc, đoạn khổ, mừng, lo trước kia biến mất, chẳng khổ, vui, xả niệm thanh tịnh, nhập vào, an trú trọn vẹn trong Tĩnh lự thứ tư. Lại nương tĩnh lự, khởi tâm tương ưng với Từ, hành tướng quảng đại, không hai, không lượng, không oán, không hại, không hận, không não, khéo tu cùng khắp, thắng giải tràn đầy mười phương tận cùng hư không, pháp giới. Từ tâm, thắng giải đầy đủ mà an trú trong tâm tương ưng với Bi, Hỷ, Xả;

hành tướng, thắng giải cũng lại như vậy. Nương vào gia hạnh này, lại vượt lên các sắc tưởng, diệt trừ tưởng hữu đối, chẳng tư duy các thứ tưởng, nhập vào vô biên không, an trú trọn vẹn trong Không vô biên xứ; vượt lên các Không vô biên xứ, nhập vào vô biên thức, an trú trọn vẹn trong Thức vô biên xứ; vượt lên các Thức vô biên xứ, nhập vào vô sở hữu, an trú trọn vẹn trong Vô sở hữu xứ; vượt lên các Vô sở hữu xứ, nhập vào phi tưởng, an trú trọn vẹn trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát ấy, lấy vô sở đắc làm phương tiện, phụng trì tĩnh lự, vô lượng, vô sắc này, cùng các loài hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên trước hết, tự an trú tĩnh lự, vô lượng, vô sắc như vậy. Đối với các trạng thái hành tướng của nhập, trụ, xuất, khéo phân biệt hiểu biết, được tự tại rồi, lại khởi lên ý nghĩ thế này: Ta lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, vì đoạn trừ phiền não của các loài hữu tình nói các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, phân biệt, khai thị, khiến khéo hiểu rõ các định, sự xuất ly đam mê, tội lỗi và các trạng thái hành tướng của nhập, trụ, xuất. Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa, tu Bố thí ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, khi nói các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, không bị các tâm Thanh văn, Độc giác làm gián tạp, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, nương vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa để tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, khi nói các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, đối với các pháp như vậy, tin tưởng, chịu đựng, ưa thích, này Xá-lợi Tử, đó gọi là Đại Bồ-tát nương vào Tĩnh lự ba-la-mật-đa, tu An nhẫn ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, khi tu các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, lấy thiện căn của mình, vì hữu tình hồi hướng, cầu quả vị Giác ngộ cao tột, đối với các thiện căn siêng năng tu chẳng dừng nghỉ, này Xá-lợi Tử, đó gọi là Đại Bồ-tát, nương Tĩnh lự ba-la-mật-đa tu Tinh tấn ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, nương các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc dẫn phát các định chánh thọ, đẳng trì, giải thoát, thắng xứ, biến xứ thù thắng, đối với sự nhập, trụ, xuất đều được tự tại, chẳng rơi vào các bậc Thanh văn, Độc giác, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương Tĩnh lự ba-la-mật-đa, tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, khi tu hành các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, đối với các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc và các chi tĩnh lự, lấy hành tướng vô thường, khổ, vô ngã, không, vô tướng, vô nguyện mà như thật quán sát, không xả đại Bi, chẳng rơi vào bậc Thanh văn và Độc giác, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương Tĩnh lự ba-la-mật-đa, tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, khi nhập định Từ, khởi lên ý nghĩ thế này: Ta nên cứu vớt các loài hữu tình, khiến được an lạc. Khi nhập định Bi, khởi lên ý nghĩ thế này: Ta nên cứu vớt các loài hữu tình, khiến được ly khổ. Khi nhập định Hỷ, khởi lên ý nghĩ thế này: Ta nên khen ngợi, khuyên bảo các loài hữu tình, khiến được giải thoát. Khi nhập định Xả, khởi lên ý nghĩ thế này: Ta nên bình đẳng làm lợi ích các loài hữu tình, khiến đoạn các lậu. Này Xá-lợi Tử, đó gọi là Đại Bồ-tát nương định vô lượng ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, đối với bốn Vô lượng, khi nhập, trụ, xuất, hoàn toàn chẳng hướng đến Thanh văn, Độc giác, chỉ cầu quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó gọi là Đại Bồ-tát nương định vô lượng, tu Tịnh giới ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, đối với bốn Vô lượng, khi nhập, trụ, xuất, chẳng tác ý xen lẫn Thanh văn, Độc giác, chuyên tâm tin tưởng, chịu đựng, ưa thích quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương định vô lượng, tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, khi nói các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, đối với bốn Vô lượng, khi nhập, trụ,

xuất, siêng năng đoạn trừ ác pháp, siêng năng tu hành thiện pháp, chuyên nhất hướng đến Bồ-đề, từng không tạm bỏ, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương định vô lượng, tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, đối với bốn Vô lượng, khi nhập, trụ, xuất, dẫn phát các thứ định đẳng trì, chánh thọ, thường ở trong đó, được đại tự tại, không bị các định ấy lôi cuốn, cũng không theo sức mạnh dẫn dắt của nó mà thọ sinh, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương định vô lượng, tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, tu hành bốn Vô lượng, ở trong vô lượng, dùng hành tướng vô thường, khổ, vô ngã, không, vô tướng, vô nguyện, như thật quán sát, chẳng bỏ đại Bi, chẳng rơi vào bậc Thanh văn, Độc giác, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương định vô lượng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Xá-lợi Tử, các Đại Bồ-tát nương các phương tiện thiện xảo như vậy tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, tu hành đầy đủ các pháp: Bốn Niệm trụ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, với tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, tu hành đầy đủ các pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, tu hành đầy đủ các các pháp: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, tu hành đầy đủ các pháp: Năm loại mắt, sáu phép thần thông, lấy vô sở

đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, tu hành đầy đủ các pháp: Mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát với tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, khởi lên trí nơi pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát với tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp, khởi lên trí chẳng phải loạn, chẳng phải định; lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát với tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với các pháp, khởi lên trí chẳng thường, chẳng phải vô thường, trí chẳng vui, chẳng khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải tịnh, chẳng phải chẳng tịnh, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải hữu nguyện, chẳng phải vô nguyện, chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải chẳng tịch tĩnh, chẳng phải xa lìa, chẳng phải chẳng xa lìa; lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi

lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát với tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, khởi lên trí chẳng biết pháp quá khứ, trí chẳng biết pháp vị lai, trí chẳng biết pháp hiện tại, trí chẳng phải chẳng biết pháp ba đời; lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát với tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, khởi lên trí chẳng biết pháp thiện, trí chẳng biết pháp chẳng thiện, pháp vô ký, chẳng phải chẳng biết pháp ba tánh, pháp Dục giới, pháp Sắc giới, pháp Vô sắc giới, chẳng phải chẳng biết pháp ba cõi, pháp học, pháp vô học, pháp chẳng phải học, chẳng phải vô học, chẳng phải chẳng biết pháp học vô học, chẳng phải học, chẳng phải vô học, pháp kiến sở đoạn, pháp tu sở đoạn, pháp phi sở đoạn, chẳng phải chẳng biết kiến sở đoạn, tu sở đoạn, phi sở đoạn; lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát với tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, khởi lên trí chẳng biết pháp thế gian, trí chẳng biết pháp xuất thế gian, chẳng phải chẳng biết pháp thế gian, xuất thế gian; lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát với tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, khởi lên trí chẳng biết pháp sắc; trí chẳng biết pháp vô sắc, chẳng phải chẳng biết pháp sắc, vô sắc; trí chẳng biết pháp hữu kiến, pháp vô kiến, chẳng phải chẳng biết pháp hữu kiến, vô kiến; trí chẳng biết pháp hữu đối, pháp vô đối, chẳng phải chẳng biết pháp hữu đối, vô đối; trí chẳng biết pháp hữu lậu, pháp vô lậu, chẳng phải chẳng biết pháp hữu lậu, vô lậu; trí chẳng biết pháp hữu vi, pháp vô vi, chẳng phải chẳng biết pháp hữu vi, vô vi; lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng các loài hữu tình, đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát có các phương tiện thiện xảo như vậy, vì

muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa, nên còn gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử, vì muốn đem lại lợi lạc cho các loài hữu tình như vậy, nên Đại Bồ-tát phát tâm hướng đến Đại thừa, lại khắp vì chư Phật Thế Tôn ở vô số thế giới trong mười phương, trong đại chúng, hoan hỷ khen ngợi, nói như thế này: "Ở phương đó, trong thế giới đó, có Đại Bồ-tát tên như vậy, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên phát tâm hướng đến Đại thừa, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, thần thông diệu dụng, làm việc nên làm." Cứ như vậy, lời nói này lần lượt truyền khắp mười phương, các chúng trời, người nghe đều hoan hỷ, cùng nói thế này: "Bồ-tát như vậy, sẽ mau thành Phật để đem lại lợi ích an lạc cho các loài hữu tình."

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 49

PHẨM 13: MA-HA-TÁT (3)

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử:

–Tại sao gọi là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình nên tương ưng vào Đại thừa?

Mãn Từ Tử đáp:

–Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, nương Bố thí ba-la-mật-đa, không thấy có bố thí, Bố thí ba-la-mật-đa, có người cho, có kẻ nhận, có vật cho, có pháp ngăn trở, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương Bố thí ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, nương Tịnh giới ba-la-mật-đa, chẳng thấy có tịnh giới, có Tịnh giới ba-la-mật-đa, có người trì giới, có kẻ phạm giới, có pháp ngăn trở, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, nương An nhẫn ba-la-mật-đa, chẳng thấy có an nhẫn, có An nhẫn ba-la-mật-đa, có người nhẫn, có cảnh để nhẫn, có pháp ngăn trở, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương An nhẫn ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, nương Tinh tấn ba-la-mật-đa, chẳng thấy có tinh tấn, có Tinh tấn ba-la-mật-đa, có người tinh tấn, có kẻ biếng trễ, có pháp ngăn trở, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, nương Tĩnh lự ba-la-mật-đa, chẳng thấy có tĩnh lự, có Tĩnh lự ba-la-mật-đa, có người tu định, có kẻ tán loạn, có cảnh giới định, có pháp ngăn trở,

này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, nương Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng thấy có Bát-nhã, có Bát-nhã ba-la-mật-đa, có người tu tuệ, có kẻ ngu si, có pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, pháp thiện, bất thiện, vô ký, pháp Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, pháp học, vô học, phi học, pháp kiến sở đoạn, tu sở đoạn, phi sở đoạn, pháp thế gian, xuất thế gian, pháp sắc, vô sắc, pháp hữu kiến, vô kiến, pháp hữu đối, vô đối, pháp hữu lậu, vô lậu, pháp hữu vi, vô vi, có pháp bị ngăn trở, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát nương Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi Tử, nên biết đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên tu bốn Niệm trụ, nên tu bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vì chủ động sự tu hành nên tu pháp môn giải thoát Không, nên tu pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vì chủ động sự tu hành nên tu bốn Tĩnh lự, nên tu bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vì chủ động sự tu hành nên tu Bố thí ba-la-mật-đa, nên tu Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vì chủ động sự tu hành nên tu năm loại mắt, nên tu sáu phép thần thông, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vì chủ động sự tu hành nên tu mười lực

của Phật, nên tu bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vì chủ động sự tu hành nên tu trí pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Đại Bồ-tát chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì Bồ-đề, Tát-đỏa đều không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Sắc chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì sắc không thể được; thọ, tưởng, hành, thức chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì thọ, tưởng, hành, thức, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Nhãn xứ chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì nhãn xứ không thể được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Sắc xứ chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì sắc xứ không thể được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Nhãn giới chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì nhãn giới không thể được; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Nhĩ giới chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì nhĩ giới không thể được; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Tỷ giới chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì tỷ giới không thể được; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Thiệt giới chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì thiệt giới không thể được; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Thân giới chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì thân giới không thể được; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Ý giới chỉ có giả danh,

mượn lời nói để trình bày, vì ý giới không thể được; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Địa giới chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì địa giới không thể được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Thánh đế khổ chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì Thánh đế khổ không thể được; Thánh đế tập, diệt, đạo chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì Thánh đế tập, diệt, đạo, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Vô minh chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì vô minh không thể được; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Không nội chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì pháp không bên trong không thể được; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu

tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Chân như chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì chân như không thể được; pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, tánh ly sinh, tánh bình đẳng, thật tế chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì pháp giới cho đến thật tế không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Bốn Tĩnh lự chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì bốn Tĩnh lự không thể được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Bốn Niệm trụ chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì bốn Niệm trụ không thể được; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Pháp môn giải thoát Không chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì pháp môn giải thoát Không không thể được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Bố thí ba-la-mật-đa chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì Bố thí ba-la-mật-đa không thể được; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Năm loại mắt chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì năm loại mắt không thể được; sáu phép thần thông chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì sáu phép thần thông, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Mười lực của Phật chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì mười lực của Phật không thể được; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, quán sát như thật: Quả vị Giác ngộ cao tột chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì quả vị Giác ngộ cao tột không thể được; bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột chỉ có giả danh, mượn lời nói để trình bày, vì bậc chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, không thể được, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Lại nữa Xá-lợi Tử, nếu Đại Bồ-tát, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, từ khi phát tâm cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thường tu, hoàn thành thần thông bất thoái, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, ở chỗ các Đức Phật, nghe và thọ pháp tương ưng Đại thừa; đã nghe và thọ rồi, như lý tư duy, tinh tấn tu học, này Xá-lợi Tử, đó là Đại Bồ-tát, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, nên nương vào Đại thừa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát như vậy tuy nương vào Đại thừa, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, ở chỗ các Đức Phật, nghe và thọ chánh pháp, đem lại sự thành tựu đầy đủ cho loài hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, nhưng tâm, ngay lúc đầu, không có các tưởng về cõi Phật...

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát như vậy an trú bậc Bất nhị, quán các loài hữu

tình, nên dùng thân nào để được lợi ích, thì liền hiện thọ ngay thân ấy để khiến hữu tình kia được lợi ích.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát như vậy cho đến khi chứng đắc trí Nhất thiết trí, tùy nơi sinh ra, chẳng lìa Đại thừa.

Xá-lợi Tử, Đại Bồ-tát như vậy chẳng bao lâu sẽ chứng đắc trí Nhất thiết trí, vì người, trời... mà chuyển bánh xe pháp. Bánh xe pháp ấy, tất cả Thanh văn, Độc giác, Sa-môn, Bà-la-môn, Ma vương, Phạm vương, Thiên, Long, Dược-xoa, Kiền-đạt-phược, A-tố-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, Nhân phi nhân... tất cả thế gian, đều không có khả năng chuyển được.

Xá-lợi Tử, các Bồ-tát do các phương tiện thiện xảo như vậy, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, mà nương vào Đại thừa, nên còn gọi là Ma-ha-tát.

Xá-lợi Tử, do vì muốn đem lại lợi lạc các loài hữu tình, mà nương vào Đại thừa, Đại Bồ-tát khắp vì chư Phật Thế Tôn ở vô số thế giới trong mười phương, ở giữa đại chúng, hoan hỷ tán thán, nói như thế này: "Ở phương đó, trong thế giới đó, có Đại Bồ-tát tên như vậy, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, mà nương vào Đại thừa, chẳng bao lâu sẽ chứng đắc trí Nhất thiết trí, vì trời, người... mà chuyển bánh xe pháp." Bánh xe pháp ấy, tất cả Thanh văn... trong thế gian, đều chẳng có khả năng chuyển được. Cứ như vậy, lời tuyên bố ấy lần lượt lan khắp mười phương, các chúng trời, người... nghe đều hoan hỷ, cùng nói như thế này: "Bồ-tát như vậy, chẳng bao lâu sẽ chứng đắc trí Nhất thiết trí, chuyển bánh xe chánh pháp làm lợi ích, an lạc cho muôn loài hàm thức."

M

PHẨM 14: NÓI VỀ ÁO GIÁP ĐẠI THỪA (1)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như nói, Đại Bồ-tát là người mặc áo giáp Đại thừa, thế nào gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa?

Phật dạy:

–Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp Bố thí ba-la-mật-đa, mặc áo giáp Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp bốn Tĩnh lự, mặc áo giáp bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc

áo giáp Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp bốn Niệm trụ, mặc áo giáp bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp năm loại mắt, mặc áo giáp sáu phép thần thông, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp mười lực của Phật, mặc áo giáp bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp các công đức thân tướng Phật, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp các công đức như vậy, phóng đại quang minh chiếu khắp ba lần ngàn thế giới, cũng khiến ba trong sáu cõi biến động; trong đó, những vật dụng tạo khổ ở địa ngục như lửa... và sự thống khổ nơi thân tâm của các loài hữu tình ấy, đều được dứt hết. Bồ-tát biết họ đã lìa được các khổ, liền vì họ xưng tán công đức Tam bảo, họ được nghe rồi, thân tâm an lạc; từ đó chết đi, sinh vào trong cõi trời, người, liền được phụng sự, hầu hạ chư Phật, Bồ-tát, thân thừa cúng dường, nhận lãnh chánh pháp âm; trong đó, bàng sinh tàn hại lẫn nhau, dùng roi đánh đuổi bức bách, các khổ vô lượng, đều được dứt hết; Đại Bồ-tát biết họ đã lìa các khổ, cũng vì họ mà xưng tán công đức Tam bảo; họ được nghe rồi, thân tâm an lạc. Từ đây chết đi, sinh vào cõi trời, người, liền được phụng sự, hầu hạ chư Phật, Bồ-tát, thân thừa cúng dường, nhận lãnh chánh pháp âm; trong đó quỷ giới, sợ hãi, đói khát, thân

tâm tiều tụy, khổ não, các khổ vô lượng đều được dứt hết. Bồ-tát biết họ đã lìa các khổ, cũng vì họ mà xưng tán công đức Tam bảo; họ được nghe rồi, thân tâm an lạc, từ đây chết đi, sinh vào cõi trời, người, liền được phụng sự, hầu hạ chư Phật, Bồ-tát, thân thừa cúng dường, nhận lãnh chánh pháp âm, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Nếu Đại Bồ-tát, mặc áo giáp các công đức như vậy, phóng đại quang minh chiếu khắp vô số thế giới chư Phật trong mười phương, cũng khiến ba trong sáu cõi của thế giới kia biến động; trong đó, địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, có các khổ, đều được dứt hết; Bồ-tát biết họ đã lìa các khổ, cũng vì họ mà xưng tán công đức Tam bảo; họ được nghe rồi, thân tâm an lạc, từ đây chết đi, sinh vào trong cõi trời, người, liền được phụng sự, hầu hạ chư Phật, Bồ-tát, thân thừa cúng dường, nhận lãnh chánh pháp âm, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà ảo thuật hay đệ tử của ông ta, ở ngã tư đường, trước đám đông, biến thành vô lượng loài hữu tình thọ các thứ khổ trong địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, cũng lại phóng hào quang làm đại địa biến động, khiến cho các cái khổ của loài hữu tình kia đều dứt hết, lại vì họ xưng tán Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, khiến họ nghe rồi thân tâm an lạc, từ đây chết đi, sinh vào trong cõi trời, người, thừa sự, cúng dường chư Phật, Bồ-tát, ở chỗ chư Phật, nhận chánh pháp âm.

Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Việc biến hóa như vậy là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát, mặc áo giáp các công đức như vậy, phóng đại quang minh, làm biến động đại địa, cứu vớt nỗi thống khổ của loài hữu tình ở ba đường ác trong vô lượng thế giới, khiến sinh vào cõi trời, người, thấy Phật, nghe pháp, cũng lại như vậy, tuy là có làm, nhưng không có một cái gì thật. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh của các pháp là không, đều như huyễn hóa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát an trụ Bố thí ba-la-mật-đa, biến cả ba lần ngàn thế giới thành như ngọc phê lưu ly, tự thân cũng hóa làm Chuyển luân vương, có bảy báu, quyến thuộc, trước sau vây quanh, trong đó, hữu tình cần ăn thì cho ăn, cần uống thì cho uống, cần y phục thì cho

y phục, cần xe thì cho xe; hương xoa, hương bột, hương đốt, tràng hoa, phòng xá, ngọa cụ, đèn đuốc, thuốc men, vàng bạc, trân châu, san hô, bích ngọc và các thứ dụng cụ khác để nuôi sống, tùy theo sự như cầu, mà cho tất cả. Làm việc bố thí như vậy rồi, lại vì họ mà nói pháp tương ưng sáu pháp Ba-la-mật-đa, khiến họ nghe rồi, cho đến... chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đối với pháp tương ưng sáu pháp Ba-la-mật-đa thường chẳng xa lìa, này Thiện Hiện, như thế gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà ảo thuật hoặc đệ tử của ông ta, ở trước đám đông, nơi ngã tư đường, biến hóa thành các loại hữu tình nghèo khổ, cô độc, tật nguyền, bệnh hoạn; tùy theo nhu cầu của họ đều biến hóa ra mà cho. Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Việc biến hóa như vậy là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát an trú Bố thí ba-la-mật-đa, hoặc biến thế giới thành như ngọc phê lưu ly, hoặc tự thân hóa làm Chuyển luân vương... Tùy theo nhu cầu của loài hữu tình mà cho là vì họ mà tuyên nói pháp tương ưng sáu pháp Ba-la-mật-đa, cũng lại như vậy, tuy có làm nhưng không có một cái nào thật. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh của các pháp là không, đều như huyễn hóa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tự an trú Tịnh giới ba-la-mật-đa, vì muốn làm lợi lạc các loài hữu tình, sinh vào nhà Chuyển luân vương, nối ngôi Chuyển luân vương, an lập vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình ở bốn Tĩnh lự, hay bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; hoặc lại an lập vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình ở bốn Niệm trụ, hay bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo. Hoặc lại an lập vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình ở pháp môn giải thoát Không, hay pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; hoặc lại an lập vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình ở Bố thí ba-la-mật-đa, hay Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa. Hoặc lại an lập vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình ở năm loại mắt, hay sáu phép thần thông; hoặc lại an lập vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình ở mười lực của Phật, hay bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; khiến an trụ rồi... cho đến chứng

đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đối với pháp như vậy, thường chẳng xa lìa, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà ảo thuật hoặc đệ tử của ông ta, ở trước đám đông nơi ngã tư đường, biến ra vô lượng hữu tình, khiến an trú mười nẻo nghiệp thiện; hoặc lại khiến an trú bốn Tĩnh lự... cho đến trí Nhất thiết tướng. Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Việc biến hóa như vậy có thật chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát vì hữu tình, sinh vào nhà Chuyển luân vương, nối ngôi Chuyển luân vương, an lập vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình ở mười nẻo nghiệp thiện; hoặc lại an lập vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình ở bốn Tĩnh lự... cho đến trí Nhất thiết tướng, cũng lại như vậy, tuy có làm nhưng không có một cái nào thật. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh của các pháp là không, đều như huyễn hóa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tự an trú An nhẫn ba-la-mật-đa, cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, khiến an trú An nhẫn ba-la-mật-đa; Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự an trú An nhẫn ba-la-mật-đa, cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, khiến an trú An nhẫn ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến chứng đắc trí Nhất thiết trí, mặc áo giáp an nhẫn, thường tự nghĩ: Giả sử các loài hữu tình cầm đao, gậy, đất, đá... đến làm hại, ta hoàn toàn chẳng khởi lên một niệm tức giận và khuyên các loài hữu tình cũng nhẫn như vậy; Thiện Hiện, Đại Bồ-tát ấy như ý nghĩ trong tâm và sự tiếp xúc với cảnh không trái nhau và khuyên các loài hữu tình an trú nhẫn như vậy... cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đối với nhẫn như vậy, thường chẳng xa lìa, này Thiện Hiện, như thế gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà ảo thuật hoặc đệ tử của ông ta, ở trước đám đông, nơi ngã tư đường, biến hóa ra đủ các loại hữu tình, đều cầm dao, gậy, đất đá... làm hại nhà ảo thuật hoặc đệ tử của ông ta. Khi ấy nhà ảo thuật... đối với các loài hữu tình biến hóa ra đó, đều chẳng khởi tâm muốn báo oán, mà khuyên những hữu tình ấy an trú an nhẫn như vậy. Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Việc biến hóa như vậy là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát mặc áo giáp an nhẫn, tự an trú An nhẫn ba-la-mật-đa, cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, khiến an trú An nhẫn ba-la-mật-đa, thường chẳng xa lìa, cũng lại như vậy, tuy có làm nhưng không có một cái nào thật. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh của các pháp là không, đều như huyễn hóa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tự an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa, cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, khiến an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa; Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa, cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, thân tâm tinh tấn, đoạn các pháp ác, tu các pháp thiện, cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, tu tập như vậy, thân tâm tinh tấn... cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đối với sự tinh tấn như thế, thường chẳng xa lìa, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của ông ta, ở trước đám đông, nơi ngã tư đường, biến hóa ra đủ các loại hữu tình và nhà ảo thuật đó tự thể hiện hăng hái, thân tâm tinh tấn, cũng khuyên hữu tình được biến hóa ra, tu tinh tấn hăng hái như vậy. Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Việc biến hóa như vậy là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, thân tâm tinh tấn, đoạn các pháp ác, tu các pháp thiện. Cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, tu tập như vậy, thân tâm tinh tấn, thường chẳng xa lìa, cũng lại như vậy, tuy có làm nhưng không có một cái nào thật. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh của các pháp là không, đều như huyễn hóa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tự an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, khiến an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa. Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa, cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, an trú định bình đẳng, chẳng thấy các pháp có định, có loạn, mà thường tu tập Tĩnh lự ba-

la-mật-đa như vậy, cũng khuyên vô số trăm ngàn hữu tình tu tập tĩnh lự bình đẳng như vậy, cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đối với định như thế, thường chẳng xa lìa.

Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của ông ta, ở trước đám đông, nơi ngã tư đường, biến hóa ra đủ các loại hữu tình, nhưng nhà ảo thuật kia đối với pháp tự hiện, an trú định bình đẳng, cũng khuyên các loài hữu tình được biến hóa ra, tu tĩnh lự bình đẳng như vậy. Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Việc biến hóa như vậy là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, an trú định bình đẳng, cũng khuyên hữu tình tu tập tĩnh lự bình đẳng như vậy, thân tâm tinh tấn, thường chẳng xa lìa, cũng lại như vậy, tuy có làm nhưng không có một cái nào thật. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh của các pháp là không, đều như huyễn hóa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tự an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, khiến an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa; Thiện Hiện, thế nào là Đại Bồ-tát tự an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng khuyên vô lượng, vô số trăm ngàn hữu tình, an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát tự an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa dứt mọi hý luận, chẳng thấy các pháp có sinh, diệt, nhiễm, tịnh và chẳng thấy có sự sai biệt giữa bờ bên này, bờ bên kia, cũng khuyên vô số trăm ngàn hữu tình, an trú nơi tuệ dứt mọi hý luận như vậy, cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đối với tuệ như thế thường chẳng xa lìa.

Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của ông ta, ở trước đám đông, nơi ngã tư đường, biến hóa ra đủ các loại hữu tình và nhà ảo thuật đó tự hiện an trú nơi tuệ dứt mọi hý luận, cũng khuyên các loài hữu tình biến hóa ra ấy, khiến họ tu tập Bát-nhã như vậy. Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Việc biến hóa như vậy là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát tự an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa dứt mọi hý luận, cũng

khuyên hữu tình tu tập nơi tuệ dứt mọi hý luận như vậy, thường chẳng xa lìa, cũng lại như vậy, tuy có làm nhưng không có một cái nào thật. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh của các pháp là không, đều như huyễn hóa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp các công đức như trên đã nói, ở khắp vô số thế giới chư Phật trong mười phương, dùng sức thần thông, tự biến thân mình, cùng khắp thế giới chư Phật như vậy, tùy theo sự ưa thích của hữu tình mà thị hiện, tự an trú Bố thí ba-la-mật-đa, khuyên kẻ xan tham, khiến an trú bố thí; tự an trú Tịnh giới ba-la-mật-đa, khuyên kẻ phạm giới, khiến an trú tịnh giới; tự an trú An nhẫn ba-la-mật-đa, khuyên kẻ bạo ác, khiến an trú an nhẫn; tự an trú Tinh tấn ba-la-mật-đa, khuyên kẻ biếng trễ, khiến an trú tinh tấn; tự an trú Tĩnh lự ba-la-mật-đa, khuyên kẻ loạn tâm, khiến an trú tĩnh lự; tự an trú Bát-nhã ba-la-mật-đa, khuyên kẻ ngu si, khiến an trú diệu tuệ, Đại Bồ-tát như vậy, đã an lập hữu tình ở sáu pháp Ba-la-mật-đa rồi, lại tùy theo tiếng nói của mỗi loại mà nói pháp tương ưng sáu pháp Ba-la-mật-đa, khiến họ nghe rồi, cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, đối với pháp tương ưng sáu pháp Ba-la-mật-đa, thường chẳng xa lìa.

Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, như nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của ông ta, ở trước đám đông, nơi ngã tư đường, biến hóa ra đủ các loại hữu tình và nhà ảo thuật ấy, tự hiện an trú sáu pháp Ba-la-mật-đa, cũng khuyên những hữu tình được biến ra, khiến họ an trú. Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Việc biến hóa như vậy là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát, ở khắp vô số thế giới chư Phật trong mười phương, tự hiện thân mình, tùy theo loài mà an trú sáu pháp Ba-la-mật-đa, cũng khuyên hữu tình, khiến họ an trú... cho đến chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột, thường chẳng xa lìa, cũng lại như vậy, tuy có làm nhưng không có một cái nào thật. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh của các pháp là không, đều như huyễn hóa.

Lại nữa Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát mặc áo giáp các công đức như trên đã nói, lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, làm lợi ích an lạc các loài hữu tình, chẳng xen lẫn tác ý về Thanh văn, Độc giác, nghĩa là chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình ở Bố thí ba-la-mật-đa." Chẳng nghĩ

thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ: "Ta sẽ an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình ở tịnh giới... cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa." Chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở pháp không bên trong, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình ở pháp không bên trong." Chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở pháp không bên trong, pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình ở pháp không bên ngoài... cho đến pháp không tánh tự tánh." Chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở bốn Tĩnh lự, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình ở bốn Tĩnh lự." Chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc." Chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở bốn Niệm trụ, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở bốn Niệm trụ." Chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như vậy ở bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo"; chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở pháp môn giải thoát Không, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở pháp môn giải thoát Không." Chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện." Chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở năm loại mắt, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở năm loại mắt." Chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở sáu phép thần thông, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này:

"Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở sáu phép thần thông"; chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở mười lực của Phật, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở mười lực của Phật"; chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng"; chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở quả Dự lưu, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở quả Dự lưu"; chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở quả Dự lưu, quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán và quả vị Độc giác"; chẳng nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở đạo Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột, còn hữu tình như thế sẽ chẳng an lập." Chỉ nghĩ thế này: "Ta sẽ an lập hữu tình như thế ở đạo Bồ-tát và quả vị Giác ngộ cao tột, này Thiện Hiện, như vậy gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa."

Thiện Hiện, như nhà ảo thuật, hoặc đệ tử của ông ta, ở trước đám đông tại ngã tư đường, biến hóa ra vô lượng, vô số, vô biên hữu tình, an lập ở sáu pháp Ba-la-mật-đa... cho đến an lập quả vị Giác ngộ cao tột. Thiện Hiện, theo ý ông thì sao? Việc biến hóa như vậy là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đại Bồ-tát lấy tâm tương ưng trí Nhất thiết trí, đại Bi tâm làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình ở sáu pháp Ba-la-mật-đa... cho đến an lập vô lượng, vô số, vô biên hữu tình ở quả vị Giác ngộ cao tột. cũng lại như vậy, tuy có làm nhưng không có một cái nào thật. Vì sao? Thiện Hiện, vì tánh của các pháp là không, đều như huyễn hóa.

-oOo-

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 50

PHẨM 14: NÓI VỀ ÁO GIÁP ĐẠI THỪA (2)

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như con hiểu ý nghĩa Phật đã dạy: Đại Bồ-tát chẳng mặc áo giáp công đức nên biết đó là mặc áo giáp Đại thừa? Vì sao? Vì tự tướng của các pháp là không. Vì sao? Bạch Thế Tôn, sắc và tướng của sắc là không; thọ, tưởng, hành, thức và tướng của thọ, tưởng, hành, thức là không. Nhãn xứ và tướng của nhãn xứ là không; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và tướng của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không. Sắc xứ và tướng của sắc xứ là không; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ và tướng của thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không. Nhãn giới và tướng của nhãn giới là không; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra và tướng của sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không. Nhĩ giới và tướng của nhĩ giới là không; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra và tướng của thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không. Tỷ giới và tướng của tỷ giới là không; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra và tướng của hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không. Thiệt giới và tướng của thiệt giới là không; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra và tướng của vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không. Thân giới và tướng của thân giới là không; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra và tướng của xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không. Ý giới và tướng của ý giới là không; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tướng của pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không.

Địa giới và tướng của địa giới là không; thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tướng của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không.

Thánh đế khổ và tướng của Thánh đế khổ là không; Thánh đế tập, diệt, đạo và tướng của Thánh đế tập, diệt, đạo là không.

Vô minh và tướng của vô minh là không; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não và tướng của hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không.

Pháp không bên trong và tướng của pháp không bên trong là không; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh và tướng của pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không.

Bốn Tĩnh lự và tướng của bốn Tĩnh lự là không; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc và tướng của bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không.

Bốn Niệm trụ và tướng của bốn Niệm trụ là không; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo và tướng của bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không.

Pháp môn giải thoát Không và tướng của pháp môn giải thoát Không là không; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện và tướng của pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không.

Bố thí ba-la-mật-đa và tướng của Bố thí ba-la-mật-đa là không; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và tướng của Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa là không.

Năm loại mắt và tướng của năm loại mắt là không; sáu phép thần thông và tướng của sáu phép thần thông là không.

Mười lực của Phật và tướng nơi mười lực của Phật là không; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng và tướng của bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng là không.

Bồ-tát và tướng của Bồ-tát là không; mặc áo giáp công đức và tướng của mặc áo giáp công đức là không.

Bạch Thế Tôn, do nhân duyên này, Đại Bồ-tát chẳng mặc áo giáp công đức, nên biết đó là mặc áo giáp Đại thừa.

Phật bảo Thiện Hiện:

–Đúng vậy, đúng vậy, như ông đã nói! Thiện Hiện nên biết, trí Nhất thiết trí không tạo, không tác, các loài hữu tình cũng không tạo, không tác. Đại Bồ-tát vì việc ấy mà mặc áo giáp Đại thừa.

Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà trí Nhất thiết trí là không tạo, không tác? Các loài hữu tình cũng không tạo, không tác? Đại Bồ-tát vì việc ấy mà mặc áo giáp Đại thừa?

Phật bảo Thiện Hiện:

–Do vì những cái làm ra không thể được, nên trí Nhất thiết trí là không tạo, không tác; các loài hữu tình cũng không tạo, không tác. Vì sao? Thiện Hiện, vì ngã chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì ngã, rốt ráo không thể được. Hữu tình, dòng sinh mạng, sự sinh khởi, sự nuôi dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, ý sinh, nho đồng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, khả năng thọ quả báo, khả năng khiến người thọ quả báo, cái biết, cái thấy, chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì hữu tình cho đến nhận thức, rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, huyễn chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì huyễn hóa, rốt ráo không thể được. Cảnh mộng, ảnh tượng, tiếng vang, bóng sáng phản chiếu, hoa đốm hư không, ánh nắng, ảo thành, việc biến hóa chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì cảnh mộng cho đến việc biến hóa, rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, sắc chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc, rốt ráo không thể được; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, nhãn xứ chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhãn xứ, rốt ráo không thể được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, sắc xứ chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc xứ, rốt ráo không thể được;

thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, nhãn giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhãn giới, rốt ráo không thể được; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, nhĩ giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhĩ giới, rốt ráo không thể được; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, tỷ giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì tỷ giới, rốt ráo không thể được; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì tỷ giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, thiệt giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì thiệt giới, rốt ráo không thể được; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì thiệt giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, thân giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì thân giới, rốt ráo không thể được; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì thân giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, ý giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì ý giới, rốt ráo không thể được; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì

sao? Vì ý giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, địa giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì địa giới, rốt ráo không thể được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, Thánh đế khổ chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì Thánh đế khổ, rốt ráo không thể được; Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, vô minh chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì vô minh, rốt ráo không thể được; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, pháp không bên trong chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì pháp không bên trong, rốt ráo không thể được; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, bốn Tĩnh lự chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì bốn Tĩnh lự, rốt ráo không thể được; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, bốn Niệm trụ chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì bốn Niệm trụ, rốt ráo

không thể được; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, pháp môn giải thoát Không chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Không, rốt ráo không thể được; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, Bố thí ba-la-mật-đa chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì Bố thí ba-la-mật-đa, rốt ráo không thể được; Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì Tịnh giới cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, năm loại mắt chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì năm loại mắt, rốt ráo không thể được; sáu phép thần thông chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sáu phép thần thông rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, mười lực của Phật chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì mười lực của Phật, rốt ráo không thể được; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến trí Nhất thiết tướng rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, chân như chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì chân như, rốt ráo không thể được; pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đổi khác, pháp trụ, pháp định, tánh ly sinh, tánh bình đẳng, thật tế chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì pháp giới cho đến thật tế, rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, Bồ-tát chẳng phải tạo, chẳng phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì Bồ-tát, rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng phải tạo, chẳng

phải chẳng tạo, chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác rốt ráo không thể được.

Thiện Hiện, do nhân duyên ấy trí Nhất thiết trí không tạo, không tác, tất cả hữu tình cũng không tạo, không tác; Đại Bồ-tát vì việc ấy nên mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện, do vì nghĩa này Đại Bồ-tát chẳng mặc áo giáp công đức, nên biết, đó là mặc áo giáp Đại thừa.

Bấy giờ, Cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như con hiểu ý nghĩa Phật đã dạy: Sắc không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh sắc không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là vô tướng. Vì tánh sắc là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thọ, tưởng, hành, thức là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, nhãn xứ không buộc, không mở; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh nhãn xứ không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn xứ là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn xứ là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn xứ là không, nên không buộc, không mở; vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh

nhãn xứ là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô tướng. Vì tánh nhãn xứ là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn xứ là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn xứ là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn xứ là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn xứ là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, sắc xứ không buộc, không mở; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh sắc xứ không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc xứ là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc xứ là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc xứ là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc xứ là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô tướng. Vì tánh sắc xứ là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc xứ là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc xứ là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc xứ là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh sắc xứ là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, nhãn giới không buộc, không mở; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh nhãn giới không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn giới là xa lìa, nên không buộc, không mở;

vì tánh sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn giới là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn giới là không, nên không buộc, không mở; vì tánh sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn giới là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô tướng. Vì tánh nhãn giới là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn giới là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn giới là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn giới là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhãn giới là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh sắc giới cho đến các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, nhĩ giới không buộc, không mở; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh nhĩ giới không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhĩ giới là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhĩ giới là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhĩ giới là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhĩ giới là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô tướng. Vì tánh nhĩ giới là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhĩ giới là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không sinh, nên không buộc,

không mở. Vì tánh nhĩ giới là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhĩ giới là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh nhĩ giới là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thanh giới cho đến các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, tỷ giới không buộc, không mở; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh tỷ giới không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh tỷ giới là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh tỷ giới là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh tỷ giới là không, nên không buộc, không mở; vì tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh tỷ giới là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô tướng. Vì tánh tỷ giới là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh tỷ giới là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh tỷ giới là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh tỷ giới là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh tỷ giới là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh hương giới cho đến các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, thiệt giới không buộc, không mở; vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh thiệt giới không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng

các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh thiệt giới là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh thiệt giới là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh thiệt giới là không, nên không buộc, không mở; vì tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh thiệt giới là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô tướng. Vì tánh thiệt giới là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh thiệt giới là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh thiệt giới là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh thiệt giới là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh thiệt giới là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh vị giới cho đến các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, thân giới không buộc, không mở; xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh thân giới không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh thân giới là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh thân giới là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh thân giới là không, nên không buộc, không mở; vì tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh thân giới là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô tướng. Vì tánh thân giới là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh thân

giới là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh thân giới là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh thân giới là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh thân giới là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh xúc giới cho đến các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, ý giới không buộc, không mở; pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh ý giới không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh ý giới là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh ý giới là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh ý giới là không, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh ý giới là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô tướng. Vì tánh ý giới là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh ý giới là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh ý giới là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh ý giới là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh ý giới là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp giới cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, địa giới không buộc, không mở; thủy, hỏa, phong, không, thức giới không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh địa giới không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh thủy, hỏa,

phong, không, thức giới, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh địa giới là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh địa giới là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh địa giới là không, nên không buộc, không mở; vì tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh địa giới là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới là vô tướng. Vì tánh địa giới là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh địa giới là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh địa giới là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh địa giới là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh địa giới là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, Thánh đế khổ không buộc, không mở; Thánh đế tập, diệt, đạo không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh Thánh đế khổ không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh Thánh đế khổ là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh Thánh đế khổ là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Thánh đế khổ là không, nên không buộc, không mở; vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh Thánh đế khổ là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo là vô tướng. Vì tánh Thánh đế khổ là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh Thánh đế khổ là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh Thánh đế khổ là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh Thánh đế khổ là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh Thánh đế khổ là không tịnh,

nên không buộc, không mở; vì tánh Thánh đế tập, diệt, đạo là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, vô minh không buộc, không mở; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh vô minh không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh vô minh là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh vô minh là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh vô minh là không, nên không buộc, không mở; vì tánh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh vô minh là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô tướng. Vì tánh vô minh là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh vô minh là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh vô minh là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh vô minh là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh vô minh là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh hành cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, pháp không bên trong không buộc, không mở; pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh của pháp không bên trong không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới,

pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh không bên trong là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh không bên trong là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh không bên trong là không, nên không buộc, không mở; vì tánh không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh không bên trong là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh là vô tướng. Vì tánh không bên trong là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh không bên trong là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh không bên trong là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh không bên trong là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh không bên trong là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, bốn Tĩnh lự không buộc, không mở; bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh bốn Tĩnh lự không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Tĩnh lự là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Tĩnh lự là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Tĩnh lự là không, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Tĩnh lự là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là vô tướng. Vì tánh bốn Tĩnh lự là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là vô nguyện, nên

không buộc, không mở. Vì tánh bốn Tĩnh lự là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Tĩnh lự là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Tĩnh lự là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Tĩnh lự là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, bốn Niệm trụ không buộc, không mở; bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh bốn Niệm trụ không sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Niệm trụ là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Niệm trụ là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Niệm trụ là không, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Niệm trụ là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là vô tướng. Vì tánh bốn Niệm trụ là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Niệm trụ là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Niệm trụ là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Niệm trụ là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh bốn Niệm trụ là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn, pháp môn giải thoát Không không buộc, không mở; pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì tánh pháp môn giải thoát Không không sở hữu,

nên không buộc, không mở; vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, không sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh pháp môn giải thoát Không là xa lìa, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là xa lìa, nên không buộc, không mở. Vì tánh pháp môn giải thoát Không là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là tịch tĩnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh pháp môn giải thoát Không là không, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh pháp môn giải thoát Không là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô tướng. Vì tánh pháp môn giải thoát Không là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh pháp môn giải thoát Không là không sinh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không sinh, nên không buộc, không mở. Vì tánh pháp môn giải thoát Không là không diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh pháp môn giải thoát Không là không nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh pháp môn giải thoát Không là không tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không tịnh, nên không buộc, không mở.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 18

BỘ BÁT-NHÃ

1

Tổng giám tu: Thích Tịnh Hạnh
Ban thực hiện:
- Ban dịch thuật
- Ban biên tập
- Ban nhuận văn
- Tổng biên tập
- Các tổ vi tính v.v…